

THƯ QUÁN BẢN THẢO

Số 72 THÁNG 10- 2016

Giới thiệu tạp chí Văn Học (1962-1975)



- SÔNG THAI : Nguyễn Tuân sau ba mươi năm cầm bút
- TÔ THUY YÊN : nói về một bài thơ của Cái Trọng Ty
- *Đi tìm nhân vật Trần của Cối Đá Vàng*
- BA CẬN THỊ : Khi Văn Học khai chiến với Văn
- Ngày sinh thứ 15 của Thư Quán Bản Thảo (Trần Hoài Thư, Trần Thị Nguyệt Mai)

Thư Quán Bản Thảo - Tạp chí văn học nghệ thuật
TẬP 72, THÁNG 10 NĂM 2016

Chủ đề: Tạp chí Văn Học

MỤC LỤC

Thư Tòa Soạn / 3

Sống và viết

- Tô Thùy Yên : *Hoa từ bi độ lượng* (5), Cái Trọng Ty : *thơ* (8), Trần Hoài Thư : *Viết dưới hầm nhà* (10), Ba Cạn Thị : *Để trả lời câu hỏi* (19), Phạm Văn Nhân : *bàn về chữ đức...* (22), Đức Phổ : *thơ* (28), Tô Thắm Huy : *Bây giờ là bao giờ* (29), Ngọc Bút : *Chuyện muôn năm cũ* (35) Trần Thị Nguyệt Mai : *Chúc mừng TQBT tròn 15 tuổi* (39).

Viết về nhân vật Trần / 44

- Nguyễn Đắc Điều : *Lời người chuyển* (45)
- Nguyễn Hoàng Lưu : *Đọc Cối Đá Vàng* (47)
- Phùng Quán : *Nhà tiên tri tâm cỡ đại đội* (61)
- Nguyễn thị Thanh Sâm : *trời không bao giờ lạnh nữa* (66), *những cánh cửa không chịu mở* (68)

Phản Chủ Đề : Tạp chí Văn Học / 79

- Trần Hoài Thư : *Hành trình tạp chí Văn Học* (79)
- Ba Cạn thị : *Khi Văn học khai chiến với Văn năm 1966* (85)

Trích từ Văn học / 95

- Nguyễn Hải Giao : *Những thiên đường lỡ* (95)
- Vô danh : *Những bức thư gửi về hậu phương* (99)
- Trần thế Thủy Triều : *Người em Hà nội* (119)
- Dương Nghiễm Mậu : *Đêm đôi thoai trên mặt thành* (123)
- Hoàng Yên Trang : *Trên đường* (129)
- Võ Phiến : *Người em ấy* (136)
- Đức Vân : *Người đồng hành không quen biết* (145)
- Trần Hoài Thư : *Câu chuyện mùa xuân* (148)
- Sông Thai : *Nguyễn Tuân, sau ba mươi năm cầm bút* (152)

- Nhiều tác giả : Những bài thơ trích từ VH (183)

Sáng tác, đọc sách, giới thiệu sách :

- Nguyễn thị Liên Tâm : Ranh giới (205)
- Trần Hoài Thu : Về nhà thơ Đỗ Nghê và thi phẩm đầu tay « Tình Người » (211)
- Thu Thủy : Thơ Đỗ Nghê (215)
- Đỗ Trường : Vài suy nghĩ về tập truyện Sợi Khói Bay Vòng của Phạm Ngọc Lư (221)
- Phạm văn Nhân : Giới thiệu sách (231)

Phụ đính / 233

- Duyên Anh (233)
- Mồ làng Tân Nhứt (239)
- Trần Phong Giao (244)
- Nguyễn Tuân : Gió Lào (248)

Trình bày bìa: THT

In tại cơ sở Thư Ấn Quán

Liên lạc

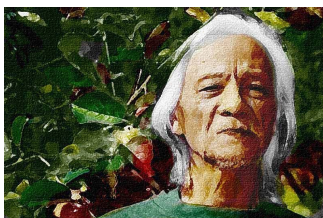
Trần Hoài Thu

719 Coolidge st

Plainfield, NJ 07062 USA

Email: tranhoaithu16@gmail.com

Cell: (908)9308743



THƯ TỪ TÒA SOẠN

tranh của Hoàng Ngọc Biên theo hình chụp trên mạng

Số báo kỳ này phát hành vào đúng thời gian mà 15 năm về trước – 2001- tạp chí số 1 ra đời, với vốn vẹn 100 trang, và trang đầu là cảnh tượng hai tòa tháp Twin Towers hấp hối dưới lửa ngon.

Kiểm điểm lại sau 15 năm làm TQBT, chúng tôi đã “lời” to. Lời ở tình thương yêu của bạn đọc dành cho TQBT. Lời ở việc làm của chúng tôi, ít ra cũng giúp ích được những người còn quan tâm đến nền văn học miền Nam, cũng như đã giới thiệu những viên ngọc bị phủ bùn, mang chúng ra ngoài ánh sáng...

Điều này, thêm một lần nữa, được chứng tỏ ở số báo này.

Kỳ báo này, đa số trang nhằm giới thiệu tạp chí Văn Học – một tạp chí sống lâu vào hàng thứ hai sau tạp chí Bách Khoa. Chúng tôi cố gắng sưu tầm và trích đăng lại một số bài vở tiêu biểu, hầu nói lên sự phong phú và đa dạng của nền văn chương miền Nam đặc biệt trong thời chiến.

Mặt khác, chúng tôi cũng dành nhiều trang cho nhân vật Trần - nhân vật chính trong Cõi Đá Vàng của Nguyễn thị Thanh Sâm, để quý bạn có thể hình dung được một Nguyễn thị Thanh Sâm văn tài kỳ diệu, ít có một phụ nữ nào lại viết về thời kháng chiến chống Pháp một cách súc tích, sâu sắc như vậy. Bà thật xứng đáng là nhà văn hàng đầu viết về thời kháng Pháp, khó ai qua mặt.

Cũng trong số báo này, chúng tôi có đăng bài phát biểu của nhà thơ Tô Thùy Yên. Bài này được nhà văn Phạm văn Nhân ghi lại từ video quay trong đêm họp mặt thân hữu tại tư gia

nhà thơ Tô Thùy Yên mới đây. Lần đầu tiên, TQBT là tờ tạp chí đăng những gì mà nhà thơ Tô Thùy Yên “nói” chứ không phải “viết”. Và cũng là lần đầu tiên, nhà thơ Tô Thùy Yên “mở miệng” sau mấy mươi năm dài ông im lặng trước những vấn đề liên quan đến văn học nghệ thuật hải ngoại.

Mặt khác, chúng tôi cũng “mở miệng” được dịch giả Nguyễn Minh Hoàng . Ông là một cây viết kỳ cựu của Văn ngay từ những số đầu; ông biết nhiều về nội tình của Văn, nhưng không hề lên tiếng. TQBT đã nhờ một cộng tác viên ở SG tìm cách gặp ông để phỏng vấn về những “bí mật” này, đặc biệt “Mồ Làng Văn là ai?”. Mời đọc bài viết “Chuyện Muôn Năm Cũ” của Ngọc Bút trong phần Sống và Viết.

Vì bài vở dành cho chủ đề quá nhiều nên chúng tôi đã không thể đi một số bài của thân hữu như đã hứa. Mong quý thân hữu thông cảm.

Cuối cùng, xin quý bạn nhận từ chúng tôi những lời chúc tốt đẹp nhất. Hẹn gặp quý bạn ở số sau.

Trân trọng,

Trần Hoài Thư
Quản gia tạp chí TQBT

SỐNG VÀ VIẾT

Hoa Từ Bi Độ Lượng
Bài nói chuyện của Tô Thùy Yên

LTS: Bài nói chuyện của nhà thơ Tô Thùy Yên được chúng tôi đăng tải sau đây là bài nói về bài thơ “Hoa Từ Bi Độ Lượng” của Cái Trọng Ty trong đêm họp mặt thân hữu 20/8/2016 tại tư gia anh chị Tô Thùy Yên.

Bài thơ được sáng tác sau khi nhà thơ Cái Trọng Ty đọc bài viết của tác giả Tô Thẩm Huy về “những điều trông thấy” trên TQBT số 71 chủ đề “Những chiều đầy bóng Phùng Thăng”. Theo nhà văn Phạm văn Nhân – người vừa nghe video vừa ghi lại thành chữ viết: “Có những lời nói của anh Tô Thùy Yên trong đoạn Video nghe không rõ để ghi lại, tôi phải nhờ anh Tô Thẩm Huy trợ giúp để hoàn thành nên một bài viết... Nhưng tôi cũng cố gắng để viết ra theo đúng những gì nhà thơ Tô Thùy Yên nói trong đoạn video để cho độc giả TQBT đọc, gần như 100%. Bài nói chuyện của anh TTY rất hay.”
TQBT trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc. (TQBT)

....Sự tình dẫn đến bài thơ này là do trước đây ông Trần Thiện Đạo đã viết một bài phê bình vở kịch Les Mouches do bà Phùng Thăng dịch thành cuốn Những Ruồi, cho là dịch cái cuốn đó dở. Thì ông Bách Kiếm đó, ông mới theo cái truyền thống của Lục Vân Tiên là giữa đường thấy việc bất bình chẳng tha, cho nên ông mới nhảy ra ông viết cái bài đó, [bênh vực cho bà Phùng Thăng], gây nên một sự tranh cãi trên văn đàn. Thì cái bài đó nó mới đưa đến việc ông Cái Trọng Ty vốn là một nhà thơ, một nhà thơ đang lên, ông động lòng, ông mới viết cái bài thơ này để vừa xiển dương ông Đoàn Bách Kiếm,

mà đồng thời cũng là xiên dương cho bà Phùng Thăng, là người đã quá cố rồi.



nhà thơ TTY phát biểu

Bài thơ này thì nó nằm trong cái truyền thống của Tùng Tuy. Tôi nói như vậy vì đọc bài thơ này ra người ta thấy cái Huế, cái tính chất Huế rất ở trong này. Ngoài ra thì vì bà Phùng Thăng là người tu sĩ, thành thử ra ông mới dùng những từ mà tôi nghĩ là những từ khó, không những khó với người đọc, mà khó với cả tôi, mà chắc ông Đoàn Bách Kiếm cũng thấy khó, thành thử ra ông mới bán cái cho tôi. Ví dụ trong bài thơ này có những chữ mà tôi nghĩ chỉ có những người am tường Phật Giáo mới nắm vững được, ví dụ như chữ *sắc tứ*, tôi có nói với ông Đoàn Bách Kiếm là cái chữ *sắc tứ* này chắc là chữ *Sắc Bát Di Không, Không Bát Di Sắc* ở trong Bát Nhã Ba la Tâm kinh. Ngoài ra cũng có một chữ chắc là rất xa lạ với quý vị đó là chữ *Trời Đâu Suất*. Chữ này ông Hàn Mặc Tử đã từng dùng, mà cái khung trời Đâu Suất đó thì theo truyền thuyết của Phật Giáo là cái nơi sản sinh ra Đức Phật Thích Ca. Thành thử ra tôi đọc bài thơ này thì tôi thấy nó có đầy tính chất Huế và tính chất Phật Giáo mang mang ở trong này.

Tôi không có tài đọc thơ, ở đây có những người từng nói là tôi có cái giọng không được truyền cảm, tất nhiên là tôi không thể so được với giọng của Cao Đông Khánh rồi. Nhưng mà tôi cũng vì một người bạn của tôi là ông Cái Trọng Ty. Mà tôi biết được ông Cái Trọng Ty đó phải nói là do ông Tô Thâm Huy đây. Mà ông Tô Thâm Huy là người mà tôi tin tưởng, vì đó là người bạn gần nhất của tôi. Mà ông ấy là người am tường chữ nghĩa, ông ấy là người rất sát rạt với chữ nghĩa.

Ông ấy giới thiệu ông Cái Trọng Ty với tôi, giới thiệu thơ Cái Trọng Ty với tôi. Và tôi rất là trân trọng, tôi tin ở cái mức độ thâm định của ông bạn tôi. **Cũng như là khi tôi đọc thì tôi lấy làm ngạc nhiên tại sao có người làm thơ hay như thế này mà mình không được biết, người cùng thời với mình mà mình không được biết.** Tôi thì từ trước đến giờ trong thâm tâm tôi, tôi vẫn nghĩ rằng, xin lỗi cái này tôi không dám nói là mình lớn nhỏ hơn ai, nhưng mà nó là cái câu thành ngữ của Việt Nam: Con hơn cha là nhà có phúc. **Mà người đi sau trong giới văn học, người đi sau mà tài giỏi hơn người đi trước thì đó là điều đáng mừng cho tiền đồ dân tộc** (Tiếng vỗ tay của cử tọa). Bởi vì tôi đã từng mạo muội viết rằng: *Thi sĩ Bắc Nam đều chết rạp. Ba trăm năm lịch sử làm thinh.* Thì câu đó là câu tôi nghĩa của tôi, nó hàm chứa một cái tư tưởng. Tôi nghĩ một nền văn học nào mà trong 300 năm không sản xuất được một thi tài lớn, không sản xuất được một tiếng nói lớn, thì văn học nước đó là kiệt quệ, bởi vì cái văn học đó nó đã chết rồi. Có người hỏi tôi, như bà Đàn Bách Kiếm, thì đã có lần bà ấy chất vấn tôi, hỏi là tại sao lại dùng chữ 300 năm. Tôi mới mạo muội, tính tôi thì không bao giờ giảng thơ tôi hết, nhưng mà tôi đã mạo muội, tôi mới nói với bà là 300 năm nhắc lại cái thời Trịnh Nguyễn phân tranh, chia cắt đất nước. Và cái ý của tôi lúc đó là tôi lấy một câu thơ của nhà văn, nhà kịch tác gia Jean Giraudoux của Pháp trong một vở kịch tên là *Trận Chiến Thành Troie Đã Không Xảy Ra*. Thì ở màn cuối cùng của vở kịch đó, người thi sĩ của thành Troie, vì anh ta là thi sĩ mà, thành thử anh đi lơ ngơ trong trận chiến, và bị một anh lính Hy Lạp đâm chết. Thì trong khi màn đang từ từ hạ xuống, ông dẫn dắt chương trình đó, ông mới nói: *Bây giờ thi sĩ thành Troie đã chết rồi. Lời nói thuộc về thi sĩ Hy Lạp.* Thành thử tôi mới nghĩ câu thơ đó. Tôi mới nói rằng, tôi nghĩ rằng cái dân tộc nào mà không sản sinh được một tài năng mới thì dân tộc đó là một dân tộc bất hạnh. Lịch sử đó là lịch sử chết. Lịch sử làm thinh. Thành thử ra khi tôi đọc bài thơ này, tôi nhân đây tôi muốn nói là tôi vinh danh anh Cái Trọng Ty, là một người đã làm về vang...(nghe không rõ vì tiếng vỗ tay).

Trước khi tôi mời anh Đàn Bách Kiếm lên đây thay tôi đọc bài thơ này thì tôi xin mời anh Cái Trọng Ty, nếu anh có thêm lời,

có ý kiến gì, xin lên đây phát biểu.



Tô Thùy Yên và Cái Trọng Ty (người cầm micro) trong đêm gặp mặt thân hữu 20-8-2016 tại tư gia nhà thơ Tô Thùy Yên

Ghi chú: Đàn Bách Kiếm là bút hiệu khác của Tô Thắm Huy, khi phụ trách mục Đùa Vời Đường Thi trên Văn Học.



CÁI TRỌNG TY

HOA TỪ BI ĐỘ LƯỢNG

gửi Tô Thắm Huy

Để tưởng nhớ Nữ Sĩ Phùng Thăng



tranh Thân Trọng Minh

em với dòng sông ngân
trắng quanh đời khổ nạn
mong manh sợi nắng tàn
nổi hai bờ bơ vơ

hai bờ nay cách trở
xôn xao rừng tiếng động
chuông chiều vang mật ngữ
tuệ nhân thấu tâm như

đau đón lửa phân thư
oải hương vườn sắc tứ
bức tranh đời vân cầu
ai gọi mãi chuyến đò

chiều sương đầy thành cổ
hương sen đầu hồ tĩnh
thơm suốt mùa hạ qua
hương ổi cội hoa tình

em đi rồi mây thu
đóa hoa vườn tĩnh toạ
nhịp đời sóng từ bi
cõi phù trường thấu thị

cám ơn đời có em
nhóm lên tình hoang tưởng
yêu một trời vô ngại
cát phẳng nắng dừa hoa

yêu từ trắng bóng nhận
bay vút trời đầu suất
hoa từ bi độ lượng
hương tiếp mộng miền trường

caitrongty

Trần Hoài Thu

Viết từ dưới hầm nhà

Thẩm thoát TQBT đã bước vào ngày sinh, cho 15 năm có mặt.
Nó được ra đời dưới một căn hầm nhà cách Nữ Uớc khoảng

THỦ QUÁN **BẢN THẢO**



CAO THOẠI CHÂU ■ TRẦN HUÂN AN
■ NGUYỄN MINH ■ TRẦN HOÀI THU ■
PHẠM VĂN NHÂN ■ TRẦN BANG
THẠCH ■ CAO VỊ KHANH ■ NGUYỄN
NHƯNG ...

(Bìa TQBT số 1)

45 phút lái xe, và cách Tượng Nữ Thần Tự Do khoảng nửa tiếng đồng hồ, đúng vào lúc biến cố 911 năm 2001 xảy ra. Khói, bụi từ bên kia bờ Hudson bay qua, mù mịt cả vùng trời nơi TQBT đặt làm tòa soạn, giữa lúc những tập báo đã in xong được chuẩn bị gởi đi...

Trong niềm đau đớn chung của cả nước, việc phát hành của tạp chí được ngưng lại. Chúng được tháo ra, thêm một tờ giấy glossy đặt ở trang đầu, với hình ảnh hai tòa Twin Towers bốc cháy dưới lửa ngọn. Chúng tôi muốn chia sẻ niềm đau chung đối với một quốc gia đã bao dung chúng tôi.

Nhớ lại ngày ấy, trên trời, mây bị khuất bởi khói bụi trắng dày dạt đến từ NY. Áo quần tóc tai người người đều phủ dính bụi xi măng nhớp nháp. Cái building nơi tôi làm việc, cửa sổ mở ra, những dáng người đứng bất động hướng về New York. Xa mấy mươi dặm mà vẫn thấy những cuộn bụi khói bốc lên in trên nền trời xa. Những lời tường thuật từ máy thu thanh của ai

đó vắng lên như những vết chém. Có lẽ dân Mỹ đang sống sờ, và họ cũng đang chịu tang cho một cuộc khủng bố man rợ trên đất nước họ.

Nếu một câu văn đầy cảm động của nhà văn Vũ Trọng Phụng mà chắc thời học trò chúng ta đều nhớ nằm lòng: *Tôi sinh ra đời dưới một ngôi sao xấu* thì có lẽ cũng rất thích hợp cho đứa con đầu lòng của TQBT lúc này. *Tôi sinh ra đời dưới khói bụi mù của ngày 911.*

Thật trùng hợp, trước đây chủ của nó cũng ra đời trong khói lửa, thì bây giờ nó cũng vậy. Chẳng khác chi. Một đảng thì chiến tranh. Một đảng thì thù hận. Vẫn là lấy sự thống khổ đau đớn của thường dân vô tội để mà hả hê.

Vậy mà nó lại tiếp tục có mặt từ năm này qua năm khác trong khi những tạp chí văn học khác có ghi giá bán, có quảng cáo, lại lần lượt rũ nhau chết... Không ai tin nó sống nổi qua ba số. Trong khi nó chẳng cần một trang quảng cáo, chưa bao giờ ghi giá tiền, không hề bày ở sạp báo. Chuyện thật lạ.

●Tôi còn nửa tiếng đồng hồ để viết. Tôi muốn chợ ngay ý nghĩ về một hiện tượng trong sinh hoạt văn nghệ của miền Nam vào năm 1960. Vâng, chỉ năm 1960. Đó là năm mà ba tờ báo văn học thuần túy ra đời. Hiện Đại do Nguyễn Sa chủ trương ra đời vào tháng 4-1960. Sáng Tạo (Bộ mới) tục bản vào tháng 7-1960 và Thế Kỷ 20 ra đời cũng tháng 7.1960. Một câu hỏi: Có phải sự ra đời là một dấu hiệu tốt, một tín hiệu mừng cho nền văn học nghệ thuật miền Nam ? Một tạp chí văn học ra đời đã là một kỳ công, còn ở đây ba tạp chí. Mà nội dung thì khó thu hút quần chúng. Bởi lẽ bài vở nặng ký, chỉ dành cho một thành phần nào đó.

Tôi tự hỏi. Và trả lời bằng suy nghĩ. Nhưng trước khi suy nghĩ cần phải tìm hiểu.

Thứ nhất, nếu là một tin mừng thì phải có độc giả đón nhận.

Chẳng lẽ treo vòng hoa Good news ở cái cửa không bóng người hay trong nhà lèo tèo mấy người cầm lý chúc tụng nhau ?

À, thêm một câu hỏi nữa, tại sao cả ba lại chết sớm. Sáng Tạo (bộ mới) chỉ có mặt được 7 số. Hiện Đại được 9 số. Thế Kỷ 20 được 6 số. Quá ít.

Và đây là lý do tại sao chúng chết:

Trong bài tiểu luận “Nguyên sa: Nhà báo, nhà thơ” của Nguyễn Vy Khanh được post trên nhiều trang văn học trên NET, chúng ta có thể hiểu lý do tại sao:

“ Tháng 4 năm 1960, Nguyên Sa đã nhận trợ cấp để ra báo Hiện Đại trong 9 tháng như chính ông đã kể : "Tôi đã là một nhà văn nhà nước. Năm 1960, tôi nhận tiền viện trợ trong chín tháng ra chín số báo. Sau đó trò chơi chấm dứt. Cùng một lúc với tôi, trong khoảng thời gian đó, các tạp chí Sáng Tạo và Thế Kỷ Hai Mươi cũng tồn tại nhờ chất dưỡng khí hoá học đó"

Thì ra thế.

Có tiền mua tiền

Không tiền bó tay.

Còn Thư Quán Bản Thảo này?

Sáng nay tôi lái xe đến nhà của một vợ chồng người Mỹ gốc Tàu để mua 6 thùng giấy với giá thật rẻ. Mỗi thùng 10 ream. Vị chi tôi có tất cả 60 ream giấy, đủ cho Thư Quán Bản Thảo kỳ này.

Tôi đã post một loạt bài *Tẩy trần*, mục đích là muốn mình nhẹ tênh, rũ nợ, có sao tôi lại lặn lội mua giấy, để phải còng cả lưng thở hào hển vì mang chúng quá nặng? Trong khi cô chủ người Mỹ gốc Tàu thương hại trước khi tôi từ giã, nói: Ông có điện thoại email chúng tôi chứ. Ông cần chúng tôi giúp ông thì cứ gọi. Chúng tôi đến ngay. Ông nên nhớ là ông ở một mình, không ai chăm sóc ông.

Trời ơi, câu nói làm tôi muốn rơi lệ.

Nhưng mà, lúc này - lúc mà tôi xem như cạn khô hy vọng, chán nản tột cùng. May mà còn những thùng giấy này.

Chúng cứu tôi.



Trong bài : **Những bức thư gửi người hậu phương**, (trích từ tạp chí Văn Học cách đây nửa thế kỷ, đăng ở số này) nhà văn Thế Uyên đã viết lời giới thiệu như sau:

*Trong thời gian gần đây, tôi hay viết về quân đội, về những khía cạnh của khuôn mặt đầm mồ hôi, bụi và bùn của người lính bộ binh. Nhưng đã nhiều lần, dù đã nỗ lực khai thác tất cả khả năng của ngòi bút, đã xử dụng tất cả những kỹ thuật viết văn thông dụng, **tôi vẫn thấy bất lực**, thông thể diễn tả được tính cách sống động, hào hùng và bi thảm của cuộc chiến tranh đang tiếp diễn bên ngoài các cửa ở các đô thị.*

***Tôi bất lực** như thế nên khi tình cờ được đọc một tập thơ của một giáo sư tại ngũ gửi về cho vợ ở hậu phương, tôi nhận thấy có lẽ tôi không nên làm gì hơn là mang những giòng chữ của người lính ấy tới người đọc.*

Và mới đây chỉ cách một tháng thôi, nhà thơ Tô Thùy Yên cũng đã thú nhận khi ông nhận xét về bài thơ *Hoa từ bi độ lượng* của Cái Trọng Ty:

Cũng như là khi tôi đọc thì tôi lấy làm ngạc nhiên tại sao có người làm thơ hay như thế này mà mình không được biết, người cùng thời với mình mà mình không được biết. (xin xem bài giới thiệu của nhà thơ TTY ở trang đầu)



Nhiều người cứ nghĩ nền văn học miền Nam chỉ phát xuất từ Saigon, từ những tên tuổi quen thuộc trên các trang feuilleton, hay từ những bài đặt hàng của các vị chủ bút... Đến nỗi, những người làm văn học miền Bắc cứ nghĩ là văn chương miền Nam chỉ là văn chương đô thị. Họ làm sao biết những giòng chữ được viết từ ngoài vòng đai Saigon như thế này:

Ngày 17 tháng 8

...Trung đội phó vừa bước vào lều cho biết có tiếng chó bắt đầu sủa dữ dội. Anh nhìn qua khe vách, trời tối đen vì vẫn chưa có trăng. Đại

đội trưởng đã cho lệnh tắt hết đèn nhưng anh vẫn muốn viết thật nhiều cho em bởi vì không hiểu sao hôm nay, từ lúc đánh mất chiếc khăn quàng xé ở vạt áo dài của em trong lúc rút quân vào đồn, anh thấy nhớ em kỳ lạ. Nhớ theo một thứ tình cảm buồn buồn. Bây giờ anh hiểu nỗi buồn của em ngày ấy khi em đánh mất chiếc nhẫn đính hôn anh đeo vào ngón tay em một ngày đã lâu. Đại đội trưởng vừa cho lệnh báo động và đang gọi anh khe khẽ ngoài cửa lều phía sau lưng. Anh hôn em thật nhiều trước khi gấp tờ thư vào túi áo để xách súng ra ngoài. Trời vẫn tối đen. Đêm nay có trăng nhưng là trăng lên muộn. Hôn em một lần nữa. (Văn học số 42)

Đến đây nhật ký chấm dứt, bằng một ai tin đăng trên báo: “chúng tôi đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc biết: Chuẩn Ủy Trần Đăng Kim đã hi sinh vì tổ quốc ngày 17 tháng 8 năm 1964 tại Bình Chánh. Bà quả phụ Trần Đăng Kim và con”

Xin lưu ý ngày 17-8-64 cũng là ngày mà nhật ký chấm dứt (ghi chú của TQBT).

ai tin

Chứng tôi rất đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc biết:

CHUẨN ỦY TRẦN ĐĂNG KIM

đã hi sinh vì tổ quốc ngày 17 tháng 8 năm 1964 tại Bình Chánh.

Bà quả phụ

Trần Đăng Kim và con

Nổi giới Tiếng Pháp và Anh

Do 03 Vào, Nhứt và bà Hán Nga và Giao sư Anh Mỹ Có dạy cả 3 quyền COURS de LANGUE et de CIVILISATION LETS LEARN ENGLISH, PRACTICE YOUR ENGLISH

Mình ơi!

Đêm nay mình hẹn nơi đâu?

ở VICTORIA

VICTORIA là 1

- Là nơi hẹn hò của những người tình.
- Là nơi giải trí của những người hào hoa phong nhã.
- Là nơi lý tưởng của những người sành điệu.

Khung cảnh

- Huyền ảo
- Âm cúng
- Sang trọng

NIGHT CLUB VICTORIA

Vậy đó, chẳng ai biết Trần Đăng Kim là ai, nhưng các tạp chí như Văn, Văn Học, Khởi Hành, Thời Tập càng ngày càng có nhiều độc giả là nhờ những Trần Đăng Kim này. Đó là một sự bất công. Và nếu không ai nói thì chúng tôi nói.

Đó chính là lý do để chúng tôi làm tạp chí TQBT suốt 15 năm nay. Dù quá muộn, dù mắt chúng tôi mờ, tay chân chúng tôi đi đứng cầm nắm khó khăn. Anh em chúng tôi đều quá cái tuổi thất thập rồi mà. Nhưng không sao, trái tim vẫn còn nóng hổi... Mà số báo này là một bằng chứng.

Viết từ nursing home: nhịn ăn



Vậy mà Y. đã có mặt ở nursing home này được 16 tháng. Và tôi cũng đã có mặt tại nursing home này mỗi ngày hai bận, suốt 16 tháng ròng rã không hề vắng mặt một bận nào. Tôi đã thấy rõ những thuốc phim xát xịt ảm đạm diễn ra mỗi ngày. Nơi đây tôi cũng quen nhiều người. Từ một ông bạn không già mấy, chắc bị bệnh tiểu đường, nên đôi chân sưng vù. Ông ta chuyên cầm cây đàn Guitare ngồi trên xe lăn, mỗi lần gặp tôi là kêu tôi lại kéo tay... Đến ông lão Mỹ đen gốc cựu quân

nhân, râu tóc trắng phều. Ông ta là một hình ảnh của nỗi cô độc rợn người. Bốn năm về trước tôi đã gặp ông ta ngồi trên chiếc lán, luôn luôn tìm một góc khuất mà ngủ. Bây giờ cũng vậy. Râu tóc ông càng bạc phơ, và cả thân hình ông càng mập phì ra như cả một bao gạo chỉ xanh. Mỗi lần chúng tôi gặp nhau là mỗi lần chúng tôi chào tay theo kiểu nhà binh.

Tội nghiệp nhất là những cụ bị bệnh Alzheimer (lẩn). Các cụ không ngồi xe lăn nhưng đôi chân của các cụ không giúp được gì. Đôi mắt thất thần, vô hồn, các cụ cứ rảo qua các dãy phòng, có khi thì lầm nhẫm, có khi thì nhìn một người khác, đưa đôi mắt lên, như cố suy nghĩ người khách là ai. Có khi chỉ mang cái tả và bước ra ngoài phòng. Cổ chân của các cụ được đeo một vòng điện tử, có thể báo động cho nhân viên phụ trách mỗi lần các cụ mở cửa ra ngoài viện hay gặp nạn... Các cụ hay nhầm phòng, cứ nhè phòng người khác mà vào. Có khi cuồng trí, vào ngay giường người bệnh khác như thể bóp cả cổ người bệnh...

Để ngăn ngừa những trường hợp này, người ta đã giăng tấm vải có băng stop chặn ngang cửa phòng:



Phòng 33, cạnh phòng của Y. có một bà lão. Suốt ngày bà la ó gào thét đòi về. Gặp ai cũng van vãn: *Please take me back home* hay *I want to go home*. Chồng bà là một ông lão đã 91 tuổi, thỉnh thoảng vào thăm nuôi, nhưng phần lớn thời giờ đều giao cho một người đàn bà lai Ấn mượn từ ngoài vào chăm sóc.

Tội nghiệp cho ông lão, vừa đẩy chiếc xe lăn cho vợ vừa nghe những lời rủa xả.

Nói tóm lại, không ai muốn ở cũi này. Và để nói lên lòng giận dữ, bất mãn bị đưa vào đây, người bệnh chỉ còn cách trút vào đầu thân nhân của họ.

Những ngày đầu tiên của Y. cũng vậy. Nhìn Y. lấy cái nĩa đâm túi bụi trên chiếc khay đồ ăn. Nhìn cảnh người bệnh, với đôi mắt long lên giận dữ, hay thỉnh cầu van lơn, để diễn tả nỗi cô đơn, bất lực, hay nỗi nhớ nhà, tôi không thể nào không rơi nước mắt.



Công việc của tôi mỗi ngày là nấu ăn cho Y. Càng ngày Y. càng khó khăn hơn trong việc ăn uống. Đồ ăn Mỹ thì xem như dị ứng hoàn toàn, còn đồ ăn Việt Nam thì càng ngày không còn đủ sức hấp dẫn miệng lưỡi Y. nữa. Những món như phở, hủ tiếu, bánh xèo, bánh mì nguội, bánh bèo, mì khô, mì nước, bánh giò, bánh hời thịt nướng, súp v.v... không còn hấp dẫn Y. như trước. Y. kêu cổ họng đau, và mỗi khi ăn vào những miếng ăn lớn thì hay bị ói ọc ra như con nít ọc sữa.

Phòng Y. mang số 31. Phòng có hai giường. Cả năm nay, hai bà lão nằm cạnh Y. ra đi vĩnh viễn. Và hai người thì được chuyển đến nơi khác tôi không biết. Họ ra đi cùng một lý do: Ngủ và nhịn ăn. Trợ tá mang đồ ăn vào, đặt khay trước mặt người ngủ chẳng khác cũi người sống. Và quay ra ngoài. Ăn hay không ăn, không cần biết. Nếu chết thì có kẻ khác thế vào. Cần gì thắc mắc. Người già quá nhiều để các nhà dưỡng lão gặp thời. Khó gì mà xin vào...

Giờ đây cái giường cạnh Y. trống vì có một bà lão mới chuyển đến bệnh viện khẩn cấp. Có lẽ bà cũng chết rồi.

Tôi vào cạnh giường Y. Y. mở đôi mắt nhìn tôi. Có ngày nhìn như giận dữ. Có ngày ánh lên niềm vui. Có ngày mếu máo đòi về. Có ngày đứng đưng nhìn tôi như người khách lạ. Qua cái nhìn ấy tôi biết rõ về những gì đã xảy ra trong đêm. Ví dụ người nurse aid thay vì giúp đỡ một người không thể di chuyển thân thể tay chân thì hét đẩy lại xô, đôi khi lớn tiếng.

Nhờ ơn Trên lầu lắm mới có trường hợp này.

Và việc đầu tiên của tôi là đứng nghiêm chào tay người tổng tư lệnh bất hạnh của tôi. Tôi muốn Y. vui, và tìm mọi cách để Y. nở nụ cười. Sau đó là vuốt lại những sợi tóc dính trên miệng Y., sửa lại cái đầu cho ngay ngắn thay vì ngoẹo sang bên phải, chỉnh lại chiếc giường tự động, cuối cùng là chuẩn bị bữa ăn cho Y. Hôm nay tôi mua được một phần chả giò 4 cái từ một tiệm ăn VN rất xa. Mừng lắm. Phải mất cả hai tiếng đồng hồ vừa đi vừa về để tìm được tiệm này. Tôi mang khay, bỏ chả giò, rau, nước mắm, đôi đũa trước mặt Y. Tôi cũng không quên khoác vào cổ cái yếm để thức ăn khỏi vương vãi. Tôi dỗ dành: “Chả giò tôi mới mua về còn nóng, bà cầm lên mà ăn, đừng dùng đũa mà gấp...” Nhưng Y. nhìn chăm chăm vào mấy cuộn chả giò. Tôi bèn cầm nguyên cả một cuộn chấm nước mắm, rồi dứt vào miệng Y. Y cắn, nhưng sau đó nhả ra, lắc đầu.

Trời ơi, tôi nuốt nước miếng. Tôi phải làm gì. Tôi đã hết cách. Tôi bỏ Y. ra ngoài phòng đứng.

...Tôi lại bước vào phòng. Tôi thương Y. vô tận. Không phải do Y. muốn nhin, muốn quay mặt với cái công khó của tôi mà chính là cái hậu chứng của stroke đã gây nên. Tôi lại đến bên Y. dỗ dành. Bà không ăn thì về sau tôi không mua nữa. Như vậy buổi trưa ấy, Y. không có một hạt cơm hay miếng cháo hay bất cứ cái gì trong bụng.

Tôi bắt đầu mở nhạc cho Y. nghe. Để dỗ Y. ngủ trước khi tôi ra về.

Trên bàn ngủ cạnh đầu giường của Y. tôi để đầy CD và DVD. Đây là những liều thuốc mầu nhiệm nhất có thể giúp Y. ngủ, quên đi hiện tại, và giúp tôi biết rằng nhiệm vụ của mình đã hoàn thành. Cả năm nay tôi thu rất nhiều những bản nhạc hay những tuồng cải lương như Tuyệt tình ca, Chuyện tình Lan và Điệp, Tô Ánh Nguyệt, Đồi cô Lựu... từ trên Youtube.

Mỗi bữa ăn tôi phải thay đổi bản nhạc hay tuồng cải lương, như thay đổi món ăn. Đúng là thức ăn tinh thần. Tôi vẫn âm thanh vừa đủ nghe, vì không muốn làm phiền lòng những người bản xứ xung quanh. Y. mở mắt nhìn lên trần nhà. Không biết có thưởng thức lời ca tiếng nhạc hay không, nhưng

yên lặng như thể chìm lắng vào một cõi nào. Rồi sau vài bản, Y. nhắm mắt ngủ, rất an lạc. Không cần liều thuốc ngủ trợ giúp. Ngủ như đứa trẻ lên hai, lên ba, muốn ngủ là ngủ. Việc ngủ dễ dàng này chỉ xảy ra sau khi Y. không còn ham thích việc ăn uống. Chưa bao giờ tôi thấy Y. ngủ rất bình an như thế.

Nhưng mà, tại sao tôi lại quá buồn. Tôi phải những đồ ăn còn vương vãi trên ngực áo, đắp lại chăn, dọn dẹp chiếc bàn ăn, rửa mấy chén bát, đưa nia, bỏ đồ dơ vào bọc ny lông sau đó tắt đèn. Đôi chân lại nặng như không thể cất lên nổi. Tê tái như lời ca dao: Chẳng thà không biết thì thôi/Biết rồi mỗi đứa một nơi cũng buồn...



Ba cặn thị

chuyện phiếm

●Để trả lời một câu hỏi

Đây không phải là tựa của bài hát về một thời chinh chiến nói lên tình yêu giữa người tiền tuyến và em gái hậu phương của nhạc sĩ Trúc Phương, mà là câu hỏi được đặt ra trong bài viết "Trần Thiện Đạo: Khi nghĩa tử không là nghĩa tận".

Xin trích lại như sau:

...Chỉ khoảng một tháng sau khi *Những Ruồi* được phát hành thì bị Trần Thiện Đạo (TTĐ) dùng nguyệt san Văn để “phang” nặng nề qua bài viết *Tìm hiểu vở kịch Les Mouches của Jean-Paul Sartre (nhân đọc bản dịch của Phùng Thăng)*. Bài đăng hai kỳ trên nguyệt san Văn tháng 11, tháng 12, dày tất cả khoảng 50 trang, khổ chữ nhỏ. Bài được người viết ghi là hoàn tất vào cuối tháng 9/1967.

Đặc biệt, kỳ 2 ông dành trọn bài để phang “*Những Ruồi*”: Nào là “một cái kho chất chứa chật ních và đầy đủ hết mọi lỗi lầm

trong phép dịch văn”, “bản dịch vừa phản vừa diệt”, “khinh thường độc giả và miệt thị giới phê bình tới độ ấy”, “dịch chữ không dịch tinh thần câu văn”, “cắt bỏ không dịch”, “cái giọng đặc Tây”, “ngớ ngẩn”, “chối tai”, “một thứ giấy không chỉ...”, “cẩu thả”, “sai bét”, “ngờ vực cái vốn liếng Pháp ngữ”, “không giữ tánh cách Việt Nam”, “vô nghĩa”, “thiếu nghĩa”, “tối nghĩa”, “lòng thông”, “dịch ầu”, “dịch cần”, “sai cả mẹo luật tiếng Việt Nam”, “lỗi dịch đầu-gà-đít-vịt”, “chưa lãnh hội thấu đáo mẹo luật Pháp”, v.v... Ông xả tiểu liên trung liên AK, M16, B40. Ông tấn công đủ mặt, từ trang đầu đến trang cuối... Vây chặt, càng vây càng pháo...

Có điều ngạc nhiên là chẳng thấy một nhà trí thức, nhà văn, nhà thơ hay phê bình nào thời ấy động lòng trắc ẩn lên tiếng bênh vực Phùng Thăng!"

Bây giờ tôi hiểu tại sao rồi. Bởi vì cái “bóng đèn” của dịch giả Trần Thiện Đạo lớn quá. Một người dám chê *Camus có thời viết lung củng, tôi cũng dịch lung củng như thế. (**)* thì ai dám đụng?

Đụng TTĐ là đụng Mõ Làng Văn, là đụng Văn, và có thể đụng các tạp chí khác được TTĐ cho đăng bài thường xuyên!

Và đụng cả Thụy Khuê, một kẻ bênh vực tận tình tận lực TTĐ, bây giờ!

Chứng cứ là sau khi bài của Tô Thắm Huy phê phán về việc Trần Thiện Đạo phê bình *Những Ruồi* của Phùng Thăng, Thụy Khuê đã viết bài công kích Tô Thắm Huy trên trang mạng Văn Việt.

● “Đúng cả” !

Trên trang mạng Vănviết có post một bài của Thụy Khuê để trả lời bài của Tô Thắm Huy: “Thảo luận về dịch qua bài Trần Thiện Đạo phê bình “*Những Ruồi*” (Sự thật bài này có tên: “*Những điều trông thấy*” và đã được đăng trước đó trên tạp chí TQBT số 71):

"...Bài của Trần Thiện Đạo in tháng 12 năm 1967 tại Sài Gòn, trên báo Văn là tờ báo chủ trương phát huy việc dịch và giới thiệu các tác giả ngoại quốc, với chủ bút là dịch giả Trần

Phong Giao và với sự cộng tác của các dịch giả nghiêm túc như Nghiêm Xuân Hồng, Mặc Đỗ... Trần Thiện Đạo phê phán việc dịch của Phùng Thăng, giọng có khắt khe, nhưng đúng cả, nên không ai phản bác, và bài viết đã có tác dụng tốt cho việc dịch thuật thời ấy..."

Bà Thụy Khuê bình vực TTĐ cho là: *giọng có khắt khe, nhưng đúng cả, nên không có ai phản bác...*

Có nghĩa là hề một bài viết ra nếu ta thấy không có ai “nổi tiếng” phản bác thì yên tâm là “**đúng cả**”. Đây là một nhận định bất hủ về lý luận phê bình mà chỉ có một mình bà Thụy Khuê mới giữ bản quyền. Cứ viết, cứ chửi, cứ bôi nhọ, cứ vu khống, cứ dạy đời, cứ “đá cạu” “nhà chồng đít”, dịch général là thiếu tướng, pacifique là đại tây dương, les là mấy, rồi cho đăng báo hay xuất bản. Nếu không thấy Mặc Đỗ, Nghiêm Xuân Hồng, hay Mỗ Làng Văn phê bình, lên tiếng, quét rác thì ta yên tâm biết chắc bài viết đó là **đúng cả**!

Hoặc khi muốn chê bà Thụy Khuê viết ầu, đoán mò, vì bà cho là Túy Hồng, Nhã Ca, Trần thị NgH. cùng thời với Sáng Tạo, (2) nhưng Ba Cận Thị tôi lại ngại bà lên lớp:

“Sao người lại chê bài ta viết? Nó **đúng cả** nên chẳng thấy Nguyễn Hưng Quốc, Trần Thiện Đạo, Võ Phiến, Mai Thảo ... phản bác!”

Như vậy, từ nay, người đọc cần phải cảm ơn bà Thụy Khuê trước khi chọn sách để mua. Cứ tìm hiểu tác phẩm có bị các nhà văn lớn phê bình phản bác không. Nếu không thấy là yên tâm bỏ tiền ra, nó **đúng cả**!

(1) nguồn Tuoitre online ngày 09/01/2007: Dịch giả Trần Thiện Đạo: Phải tôn trọng văn phong của tác giả

(2) Nguyên văn: “... Lối tự trào này rải rác trong các tác phẩm của những người cùng thời với Sáng Tạo như Túy Hồng, Nhã Ca, Trần Thị NgH.,”

(Thụy Khuê – Cầu trúc thơ.

Nguồn: <http://chimviet.free.fr/vanhoc/thuykhue/cautructho/chuong12.html>)

Sự thật, cả ba nhà văn nữ này không phải cùng thời mà là khác thời. Trong số ba người trên chỉ một mình Nhã Ca có thơ đi duy nhất trên số 7 Sáng Tạo bộ mới – số cuối cùng dưới bút hiệu Trần Thị Nhã Ca. Riêng nhà văn Trần thị NgH. thì truyện đầu tiên (Chủ Nhật) của bà chỉ xuất hiện trên Văn Đê do Mai Thảo và Vũ Khắc Khoan chủ trương sau Sáng Tạo đến 10 năm (Tạp chí Văn Đê, số 39, phát hành tháng 10-1970). Nhà văn Túy Hồng cũng vậy. Sáng tác của Túy Hồng xuất hiện trên văn đàn miền Nam sau khi Sáng Tạo đóng cửa rất lâu.

Phạm Văn Nhân

Bàn về chữ đức và một bài viết của Thụy Khuê (tản mạn)

Trên Thư Quán Bản Thảo số 71 chủ đề: **Chiều Đầy Bông Phụng Thăng**, có bài viết của anh Tô Thẩm Huy: *Những điều trông thấy* và một bài của anh Trần Hoài Thư: *Trần Thiện Đạo: Khi nghĩa tử không là nghĩa tận...* Với hai bài viết này, tôi nhận được email của những người bạn trong nước cũng như ở Mỹ gợi đến đều nói lên một sự việc chung là thích thú khi đọc hai bài viết này. Nhất là bài viết của Tô Thẩm Huy. Nhẹ mà thâm thúy. Phân tích từng câu, từng chữ trong bài của ông Trần Thiện Đạo (TTĐ). Còn bài viết của anh Trần Hoài Thư như một dữ kiện được đưa ra, không chối cãi.

1.

Theo tôi thành ngữ “**nghĩa tử là nghĩa tận**” của người Việt Nam là con người đối với nhau khi chết đi tất cả đều bỏ hết, kể cả hiềm khích về chính trị, văn hóa, hay giao tiếp trong xã hội... để thể hiện một tấm lòng với người quá cố. Ngay cả đối với những người lính VNCH như chúng tôi cũng hiểu được điều này. Cho nên khi tàn một cuộc chơi (trận chiến) những người bên kia (đối phương khi ấy) có chết, những người lính như chúng tôi, với cuộc xềng cá nhân, cũng đào cái huyệt mà chôn người anh em bên kia. Cầu cho họ được siêu thoát. Đánh nhau ghê gớm như thế nhưng đã nằm xuống thì thôi, hận thù bỏ hết. “Nghĩa tử là nghĩa tận” là thế. Đó là cái “tâm đức thuần Việt” mà lúc chúng ta còn thơ ấu vẫn hằng được cha mẹ, ông bà, học đường, tôn giáo dạy bảo khuyên răn, để rồi được thấm nhuần trong máu huyết của mỗi người Việt Nam.

Nhưng ở đây, ông TTĐ không có cái bản tính này. Ngay từ năm 1967 trên nguyệt san Văn, ông đã đánh bà Phùng Thăng toi tã qua một bài phê bình khốc nghiệt, nhưng cho đến năm 2001 bài viết ấy của ông lại đi trên Văn Học Hà Nội (gần 44 năm sau). Rồi ông đi lại bài này một lần nữa gần 50 năm sau (2008) nhà xuất bản Tri Thức tái bản lại bài viết của ông. **Có nghĩa là bà Phùng Thăng đã mất rồi, thế mà ông vẫn cầm thù "vực dậy" nhờ bàn tay Hà Nội đánh tiếp bà đến tận hai lần (2001-2008).** Thế thì câu hỏi cái tâm “đức” của người Việt ở chỗ nào trong con người ông TTĐ? Hay là ông thành Tây quá sớm mà quên nó mất chăng? Và đó cũng là lý do tại sao Trần Hoài Thư viết “nghĩa tử không là nghĩa tận” là thế. Tôi nghĩ vậy.

2.

Sau khi bài viết “Những điều trông thấy” mà trang mạng Văn Việt sửa lại tiêu đề thành “Thảo luận về dịch qua bài Trần Thiện Đạo phê bình “Những Ruồi” của Tô Thẩm Huy, nhà phê bình Thụy Khuê, thay mặt ông Trần Thiện Đạo, trả lời giùm:

Mở trang Văn Việt ngày 5 tháng 8 năm 2016 tôi không khỏi ngạc nhiên trước bài viết của ông Tô Thẩm Huy về dịch thuật nhắm vào đối tượng là dịch giả Trần Thiện Đạo. Thoạt tiên, tôi mỉm cười nghĩ đến sự phản hồi sẽ không kém phần lý thú của dịch giả họ Trần, nhưng niềm vui biến mất ngay, khi nghĩ đến tình trạng từ hơn năm nay, ông Trần đã ngưng hoạt động vì tuổi cao, không trả lời điện thoại, không đọc được và không viết được nữa, sức khỏe lụi dần như ngọn đèn trước gió (hết trích). Và sau đó bà lại phê bình và lên lớp Tô Thẩm Huy và cũng chê bà Phùng Thăng. Bà lại đưa đạo lý của người Việt qua hình ảnh của một bà Mẹ dạy con:

" Nhưng đến đây, người dịch phải dùng đến kiến thức về tiếng nói của mình, tức là tiếng mẹ đẻ. Từ lúc biết nói, mẹ ta đã sửa cách nói cho ta, sửa bằng cách câu nào ta nói sai, bà bảo phải nói lại cho đúng. Mẹ ta dựa vào đâu để biết: đúng, sai? Bởi có những bà mẹ không bao giờ đi học. Bà dựa vào sự trái tai. Câu nào bà nghe thấy trái tai, là vì ta nói sai. Câu nào bà nghe thuận tai, là ta nói đúng.

Từ thừa cha sinh mẹ đẻ đến giờ, ta chưa nghe ai nói Những ruồi trong tiếng Việt, cũng như Những mèo (khi người ta dịch Les chats của Baudelaire sang tiếng Việt). Mà trong tiếng Việt, chỉ cần nói ruồi, là ta đã hiểu có nhiều ruồi. Chỉ cần nói mèo, là ta hiểu mèo theo nghĩa rộng: những con mèo." (hết trích).

Ô hô! Thừa bà. Tôi biết bà là nhà phê bình nổi tiếng. Trong nước đội bà lên cao. Ngoài nước cũng đội bà lên cao. Bà là người phê bình văn học lỗi lạc. Nhưng sau khi đọc bài viết của bà phản biện lại bài viết của Tô Thâm Huy viết về ông Tây Trần Thiện Đạo bà lại bênh vực TTĐ không có cái tâm "Đức" của thuần Việt. Tôi không còn ngưỡng mộ những bài phê bình văn học của bà nữa và cũng cười lên ba tiếng (không mỉm cười như bà nói). Ô Hô! Vui quá! Đoạn văn bà viết: *ông Trần đã ngưng hoạt động vì tuổi cao, không trả lời điện thoại, không đọc được và không viết được nữa, sức khỏe lui dần như ngọn đèn trước gió.* Ủng quá, trời ơi! Phải chi ông TTĐ còn sáng suốt ở cái tuổi này, chắc ông đọc lại bài viết của ông để ông hồi tâm lại sau bài viết ông đánh bà Phùng Thăng thậm tệ năm 1967 (có lẽ cũng vì ghen ăn tức ở đó thôi) và nhờ bàn tay văn học Hà Nội bồi thêm lần nữa cho bà Phùng Thăng gục. Nhưng bà Phùng Thăng đã ra người thiên cổ rồi. Còn đâu mà gục. Có còn chẳng là những tác phẩm bà dịch ra tiếng Việt để lại cho đời và mãi mãi sau này.

Để rồi lại cũng bà viết. Vì :

"... Bài của Trần Thiện Đạo in tháng 12 năm 1967 tại Sài Gòn, trên báo Văn là tờ báo chủ trương phát huy việc dịch và giới thiệu các tác giả ngoại quốc, với chủ bút là dịch giả Trần Phong Giao và với sự cộng tác của các dịch giả nghiêm túc như Nghiêm Xuân Hồng, Mặc Đỗ... Trần Thiện Đạo phê phán việc dịch của Phùng Thăng, giọng có khắt khe, nhưng đúng cả, nên không ai phản bác, và bài viết đã có tác dụng tốt cho việc dịch thuật thời ấy...." (hết trích).

Thừa bà. Không có ai phản bác bài viết của ông Trần Thiện Đạo bởi vì năm đó, như tôi nói ở trên hầu hết những nhà văn, nhà thơ một thời của miền Nam là lính. Họ bận tâm vào việc khác. Đó là việc "giữ nước. Giữ yên mảnh đất miền Nam". Bận tâm chi ba bài viết của ông Trần Thiện Đạo. Nhưng, tôi

chắc chắn là bà Phùng Thăng có đọc bài này. Cả bà Phùng Khánh (tức ni sư Trí Hải) cũng có đọc bài này. Nhưng theo tôi biết tư cách của gia đình bà Phùng Thăng qua bài viết của bà Thái Kim Lan cũng là người Huế. Và bạn bè tôi ở Huế cũng học trường Quốc Học Đồng Khánh đều nói đến: Một gia đình đạo cao đức trọng. Ngay cả những người bạn học cùng lớp với bà đều kính nể, thì chắc chắn bài viết của ông Trần Thiện Đạo có đánh bà "sát ván" cũng chỉ là chuyện ganh ăn ghét ở mà thôi. Phản biện lại làm gì, thưa bà? Bởi thế cho nên nhà phê bình Trần Thiện Đạo vẫn còn ầm ứ đi tiếp bài viết này để mượn tay Hà Nội đập bà Phùng Thăng thêm một lần nữa. Thế mà bà viết;

*"... In lại bài Trần Thiện Đạo phê bình Phùng Thăng, nhà xuất bản Tri Thức đã làm một việc có ý nghĩa: **nhắc những bạn trẻ sắp bước vào nghề dịch phải lấy sự khe khắt với chữ nghĩa và với chính mình làm đạo đức nghề nghiệp.** (hết trích). Có chắc như bà viết không? Nếu cái Tâm của ông TTĐ muốn lớp trẻ Việt Nam (trong nước) đi vào con đường dịch thuật mà bà nói phải lấy sự khe khắt của chữ nghĩa thì đâu cần ông ấy đi lại bài mà ông viết vào năm 1976 hạ gục bà Phùng Thăng, thưa bà?*

Tôi lại nhớ đến cũng trên một tạp chí có tiếng ở Sài Gòn, tạp chí Văn Đề của ông Mai Thảo, số 50 có đi một cái truyện ngắn của nhà văn Ngụy Ngử. Với cái tựa **“Phố Miền Nam”** bởi bác những người lính chúng tôi. Mà ai cũng biết Ngụy Ngử như thế nào rồi. Thế mà cái truyện ngắn của ông đi trên Văn Đề có ông quan to nào ở ngay Sài Gòn lên tiếng đâu. Họ không lên tiếng không có nghĩa là đồng tình với ông Ngụy Ngử về cái truyện ngắn đó??? Xin trích một đoạn văn trong truyện **Phố Miền Nam** của Ngụy Ngử để cho độc giả và cho bà thấy sự bôi bác của ông nhà văn này như thế nào về hình ảnh của người lính VNCH chúng tôi, để bà thẩm định:

...Thành phố đang sinh hoạt bình thường. Chợt có tin lính rần rì đổ đến, tất cả nhón nháo sợ hãi và những cánh cửa tiếp theo nhau khép nhanh lại, chợ tan, người thưa thớt tới lui khép nép, khắp các đường lớn đường nhỏ không còn một bóng gái trai... (Phố Miền Nam - Văn Đề số 50 tháng 9-1971).

Bà đọc và thấy thế nào khi những người lính chúng tôi đang

chiến đấu ngoài mặt trận? Như vậy với câu viết của bà về TTĐ có đúng là cái Tâm của ông Trần Thiện Đạo không? Mà sao tôi thấy có cái gì đó không ổn trong câu viết của bà về tương lai dịch thuật của lớp trẻ trong nước. Tôi lại nghĩ đến tiếng chuông của... mà thôi.

Nếu có ai đó nói với bà về bài viết này -- cho dù bà có viết trăm ngàn tờ giấy đề bà lên lớp tôi giống như bà lên lớp Tô Thầm Huy, và binh vực ông Trần Thiện Đạo trong cái tuổi mà: **ông Trần đã ngưng hoạt động vì tuổi cao, không trả lời điện thoại, không đọc được và không viết được nữa, sức khoẻ lui dần như ngọn đèn trước gió** -- thì người lính miền Nam tầm thường này (sau năm 1975 hết 8 năm trong trại cải tạo. Qua Mỹ chỉ là một anh "cu li" không bằng cấp, nhưng có một cái đầu biết suy nghĩ) sẽ không bao giờ lên tiếng lần nữa, nếu có. Và chỉ biết chấp tay thưa bà: **Mô Phật mà thôi.**

Gặp mặt tại Houston (ghi nhận sinh hoạt văn học nghệ thuật)

Vào ngày 16 tháng 8 năm 2016, nhà thơ Phan Xuân Sinh nói cho tôi hay là có vợ chồng Lâm Chương từ Boston và nhà thơ Đức Phổ từ miền Đông qua Houston chơi. Lại có những anh em lâu ngày không gặp. Vui ghê gớm. Anh chị Phan Xuân Sinh có làm một bữa tiệc nhỏ trong ngày họp mặt. Đêm đó rất vui. Nào là vợ chồng anh Tô Thùy Yên, Tô Thầm Huy, Ngu Yên, Cái Trọng Ty, Lương Thu Trung, Đức Phổ, vợ chồng Lâm Chương, Nguyễn Hàn Chung, Phạm Văn Nhân, vợ chồng nhạc sĩ Lê Gioang, anh Lê Vinh và nhiều người khác mà tôi không biết tên.



(Cuộc họp mặt tại nhà anh Phan Xuân Sinh: Tô Thùy Yên, Tô Thâm Huy, Ngu Yên, PVN, Lâm Chương, Đức Phở, Cái Trọng Ty. Ảnh Lương Thư Trung)

Trước khi khai tiệc, chủ nhà Phan Xuân Sinh có đôi lời trước anh em. Ngày thường anh PXS nói trôi chảy lắm, nhưng hôm nay sao anh nói không nên lời. Ấp a, ấp ứng. Nhà thơ Ngu Yên mới đứng lên thay mặt anh Phan Xuân Sinh để nói lên ý nghĩa bữa tiệc hôm nay. À, hóa ra là như thế. Bữa tiệc do chàng trai (đại diện là anh PXS) thết đãi vợ chồng anh Lâm Chương mới cưới vợ đem từ Boston xuống Houston để ra mắt chàng trai (bạn bè). Những tràng pháo tay vui vẻ sau khi Ngu Yên dứt lời. Những lời chúc phúc cho vợ chồng Lâm Chương. Những cái cụng ly thân tình bằng hữu bao nhiêu năm mới gặp lại trong căn phòng khách của nhà PXS. Tôi nghĩ khó mà có một lần thứ hai vui như thế này.

Mấy ngày sau, gia đình anh Lương Thư Trung lại tổ chức một bữa cơm tại nhà anh chị, do chị Trung nấu nướng. Món mì hoành thánh của chị Trung thật ngon mà tôi tin chắc chưa có tiệm ăn nào ở Houston nấu ngon như chị Trung đã nấu đãi vợ chồng Lâm Chương và Đức Phở cùng bạn bè.

Sau đó anh Lương Thư Trung mời anh em ra thăm khu vườn nhà anh. Vườn nhỏ nhưng đầy trái cây, xanh mướt như ở quê nhà.

Những ngày họp mặt rất vui. Và trong đêm 20/8 anh chị Tô Thùy Yên cũng tổ chức bữa ăn thân mật cho anh em gặp mặt.

Và giới thiệu nhà thơ Cái Trọng Ty qua bài thơ: *Hoa Từ Bi Độ Lượng* của anh.

Tôi hôm ở nhà anh chị Tô Thùy Yên có cả anh Nguyễn Xuân Thiệp, Phạm Quang Tân và Trần Bang Thạch cùng một vài nhà văn, thơ từ xa đến. Tôi không đến dự được vì có việc riêng. Nhưng nghe anh Tô Thẩm Huy nói lại là rất vui. Và nhiều ý nghĩa. Chơi cho đến nửa khuya. Còn gì vui hơn những ngày anh em cầm bút gặp nhau trên xứ người như thế này. Cái tình văn nghệ như ngày nào trỗi dậy trong những năm của thế kỷ trước khi còn ở quê nhà. Quý lắm thay! (PVN)



ĐỨC PHỒ *BÊN TRỜI LƯU LY*

** với bằng hữu gặp Atlanta và các nơi khác...*



tranh Đinh Cường

Chùng đã lâu hung chưa ra phố
người quen lắm kẻ lạ nhau rồi!
Đường sá nhận chìm bao nhân dáng
giữa lòng xe mát rượi tiếng cười!

Đếm bước ngu ngơ từng bước lạc
lầm nơi phố xá tường nường quê!
Nhìn bóng đời lẩn mà chóng mặt
cơ hồ thiên địa cũng điên mê!

Gặp bạn mới hay còn tỉnh táo
nỗi lòng xưa cũ bỗng xôn xao!
Mới hay trong máu còn tinh huyết
để tạ ơn đời buổi gặp nhau!

Một buổi, hai hôm.. Ôi! Vẩn thê
khi đời dài mắc cửi nhiều khê!
Phố trước mặt vầy vui như hội
mà mỗi lòng muối xát nỗi quê!

Mặt giáp mặt ghen lời thân ái
thôi cười xòa cùng men rượu cay!
Ai hiểu bên trời lưu ly ấy
có dăm người hồn nín mây bay!...

ĐỨC PHỔ

BÂY GIỜ LÀ BAO GIỜ !

Tô Thẩm Huy

Ông Trần Dạ Từ cầm bút bằng khuâng hỏi:

- *Bây giờ là bao giờ ?*

Ông Henry Miller lên tiếng đáp:

- *Thời của những kẻ giết người.*

Thời là thời nào ?

Thời 40 năm trước. Khi mà nền văn-chương miền Nam bỗng

nhiên bị bóp cổ chết tức-tử. Sách báo thành tro. Kẻ trước kia cầm bút giờ cầm cuốc xẻng, lên rừng trồng khoai trồng sắn, học thói tù-đầy, bỏ mạng nơi rừng thiêng nước độc. Người dân đi moi rác tìm cách mưu-sinh. Kẻ đọc sách thành gã điên-rồ múa-may ngoài đường-phố.

Hay là thời 50 năm trước. Bom đạn cây nát núi rừng. Kẻ đi học vứt sách, học cách bắn súng giết người, chơi trò chiến-tranh. Nhớ bài thơ của trần Tuấn Kiệt, mỗi trưa thứ Năm dùng xe ghé sạp báo lấy tờ Khởi Hành: *Ta nhìn đàn gà nhỏ, Kêu chiu chirp trong chuồng, Lại nhìn vàng trắng tỏ, Mà nhớ ngoài sa trường. Giờ này bạn nơi đâu ? Rừng lau chắn ngang đầu, Khí rừng chai nét mặt, Phong sương nằm gian lao.* Bao nhiêu những Y Uyên đã gục ngã trên chiến-trường ? Đọc mấy số Văn Học in năm 1966, cách đây 50 năm, do anh Trần Hoài Thư gửi đến mà bàng hoàng: Thời ấy văn đàn sao sung mãn người viết thế. Nhất là cánh các cây bút trẻ miền Trung, dọc từ Phan Thiết lên Thừa Thiên, Quảng Trị. Mời đọc lại một bài thơ của Nguyễn Nho Nhượng đăng trên Văn Học số Xuân Bính Ngọ, tháng 1, 1966:

Nói với mùa xuân

Có những gì vui thú / Cho lời nói hôm nay ?

Thông điệp của tuổi trẻ / Gởi theo cùng gió mây

...

Bàn tay là củi mục / Nên loài hoa điều tàn

Linh hồn đầy lá úa / Nên màu xanh tan hoang

...

Tôi sẽ chào mùa xuân / Bằng lời thơ đẹp nhất

Vang từ mái nhà tranh / Với bao niềm chân thật

Dù vòng đại nước mắt / Phong tỏa một khung trời

Dù tiếng rền bom đạn / Dọa nạt từng con người

Mùa xuân...mùa xuân ơi.

Những người đã chết xin có mặt, Những người còn sống xin gởi tay (TTT): Nguyễn Bắc Sơn, Vũ Hữu Định, Phạm Ngọc Lư, Hoàng Lộc, Đĩnh Trầm Ca, Phạm Cao Hoàng, Cao Thoại Châu, Nguyễn Tất Nhiên, Trần Hoài Thư, Phạm Thiên Thư, Bùi Giáng, Trần Dạ Từ, Trần Tuấn Kiệt, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Nguyễn Đức Sơn, Nhã Ca, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Túy Hồng, Trần Thị NgH, Nguyễn Thị Hoàng, Võ Phiến, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Đình Toàn, Đoàn Quốc Sỹ,

Nguyễn Mạnh Côn, Vũ Khắc Khoan, Võ Hồng, Cung Tích Biền, Hoàng Ngọc Biên, Nguyễn Nghiệp Nhượng, và bao nhiêu người nữa.

Hay là thời 60 năm trước. Thuở manh-nha của nền Đệ Nhất Cộng-Hòa với 2 tạp-chí Sáng Tạo và Nghệ Thuật mở đường cho sinh-hoạt văn-học ở miền Nam. Thời Nhân Văn, Giai Phẩm, Trăm Hoa Đua Nở ở miền Bắc, khi bao nhiêu văn-tài của đất nước bị tru-dập, bao nhiêu trăm ngàn người bị nhục-mạ, hành-hình oan-uổng trong chiến-dịch Cải Cách Ruộng Đất theo lệnh của Đệ Nhất Đồ Tề Mao Trạch Đông, kẻ đã hành-hình người trí-thức, gieo cái chết xuống đầu 60, 70 triệu người dân Trung Hoa.

Thử hỏi: Giả như mà nền văn-học miền Nam đã được đề yê cho nó tiếp tục thăng-hoa, nảy nở sau 1975, giả như mà văn-nghệ-sĩ miền Bắc đã không bị kiểm-cấp, khủng-bố sau năm 1956, thì bây giờ...? Nhớ lại thuở còn mồ ma hai nền văn-chương ấy đã có người hỏi cuộc chiến Việt Nam khốc-liệt là dường đây mà sao không có được một tác-phẩm nào làm rung động thế-giới như Mặt Trận Miền Tây Văn Yên Tĩnh ?

Hay là thời 70 năm trước. Lúc 6 triệu người Do-Thái bị lừa vào trại tập-trung, thăm sát tập-thể. Lúc Miller viết cuốn *The Time of the Assassins*. Lúc Simone Weil viết 6 bức thư cho linh-mục Perrin, giữa lúc cuộc Đệ Nhị Thế chiến đang manh-nha, dẫn đến cái chết của 70 triệu người. Sáu bức thư ấy được in trong *Kẻ Lạ Ở Thiên Đường*, mà dịch-giả là Nữ-sĩ Phùng Thăng. Simone Weil chết ngày 24-8 1943. Phùng Thăng sinh ngày 9-10 1943, 7 tuần lễ sau ngày Weil chết. Tôi bắt-chước các ông Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân đi tìm dấu-vết *Kẻ Lạ Ở Thiên Đường* (xem TQBT các số 59, 71), và đã tìm ra nguyên-tác của Simone Weil. Nó là cuốn *Attente de Dieu* (Ngóng Chờ Thượng Đế) xuất-bản năm 1949, sáu năm sau khi Simone Weil lia bỏ trần-gian ở tuổi 34, in cùng với 5 bài luận-thuyết khác mà Weil đã tin-cậy trao cho cha Perrin gìn-giữ. Ngoài các bài viết đăng trên báo, tất cả tác-phẩm của Weil đều posthumous, xuất-bản sau khi chết. Xin đừng có ai bảo là Phùng Thăng đã dịch sai cái tựa sách ấy, *Attente de Dieu* sao lại dịch là *Thiên Đường* các cái. Tôi xin rập đầu năn-ni là đừng quá quắt với nhau như thế. Mà cái tựa *Attente de Dieu* cũng đâu phải là do Weil đặt. Người đặt cái tựa ấy là linh mục

Perrin, người mà Weil đã từ-chối không chịu để cho ông ta làm lễ rửa tội, dù là nàng đặt hết niềm tin vào Thiên Chúa như là Đấng Toàn Năng. Weil từ chối lên thiên-đường vì không muốn nhận những gì nàng *tự nghĩ* là mình không xứng-đáng nhận. Sự liêm-khiết của tâm hồn ấy thật là vượt lên trên mọi thước đo-lường, mọi cách cân-nhắc:

Si j'avais mon salut éternel posé devant moi sur cette table, et si je n'avais qu'à tendre la main pour l'obtenir, je ne tendrais pas la main aussi longtemps que je ne penserais pas en avoir reçu l'ordre.

Nếu có sự cứu rỗi đời đời đặt trên bàn này trước mặt con, và nếu con chỉ cần đưa tay ra để sở hữu nó, con sẽ không đưa tay bao lâu con không nghĩ rằng đã nhận được mệnh lệnh. (Phùng Thăng dịch).

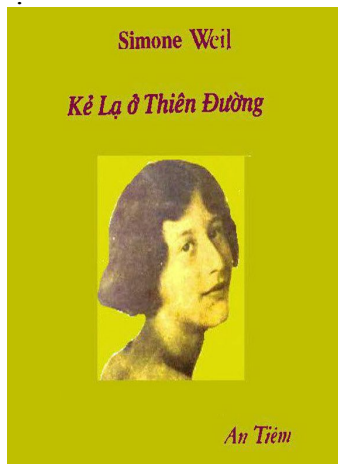
Cùng mình gan-dạ, rộng lượng bao-dung, cái tâm-hồn liêm-khiết ấy khao-khát sự cứu rỗi không chỉ cho riêng mình mà cho cả chúng sinh:

Ce que j'appelle bon port, vous le savez, c'est la croix. S'il ne peut m'être donné un jour de mériter avoir part à celle du Christ, au moins celle du bon larron. De tous les êtres autres que le Christ dont il est question dans l'Évangile, le bon larron est de loin celui que j'envie davantage. Avoir été aux côtés du Christ et dans le même état pendant la crucifixion me paraît un privilège beaucoup plus enviable que d'être à sa droite dans sa gloire.

Cái mà con gọi là bến bình yên đó, chắc Cha đã biết chính là thập tự giá. Nếu một ngày kia con không thể xứng đáng dự vào Thánh giá, ít ra con được ở cạnh cái thập giá của kẻ cướp đã được ở bên cạnh Chúa Ky-Tô. Trong số những người mà Phúc Âm nói đến ngoài chúa Ky-Tô ra, kẻ làm con ao ước thêm nữa từ lâu, chính là tên cướp. Được ở bên cạnh Chúa và chịu cùng số phận với Chúa trong cuộc thọ hình đối với con dường như là một ân sủng đáng mơ ước hơn nhiều so với việc được ở bên tay mặt Chúa trên chốn vinh quang. (PT)

Weil đã viết, và đã sống như thế. Sự thông-khô là cửa ngõ đến với Thượng Đế. Weil đã tự đóng mình trên Thập Tự giá, tự đặt sinh-mạng mình nơi giao-điểm của hai thanh gỗ chữ thập. Nàng đã đem chính xác-thân mình ra hứng chịu nỗi đau đớn của thời-đại để có thể xứng đáng với Thượng-Đế, mà

chẳng cầu-mong được đền đáp một điều gì. Kẻ *lạ* ở thiên đường không phải là kẻ từ-chối, không muốn ở thiên-đường. Mà là kẻ nếu có mặt ở thiên-đường thì sẽ lạ-lẫm giữa những kẻ nhờ ơn chúa Ky-Tô chịu tội thay họ mà được cứu-rỗi lên thiên-đường. Là kẻ mà theo Weil *luôn luôn sẵn-sàng tuân-phục mọi mệnh-lệnh của Thượng-Đế... một cách hân-hoan, cả mệnh-lệnh phải đi vào chính lòng hóa-ngục và ở lại đó miên-viễn*. Và phải chăng Weil đã mở cách cửa hẹp để ta nhìn thấy nỗi-niềm của Thúy Kiều những mười lăm năm *lựa chi những lối đoạn trường mà đi*. Phải chăng Phùng Thăng cũng đã vì thế mà máu me, đau đớn một đời. Thật là xấu-hổ những ai lên án nàng Thúy, những ai đã nhỏ-nhen với các nàng. Và nếu ai có nói gì thì mặc lòng, tôi vẫn nhất-định *Kẻ Lạ Ở Thiên Đường* là cái tựa hay tuyệt-vời, hay hơn cái tựa *Attente de Dieu* của Linh-mục Perrin nhiều lắm.



Và cũng chẳng có gì là nghịch-lý khi Weil thổ lộ:

Je peux dire que dans toute ma vie je n'ai jamais, à aucun moment, cherché Dieu... Il me paraissait inutile de résoudre ce problème, car je pensais qu'étant en ce monde notre affaire était d'adopter la meilleure attitude à l'égard des problèmes de ce monde, et que cette attitude ne dépendait pas de la solution du problème de Dieu.

Con có thể nói rằng trong suốt đời mình con chưa hề một lần kiếm-tìm Thượng Đế... Đối với con dường như giải-quyết vấn đề ấy là điều vô ích, bởi con nghĩ rằng sống ở thế-gian này,

công-việc của chúng ta là có được thái-độ tốt nhất đối với những vấn-đề thuộc về trần-thế, và thái-độ ấy không tùy-thuộc vào giải-đáp về vấn-đề Thượng Đế. (PT)

Vì Thượng-Đế ở ngay giữa tâm-hồn Weil, cần gì phải tìm kiếm ở đâu. Tâm-hồn nàng tinh-khôi trong suốt. Gan dạ nàng thẳng chắc đến vô úy. Và bộ óc thì thiên-tư chói sáng. Văn-nghệ của Weil không đồ-sộ, nhưng bằng sự sâu-sắc, và mầu-nhiệm hơn nữa, qua thái-độ thanh-liêm và tính khai-sáng khi đối-diện với ý nghĩa của kiếp người, Weil đã làm thay đổi bộ mặt của lương-tâm, triết-lý, văn-học thế-kỷ 20. Tôi tin là Camus, Sartre sẽ không là Camus, Sartre như chúng ta đã biết, nếu trên đời không có sự có mặt của Weil. Ông Mallarmé than thở: *La chair est triste, hélas ! et j'ai lu tous les livres. Xác thân thì buồn bã, mà than ôi ! ta đã đọc hết cả mọi sách rồi.* Tôi tiếc cho ông, ông Mallarme ơi, ông lia bỏ trần gian sớm quá, 11 năm trước khi Weil ra đời. Tiếc cho ông đã không được cơ-hội đọc Weil.

Hay là thời bây giờ. Điều gì sẽ cứu vớt chúng ta trước bao thảm cảnh giết chóc, chiến-tranh đang xảy ra ở nhiều nơi trên thế-giới ? Tôi tin ở lời Weil: *Le monde a besoin de saints qui aient du génie comme une ville où il y a la peste a besoin de médecins. Là où il y a besoin, il y a obligation. Thế giới cần những vị thánh có thiên tài cũng như một thành phố đang có bệnh dịch cần y sĩ.* Ở đâu có nhu-cầu là có sự cưỡng-bách. (PT) Những nỗi bất hạnh mà nhân-loại đang kinh qua ắt là cái động-lực bắt phải dẫn đến cái nhu-cầu ấy.

Ông Miller và ông Rimbaud ơi, các ông nằm dưới mộ có đang lạnh mình đó không ? *L'aube exaltée ainsi qu'un peuple de colombes.* Sao mãi chưa thấy bình-minh hùng dậy như một đàn bồ câu bay lượn trên trời ?

Tô Thẩm Huy,

Những ý nghĩ đầu Thu, 23 tháng 9, 2016. Và cũng nhân đây cảm ơn anh Trần Hoài Thư đã chân trời góc biển tìm ra *Kẻ Lạ Ở Thiên Đường*, và đã cặm-cui in và khâu cho tôi một tập đóng bìa cứng quý-giá vô song.



CHUYỆN MUÔN NĂM CŨ

Bài của NGỌC BÚT

*Dịch giả Nguyễn Minh Hoàng
đang đọc bài viết “Mồ Làng
Văn: Ông là ai ?” của THT.
Hình chụp ngày 26-9-2016*

Lời tòa soạn: Mồ Làng Văn là ai? Tại sao bài viết của Duyên Anh trên Văn Học cách đây nửa thế kỷ lại dẫn đến việc Trần Phong Giao phải gỡ bảng “Quét Đình Làng” sau hai năm tung hoành ?. Ngoài Trần Phong Giao ra, ai nằm trong nhóm Mồ Làng Văn ? Chúng tôi đã nêu những câu hỏi trên để nhờ một bạn văn thân hữu ở trong nước tìm cách gặp dịch giả Nguyễn Minh Hoàng – người mà Duyên Anh nêu tên đích danh trong bài viết công kích Trần Phong Giao (Xin xem phần Phụ Đính). Dưới đây là bài viết của NGỌC BÚT về buổi gặp gỡ vào ngày 26-9-2016 có một không hai này. (TQBT)

Saigon chiều âm u. Quán cà phê đầy những con người thời thượng của Saigon hôm nay chuyện trò rôm rả về những vấn đề thời thượng. Bàn số 8. Một người đã già và một người không còn trẻ gặp nhau lần đầu, qua lời giới thiệu của một người bạn quen biết với cả hai. Họ, qua cách ăn mặc và phong thái, có vẻ quá đơn sơ quá giản dị và dường như lạc lõng so với những người còn lại trong quán. Nhưng có hề gì! Điều họ (người không còn trẻ) quan tâm và (người đã già) sắp nói tới là vài chuyện của muôn năm cũ, từ nửa thế kỷ trước. Chuyện có thể không quan trọng với người này, nhưng sẽ rất quan trọng với người kia, ít nhất là với những người muốn được sáng tỏ càng nhiều càng tốt về những chuyện đã từng xảy ra trong một nền văn học một thời rực rỡ – đã bị chôn vùi oan ức và bị cố tình quên lãng – trước khi tất cả những người trong cuộc dần đi về cõi vô cùng và mai sau nếu còn gìn giữ được thì chỉ là những con chữ trên giấy hay trên mạng.

Người-đã-già là dịch giả Nguyễn Minh Hoàng của

ngày xưa và người-không-còn-trẻ là kẻ viết bài này.

Khi chuyện “cái chổi” của Mỗ Làng Văn trên mục Quét Sân Đình ‘quét’ nhà văn Duyên Anh vì bài báo ‘Một Tác Phong Văn Nghệ’ trên Văn Học” (Số 54) xảy ra thì tôi còn rất nhỏ, vừa xong tiểu học và bước vào năm đầu trung học đệ nhất cấp. Tất nhiên tôi chưa đọc tạp chí Văn và không biết gì về chuyện bút chiến giữa Mỗ Làng Văn và nhà văn Duyên Anh, tác giả của Thằng Vũ, của Hoa Thiên Lý, v. v... mà tôi và bọn bạn thời ấy rất ái mộ. Đến năm 1968, khi bắt đầu đọc tạp chí Văn, tôi cũng không hề biết đến chuyện bút-chiến này. Và cho mãi đến hôm nay, khi đọc bài viết “Ai Là Mỗ Làng Văn”(1) của nhà văn Trần Hoài Thu, tôi mới biết có chuyện lời-quạ-tiếng-lại này, và cái “impossible mission” của tôi là đi tìm sự thật, xem thực sự bút danh Mỗ Làng Văn gồm những ai thời ấy.

Gặp bác Nguyễn Minh Hoàng lần đầu, một ông già đã tám mươi ba tuổi nhưng vẫn còn đạp xe đi khắp nơi trong thành phố, đầu óc vẫn minh mẫn, tuy thính giác có giảm sút (có lúc phải lập lại một câu nói hai hay ba lần bác mới nghe kịp), thực lòng tôi không nghĩ đây là một con người “ghê gớm” thời ấy, để đến nỗi nhà văn Duyên Anh nêu đích danh trong bài “phản công” trên Văn Học số 58. Nói chuyện với tôi, bác rất hiền lành và từ tốn, cởi mở. Tôi nói rõ mục đích gặp bác, dù hôm trước đã nói qua điện thoại. Tôi đưa cho bác đọc bài viết của nhà văn Trần Hoài Thu đã nói ở trên mà tôi đã in ra chữ to và mang theo đến quán cà phê. Tôi nghĩ rằng mọi chuyện cần phải thẳng thắn và minh bạch với bác, kể cả hai câu hỏi của nhà văn THT:

(1) Tại sao nhà văn Duyên Anh nêu đích danh dịch giả Nguyễn Minh Hoàng để công kích trả đũa, khi “chỉ nghe” ông Phan Kim Thịnh nói, nhưng không có bằng chứng NMH là Mỗ Làng Văn, mà ông không có một bài nào trên tình?

● TRẢ LỜI ÔNG NGUYỄN MINH HOÀNG

Tôi có thói quen, hễ cần viết hay nói một chuyện dừng chân thuộc phạm vi văn nghệ với một người nào mà nhắc đích danh người đó, không bao giờ tôi dùng những bút hiệu khác ngoài bút hiệu Duyên Anh. Tôi cũng có thói quen, không thích nói chuyện với một người «nổi tiếng» như ông Nguyễn Minh Hoàng mà lại phải nói với bút hiệu «tập thể» của ông Mỗ Làng Văn Nhứt. Sở dĩ, tôi biết người bảo tôi sai lầm trong bài báo của tôi đăng trong Văn Học số 56, là ông Nguyễn Minh Hoàng vì anh chủ nhiệm Văn Học tiết lộ rằng chính ông Trần Phong Giao nói nhỏ với anh đây mới tại quán Chùa.

(Văn học số 58)

2. Tại sao sau vụ này, mục Cái Sân Đình bị dẹp, vì Mỗ Làng Văn đã gây “những hiểu lầm oan ức” cho nhà văn Trần Phong Giao?

Về câu hỏi thứ nhất, bác NMH nói, bác không trả lời ông Duyên Anh vì bác thấy không cần thiết. Bác hoàn toàn không liên quan, không dính dáng gì đến chuyện lời qua tiếng lại giữa hai ông ấy, Dù *bác là một thành viên của bút danh tập thể Mỗ Làng Văn*. Là thành viên của bút danh Mỗ Làng Văn, thỉnh thoảng bác có viết bài, nhưng là về những việc khác. Tôi hỏi, vậy thực sự có những ai là thành viên của bút danh tập thể này. Bác NMH nói, *chỉ có hai người, là ông Trần Phong Giao và Nguyễn Minh Hoàng*, và người viết chính của mục Cái Sân Đình là ông Trần Phong Giao, còn bác chỉ thỉnh thoảng viết bài cho mục này thôi. Tôi nói:

- Thưa bác, vậy mà cháu tưởng phải có vài người...

- Không – Bác khẳng định. Chỉ có ông Trần Phong Giao và tôi.

- Vậy còn ông Trần Thiện Đạo thì sao, thưa bác? Cháu đọc trên mạng, thấy có nói ông TTĐ cũng có bút hiệu Mỗ Làng Văn (2)...

- Cái đó thì tôi không biết tại sao ông ấy lại nói vậy. Ông ấy ngày xưa là bạn học của tôi ở trường Chasseloup-Laubat mà. Tôi đưa cho bác NMH xem lại đoạn nhà văn THT viết về việc phân biệt giọng Nam hay giọng Bắc trong bài phê bình dịch giả Vân Mông (Bùi Giáng) dưới tiêu đề “Chuyện Giải Buồn”:

- Bác ơi, vậy sao giọng văn phê bình dịch giả Vân Mông lại có hai từ “nhứt là” rất Nam kỳ? Bác không viết bài này, ông TTĐ không phải là thành viên của bút danh Mỗ Làng Văn cũng không viết, mà ông TPG là người Bắc...

- Ông TPG vẫn viết nhiều giọng văn khác nhau, không phải chỉ giọng Bắc thôi đâu.

Câu hỏi thứ hai, xuất phát từ bài viết của Mỗ Làng Văn trên Văn số 80, như sau:

“Số là, đã lâu rồi, trong một phiên họp thượng đỉnh, trước toàn ban biên tập và các cộng tác viên của Văn, thư ký tòa soạn có lên tiếng kêu rên là các bài do Mỗ tôi viết đã gây cho

hắn ta quá nhiều sự hiểu lầm oan ức, và do đó, quá nhiều phiền phức lôi thôi (...) Nghe hắn nói xong, anh em biểu quyết và truyền lệnh Mỗ tôi phải treo chổi.”

Bác NMH nói rằng, sự thực Cái Sân Đình bị đẹp là vì ông Nguyễn Đình Vượng bảo ông Trần Phong Giao nên thôi vụ-này đi. Bút chiến với ông Duyên Anh không có lợi, vì ông ấy đang có một số lượng lớn độc giả là thanh thiếu niên rất thích và ủng hộ ông ấy... Và sau đó ông TPG rời khỏi tạp chí Văn (có thể không phải vì vụ bút chiến này, có thể còn vì nhiều lý do khác nữa, mà một kẻ hậu sinh như tôi không thể nào biết được), thư ký tòa soạn mới là nhà văn Mai Thảo và sau đó là nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng cho đến năm 1975, như mọi người đều biết.

Chia tay bác NMH, thú thực tôi hơi bần thần về những gì mình biết được. Nó không giống với một số điều mình được biết trước đó. Hẳn nhiên không có gì là tuyệt đối đẹp hay xấu trên cõi đời này, nhưng ai đó đã nói, nửa ổ bánh mì vẫn là bánh mì nhưng một nửa sự thật không phải là sự thật. Tôi không biết mình đã làm xong cái “impossible mission” ấy chưa. Nhưng tôi cảm thấy nhẹ người một chút, khi bước lên xe bus, nhìn mưa bắt đầu nặng hạt ngoài cửa kính – cơn mưa sau đó đã làm lụt lội Saigon chưa từng có trong suốt hơn bốn mươi năm qua.

Dù sao cũng xin cảm ơn dịch giả NMH và nhà văn THT đã cho tôi có dịp biết thêm chuyện của muôn năm cũ ở lĩnh vực mình yêu thích và được sống lại với người muôn năm cũ, dù chỉ là trong tâm tưởng.

NGỌC BÚT

(Saigon, 30.9.2016)

- (1) Bài viết còn trong dạng bản thảo
- (2) Trong bài “Nói Chuyện Với Dịch Giả Trần Thiện Đạo” của Thụy Khuê.

Trần Thị Nguyệt Mai

Chúc mừng Thư Quán Bản Thảo tròn 15 tuổi



Nhà văn Trần Hoài Thư đang ngồi khâu Di Sản văn chương

Kính tặng Anh Chị Trần Hoài Thư

Hôm nay tạp chí TQBT vừa tròn 15 tuổi với 71 số báo chỉ để dành tặng, không bán, không nhận quảng cáo mà số gần đây nhất, số 71 phát hành trong tháng 8/2016 dày đến 256 trang. Xin thành thật chia vui với Anh Chị Trần Hoài Thư, Anh Phạm Văn Nhân, những người chủ trương cùng những thân hữu đã đóng góp công sức cho tờ báo.

71 số báo với 71 chủ đề như anh THT đã giới thiệu trên blog của anh:

Số 1-17 : Tuyển tập thơ văn

Số 18 : Y Uyên + Tuyển truyện Y Uyên

- Số 19 : Nguyễn Nghiệp Nhượng + tập truyện NNN
Số 20 : Nguyễn Bắc Sơn + thơ NBS (Chiến tranh VN và tôi)
Số 21 : Võ Hồng
Số 22 : Viết trong khói lửa
Số 23 : Vũ Hữu Định + thơ VHĐ toàn tập
Số 24 : Hoài Khanh + 4 tập thơ HK
Số 25 : Văn thơ xứ Quảng
Số 26 : Nguyễn Nho Sa mạc + Vàng Lạnh (thơ NNSM)
Số 27 : Phan Nhự Thức + Đốt Tuổi (tái bản thơ PNT)
Số 28 : Tuyển tập thơ văn mùa hạ
Số 29 : Từ Thế Mộng + thơ TTM (Lẽo Đẽo Một Phương Quì)
Số 30 : 3 tác giả (Trần Huiền Ân, Mang Viên Long & Cao Thoại Châu)
Số 31 : 3 người viết
Số 32 : Trần Dza Lữ
Số 33 : Tạp chí Ý Thức
Số 34 : Lê văn Trung + thơ LVT (Bi Khúc)
Số 35 : Trường xưa
Số 36 : Khuất Đầu + 3 tác phẩm của KĐ
Số 37 : Thư từ Tuy Hòa
Số 38 : Hơi thở đồng bằng
Số 39 : Tạp chí Trước Mặt
Số 40 : Những mùa Giáng sinh khó quên
Số 41 : Tuyển tập thơ văn mùa xuân
Số 42 : Mẹ
Số 43 : Cha
Số 44 : Tưởng niệm Thảo Trường
Số 45 : Mây Viễn Xứ
Số 46 : Doãn Dân
Số 47 : Luân Hoán
Số 48 : Tạp chí Bách Khoa
Số 49 : Lâm Vỹ Thủy + Thơ LVT (Sao em không về làm chim thành phố)
Số 50: Nguyễn Đức Sơn
Số 51: Côi Đá Vàng + truyện dài CDV của Nguyễn thị Thanh Sâm
Số 52: Khoa Hữu & Nh. Tay Ngàn + thơ KH (Lửa)
Số 53: Tạp chí Văn

- Số 54: Ba lô mang theo hồn thơ văn
 Số 55: Dương Nghiễm Mậu + Bút ký DNM (Địa ngục có thật)
 Số 56: Những Ván Đề Văn Học
 Số 57: Văn chương Blog
 Số 58: Tính nhân bản trong văn chương miền Nam
 Số 59: Phùng Thăng + 2 dịch phẩm của PT (Những ruồi, Kẻ lạ ở thiên đường)
 Số 60: Tạp chí Sáng Tạo + sách báo ST (Thơ ST, Tuyển truyện ST, Thảo luận ST + Toàn bộ ST chụp lại)
 Số 61: Hiện tượng những nhà văn nữ
 Số 62: Tạp chí Khởi Hành
 Số 63: 20 năm văn học miền Nam & tạp chí Ván Đề
 Số 64: Tạp chí Trình Bày
 Số 65: Tưởng niệm nhà văn Hoàng Ngọc Hiến & giới thiệu tạp chí Thời Tập + điểm sách của HNH
 Số 66: Tạp chí Hiện Đại
 Số 67: Trong Lớp Khói Màu & giới thiệu tạp chí Văn Nghệ
 số 68: Văn chương chửi thề & giới thiệu tạp chí Nghệ Thuật
 Số 69: Tạp chí Mai
 Số 70: Nhà thơ Phạm Ngọc Lư & Biên Cương Hành + thơ PNL (Đan Tâm)
 Số 71: Chiều đầy bông Phùng Thăng

Nhìn lại một chặng đường, chắc chắn, các anh chị rất vui khi TQBT đã thực hiện được những số báo có thể nói là “gai góc” nhất trong chặng đường vừa qua khi tài liệu ban đầu hầu như không có, như những số 55 (Dương Nghiễm Mậu), 59 (Phùng Thăng), 65 (Hoàng Ngọc Hiến)... Có thể nói TQBT đi từ con số không, nghĩa là tài liệu không có sẵn trong tay, tòa soạn và thân hữu đã đi tìm tại các thư viện trong và ngoài nước, trên mạng và cả những tư liệu cá nhân do các thân hữu cung cấp. Mỗi số báo có thể nói là một tài liệu rất hiếm quý để minh chứng rằng Văn Chương Miền Nam trong suốt 21 năm từ 1954 đến 1975 là một nền văn chương nhân bản, tự do, muôn màu muôn sắc, người cầm bút được trang trải những tâm tư của chính mình vì vậy nó phản ánh được thời đại mà họ đang sống... Ngoài những chủ đề về những nhà văn, nhà thơ, đặc biệt những nhà văn nhà thơ bị lãng quên như Lâm Vĩ Thủy với

Sao Em Không Về Làm Chim Thành Phố, Nguyễn Thị Thanh Sâm với Cối Đá Vàng, Phùng Thăng với những dịch phẩm Những Ruồi, Kẽ Lạ Ở Thiên Đường... TQBT còn có những số về các tạp chí đã ấn hành tại miền Nam trước 1975: Ý Thức, Trước Mặt, Bách Khoa, Văn, Sáng Tạo, Khởi Hành, Vấn Đề, Trình Bày, Thời Tập, Hiện Đại, Văn Nghệ, Nghệ Thuật, Mai...

TQBT số 55 chủ đề nhà văn Dương Nghiễm Mậu, phát hành tháng 1/2013, đánh dấu một bước ngoặt lớn. Chị Nguyễn Ngọc Yến, người bạn đời thân yêu nhất của anh Trần Hoài Thu, đã bị đột quỵ liệt nửa người bên trái vào cuối tháng 12/2012. Đó là số báo cuối cùng chị đã lên đường cùng anh đến các thư viện Yale và Cornell để sưu tầm tài liệu. Từ đây anh THT mất hẳn một cánh tay đắc lực và cũng từ đây anh THT phải kiêm nhiệm tất cả mọi việc của chị mà trước đây anh không hề lưu tâm tới, như nấu ăn, giặt giũ... Anh đã lên mạng tìm tài liệu dạy nấu ăn để thay đổi món ăn cho chị rồi dỗ dành chị khi trong người chị đã mệt mỏi không còn muốn nuốt, thật xót xa:

*Từ mấy hôm nay em cứ bảo rằng no
Anh không còn biết món ăn nào em thích
Năn nỉ mãi nhưng làm sao mà ép
Khi một người không biết đói – em ơi*

*Đời anh tối thui nên chẳng có chị Hằng
Làm sao mang trăng về bên này giường bệnh
Thôi thì chiếc bánh -xèo- trắng này anh làm rất vụng
Em hả miệng ăn giùm một chút để anh vui...
(Trần Hoài Thu – Vàng Trắng)*

Săn sóc chị nhưng anh rất buồn vì cảm thấy bất lực khi không làm gì được để đưa chị Yến trở lại như xưa, có ai đọc mà không rung nước mắt?

Restore

*Cái command **Restore** từ lâu ta không bao giờ dùng
tự nhiên lóe lên lúc 1:00 AM*

Ta hấp tấp chạy đến máy

run restore

chọn ngày 1.1.2014 để máy quay về, thời máy an lành, máy vui vẻ, máy thông thương, máy giữ gìn những gì ta cần gìn giữ...

Máy tốt rồi

Máy hồi sinh rồi

Ta bắt đầu làm bộ sáng tạo rồi

Mừng ơi là mừng

*Nhưng mà tại sao ta không thể run command **Restore** cho đời Y. bây giờ*

Dù chỉ cần một bước đi

Dù chỉ cần một bàn tay được nắm

Dù những ngón tay được co giãn

Dù bàn chân trái được thoải mái khi đặt trên nền...

(Trần Hoài Thư – Restore)

Nhưng dù như thế, gần 4 năm nay, giữa những thời gian ấy, đêm khuya hay sáng sớm, khi khỏe mạnh hay khi bị bệnh Gout hành hạ đến tận cùng, nơi tầng hầm ngôi nhà ở Plainfield, New Jersey, anh vẫn dành thời gian ít ỏi của mình cho việc sửa chữa máy móc/ tìm kiếm/ đánh máy tài liệu/ thực hiện những số báo TQBT thật giá trị.

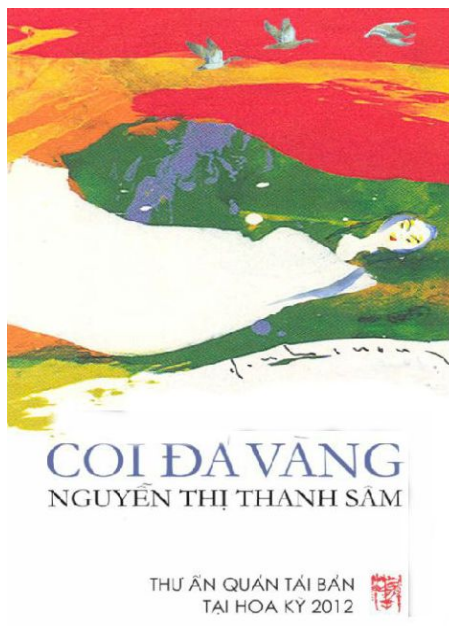
Xin được nghiêng mình cảm phục và cảm ơn Anh, Người Khâu Di Sản Văn Chương Miền Nam. Nguyện cầu Ông Trên ban phước lành đến cho Anh Chị.

Trần Thị Nguyệt Mai

11/9/2016

Viết về

NHÂN VẬT TRẦN



Những trang sau là những trang viết về TRẦN - nhân vật chính trong Cõi Đá Vàng của Nguyễn thị Thanh Sâm qua những hồi ức, văn trích của Nguyễn Đắc Điều, Nguyễn Hoàng Lưu, Phùng Quán và Nguyễn thị Thanh Sâm

Độc Cối Đá Vàng ***của Nguyễn Thị Thanh Sâm***

NGUYỄN HOÀNG LƯU

Lời tòa soạn: Tòa soạn TQBT vừa nhận được bài viết của thân hữu Nguyễn Đắc Điều. Ông là một người rất thân thiết với gia đình cố đại tá Phan văn Tôn – Nguyễn thị Thanh Sâm. Ông đã làm được một việc rất “ngoạn mục”: Đi tìm dấu vết Trần-nhân vật chính của Cối Đá Vàng. Cuối cùng ông đã tìm được. Ông chuyển đến chúng tôi thư của tác giả Nguyễn Hoàng Lưu người nhân chứng ngày nhân vật Trần bằng xương bằng thịt.

Chúng tôi xin được phép đăng, trước hết là “lời người chuyển”, theo đó người chuyển (Nguyễn Đắc Điều) giải thích lý do, cũng như diễn tiến cuộc đi tìm nhân vật Trần, kể đó là bài viết qua hình thức một lá thư dài của tác giả Nguyễn Hoàng Lưu trả lời ông Nguyễn Đắc Điều, dưới tựa đề “Độc Cối Đá Vàng”. Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc một bài viết có giá trị về sử liệu văn học. (TQBT)

Lời người chuyển. (Nguyễn Đắc Điều)

-Cối đá vàng (chủ thích 1) là tập truyện dài đầu tay và duy nhất của Nguyễn thị Thanh Sâm. Nội dung câu chuyện xoay quanh nhà thơ Hồ Vĩ và một số nhân vật tham gia kháng chiến tại Liên khu 4 về lòng yêu nước và ý thức hệ chính trị trong những ngày đầu của cuộc chiến tranh chống Pháp để giành Độc Lập, Tự Do cho đất nước.

Tôi quen tác giả Nguyễn thị Thanh Sâm qua sự giới thiệu của anh Nguyễn xuân Thiệp, Trưởng đài phát thanh Tiếng nói Quân đội Vùng 2 Chiến thuật trong buổi triển lãm tranh của họa sĩ Đinh Cường và một số thân hữu khác như Trịnh Cung, Trịnh công Sơn, Bửu Ý...vào năm 1965 tại Alliance Francaise, thị xã Đà-Lạt. Nhóm thân hữu này, thường gặp nhau tại nhà

tác giả Nguyễn thị Thanh Sâm trong những buổi họp mặt văn nghệ để nghe Khánh Ly và Trịnh công Sơn hát.

-Tôi rời Đà-Lạt sau Tết Mậu thân 1968 để tái ngũ. Năm 1969, tôi nghe tin chồng của tác giả Nguyễn thị Thanh Sâm là Trung tá Phan văn Tồn tử nạn tại ấp Kim Thạch gần Suối Vàng. Tôi biết Trung tá Tồn từ năm 1962 khi tôi làm Trưởng ty Hành chánh và lúc đó Trung tá Tồn còn là Trung úy giữ chức vụ Quận trưởng quận Khiêm Đức tỉnh Quảng Đức. Tôi được tác giả Nguyễn thị Thanh Sâm cho đọc bản thảo cuốn truyện và tôi đã góp ý với tác giả nên đặt tên cuốn truyện là **Cõi đá vàng** để ghi lại địa danh nơi Trung tá Tồn hy sinh (ấp Kim Thạch).

-Năm 2008 tôi được đọc một tạp văn “Tàn mạn những ngày tháng cũ” của tác giả Nguyễn hoàng Lưu viết về Liên khu 4, đề cập đến một cuộc gặp gỡ ở chiến khu Thừa Thiên với một nữ sinh kháng chiến có tên Thanh Sâm và nhà thơ Hồ Vi, cán bộ trung đoàn 101. Cuộc gặp gỡ có nhiều chi tiết ăn khớp với người và việc trong **Cõi đá vàng**, đã thúc đẩy tôi đi kiếm cuốn sách mà tôi đã đọc gần nửa thế kỷ trước. Tôi đã tìm gặp lại cuốn **Cõi đá vàng** do Thư Án Quán tái bản ở Hoa Kỳ và gửi cho tác giả Nguyễn hoàng Lưu để đối chiếu, làm sáng tỏ. Ngược thời gian tìm kiếm nhân vật (tác giả Nguyễn thị Thanh Sâm) và tác phẩm (**Cõi đá vàng**) tôi đã gặp lại những người bạn cũ của tôi và Nguyễn thị Thanh Sâm, nhiều người không còn nữa (Trịnh công Sơn, Đinh Cường...), và người nữ sinh kháng chiến có tên Thanh Sâm cũng là tác giả Nguyễn thị Thanh Sâm nay đang sống với con gái Quỳnh Trân ở Seattle trong tình trạng alzheimer. Tôi đã tìm thấy nguyên mẫu trong đời thường của các nhân vật chính trong **Cõi đá vàng**: người con gái bị thủ tiêu bởi 3 mũi tên thuốc độc và nhân vật Trần chính là nhà thơ Hồ Vi. Nhà thơ Hồ Vi đã chết trên đường tìm tự do. Ông tử nạn vì vướng mìn du kích địa phương khi đi thăm mộ người yêu lần cuối để từ giã trước khi vào Huế (vùng Pháp chiếm đóng). Người yêu của ông chết đuối ở sông Ô Lâu, chiến khu Hòa Mỹ, và cái chết bi thảm của ông đã được nhà văn Phùng Quán ghi lại trong đoản văn “Nhà tiên tri tâm cỡ đại đội”.

Dưới đây là bài viết của tác giả Nguyễn hoàng Lưu.

Nguyễn Đắc Điều

***Thư của tác giả Nguyễn Hoàng Lưu gửi ông Nguyễn Đắc
Điều sau khi đọc Cối Đá Vàng***

Anh Điều thân,

1/-Cảm ơn anh đã công phu tìm kiếm, cho đọc cuốn truyện dài “Cối đá vàng” của Nguyễn Thị Thanh Sâm, người con gái tôi đã gặp ở chiến khu Thừa Thiên cách đây trên 60 năm (đầu năm 1952) và Trần, nhân vật chính trong Cối Đá Vàng.

2/-Đoạn chót bài “Ly rượu thọ” như sau :

... *Rừng phong* xa loáng bạc nắng lung lay,
Hoa đào bay trước ngõ, hoa đào bay,
Trong hoa tuyết trắng ngần rơi lả tả,
Và xuân ấy năm ngàn quân của Mã
Đánh tan xương quân Nhật một sư đoàn.

Hiện nay có 2 luồng ý kiến về ai là tác giả bài thơ Ly rượu thọ : Tổ Hữu hay Phạm huy Thông ?

Năm 1945 tình cờ tôi được đọc bài Ly rượu thọ trong báo Bạn Đường tại nhà ông Võ thành Minh, đề tên tác giả là Tổ Hữu. Bây giờ nhà cha mẹ tôi và nhà ông Võ thành Minh ở đối diện nhau trên đường Destenay thành phố Vinh, gọi là phố Cầu Rằm; và tôi đang học lớp Nhất trường Cao xuân Dục. Tờ Bạn Đường là báo của hướng đạo, ông Võ thành Minh là huynh trưởng hướng đạo, có tên Dã Mã (Ngựa rừng). Ông sống giản dị, đậm bạc, thường cỡi chiếc xe mô tô cũ kỹ, tiếng nổ lớn, bọn con nít chúng tôi gọi là xe bình bịch. Ông là người thối sáo bên bờ hồ Leman, Geneve lúc hội nghị Geneve 1954 chia đôi Việt nam thành hai miền Nam, Bắc; bị cộng sản giết chết trong Tết Mậu Thân ở Huế (1968). Trường Cao xuân Dục mà tôi theo học là trường Tiểu học Pháp Việt đầu tiên của thành phố Vinh và tỉnh Nghệ An, thập niên 1920 được xem là cái nôi cách mạng với Trần mộng Bạch (hiệu trưởng), Trần Phú, Hà huy Tập (giáo viên)... làm thành hạt nhân của đảng Tân

Việt, tiền thân của đảng Cộng sản Đông dương. Trần mộng Bạch là người soạn thảo cương lĩnh đảng Tân Việt, là linh hồn và thủ lĩnh. Người Pháp xem ông là phần tử cực kỳ nguy hiểm vì khả năng và uy tín của ông trong việc kết nối các lực lượng yêu nước từ giới sỹ phu lão thành nho học (Lê Huân, Nguyễn đình Kiên...) cho đến giới trí thức trẻ tuổi tân học (Trần Phú, Hà huy Tập, Phan kiên Huy, Ngô đức Diễn, Đào duy Anh, Đặng thái Mai, Tôn quang Phiệt, Phạm Thiều, Nguyễn thị Minh Khai, Phan đăng Lưu, Nguyễn chí Diểu, Nguyễn sĩ Sách, Lê duy Điểm...). Đa số các trí thức tân học tiêu tư sản này trở thành lực lượng nòng cốt xây dựng, hình thành và phát triển đảng cộng sản Đông dương với Trần Phú Tổng bí thư đầu tiên và kế tiếp ...Hà huy Tập. Trần mộng Bạch là người có tinh thần đoàn kết quốc gia, đã khởi xướng việc liên kết với Thanh niên Cách mạng đồng chí hội trên căn bản 2 đảng song song tồn tại trong mục tiêu đánh đuổi xâm lược Pháp giành độc lập, nhưng là người cương quyết không chấp nhận giải thể đảng Tân Việt để sáp nhập vào Thanh niên Cách mạng đồng chí hội (cộng sản). Bây giờ nhìn lại bối cảnh lịch sử ngày đó, chúng ta nhận rõ ông là một chiến sỹ kiên cường của chủ nghĩa dân tộc, là nhà ái quốc chân chính, và là nhà lãnh đạo sáng suốt... Vì các lẽ đó mà những nhà viết sử dưới chế độ cộng sản đã cố tình lãng quên tên tuổi của ông và vai trò lớn lao của ông trong công cuộc đấu tranh giành độc lập giải phóng dân tộc. Tên thật của ông là Trần đình Thanh, người Hà Tĩnh, bị thực dân Pháp giết chết năm 1931, lúc 29 tuổi. Sở dĩ tôi nhắc đến ông ở đây vì hầu hết mọi người ngày nay không còn biết đến ông. Trường Cao xuân Dục sau cách mạng tháng 8, 1945 đổi tên là Phạm hồng Thái và sau ngày toàn quốc kháng chiến 19/12/1946 thì không còn nữa.

Năm 1949 nhà xuất bản Sống Chung Sài Gòn, giám đốc Sơn Khanh phát hành tuyển tập “Thơ mùa giải phóng” có đăng bài Ly rượu thọ dưới tên tác giả Tố Hữu, các tác giả khác gồm có: Vũ anh Khanh, Nguyễn Bính, Đông Hồ... Sơn Khanh là bút hiệu của luật sư Nguyễn văn Lộc, cựu Thủ tướng Việt nam Cộng hòa (1967, 68), sau 1975 đi tù cải tạo và mất tại Pháp. Năm 1969 nhà xuất bản Văn học Hà Nội phát hành tập thơ “Tù ấy” (thơ Tố Hữu 1937-1946), Đặng thái Mai giới thiệu, có đăng bài Ly rượu thọ. Nhưng từ sau 1969, trong thời gian Tố

Hữu còn sống, toàn tập thơ Tố Hữu được tái bản nhiều lần mà không có bài Ly rượu thọ.

Trong số những người cho rằng bài Ly rượu thọ là của Phạm huy Thông có 2 nhà sử học Đinh xuân Lâm và Phan huy Lê, cả 2 đều là học trò của Phạm huy Thông lúc ở Đại học Văn khoa Hà Nội (1956). Đa số những người đọc thơ Tố Hữu và Phạm huy Thông đều có nhận xét: giọng thơ Ly rượu thọ không phải là giọng thơ Tố Hữu mà là giọng thơ “hùng tráng” của Phạm huy Thông (tác giả Tiếng địch sông Ô).

Vấn đề ai là tác giả Ly rượu thọ, Tố Hữu hay Phạm huy Thông? chỉ được đặt ra sau khi Tố Hữu chết (Tố Hữu 1920-2002) và Phạm huy Thông đã chết trước Tố Hữu trên chục năm (Phạm huy Thông 1916-1988). Trước 1955 Phạm huy Thông sống ở Pháp và Sài gòn (vùng Pháp kiểm soát). Vì hoạt động cộng sản Phạm huy Thông bị chính phủ Pháp trục xuất về Sài gòn năm 1952 và chính phủ miền Nam (Thủ tướng Ngô đình Diệm) trục xuất ra miền Bắc sau hiệp định Geneve 1954. Lúc bấy giờ Tố Hữu là ủy viên trung ương đảng phụ trách công tác văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền, nắm quyền sinh sát văn nghệ sĩ, là người chỉ đạo vụ đàn áp phong trào Nhân văn Giai phẩm mà khởi nguồn từ việc một số văn nghệ sĩ công khai chỉ trích tập thơ Việt Bắc của ông.

3/-Bài “Đường rừng”, nhạc Trần Hoàn, lời (không nhớ tên tác giả) :

... Trèo đèo Ba Rền,

Băng qua *Nhà Nam*!

Nhà Nam chứ không phải là Nhã Nam. Có nhiều bản sao chép là Nhã Nam, không đúng. Nhã Nam thuộc Yên Thế (Bắc Bộ) trước kia là căn cứ địa của cụ Hoàng hoa Thám chống Pháp. Nhà Nam là tên một trạm nghỉ trên đỉnh Ba Rền (Quảng Bình), tôi có nghỉ đêm tại đây khi vượt Ba Rền đầu 1952.

Anh có thể mở Google để xem toàn bài “Đường rừng” và nghe hát. Ngày đó (1949) bộ đội chúng tôi thường hát bài này nhưng có lược bỏ một số đoạn vì không thích hợp khi hát tập thể.(Chú thích 2)

4/-Bấy giờ tôi là bộ đội mới giải ngũ (trường Quân chính Liên khu 4) và đang học năm cuối trường cấp 3 Huỳnh thúc Kháng

(trường Khải Định-Huế di tản, hiệu trưởng đầu tiên là giáo sư Phạm đình Ái và hiện là giáo sư Hà thúc Chính, cậu ruột của người anh quen biết là luật sư Cao xuân Châu Phố). Nhân trường tạm nghỉ để các giáo sư đi tu nghiệp nên tôi dùng thời gian này đi vào Thừa Thiên liên lạc với thân nhân trong vùng tạm chiếm, xin tiếp tế và giải quyết một số công việc gia đình. Tôi rời Đức Thọ, Hà Tĩnh Giáng sinh 1951, vào đến Thừa Thiên giáp Tết đầu năm 1952. Tôi ở Lê Xá thuộc vùng giải phóng cách Huế khoảng 10 cây số để liên lạc vào Huế. Lê Xá lúc này rất nhộn nhịp, cán bộ các loại lui tới: cán bộ Liên khu 5, cán bộ nội thành, cán bộ các cơ quan kháng chiến Thừa Thiên, bộ đội Trung đoàn 101... Một hôm có người bạn ở trường Lục quân Trần quốc Tuấn dẫn một cô gái giới thiệu là em của anh ta đang cần chỗ ở, muốn gửi tôi giúp và săn sóc vì anh đã hết hạn phép phải trở lại Liên khu 4. Tôi nói với chủ nhà cô là em tôi và ông đồng ý cho ở lại trong nhà. Cô gái tên là Thanh Sâm, nói với tôi là quê cô ở làng Thế Chí (Phong Điền), mới học xong năm thứ 2 trung học ở Chu Lễ (Hương Khê, Hà Tĩnh), trường trung học đệ nhất cấp dành cho học sinh Bình Trị Thiên...

Tôi gặp anh Hồ Vi vào một buổi sáng tại một quán nước ở Lê Xá; cuộc gặp do Thanh Sâm (quen biết trước với Hồ Vi) giới thiệu. Trước đó tôi chỉ biết anh là một nhà thơ qua bài “Gửi người chín lăm” nói về tình chiến hữu của lính Trung đoàn 101 (chủ lực Thừa Thiên) với lính Trung đoàn 95 (chủ lực Quảng Trị), hai trung đoàn thường phối hợp trong một số trận đánh ở vùng giáp biên Quảng Trị-Thừa Thiên. Biết tôi từ khu 4 vào, câu đầu tiên anh hỏi là “ngoài nớ” (Thanh Nghệ Tĩnh) có bài thơ mới nào không. Tôi đọc cho anh nghe bài “Mầu tím hoa sim”. Anh lấy giấy bút nhờ tôi chép. Anh đọc đi đọc lại và thích nhất 2 câu : “Tóc nàng xanh xanh/ Ngấn chưa đầy búi”. Chị Ninh (tên người con gái trong Mầu tím hoa sim, chết đuối ở Nông Cống/ Thanh Hóa) có người em ruột là Lê Đỗ Khang cùng đơn vị với tôi các năm 1949, 50. “Ba người anh đi bộ đội” của chị Ninh thì về sau một người tử trận ở Điện Biên Phủ, một người khác có cấp bậc Trung tướng (Phạm hồng Cư, tên thật là Lê Đỗ Nguyên, lấy con gái ông Đặng thái Mai, em vợ Võ nguyên Giáp). Sau câu chuyện Hữu Loan và Mầu tím hoa sim, suốt thời gian còn lại anh Hồ Vi đọc thơ của anh cho

tôi nghe. Đây là những bài thơ thuộc loại không được phổ biến vì lãnh đạo xem là mất lập trường, sáng tác riêng cho anh và để đọc cho vài bạn thân nghe, nhưng một số bài đã bị phát tán do sao chép, truyền miệng, lan rộng trong bộ đội mà thành phần đa số bấy giờ là tiểu tư sản, do vậy nhiều lần anh bị kiểm thảo nặng nề.. Một bài thơ dài có thể xem là tiêu biểu và có lẽ được anh ưng ý nhất là bài khóc một cô gái bị đơn vị anh thủ tiêu vào những ngày đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Bài thơ nói lên cái chết rừng rợn, oan khuất của nạn nhân và sự đối xử man rợ của con người đối với con người, tôi không nhớ bài thơ nhưng còn nhớ rõ câu chuyện anh kể.

Đó là sau khi mặt trận Huế vỡ ít lâu (1947), các đơn vị bộ đội được tập hợp, chấn chỉnh lại; và đơn vị của anh Hồ Vi (trung đoàn 101) đã mở trận đánh lớn thắng lợi đầu tiên, tiêu diệt đồn Mỹ Chánh (phía bắc Thừa Thiên). Trong khi 2 bên nổ súng, có một người đàn bà từ trong đồn chạy ra, lao qua hàng rào kẽm gai, la lớn : “Các anh bộ đội cứu em với !”. Người đàn bà này là một cô gái còn trẻ xấp xỉ 20, nguyên là gái mai dâm ở Huế trước 1945. Sau cách mạng tháng 8 hoàn lương trở thành một cán bộ tích cực của Phụ nữ Cứu quốc thành phố, nhưng sau khi mặt trận vỡ thì chị bị bỏ lại. Sống trong vùng bị chiếm, không nơi nương tựa, không nghề nghiệp, chị phải trở về nghề cũ và sau đó lấy 1 hạ sĩ quan Pháp đóng ở đồn Mỹ Chánh. Khi bộ đội tấn công đồn chị mừng rỡ, bất chấp nguy hiểm, băng qua lửa đạn chạy về với bộ đội. Chị tình nguyện đi theo bộ đội làm bất cứ công việc gì để giúp bộ đội rảnh tay đánh giặc: nấu nướng, giặt dũ, may vá, săn sóc thương bệnh binh... Quân Pháp bấy giờ vẫn còn ở thế chủ động, các căn cứ hậu cần của bộ đội thường xuyên bị đe dọa, bộ đội trong tình trạng đói rách, thiếu thốn mọi thứ, luôn luôn phải di chuyển để tránh bị tiêu diệt. Việc đơn vị mang theo một phụ nữ trên đường hành quân trở thành một gánh nặng cùng nhiều vấn đề phức tạp nảy sinh, nhưng buông ra thì sợ bí mật quân sự bị tiết lộ, cuối cùng bộ chỉ huy quyết định phải thủ tiêu. Vì phải tiết kiệm đạn dược và nhân thể có một số tên thuốc độc của người Thượng cung cấp mà bộ chỉ huy muốn xử dụng làm vũ khí giết giặc nên đã đem chị ra thí nghiệm. Người lính phụ trách hành quyết đã bắn 3 mũi tên thuốc độc vào bụng và ngực nhưng nạn nhân không chết; bị hoảng loạn trước sự dấy dụa và những tiếng thét thảm

thiết của nạn nhân, anh ta đã dùng dao găm đâm tới tấp vào ngực của nạn nhân để kết thúc.

Tôi hiểu anh Hồ Vi và tâm trạng cô đơn của anh. Như có lần anh hỏi đùa Phùng Quán về ý nghĩa con số 101 (một trăm lẻ một), phiên hiệu đơn vị của anh và Phùng Quán (trung đoàn 101), anh nói : con số một trăm dùng để chỉ trung đoàn, còn “lẻ một” là chỉ nhà thơ Hồ Vi. Bấy giờ Phùng Quán không hiểu, phải đợi nhiều năm sau nhà thơ Hồ Vi chết và Phùng Quán đã trở nên nhà thơ bị vùi dập trong Nhân Văn Giai Phẩm thì lúc ấy mới thấm thuốc. Anh là một người lính can đảm sẵn sàng hy sinh cho đất nước không điều kiện, đã tham dự những trận đánh đầu tiên sau ngày toàn quốc kháng chiến; là một nhà thơ tài hoa, nặng tình người, không chấp nhận tội ác chiến tranh dù bên này hay bên kia; và là con người trung thực, không chấp nhận dối trá và kèm kẹp của cộng sản. Tôi hoàn toàn thông cảm với hoàn cảnh bế tắc của anh nhưng không thể chia sẻ. Tôi cũng ở vào tâm trạng ngổn ngang của một con người trong ngõ cụt đang tìm cách vượt thoát. Tôi không thể nói thực với anh là quyết định giải ngũ của tôi vài tháng trước đây là vì cuộc sống quân đội đã làm tôi ngột thở, tôi không thể chấp nhận sự phân biệt đối xử dựa trên tiêu chí chính trị giữa những người lính cùng mục tiêu chiến đấu giành độc lập dân tộc, cũng như các cuộc chinh huấn tầy vãi để buộc người lính phải tuân phục như những tên nô lệ không còn nhân cách; và việc tôi vượt Trường Sơn từ Nghệ An vào đây liên lạc với thân nhân, chỉ với mục đích duy nhất là dọn đường cho gia đình trở về vùng Pháp kiểm soát vì không thể nào sống nổi với cộng sản. Quyết định giải ngũ của tôi làm đồng đội ngạc nhiên vì tôi là sỹ quan trẻ tuổi nhất trong đơn vị, luôn luôn giữ kỷ luật và gương mẫu, được xem có nhiều triển vọng. Đây là cả một cuộc đấu tranh tư tưởng nội tâm không thể chia sẻ với bất cứ ai; mặc dầu tôi tin tưởng đã hành động đúng nhưng quyết định đó đã làm tôi đau lòng, một nỗi đau lớn: Tôi đã bỏ ngũ trong khi đồng đội tôi tiếp tục chiến đấu và kháng chiến đang đòi hỏi nhiều hy sinh. Nhưng tôi không còn một sự chọn lựa nào khác hơn. Kể từ sau chiến dịch Cao Bắc Lạng 1950, các cố vấn Trung cộng nhập Việt có mặt hầu hết các đơn vị bộ đội từ Việt Bắc tới Thanh Nghệ Tĩnh và đảng cộng sản Đông Dương họp tại Tuyên Quang tháng 2 năm 1951 quyết định ra

mất công khai dưới tên đảng Lao động Việt Nam với cương lĩnh lấy tư tưởng Mao trạch Đông làm nền tảng và kim chỉ nam cho mọi hành động, cuộc kháng chiến chống Pháp giành độc lập đã đi vào quỹ đạo cộng sản quốc tế.

Hôm đó tôi và anh chia tay nhau trong bịn rịn và không người nào nói lời hẹn gặp lại.

5/-Tháng 4 năm 1955 tôi vượt tuyến vào Nam.

Năm 1956 trong khi dạy trường Kỹ Thuật Huế tôi quen linh mục Trần văn Dụ, chánh xứ Kim Long. Ông cho biết thời gian kháng chiến chống Pháp trước 1954 ông làm chánh xứ Long Hồ, vùng xôi đậu thuộc Hương Trà gần chiến khu Hòa Mỹ, anh Hồ Vi đã tiếp xúc nhờ ông thu xếp cho anh về Huế (vùng Pháp) nhưng trên đường đi anh đã tử nạn vì vương mìn của du kích địa phương. Tôi nhớ đến Thanh Sâm, người con gái đã đưa tôi đến gặp Hồ Vi, hỏi ông có biết không; ông nói: Cô ta hiện đã lập gia đình với một anh Trung úy Bảo an. Linh mục Trần văn Dụ đã mất cách đây vài năm tại Bệnh viện Thống Nhất, Sài Gòn. (Chú thích 3)

Ít lâu sau tôi vào Sài Gòn, cuộc sống xô bồ và bận rộn hàng ngày cuốn con người lao về phía trước. Cho đến hôm nay, trên 60 năm được anh nhắc đến, tôi không ngờ cô ta còn sống và đã có một thời viết văn. Tôi nhớ hôm tôi gặp Hồ Vi, Thanh Sâm chỉ im lặng nghe tôi và Hồ Vi nói chuyện. Tôi định ninh cô còn ít tuổi, mới học xong năm thứ hai trung học nên không xen vào câu chuyện văn chương chữ nghĩa của người lớn. Thanh Sâm ở với tôi khoảng 2 tuần cho đến khi có giao liên đưa tôi vào Huế. Ở Huế tôi không trở lại Lê Xá mà dùng đường hàng không Huế-Hà Nội và đường thủy Hà Nội-Nam Định-Phát Diệm, vượt qua vùng no man's land Phát Diệm-Tam Tổng trở lại Liên khu 4. Trong trí nhớ còn lại của tôi về Thanh Sâm: Mái tóc xõa ngang vai, cặp mắt mở lớn, chiếc kiềng vàng chạm ở cổ, ăn mặc tươm tất, thanh thoát làm điệu, và luôn cho tôi cảm tưởng “ngây thơ không biết cuộc đời là chi”.

Tôi chỉ gặp Hồ Vi lần đó, không rõ về gia cảnh và bạn bè của anh. Nếu sách “Cối đá vàng” không nhắc đến vụ cô gái bị thủ tiêu với ba mũi tên thuốc độc và nhân vật Trần chết vì vương mìn du kích thì tôi không nhận ra nhân vật Trần là Hồ Vi. Tên

thật của anh Hồ Vi là Trần Vĩnh.

Trong cuộc đời có những người chúng ta chỉ được gặp một lần, trong một thoáng của một tình cờ nào đó nhưng đã để lại những kỷ niệm không bao giờ phai nhạt, để mỗi khi nghĩ đến, lòng không khỏi bồi ngùi, thương cảm với những nỗi niềm tiếc nhớ không nguôi.

NGUYỄN HOÀNG LƯU

Lakewood, ngày 21 tháng 8 năm 2016

Chú thích 1 : Nguyễn hoàng Lưu là tên một người bạn của tác giả bài viết “Độc Côi đá vàng”; tác giả dùng tên người bạn làm bút hiệu khi viết về một số chuyện cũ lúc trẻ, để kỷ niệm người bạn thừa thiếu thời nay không còn nữa.

Tác giả bài viết sống tại Liên khu 4 trong thời kháng chiến chống Pháp 1945-1955 (gồm các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và phân khu Bình Trị Thiên). Nguyễn hoàng Lưu là bạn thân với tác giả, cùng trường, cùng lớp, cùng đơn vị bộ đội (Việt Minh) trong các năm 1949, 1950 (Phùng Quán bảy giờ cũng thuộc đơn vị này, về sau là nhà văn liên hệ trong vụ Nhân Văn giai phẩm)... Năm 1952 tác giả bị cộng sản cầm tù dưới tội danh “gián điệp Pháp”, đây là thời kỳ đảng cộng sản đã ra mắt công khai dưới danh xưng đảng Lao Động Việt Nam, đang chuẩn bị công cuộc cải cách ruộng đất và chính đôn tổ chức sẽ được phát động cuối năm 1953.

Được phóng thích do Hiệp định Geneve 7/1954, tác giả vượt tuyến vào Nam tháng 4/1955.

Năm 1965 Nguyễn hoàng Lưu là tiểu đoàn trưởng pháo binh của quân đội chính quy Bắc Việt, chỉ huy đơn vị xâm nhập miền Nam, chiến đấu tại mặt trận Dầu Tiếng, hy sinh tại đây ngày 2/9/1968. Cùng thời gian này, tác giả bài viết giữ một chức vụ quan trọng trong guồng máy chính quyền miền Nam, làm việc tại dinh Độc Lập (phủ Tổng Thống), Sài Gòn, cách Dầu Tiếng khoảng 30 cây số đường chim bay.

Chú thích 2 : Nguyên bản bài hát *Đường rừng tìm thấy* trong Internet:

*Đường dài chập chùng, băng qua ngàn sương
Ai đi qua bên đường dừng chân ghé qua đêm rừng
Đường rừng còn dài xa xa đôi mơ
Đây con sông uốn mình chờ khách qua.*

*Dừng mái chèo cô em lại đây
Cho tôi nhắn đôi lời hỏi về biên khu
Đây đi vô trong Nam, đây đi ra ngoài Bắc
Đường rừng xa lắc, còn đi mấy ngày*

*Non xanh cao bao la chạy quanh thêm gập ghềnh xa
Băng chông gai ta đi lời thơ đang còn trên môi
Sương rơi mênh mông đêm mờ mờ tối
Đàn chim tung cánh bay về.*

*Non xanh bao la chạy quanh thêm gập ghềnh xa
Băng chông gai ta đi lời thơ đang còn trên môi
Sương rơi mênh mông đêm mờ mờ tối. Hờ...hờ...*

*Trèo đèo Ba Rền, băng qua Nhà Nam
Khi đất nước đang còn chịu bao xót xa điêu tàn
Đường dù có dài, non kia dù cao
Nhưng không sao ngăn được bàn chân tiến quân.*

*Đường về Ba Lòng, đi vô Thừa Thiên
Qua bên kia mé rừng đường về quê hương
Ơi sông Ô yêu thương, ơ sông Hương triu mến
Đường cùng ta tới chiến thắng.*

Chú thích 3: Chồng của tác giả Cối đá vàng có cấp bậc sau cùng là Đại tá, Tiểu khu phó Tuyên Đức, đã chết vì lựu đạn trong lúc đi thanh sát đồn Kim Thạch của lính Thượng (những người lính Thượng bỏ đồn đi uống rượu và đã gài lựu đạn ở công đồn). Tác phẩm lấy tên Cối đá vàng để tưởng nhớ địa danh Kim Thạch nơi người chồng tử nạn. Trong chiến tranh có những cái chết rất tình cờ, chồng của tác giả cũng như nhà thơ Hồ Vi, cả hai đều chết bởi bom đạn không phải của đối phương nhưng có chung nguyên nhân tận cùng là chiến tranh và sự đối kháng về ý thức hệ chính trị của những người đi tìm tự do và quyết tâm bảo vệ các giá trị nhân bản.

PHÙNG QUÁN

Nhà tiên tri tầm cỡ đại đội

LTS: Bài này, nhà thơ Phùng Quán kể về nhà thơ Hồ Vi, (tên thật là Trần Vĩnh) - người mà nhà văn Nguyễn thị Thanh Sâm đã dựng thành nhân vật chính trong tiểu thuyết Cối Đá Vàng của Bà.

*... vì vậy mà có sự rung động bí mật của ý nghĩ, khiến nhà bác học trở thành người thần bí, và thi sĩ thành đấng tiên tri.
(Victor Hugo - Lao động biển cả).*

Tôi hằng nghĩ, mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, mỗi địa phương lớn nhỏ... đều sản sinh những nhà tiên tri của mình. Họ lưu lại những lời sấm ký, nhiều khi được truyền từ đời này sang đời khác, tiên đoán tương lai, số phận, những bước thăng trầm của cộng đồng. Sấm ký của họ được mã hóa thành tục ngữ, ca dao, cô tích, huyền thoại... và đôi lúc chỉ là lời nói bất chợt.

Có những nhà tiên tri nổi danh và rất nhiều nhà tiên tri vô danh. Có những nhà tiên tri tầm cỡ thế giới, quốc gia, và rất nhiều nhà tiên tri tầm cỡ thôn xã, chòm xóm. Tuy tầm cỡ nhỏ vậy nhưng đôi khi lời sấm ký của họ cũng làm ta lạnh người... Trung đoàn 101 chúng tôi cũng có một nhà tiên tri. Anh tên là Trần Vĩnh thư ký của đại đội trinh sát. Anh làm thơ, lấy bút hiệu là Trình Vân, sau đổi là Hồ Vi. Bài thơ Lời quê của anh có mặt trong Tuyển tập Thơ kháng chiến do Nhà xuất bản Hội Nhà văn Việt Nam xuất bản năm 1994. Nhưng bài thơ Gửi người chín lăm của anh mới là bài thơ được cả trung đoàn truyền tụng. Trung đoàn 95 là quân chủ lực tỉnh Quảng Trị. Chiến dịch Đông Xuân năm đó, 95 bí mật hành quân vào chiến trường Thừa Thiên để phối hợp chiến đấu với 101 chúng tôi. Hồ Vi thay mặt anh em 101 viết bài thơ này, gửi các chiến hữu trung đoàn bạn, khi hay tin họ đã lòng lộng vào ém quân trên đất chiến trường nhà.

" Sông tôi anh đến cắm sào

Nương tôi anh đến xới đào lông cây

Bữa tẻ hai đũa hai trời

Chừ đây chợ mặt mấy lời cho bừa"

Theo tôi, Hồ Vi là nhà thơ có biệt tài sử dụng ngôn ngữ địa phương. Nhiều tiếng địa phương thô ráp, trúc trắc, nặng chình chịch... được anh đưa vào thơ, lập tức trở nên nhuần nhuyễn, ngân nga nhạc điệu và lấp lánh ánh vàng thi ca... Như số phận của tất cả những người nổi tiếng, người yêu anh cũng nhiều mà người ghét anh cũng lắm.

Ngày đó trên tờ báo Giết giặc - tờ báo kháng chiến của tỉnh - hầu như số báo nào cũng có thơ của Hồ Vi, Hải Bằng, Tấn Hoài, văn xuôi của Nguyễn Khắc Thứ - những cây bút cự phách của Trung đoàn. Ngoài những bài thơ đăng báo, Hồ Vi còn làm rất nhiều những bài thơ riêng tư mà anh gọi là Thơ Sổ Tay. Những bài này anh chỉ đọc cho một số bạn hữu thân thiết trong Trung đoàn "nghe chơi". Và mỗi lần đọc xong, anh đều dặn người nghe: "Nhớ là nghe mô bỏ đó! Đừng kể lại với ai, nhất là đối với mấy "xù" cán bộ chánh trị...".

Hồ Vi hăm hai, còn tôi vừa tròn mười sáu. Với con mắt những người lính mười sáu tuổi chúng tôi thì các nhà thơ là những siêu nhân. Tôi rất ngạc nhiên khi nghe anh Hồ Vi dặn những người nghe thơ như vậy. Tôi nói: "Em mà làm được những bài thơ hay như rứa thì em phải mang đi khoe khắp chiến khu!". Anh nhìn tôi, miệng cười mà ánh mắt buồn thiu: "Rứa đó em ạ. Con cá trong lờ độ hoe con mắt - Con cá ngoài lờ lúc lắc muốn vô...". Ánh mắt buồn thiu và câu ca dao về con cá trong lờ, ngày đó tôi chưa hiểu nhưng đã ám ảnh suốt đời.

Một đêm, trời chiến khu mưa tầm tã. Con sông Ô Lâu hiền hòa nước lũ đục ngầu dâng cao, hung dữ chảy âm âm tưởng chừng muốn cuốn phăng cả ngọn đồi mà lán trại đội tnhh sát chúng tôi dựng chênh vênh bên sườn dốc. Anh ngồi với tôi bên bếp lửa đốt ngay giữa lán trại, đọi mấy củ sắn lùi chín. Anh chợt hỏi tôi:

- Em có biết tại rằng mà trung đoàn mình lại đặt là trung đoàn một trăm lẻ một không?

Tôi đang mãi xăm nắm lật lại mấy củ sắn cho chín đều, vừa lật vừa trả lời:

- Đó là phiên hiệu... Cấp trên muốn đặt số bao nhiêu mà chẳng được. Anh hỏi chỉ các cơ.

Anh ngồi bó gối, nói với tôi, mắt không rời ngọn lửa cháy bập bùng:

- Em đừng tưởng... Người ta đặt như rứa là có ý nghĩa cả đó em ạ. Một trăm là trung đoàn, còn lẻ một tức là nhà thơ Hồ Vi đó.

Tôi bật phì cười. Câu nói tung hứng của anh không ngờ đã ghi khắc vào trí nhớ tôi khác nào một vết bỏng sâu...

Sau khi anh chết và tôi đã lớn khôn hơn, tôi được biết những bài thơ "riêng tư" của anh không biết bằng cách nào đã lọt ra khắp trung đoàn. Rất nhiều chiến sĩ thuộc lòng, ngâm nga khe khẽ trên đường hành quân, chép tặng các "Súy Vân – Súy Kiều" ở các thôn xóm trú quân. Vì tính chất lây lan của những bài thơ riêng tư này mà thơ Hồ Vi được coi là một hiện tượng và cán bộ lãnh đạo tỉnh ngày đó đặc biệt quan tâm, đặt vấn đề cần thiết phải chặn đứng nó lại. Trong nhiều cuộc họp của tỉnh, của trung đoàn có mục phê phán thơ Hồ Vi. Thơ Hồ Vi bị cán bộ lãnh đạo, tuyên huấn lên án gay gắt. Nào là tiểu tư sản lãng mạn, mất lập trường cách mạng, đầu độc tâm hồn chiến sĩ, làm nhụt ý chí chiến đấu của quân dân Thừa Thiên...vân vân và vân vân.

Năm đó, trung đoàn chúng tôi đánh một trận phục kích lớn trên đường quốc lộ một Bắc Thừa Thiên. Ta thắng to. Đặc biệt trong trận phục kích này, có một cô nữ cứu thương người Pháp, tuổi chừng mười chín đôi mươi, trúng đạn chết nằm lẫn lộn giữa đám xác giặc. Cả người cô ướt sũng máu và bùn, nhưng vẫn đẹp như một thiên thần. Đôi mắt xanh biếc đã chết nhưng vẫn mở to, ngơ ngác nhìn lên bầu trời xa lạ vùn vụt những lớp lớp mây chì...Lúc thu dọn chiến trường, không hiểu sao tất cả chúng tôi đều tránh gặp cặp mắt xanh biếc ngơ ngác của cô. Riêng Hồ Vi, anh đã bê xác cô đặt lên chỗ mặt đường khô ráo, rồi lấy vạt áo quân phục rách tả tơi, lau sạch những vết máu và bùn trên gương mặt trắng như nồn huệ và trên mái tóc màu bạch kim của cô...

Các nhà thơ nổi tiếng của tỉnh, của trung đoàn như Hải Bằng, Tuấn Hoài, Hoàng Thượng Khanh...đều làm thơ về cái chết của cô và cùng lấy đầu đề: Cô nữ cứu thương người Pháp. Theo dư luận của chiến sĩ thì bài thơ của Hải Bằng hay nhất. Nhưng bài thơ của Hồ Vi được đăng trên báo Giết giặc. Báo vừa in xong, chưa kịp phát hành, thì bài thơ được dán chồng

lên một bài văn xuôi tường thuật sự thắng lợi giòn dã của trận đánh, kết quả hùng hồn của đợt rèn cán chỉnh quân... Tuy vậy, số báo này cũng chỉ được phát hạn chế, từ cấp chính trị viên đại đội trở lên. Tôi làm liên lạc của đơn vị trinh sát. Tôi chạy vào "xê ca" 5, nơi tòa soạn báo Giết giặc đống. Tôi chờ lúc các anh tòa soạn sơ hở, xoáy được tờ báo cấm kỵ đó, dắt luôn vào cặp quần. Tôi chạy một mạch ra thẳng bờ sông Ô Lâu, tìm một chỗ bờ sông thật khuất vắng, ngâm tờ báo xuống nước. Chờ cho hồ dán đủ thì giờ ngâm nước, tôi cầm tờ báo chui vào một bụi lau sậy rậm rì, nhẹ nhàng, cẩn thận bóc bài văn xuôi dán chồng lên bài thơ. Tôi đọc đi đọc lại nhiều lần bài thơ giữa tiếng gió thổi lau lách xào xạc trên đầu và tiếng con sông Ô Lâu chảy lúc khoan lúc nhặt dưới chân...

Từ hôm đó đến nay, hơn bốn mươi năm trôi qua, bài thơ chia làm nhiều khổ ngắn dài, tôi chỉ còn nhớ được một khổ:

Nhìn mái tóc bạch kim em

Uớt sũng máu và bùn

Đôi mắt Vệ Quốc anh nước mắt lưng tròng

Hòa bình tặng em một nhành hoa tím ngát

Chiến tranh tặng em một viên đạn súng trường

Ôi người em gái Pháp nữ cứu thương!...

Tôi ngồi khóc lặng lẽ, nước mắt giọt ngắn giọt dài rớt xuống bài thơ ướt đẫm nước sông Ô Lâu mà tôi cầm khư khư trong tay. Và mười sáu tuổi đầu, lần đầu tiên tôi được ném cái vị mặn chát kinh người của chiến tranh qua bài thơ của Hồ Vi. Cùng với Hải Bằng (ngày đó anh còn lấy bút hiệu là Văn Tôn) bài thơ Cô nữ cứu thương người Pháp bị cán bộ lãnh đạo đưa ra mổ xẻ, phân tích, phê phán nặng nề. Nó được coi là điển hình của sự dao động, sự mất lập trường kháng chiến "Bây giờ thì anh ta khóc thương kẻ thù, rồi sẽ có ngày anh ta đi hăn với kẻ thù". Người ta đã kết luận về Hồ Vi như vậy.

Họa vô đơn chí, ngoài cái tội thơ, Hồ Vi còn bị kết tội hủ hóa - một cái tội xấu xa nhất đối với những người lính chúng tôi hồi đó. Nó xấu xa đến nỗi người ta phải gọi chệch là tội "hát-đúp" để nó bớt đi cái vẻ trần trụi dễ tiện.

Đầu đuôi cái tội "hát-đúp" của anh là thế này: Sống ở chiến khu, do quá thiếu thốn tình cảm gia đình, chúng tôi bày ra trò nhận anh nuôi, chị nuôi, mẹ nuôi, em nuôi... Tôi cũng có một bà mẹ nuôi và một ông anh nuôi. Hồ Vi nhận chị nuôi là chị

Hoài Trinh, y tá bệnh viện chiến khu. Chị Hoài Trinh lớn hơn anh chừng ba, bốn tuổi, anh hăm hai, chị hăm sáu. Trước kia chị là hoa khôi trường nữ sinh Đồng Khánh. Tôi không còn nhớ rõ chị có đẹp thật không, chỉ nhớ là dáng người mảnh mai, gương mặt vàng vồ vì đói ăn và sốt rét; cặp mắt chị to một cách kỳ dị, choán gần hết nửa khuôn mặt và mái tóc chị dài đến chấm gót. Những anh chị cùng hoạt động bí mật với chị ở nội thành Huế kể rằng: chị thường dấu truyền đơn, kíp nổ, cả lựu đạn nữa, vào búi tóc tiếp tế cho các đơn vị biệt động ở nội thành.

Nhận chị em nuôi được ít lâu, anh Hồ Vi và chị bỗng đâm ra yêu nhau. Hai người cố giấu mối tình mà chính họ cũng cảm thấy "vụng trộm". Nhưng họ càng giấu, càng lộ. Chẳng mấy chốc cả chiến khu đều biết mối tình "bất chính" của hai chị em nuôi. Nghiêm trọng hơn, người ta đồn là "cô y tá chị nuôi đã có mang với nhà thơ em nuôi". Cả chiến khu đổ dồn vào phê phán tội lỗi của hai người. Mấy người cán bộ chính trị, cán bộ tuyên huấn thì hằn học mỉa mai: "Cũng là do ba cái thứ thơ tiêu tư sản, mất lập trường, ời em gái Pháp nữ cứu thương, mà ra hết!". Chỉ riêng tụi liên lạc trinh sát con nít chúng tôi thì hoang mang, ngỡ ngàng. Chúng tôi không biết nên ủng hộ hay nên chống mối tình của hai người. Chúng tôi chỉ thấy thương cả hai, và tìm mọi cơ hội để tỏ với anh chị tình thương đó.

Mỗi lần chúng tôi chạy liên lạc vào các cơ quan đóng sâu trong núi, đều tạt vào bệnh viện thăm chị, áp a ập ứng hỏi chị: "Có nhắn chi ra xê-ca-một" không?" (Xê-ca-một có nghĩa là anh Hồ Vi). Thăng Mừng hay hỏi: "Chị có hay ra sông Ô Lâu giặt áo quần không, em bung giúp chị?". Chị kéo cái đầu bù rối khét lẹt mùi nắng và mùi tanh tóc đầu của nó vào lòng. Ôm rất lâu. Cặp mắt to mênh mông của chị bỗng ướt nhoe như xông phải khói cay... Tụi tôi, thăng Hiền, thăng Bồng-da-răn, thăng Châu-sém mỗi lần về đồng bằng trinh sát, trở về chiến khu, đưa thì mang cho anh mảnh giấy trắng, cuốn vở học trò, đưa thì cái bút máy Cao lô, lọ mực Pake... để anh viết thơ. Những thứ này chúng tôi xin được của mấy chị hàng xén ở các chợ quê vùng hậu địch. Anh cất tất cả vào cái túi dệt vải da mà chúng tôi đều biết của chị Hoài Trinh khâu tặng anh. Anh nói: "Khi mô anh trở thành nhà thơ thiên tài như Rem-bô thì anh mới dám dùng giấy mực các em cho".

- Rem-bô là cái ông mô rứa? Chúng tôi hỏi.

- Ông ấy người Tây, chỉ mới bằng tuổi các em mà thơ ông đã lùng danh thế giới, - anh nói.

Thằng Bồng-da-răn bỗng đưa ra một ý kiến ngộ nghĩnh:

- Lỡ cái ông ấy cũng vô lính Lê dương qua đây đánh mình, bị quân mình bắn chết trong trận Cầu Nhi - Đồng Lâm thì uống quá anh hề?

Anh Hồ Vi xoa xoa đầu nó, cười: "Thiệt may! Ông ấy đã chết cách đây gần trăm năm rồi".

Chúng tôi nghe lỏm các anh lớn bàn tán: trên quyết định sẽ bỏ trí đưa chị Hoài Trinh ra vùng tự do khu 4 để học lớp y sỹ. Nhưng mục đích là để cách ly hai người khỏi phải dấn sâu thêm nữa "mối tình tội lỗi". Cái tin này làm tụi con nít chúng tôi buồn lắm. Không hiểu sao chúng tôi đều có ý nghĩ: Nếu vắng chị Hoài Trinh chiến khu sẽ vắng đi một nửa. Nhưng chị chưa kịp ra khu 4 thì đã phải vĩnh viễn nằm lại dưới chân một ngọn đồi xào xạc lau sậy bên bờ sông Ô Lâu.

Chúng tôi, những người lính dãi dầu trận mạc, đã chứng kiến biết bao nhiêu cái chết, nhưng chưa có cái chết nào để lại trong ký ức một ấn tượng kinh hoàng đến như cái chết của chị. Sáng hôm đó, chiến khu vụt hùng nắng sau suốt mười ngày mưa thổi núi thổi rừng. Chị Hoài Trinh từ trong núi, xách cái rổ thưa đựng áo quần dơ, bên trên đập chiếc chiếu cá nhân và tám m lông màu nỡn chuối, đi ra sông Ô Lâu.

Ngày đó những người chiến khu chúng tôi, mỗi lần ra sông giặt giũ, không mang theo chậu hoặc xô (vì không có), mà mang cái rổ thưa và một tấm ni lông. Lót ni lông vào lòng rổ rồi múc đầy nước. Cái rổ thưa liền biến thành cái chậu giặt, tắm, nhẹ nhàng biết mấy, giản tiện biết mấy Con sông Ô Lâu dâng cao, nước đục ngầu, chảy xiết. Các coong nước dọc bờ sông dốc đứng, quay trong tiếng rền rĩ, rền xiết vì phải làm việc quá sức

Lán của đội thiếu niên trinh sát chúng tôi nằm ngay trên lối mòn xuống bến sông. Các chị ở bệnh viện, bảo chế, quân lương thích ra giặt giũ ở bến sông chúng tôi vì có một tảng đá lớn, bằng phẳng từ vách núi chồm hẳn ra mặt sông.

Lúc chị Hoài Trinh ngang qua lán, thằng Mừng đang ngồi trước bậu cửa học đánh vần trên tờ báo Giết giặc, hấn ngừng lên chào chị, nói: "Khi mô chị trở vô bệnh viện, chị nhớ gọi

em với, chị nghe". "Em vô bệnh viện có việc chi?" Hấn làm mặt nhăn nhó nói: "Em bị ho... chắc là ho lao chị ạ...". Chị cười: "Chị cho uống muống thuốc ho là khỏi thôi". "Anh Tư-dát nói, ho lao phải uống hai muống mới khỏi". Chị lại cười: "Ừ thì chị cho uống hai muống". Chẳng là chiến khu, tụi chúng tôi thêm đường quá Thăng Hòa-đen là đưa đầu tiên nghĩ ra cái mẹo giả đồ mắc bệnh ho, vô bệnh viện xin uống thuốc ho. Thuốc ho cũng ngọt gần bằng đường. Hấn phải lội bốn con suối, trèo ba dốc núi mới vô thâu bệnh viện, xin được một thìa canh thuốc ho, uống tại chỗ. Hấn về khoe ầm với cả đội: "Mỗi muống thuốc ho cũng ngọt gần bằng nửa chén chè gạo của mụ Tào!". Mừng hỏi: "Mi khai bệnh như răng mà các chị tin, cho mi uống thuốc?". "Tao khai mắc bệnh ho gà. Ho gà là bệnh ho nặng nhứt!".

Ngày hôm sau thằng Mừng chạy vô bệnh viện khai với các chị y tá hấn mắc phải bệnh ho gà rất nặng. Một chị y tá cười cười cầm chai thuốc ho rót một muống, bắt hấn há miệng, ngửa cổ cho uống luôn. Đúng là ngọt thật - hấn vừa liếm môi liếm mép ngấm ngấm - nhưng hơi chua chua. Chi tội muống thuốc chị rót lưng quá, hấn tị nạnh: "Thằng Hòa- đen cũng mắc bệnh ho gà như em, mà hấn khoe chị cho hấn uống cả một muống đầy...". Chị y tá lại cười nói: "Tại em chưa mắc phải bệnh ho gà, em chỉ mới ho vịt. Ho vịt chỉ cần uống nửa muống là lành". Mừng ầm ức chạy về đội kể lại với Tư-dát. Tư- dát ôm bụng cười ngất. Hấn liến láu nói: "Tại mi ngu. Mi phải khai là ho lao. Ho lao còn nặng gấp mấy lần ho gà. Nhất định các chị phải cho mi uống hai muống đầy! Chưa chừng còn cho mi thêm cả một ve đem về cho đội uống dần!".

Sáng hôm đó, chiến khu hừng nắng. Thằng Mừng xắm năm định lội rừng vô bệnh viện để khai mình mắc bệnh ho lao...Không ngờ lại gặp chị Hoài Trinh, hấn mừng rơn. Hai muống thuốc ho coi như cầm chắc. Hấn ngồi trước bậc cửa để cùng vô bệnh viện với chị. Hấn đã đánh vắn hết cả tờ báo Giết giặc mà vẫn chưa thấy chị lên. Hấn thắc mắc chị giặt chi mà lâu rửa hề...Hấn gấp tờ báo, dắt cặp quần rồi đi xuống bến sông. Bến sông vắng tanh. Chỉ thấy rõ áo quần với chiếc chiếu vắt ngay miệng rổ, trên tảng đá gần mí nước. Hấn đoán chừng chị đi việc riêng, ngồi khuất sau bụi cây mô đó. Hấn kiên nhẫn đứng chờ. Chờ mãi không thấy chị bước ra, hấn liền gọi toáng

lên. Chỉ có tiếng lau lách xào xạc trả lời hần. Hần chột nhìn thấy tấm ni lông màu nồn chuối bị những miệng nước xoáy dưới chân tảng đá, quay tròn như chong chóng, lúc chìm xuống lúc nổi lên... Hần lập tức hiểu ra. Như bị ma đuổi, hần chạy ngược lên dốc bên, miệng la thất thanh: "Chị Hoài Trinh chết trôi! Chị Hoài Trinh chết trôi!"

Chỉ mười phút sau, các anh lớn, bọn nhóc trinh sát chúng tôi đứng chen chúc trên tảng đá để rở áo quần. Anh Hồ Vi về đồng bằng công tác hai hôm trước đó.

Chúng tôi, các anh lớn, cởi quần áo, nhảy ào xuống sông, hụp lặn, mò tìm xác chị. Chúng tôi mò tìm cho đến lúc mặt trời gần lặn, vẫn không thấy tấm hơi xác chị.. Chiều hôm sau. Thằng Bồng-da rắn đi bám đường quốc lộ trở về, hần ở dưới đó đã ba hôm nên không biết chuyện chị Hoài Trinh chết đuối. Hần kiếm được một cục xà bông thơm, hí hửng đem về để biếu chị. Hần chọn quãng sông phía bờ chiến khu có một coong nước quay để lợi qua, vì quãng này đồng bào đắp thành cái đập đá để dồn sức nước vào coong. Hần cởi áo quần đội lên đầu, mắt chăm chú nhìn xuống dòng nước chảy xiết tìm những chỗ đá ít rêu để bám chân khỏi trượt ngã. Lợi ra đến gần giữa sông, hần chột ngẩng lên. Miệng hần há hốc, đứng gần như chết lặng giữa dòng nước ào ào chảy quanh người. Cái coong nước đường kính đến sáu bảy mét, quay kẻo kẹt nặng nề, kéo từ từ dưới vực nước lên một cái đầu phụ nữ tóc ướt sũng quấn chặt vào cái giồng tre ngang. Khuôn mặt người chết trôi trắng bợt như bụng cá chết nhưng hần vẫn nhận ngay ra chị Hoài Trinh. Coong nước nhấc từ từ cả người chị lên khỏi mặt nước, đưa lên cao, lên cao mãi, như treo lủng lẳng giữa bầu trời chiều chiến khu đầy sương mù, rồi đổ dần về phía bên kia.

Hần hét lên một tiếng thất thanh, liệng bộ áo quần rách như tổ đĩa có gói cục xà bông thơm xuống nước, bươn rề nước nhào tới, chụp lấy một cái giồng ngang định rì giữ coong nước lại, không cho nó chìm tiếp chị theo đà quay...

Nhưng cái coong nước coi hần chẳng khác nào một cái cọng đu đủ, nhẹ nhàng kẻo kẹt từ từ nhấc hần lên khỏi mặt nước và đưa hần lên cao. Ngợp quá hần phải buông tay nhảy vội xuống vực sông, hần bơi vào bờ, chạy lên trạm gác tiền tiêu của chiến khu nhờ các anh lớn tiếp cứu, rồi chạy lên lán đội trinh

sát gọi chúng tôi.

Sức quay cái coong nước mạnh khủng khiếp. Cả một tiểu đội vừa người lớn vừa con nít, bám vào các gióng ngang gióng dọc mới giữ nó lại được. Một anh cố hết sức gỡ tóc chị khỏi các gióng tre để lấy xác chị ra, nhưng không tài nào gỡ nổi. Mái tóc chị dài quá, quấn ngang quấn dọc như đánh đai vào coong nước. Hết sách, anh phải dùng thanh mã tấu cửa, chặt đứt mái tóc dầm nước đen như huyền của chị...

Chúng tôi đào huyết chôn chị giữa đám lau sậy xạc xào đổ dốc xuống bờ sông Ô Lâu, cùng với rở áo quần ướt và chiếc chiếu. Hai hôm sau, anh Hồ Vi mới từ đồng bằng công tác trở về.

Chúng tôi chạy ra đón anh ở đầu dốc núi đi vào trạm gác tiền tiêu. Chúng tôi tranh nhau kể chị Hoài Trinh chết như thế nào, mò xác chị ra sao, cảnh tượng rừng rợn coong nước quấn chặt tóc chị xách cả người chị đưa từ từ lên trời rồi lại từ từ chìm chị xuống nước, cảnh dùng mã tấu cửa, chặt mái tóc dài của chị quấn chặt vào các gióng tre coong nước... Chao ôi, chúng tôi ngu dại quá. Chúng tôi đâu có biết kể tỉ mỉ như vậy là chọc ngoáy vào vết thương đang xối xả máu trong lòng anh.

Chúng tôi tưởng anh sẽ khóc lịm. Nhưng thật lạ lùng, hai mắt anh ráo hoảnh! Anh đứng bất động như vẹt hóa đá, cặp mắt mở trừng trừng nhìn chúng tôi, không nói, không rằng. Ánh mắt anh làm chúng tôi sợ phát run, bất giác lùi cá lại, bước dạt ra hai bên. "Chôn chị ở mô?" - anh bật hỏi, gần như thì thầm. Chúng tôi kéo nhau chạy trước, dẫn anh ra mộ chị. Hai chân anh như bị đồn, cả người anh ngã sụp xuống bên nấm đất đắp tròn còn in rõ những dấu xềng. Anh khoát khoát tay, nói với chúng tôi gần như van lơn: "Các em về hết cả đi! Về hết cả". Anh ngồi cùng mộ vợ suốt cả đêm hôm đó. Rồi sau đây, chiều nào anh cũng mang bát com chan nước ruốc khẩu phần của anh ra mộ, chắc là để cúng vợ trước khi ăn... Có đêm anh ngủ luôn ngoài đó không thấy về lán. Chỉ ít lâu sau, người anh rạc hẳn đi, chỉ còn mắt với răng.

Một hôm, tôi về đồng bằng công tác. Lúc trở lên chiến khu, tôi tạt vào cái miếu gọi là Miếu Cô ở đầu làng, xin ông cụ thủ từ trông coi miếu một thẻ hương. Tôi mang thẻ hương về chiến khu, lẳng lặng đặt cạnh cái mền trần thủ của anh ở sạp nằm góc lán. Tôi đâu có ngờ cái thẻ hương này đã giết anh.

Trước đó hai hôm, có tin của trinh sát, bọn địch tập trung quân

chuẩn bị đánh phá chiến khu. Công binh, các đơn vị trực chiến, chôn mìn, gài lựu đạn dọc các lối mòn chuẩn bị chống giặc. Nhưng rồi có tin về bọn giặc càn ba huyện phía nam. Công binh tháo mìn, gỡ lựu đạn, giải tỏa các lối mòn. Buổi chiều, anh Hồ Vi cầm nắm hương của tôi, đi ra mộ vợ. Trời xui đất khiến gì không biết, anh đi vào cái lối mòn vừa tháo gỡ mìn, lựu đạn. Anh vấp phải trái lựu đạn gài gỡ sót. Cả hai chân anh đều bị thương, dập nát đến đầu gối. Chắc anh khát nước vì mất quá nhiều máu, anh bò lết xuống bên sông, đứng cái bến mà chị Hoài Trinh chết đuối. Chúng tôi tìm thấy xác anh nằm vắt ngang trên tảng đá, đầu và hai vai ngập chìm trong nước. Hai tay anh bấu rất chắc vào gờ đá nên mới không tuột xuống sông.

Chúng tôi đào huyết sát mộ chị Hoài Trinh, chôn anh, xác bọc trong tấm vải bạt áo súng. Bọn giặc tấn công chiến khu Hòa Mỹ và bao vây nhiều ngày. Chúng tôi rút vào chiến khu Dương Hòa.

Khoảng hơn một năm sau, tiểu đội tôi đi công tác ngang qua Hòa Mỹ. Các lối mòn lau lách mọc phủ kín, cao lút đầu người. Chỉ mới hơn một năm mà vùng chiến khu cũ trở nên hoang vu đến rợn người. Chúng tôi đi dọc bờ sông Ô Lâu bạt ngàn lau trắng, vạch cỏ, rẽ gai tìm suốt buổi mà không thấy mộ hai người. Lau lách, cỏ dại đã nuốt chửng cả hai...

Từ khi tôi rời cây súng nổi nghiệp anh làm thơ. Rồi vì thơ mà sa vào cảnh chìm nổi gian truân suốt ba chục năm trời. Trong ba mươi năm đó tôi thường hay bất chợt nhớ đến câu nói kỳ dị của anh Hồ Vi bên bếp lửa chiến khu năm nào: "Một trăm là trung đoàn, còn lẻ một là nhà thơ Hồ Vi đấy!".

Thế rồi dần dần tôi mới vỡ lẽ ra, câu nói kỳ dị của anh chính là sấm ngữ về số phận của ai lỡ mang lấy nghiệp thơ vào thân. Tôi thường kể câu chuyện trên với bằng hữu và vui miệng nói thêm: "Hồ Vi là nhà tiên tri tâm cỡ đại đội".

Chép lại bên bờ Hồ Tây- mùa đông năm 1994

(nguồn: Internet - không rõ xuất xứ đầu tiên)



Nhà văn Nguyễn thị Thanh Sâm qua hồi ức của
Đình Cường

NGUYỄN THỊ THANH SÂM

trời không bao giờ lạnh nữa ()*

Trần cúi xuống, khuôn mặt người đàn bà tẩm đẫm ánh trắng sáng ngời lên màu sữa, những giọt nước mắt lỏng lạnh đọng lại trên hàng mi khép hờ của nàng. Trần đặt môi lên giòng nước mắt nóng ấm, vị mặn chát thấm lan đầu lưỡi chàng. Trong một thoáng, hình ảnh người con gái bị hành

hình trong khu rừng già ngày nào với đôi mắt khép kín còn hoen ngấn lệ bỗng hiện ra trong trí chàng.

Trần lắc đầu, như muốn xua đuổi cảm giác nôn nao bất ổn xâm chiếm tâm hồn, chàng cúi xuống tìm môi Hiếu, đôi môi nồng ấm, hơi thở dịu dàng mê man của người yêu làm chìm lắng xô dạt về chốn hư vô nào đó mọi ý tưởng đau thương xa xót. Những lá cỏ rung rinh lấp lánh quanh hai người. Một cơn gió lạ bay quanh suốt ngọn đồi, lang thang bay mãi lên cao, cuốn theo những dải mây trắng trôi đi hàng hàng lớp lớp. Trăng thượng tuần cũng lang thang đi ngược chiều giữa những đám mây bay, cô đơn và lạnh lẽo.

Trần nằm ngửa nhìn mây bay ngang trời có khi bóng trăng bị mây che khuất kéo lê những vệt mờ rối trên lưng đồi, thân thể Trần cũng bẽnh bồng như muốn trôi đi. Chàng hỏi Hiếu ngồi yên lặng bên cạnh chàng:

– Hiếu có nhìn thấy trăng đang đi không?

Hiếu ngẩng nhìn trăng nói thật thà:

– Hồi còn bé tôi nhìn trăng bao giờ cũng thấy trăng đi, nhưng không hiểu sao lớn lên có khi tôi để ý nhìn mà không thấy trăng đi nữa, trăng cứ đứng yên giữa trời. Có lẽ ngày bé chưa biết buồn, còn đang vui nên thấy trăng đi, thấy ngày chóng qua, còn bây giờ đời đã buồn nên ngày tháng không đi, trăng cũng không đi.

Trần chép miệng thở ra:

– Ăn nói như thế làm gì mà người ta không mê.

Hiếu quay lại nhìn Trần ngẩn ngơ:

– Tôi có nói gì đâu nào?

Trần vòng tay kéo mặt Hiếu xuống sát mặt mình, hôn dài trên khuôn mặt chìm trong bóng tối.

– Hiếu có biết không? Hiếu nói những câu mà Hiếu thường không biết là mình đã nói gì, Hiếu có biết như thế đáng yêu biết chừng nào không?

Hiếu để yên cho Trần hôn mình, đoạn nằng nịu dịu dàng gỡ

tay Trần ra, ngồi thẳng lên, giọng buồn bã:

– Không, tôi không thể biết được.

Trần nghiêng mình trên cỏ may, nhìn hình dáng Hiếu ngồi yên trên sườn đồi, in lên nền trời phía sau, Hiếu ngoảnh nhìn đi chỗ khác để tránh cái nhìn nồng nàn say đắm của Trần khiến nàng xôn xao không chịu nổi, nét bán diện của nàng trong bóng trắng mờ ảo có một vẻ trẻ thơ thanh thoát lạ lùng.

Trần buột miệng nói:

– Chả trách các cụ mình ngày xưa thường bảo “nhất vợ nhì trời” cũng phải.

Hiếu ngạc nhiên:

– Tại sao Trần lại bảo vậy?

Trần cười mơ hồ trong ánh trăng:

– Chứ không phải sao, này nhé, nằm như thế này mà nhìn lên thì trời ở trên kia xa quá, vợ thì ở ngay trước mặt, thế không phải là “nhất vợ nhì trời” thì là gì nào?

Thấy Trần dùng tiếng “vợ” để chỉ mình, Hiếu xúc động nghẹn ngào, nàng ngồi yên, nước mắt nàng lại trào ra. Trần kéo nàng sát vào người chàng, quàng tay ôm chặt lấy nàng, thì thào:

– Lại khóc rồi, xấu lắm, bộ không phải là vợ anh rồi đấy ư?

Giọng Hiếu chìm trong tiếng nức:

– Tôi sợ, tôi sợ lắm.

– Em sợ gì?

– Tôi sợ làm khổ anh.

Trần bật ngồi dậy, chàng nghiêm giọng gọi:

– Hiếu, hãy quay lại nhìn anh đây này.

Hiếu sợ hãi quay lại nhìn Trần, nước mắt trên má nàng chảy thành vệt dài sáng ướt dưới trăng.

– Việc Đảng không chấp thuận cho anh cưới em không

thành vấn đề. Kể từ nay, em là vợ của anh mãi mãi, từ nay chúng mình vui buồn có nhau, sống chết có nhau. Anh có trách nhiệm lo cho em và hai đứa bé, từ nay không có sức mạnh nào có thể chia rẽ anh và em được nữa, em hiểu chưa?

Hiếu cúi đầu, khổ sở:

– Nhưng tôi biết rõ rằng họ sẽ không để yên cho chúng ta đâu, Trần ơi, phần tôi thì không sao, tôi chịu khổ đã quen đi rồi, tôi chỉ sợ cho anh, tôi sợ lắm, nếu anh có bề gì, tôi không thể nào sống nổi.

Trần vuốt ve mái tóc Hiếu, giọng chàng đồ dành thương cảm:

– Họ không làm gì anh đâu, em đừng lo. Hiện giờ cơ quan không giao công tác cho em nữa, như thế càng hay. Từ lâu anh đã có ý không muốn cho em nhận lãnh những nhiệm vụ nguy hiểm quá đối với một người đàn bà yếu đuối và còn có con dại như em, chưa biết làm thế nào thì bây giờ họ kiếm chuyện cho em nghỉ việc, như thế cũng lại là một dịp may. Từ nay em có thể rảnh rang để lo cho anh và hai con mà thôi. Mẹ và chị có gởi cho anh ít tiền và vàng, anh chẳng dùng đến, em giữ lấy để sống qua lúc này và buồn bán gì thêm. Rồi chúng mình sẽ liệu sau, bây giờ em đừng khóc nữa, chúng mình có rất ít thì giờ được gần bên nhau như thế này, ngày mai anh lại phải đi rồi, đừng để khi anh đi xa, cứ nghĩ đến em là thấy mặt em đầm đìa nước mắt, anh buồn. Anh chỉ còn gót núi này có em thương yêu và hai bé Hiền, Hòa thơ dại. Em không thể biết được khi ở dưới kia, sát bên đồn địch, hay giữa mặt trận, hình ảnh em và hai đứa bé đã theo anh đi khắp mọi nơi như thế nào. Ừ, có thể chứ, em tươi lên như thế làm anh vui biết bao. Em không thể biết được em đẹp đến thế nào Hiếu ạ.

Hiếu quay đi, giọng trách móc:

– Đừng nói thế, làm tôi thêm tủi, tôi mà đẹp cái nỗi gì.

– Không có người đàn bà nào xấu cả, và người đàn bà nào khi yêu cũng đẹp tuyệt vời, mà em thì yêu anh vô cùng, phải không Hiếu? Anh biết thế vì anh thấy em đẹp quá, nhất là đêm nay, tại sao em đẹp thế, hờ em?

Hiếu cảm thấy nóng bừng hai má, cái nhìn nóng bỏng, giọng nói du dương của Trần như ru nàng trong một vùng khí hậu ấm áp chan hòa hạnh phúc vô biên. Bỗng dưng thẹn thùng như ngày mới lớn, nàng cuống quýt bảo Trần:

– Thôi đừng nói thế nữa, Trần kỳ cục lắm, ai lại đi yêu một người xấu xí và lớn tuổi hơn mình mà lại cứ bảo đẹp hoài. Trần hay nói nhảm lắm.

Hiếu nghiêng đầu nhìn Trần, vẻ tò mò:

– Tại sao, tại sao vậy hở Trần, tại sao lại đi yêu tôi, một người đàn bà xấu xí và lớn tuổi hơn Trần nhiều vậy?

Trần cười lớn, giọng ngao nghễ:

– Em tưởng là em lớn hơn anh ư? Như vậy là em lầm. Để anh nhắc lại cho em nhớ kéo em quên nhé. Ngày xưa chúng mình là Kim Đồng và Ngọc Nữ ở trên trời, hai đứa quần quýt thương yêu nhau lắm, chạy nhảy nô đùa với nhau cả ngày. Một đêm trăng như đêm nay, hai chúng mình tò mò vén mây nhìn xuống trần gian, thấy trên một ngọn đồi bóng mây bay lướt thướt, cảnh trí thật huyền ảo, có hai người nam nữ yêu nhau ngồi dưới bóng trăng thủ thỉ với nhau những lời thật nồng nàn, tha thiết, cũng như chúng mình đêm nay vậy. Họ hôn nhau những cái hôn dài mê man tưởng như đất trời không còn nữa như thế này này. Ồ, đừng vùng vằng như thế chứ, để anh kể tiếp, thế rồi Kim Đồng Ngọc Nữ bỗng thấy động lòng trần tục, hai đứa nhìn nhau, cùng ngậy ngất đọc thấy trong mắt nhau sự say đắm, ước muốn, nhìn quanh chúng thấy cảnh trời chán ngắt, buồn hiu. Hai đứa bèn rủ nhau xuống trần gian, hẹn sẽ yêu nhau làm vợ làm chồng. Nói là làm, Ngọc Nữ là con gái nên mau mắn lắm, cô bé cứ để chân trần phóng nhanh xuống trước, còn Kim Đồng là con trai nên chậm chạp, tính nết lại lo xa sợ đường trần đầy chông gai nên lo đi tìm giày dép mang vào chân, cẩn thận rồi mới xuống sau, vì vậy Kim Đồng xuống trần chậm hơn Ngọc Nữ mười phút, thế nhưng mười phút trên trời bằng mười năm dưới trần thế. Vì thế nên khi xuống trần Kim Đồng bị sinh ra sau Ngọc Nữ mất mười năm, lạc nhau mất mấy mươi năm sau mới gặp lại nhau, bây giờ tìm gặp nhau rồi họ không bao giờ để mất nhau nữa, họ trở

lại ngọn đôi tiên kiếp trong một đêm trăng để thực hiện mộng ước của họ khi ở trên trời. Em nhớ không em? Có đúng như vậy không em? Tại sao em rùng mình? Em lạnh phải không em? Ồ, sương xuống ẩm ướt cả vai em rồi đây này, chúng mình trở vào nhà em nhé, ừ sao em nhớ rõ ngọn đôi này mà đến đây làm nhà bên sườn đôi để chờ anh vậy? Cái gì xui khiến anh tìm đến đây để được gặp em? Phải có sao chứ phải không em? Chúng mình có tiền duyên với nhau mà. Em buồn vì em không được đẹp ư? Em không hiểu vì sao em không đẹp mà anh yêu ư? Bởi vì Trời giận sao em lại rủ anh xuống trần đây, Trời thử thách xem chúng mình có yêu nhau thật không đây. Nhưng anh nghĩ thế lại hay bởi vì chỉ có một mình Kim Đồng có thể nhận ra Ngọc Nữ mà thôi, người phàm mắt tục không ai nhìn ra được cả, như vậy chúng mình chỉ có thể là của nhau mà thôi. Ồ, anh đã ừ em trong tay anh kín như thế này mà em vẫn còn rùng mình, lại run nữa đây này, thôi để anh bế em vào nhà vậy. Có gì đâu nào, người em nhẹ quá, cứ như bế trẻ con ấy thôi.

Đêm nay vợ chồng mình thức suốt đêm với nhau em nhé. Trăng đã lặn sau đầu non kia rồi, em biết tại sao không? Trăng tủi thân đây, vì cô đơn giữa trời, vì nhìn thấy hạnh phúc của chúng ta đó em. Biết đâu đêm nay trên trời cũng có một đôi Kim Đồng Ngọc Nữ vén mây nhìn trộm chúng mình mà mơ ước. Có lẽ bây giờ họ đang nương theo bóng trăng bay xuống trần thế rồi đó em, anh mong họ đang nắm tay nhau mà bay, đừng để lạc nhau lâu quá như chúng mình.

Em, hãy ôm anh thật chặt, như vậy đó, em có ấm không em? Thế này thì mãi mãi chúng mình sẽ không bao giờ lạnh nữa, không bao giờ lạnh nữa, phải không em?

(Cõi Đá Vàng, chương XXVI, An Tiêm xb năm 1971, Thư Ấn Quán tái bản 2012)

(*) Đề tựa do tòa soạn mạn phép tự đặt để dễ dàng cho việc trích đăng và làm mục lục.

NGUYỄN THỊ THANH SÂM

những cánh cửa không chịu mở ()*

Dãy nhà sàn chênh vênh trên một triền núi khuất lấp những tán cây rậm lá, bóng im che rợp cả trong những ngày đẹp trời nhất. Phía dưới có một con đường dốc thẳng đứng cheo leo dẫn xuống suối. Vào mùa mưa con đường trơn như mỡ, đi sẩy chân là có thể mất mạng như không. Mỗi buổi sáng Trần và các bạn cùng lớp chinh huấn phải dậy thật sớm mò mẫm xuống suối rửa mặt, phải vất vả lắm mới xuống được bờ suối nhưng khi đã đứng bên giòng suối rồi, bao giờ Trần cũng cảm thấy một nỗi yên hòa thư thái làm dịu lại tâm lòng se sắt của chàng trong những ngày ở đây.

Khí rừng u uất lẫn quất ven rừng hai bên bờ, hơi lam mờ đục tỏa dần xuống khe trũng, dần trải ra khi gặp giòng suối trong veo nhìn suốt được những phiến đá xanh rêu giữa lòng suối. Ở đây ngẩng nhìn lên cao thấy trời xanh từng dải mây trắng bay đi, giây phút ngắn ngủi này gọi lại cho chàng giòng sông buổi sáng và hình ảnh người yêu trên chuyến đò ngang trên sông Hương năm nào. Những ngày ở rừng núi phân khu này hình ảnh đó trở về sâu đậm hơn bao giờ hết, vuốt ve tâm hồn rạn nứt đau thương của chàng.

“Thế mà anh chưa hề biết tên em, nếu biết được tên em nhỉ, anh sẽ gọi hoài không dứt, tiếng gọi trong tâm hồn anh sẽ vang vọng đến em dù em ở phương trời nào, ngàn trùng xa cách. Nhưng có lẽ không có tên nào xứng đáng hiển hiện được hình ảnh em nổi bật trên sông dài, nhịp cầu xa, tòa thành cổ mù sương sau lưng em, hình ảnh đầu tiên đi vào hồn anh, đôi mắt tuyệt vời, tia nhìn xuyên qua hồn người thăm thía như một nỗi xót xa, giòng tóc xõa trên sông dài, tà áo trắng dưới nắng mai. Ngày đi anh mang theo hình ảnh em trên bước đăm mê lý tưởng, có ngờ đâu bây giờ em là tất cả, là tình yêu giòng sông xưa, tình yêu thành phố cũ, em là quê hương của tuổi trẻ vàng son. Quê hương bây giờ mịt mù hư ảo, chỉ còn dạt lại bóng áo dài tóc xõa của em, xa xôi vô cùng và cô đơn biết bao.

Chỉ mới ba năm thôi mà anh đã già rồi em ạ, anh không còn xứng đáng với em nữa, phút giây mơ tưởng về em là một ân huệ cuối cùng mà anh tự dành lấy cho riêng anh, như kẻ lưu đầy mở một nẻo trời cho hồn mình tìm lại quê hương yêu dấu...”

Có người vỗ vai chàng: “Chưa tỉnh ngủ hay sao mà có vẻ bản thân vậy, hay vẫn còn bàng hoàng vì bản tự thú của đồng chí Lưu hôm qua?”

Không quay lại Trần cũng biết đó là Thủy, người bạn đồng chí cùng học khóa chính huấn với chàng. Thủy là người rất dễ mến, Thủy quý chàng và gần gũi chàng nhất trong những ngày ở đây.

Trần hỏi lại:

– Thế anh nghĩ thế nào về hiện tượng của Lưu đêm qua?

Thủy chột lạnh lòng quay đi, tỏ vẻ không muốn nhớ lại:

– Thì như anh thấy đó.

Trần cũng yên lặng, chàng dõi mắt nhìn theo một sợi rong vàng duỗi dài nổi trôi vương theo giòng nước chảy xiết, nó múa lượn nhịp nhàng, có lúc trườn mình tới trước, có lúc lùi lại như để lấy đà phóng tới, nó bảo chàng bằng một thứ giọng du dương bất tuyệt: “Này tên đảng tử mặt trắng kia, có chi mà u sầu, hãy xem ta đây, ta muốn đi muốn vượn tới trước, nếu ta tự do ta sẽ để giòng nước cuốn ta theo, nhưng hòn đá nhẵn thín phủ đầy rêu xanh trơn tuột này nó cầm giữ ta lại, mặc, ta cứ tỏ cho nó biết là ta muốn đi, hãy xem đây, tay ta vượn dài vậy gọi, đảng trước kia là tương lai bí nhiệm, có tất cả những điều ta say mê ao ước, cái hòn đá ngốc nghếch lầm lì này lại cố giữ ta lại giữa những khe trũng âm thấp đen tối, ngày đêm nó không ngớt thì thầm với ta rằng nó giữ gìn đời sống cho ta, dù thế ta vẫn biết đảng trước kia có những gì, ở đó là lẽ sống, có trời cao sông rộng, có biển cả bao la, vậy mà ta vẫn còn mãi ở đây. Ta sẽ vậy gọi không ngừng, ta vậy gọi mãi mãi bởi vì đảng trước kia là ngày mai, nếu ta không đến được với nó thì nó sẽ đến với ta, bởi vì cánh tay ta mời gọi, cánh tay ta vượn mãi tới thiên thu.”

Trần đắm mình trong suy tưởng những lời nói của sợi rong vàng, bấy lâu nay chàng đã nhập cuộc, chàng đã nhận chịu bao nhiêu thử thách đắng cay, chàng đi ngang qua tất cả với nụ cười hờ hững thách đố trên môi. Chàng nhớ rõ trước kia chàng không hề biết ưu phiền, trước kia sức chàng bạt ngàn xô núi, vàng trán rộng trẻ trung của chàng lồng lộng gió đại dương bát ngát, vậy thì tại sao, tại sao bây giờ chàng ngồi đây, ưu tư tìm về một tà áo trắng người yêu như một cứu cánh, như tìm về một bóng mát lãng quên, như một Phạm Thái ngày xưa bỏ quên đời trong hồ rượu, chỉ lớn trong đời không bằng đôi mắt giai nhân. Tại sao giờ đây cánh tay chàng muốn buông xuôi rời rã, miệng chàng đắng ngắt vị phong trần, vàng trán rưng rục lửa địa ngục điêu linh.

Chàng cúi xuống, soi mình trên giòng suối, mặt nước phản chiếu một hình bóng xô lệch không ngừng biến đổi, khi kéo dài ra khi thu nhỏ lại, cái hình thù biến động quái đản ấy rung rinh trên nền trời xanh thẳm bình thản, hững hờ sau lưng nó. Bất giác chàng đưa tay lên vuốt mặt, chàng nhận thấy da mặt chàng khô nóng, chàng nhìn lại bàn tay, những đường gân xanh nổi lên chàng chịt, chàng ve vuốt những đường gân xanh đó, có cảm giác như đang ve vuốt một con sâu đang ẩn náu trong da thịt găm nhấm hình hài mình.

Trần hồi tưởng cái ngày chàng đặt chân lên rừng núi phân khu này, lòng chàng còn biết bao hy vọng, biết bao tin tưởng vào cuộc sống lý tưởng tốt đẹp này. Chàng đã gặp một số anh em đồng chí quen biết, họ mừng vui được gặp lại nhau, ôi những cái bắt tay đồng chí nó mạnh mẽ xiết bao, hùng tráng xiết bao; câu chuyện hàn huyên nhắc nhở những chiến dịch tung bừng lửa đạn, ngàn ngạt đam mê, đêm đó cả bọn ngồi quanh bếp lửa, đêm tàn chuyện nở như bắp rang, Trần thấy lòng nhẹ nhàng, ngày hôm sau chàng sẽ vào gặp Hoàng Hà, một đồng chí cao cấp, chàng thấy vững bụng, chàng sẽ trình bày quan điểm của chàng và chàng tin rằng ông ta sẽ hiểu. Từ những niềm cảm thông sẽ nảy ra suối nguồn của chân lý, của sức mạnh bền bỉ vô cùng cần thiết cho cuộc chiến đấu cho Tổ quốc thân yêu.

Hoàng Hà là một người đứng tuổi, thân hình bé nhỏ,

khuôn mặt dài, xương xương, nước da màu đất, vàng bết, nét mặt thoát nhìn mờ nhạt không có gì đặc biệt nhưng vì lẫn lộn hoạt động cách mạng lâu năm và được giữ liên tiếp nhiều năm những chức vụ quan trọng, tư thế chỉ huy tạo cho ông ta một giọng nói đanh thép và cái nhìn lạnh như băng. Trần đã gặp ông ta trong vài cuộc họp do ông ta điều khiển trước đây. Trong giới kháng chiến người ta truyền rao những huyền thoại về Hoàng Hà trong thời kỳ bí mật chống Pháp, ông ta được mô tả như những nhân vật trong các truyện truyền kỳ khiến Trần thấy dĩ vãng sau lưng ông ta bao phủ một tấm màn huyền hoặc kỳ thú, mặc dầu trong những cuộc họp chàng không thấy có gì đặc biệt chứng tỏ tài năng trong những điều ông ta phát biểu.

Đây là lần đầu tiên Trần được Hoàng Hà chấp nhận gọi vào gặp riêng ông ta tại chỗ làm việc của ông trong một nhà sàn làm bằng tre.

Trần đi theo chú bé liên lạc đến căn nhà sàn đó, chàng mãi suy nghĩ đến những vấn đề cần phải nói đến nổi khi ngừng lên chàng đã thấy Hoàng Hà sừng sững trước mặt, chằm chặp nhìn chàng bằng cặp mắt băng giá. Chàng đứng nghiêm, thẳng người đưa tay chào ông ta theo lối quân nhân.

Hoàng Hà nhìn chàng từ đầu đến chân, lạnh lùng khẽ gật, đoạn ông ta xoay người một cách gọn gàng đi vòng lại ngồi xuống ghế trước bàn làm việc của ông, ông chỉ một chiếc ghế, hất hàm:

– Đồng chí ngồi xuống.

Trần ngồi xuống ghế yên lặng dăm dăm nhìn lại Hoàng Hà, chàng hiểu rằng Hoàng Hà đang sử dụng cái nhìn lạnh lùng như băng vào kẻ đối diện như một lối đòn cân não, Trần mơ màng thầm nghĩ không biết mình ở đâu đây, trước mặt mình là ai thế, là đồng chí ư? Sao lại nhìn mình như thế, sao cái nhìn làm Trần mơ hồ như đã thấy ở đâu rồi, ừ phải, Trần đã thấy cái nhìn đó một lần ở sở Mật thám Huế khi chúng nó bắt Trần trong số sinh viên bị tình nghi có liên quan đến một tổ chức trá hình. Đôi mắt viên mật thám Pháp khi thẩm vấn Trần cũng giá băng như vậy, đó là đôi mắt kẻ thù, có lẽ nào giờ đây Trần lại gặp ánh mắt đó trên cái nhìn của một đồng chí

mà chàng đang đặt nhiều kỳ vọng. Liệu niềm cảm thông mà Trần mong mỗi được tỏ bày có làm tan rã được băng giá trên đôi mắt kia không?

Quả vậy, bằng cái nhìn đó Hoàng Hà tỏ rõ một ý muốn chế ngự Trần ngay trong phút đầu của câu chuyện. Ông ta biết rõ thành tích đáng kể và ảnh hưởng quan trọng của Trần trong bộ đội kháng chiến; dù sao sự tự tin của ông với những mệnh lệnh mà những đồng chí thuộc cấp đều răm rắp tuân theo khiến ông luôn luôn có một thái độ uy quyền và tin rằng kẻ đối diện phải khuất phục mình một cách dễ dàng. Nhưng khi bắt gặp đôi mắt Trần nhìn thẳng vào ông với vẻ như không trông thấy gì cả, đôi mắt chàng như đang theo dõi một ý tưởng nào đó, liên tục và mãnh liệt đến nỗi ông phải nghĩ rằng nếu ông ta không lên tiếng trước thì Trần sẽ tiếp tục lặng lẽ làm một cuộc đối thoại với chính mình mà không cần biết có ai trước mặt. Ý nghĩ đó làm Hoàng Hà nổi xung nhưng ông ráng dằn lại. Những năm lặn lội hoạt động chính trị trong những thời kỳ căng thẳng nhất khiến ông trở thành một con người mềm dẻo tinh tế vô cùng.

Ông hạ tầm mắt xuống, giọng ông êm ái một cách không ngờ:

– Đồng chí Trần, đồng chí có hiểu rõ những việc mà đồng chí đã làm không?

Thái độ thay đổi đột ngột và câu hỏi bất ngờ làm Trần lúng túng trong một giây:

– Thưa đồng chí, tôi mong mỗi được gặp đồng chí để trình bày những sự việc mà tôi nghĩ rằng đồng chí đã biết qua nhưng chưa sáng tỏ được mọi vấn đề.

– Theo đồng chí, thế nào là một vấn đề được sáng tỏ? Hoàng Hà hỏi, vẫn giọng nói êm ru.

– Sự có mặt của tôi, cùng nhiệt tình của tôi đối với Đảng và Tổ quốc, còn nếu căn cứ vào báo cáo của Tỉnh bộ thì...

Hoàng Hà ngắt lời Trần, ông ta cúi nhìn tập tài liệu trước mặt, làm bộ hững hờ khéo léo che đậy một tia sáng rình rập vừa lóe lên trong mắt ông ta:

– Đồng chí có cho rằng Đảng có thể thiên vị và làm lạc không?

Trần đáp không suy nghĩ, cảm thấy mình bị hụt hẫng:

– Tôi không bao giờ nghĩ như thế.

– Vậy thì việc Đảng đưa đồng chí về đây để chỉnh huấn, sửa đổi tư tưởng, hầu đi đúng con đường phục vụ cho nhân dân, việc đó có sai lầm không?

Trần nín lặng không đáp.

– Và luôn cả những nhận xét của Đảng, đồng chí có cho là không sáng suốt không?

– Đồng chí, xin hãy nghe tôi, tôi đã nguyện hiến thân tôi cho Đảng, tôi đặt trọn niềm tin vào Đảng, chính vì thế mà tôi không quản ngại tất cả những gì tôi đã làm; trên đường về đây tôi đã mong được gặp các đồng chí, mong được trình bày quan điểm của tôi với đồng chí về việc đó. Nó có một tầm quan trọng ảnh hưởng đến sự mất còn của chúng ta, tôi mong được đồng chí thông cảm và giúp đỡ cho tôi trong sứ mạng của một đảng viên, của một chiến sĩ...

– Cá nhân tôi không giúp gì cho đồng chí được, giọng Hoàng Hà chột đành lại, gọn và sắc. Đồng chí hãy nhớ kỷ điều này, với chủ nghĩa cao cả mà chúng ta đang theo đuổi, cá nhân không là cái gì cả, duy chỉ có cộng đồng mà thôi. Bánh xe vĩ đại sẽ nghiền nát tất cả mọi cá nhân dưới nó để làm nên lịch sử nhân loại cộng đồng. Chúng ta phải biết ơn Đảng đã cho chúng ta được sống trong những giây phút thần kỳ, không giống một thời đại nào, không giống một lịch sử nào khác, tự cổ chí kim. Chúng ta đang và sẽ tạo dựng một thế giới mới, chính chúng ta, những người Cộng sản sẽ khai nguyên những thế kỷ sắp tới, trong đó, toàn khối nhân loại chỉ là một, trong đó, đồng chí và tôi đều không đáng kể, những quan điểm riêng tư đều vô nghĩa, hèn mọn. Chúng ta đều phải quên mình để hiến dâng cho sự nghiệp vĩ đại của Đảng, phải tẩy rửa những yếu hèn tiểu tư sản, phong kiến đang bám chặt lấy đầu óc chúng ta. Chúng ta sẽ đau đớn, sẽ quần quai rên siết để thực hiện một cuộc tái sinh, đó là cuộc tái sinh của Tổ quốc ta nói riêng và thế giới nhân loại ngày mai nói chung.

Hoàng Hà ngừng lại một giây, ông ta tự để mình lồi cuốn theo những lời nói thao thao bất tuyệt của ông, những lời nói có một ma thuật khiến đôi mắt ông quắc lên, long lanh chòu vòn như một lưỡi kiếm, ông gằn giọng, trở lại tư thế lạnh lùng đánh thép cố hữu:

– Tôi có nghe nhiều về đồng chí, đồng chí đã tỏ ra là một chiến sĩ dũng cảm, một văn nghệ sĩ có chân tài, chừng đó không đủ. Hãy can đảm tự xóa mình đi, hãy từ bỏ ảo tưởng xây dựng tiếng tăm và ảnh hưởng của cá nhân mình. Đảng không chấp nhận những ý thức đó. Tuy nhiên Đảng sẽ nâng đỡ đồng chí khỏi phạm vào những sai lầm tai hại tương tự như những điều đồng chí đã làm. Đồng chí sẽ được một cơ hội để tự cứu nếu không muốn rơi vào sự hủy diệt. Trong thời gian chỉnh huấn, đồng chí phải hết lòng đào sâu suy ngẫm, phải khẩn trương thành thực sửa mình, để tỏ lòng biết ơn Đảng đã tạo nên chúng ta, đừng bao giờ lãng quên điều đó. Khoá chỉnh huấn của đồng chí sẽ khai mạc trong vòng hai hôm nữa và sẽ kết thúc trong vòng một tháng, tôi mong rằng đó là thời gian thích đáng mà đồng chí có thể đạt được thắng lợi cho tư tưởng và bản thân mình để tạo nên sự nghiệp của một chiến sĩ Bôn-sơ-vích hiến dâng cho Đảng.

Hoàng Hà đứng dậy, ông giơ tay lên ra hiệu câu chuyện đã kết thúc. Trần cũng đứng lên, chàng đứng nghiêm thẳng người đưa tay chào vị chỉ huy cao cấp, rồi quay lưng bước thẳng ra cửa.

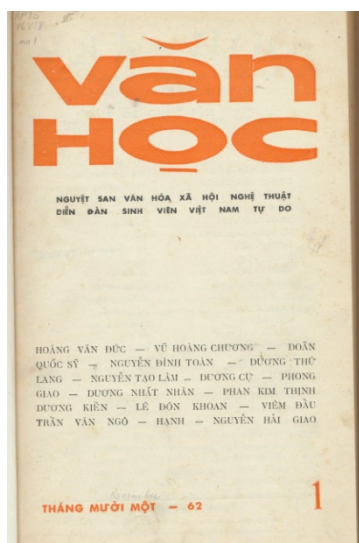
Ra đến bên ngoài Trần bước đi như một cái máy, lòng chàng buồn bã vô hạn. Chàng vừa gõ một cánh cửa, và cánh cửa đã đóng chặt, cánh cửa từ chối không chịu mở ra.

Sau những bức tường là những cánh cửa không chịu mở.

(trích Cối Đá Vàng - chương VII, An Tiêm xb tại Saigon năm 1971, Thư Án Quán tái bản 2012)

(*) Tựa đề do Tòa soạn mạn phép tự đặt để dễ dàng cho việc trích đăng và làm mục lục.

HÀNH TRÌNH TẠP CHÍ VĂN HỌC người viết: trần hoài thư



Văn Học được ra đời do một số người trẻ nhập cuộc. Họ là những học sinh, sinh viên của các trường Trung học, Đại học trên toàn quốc, và một số đang du học tại ngoại quốc nhưng đã cùng nhau chung một lý tưởng thực hiện một tờ tạp chí nghiên cứu và phê bình về văn hóa và chính trị để làm diễn đàn chung cho những thanh niên tự do tại Miền Nam.

Số đầu tiên phát hành vào tháng 11- 1962 trong thời Đệ nhất Cộng Hòa, và số cuối cùng là số Mùa Xuân 75, kéo dài được 13 năm - số tuổi xem như rất thọ so với các tạp chí văn học miền nam khác , ngoại trừ chỉ sau tạp chí Bách Khoa. Từ số 1 đến số 72 (1-5-67), khổ báo khổ lớn (15x25 cm). Từ số 73 đến số cuối cùng khổ giấy loại nhỏ (14x20 cm).

Hai năm đầu, báo được phát hành một tháng một kỳ, sau đó,

báo đổi thành bán nguyệt san, phát hành mỗi nửa tháng một kỳ (kể từ số 21).

Chủ nhiệm đứng tên là Phan Kim Thịnh, nhưng chủ bút thì thay đổi ba lần. Hai năm đầu (1961-1963), chủ bút là Dương Kiển, sau đó chủ bút là Phan Kim Thịnh. Tiếp đến vào năm 1966 là Nguyễn Đình Toàn (từ số 63 ngày 1-9-66 đến số 69 ngày 15-11-66). Sau đó vai trò chủ bút lại được giao lại cho Phan Kim Thịnh.

Hai năm đầu (từ số 1 đến số 20), tạp chí nhắm vào thành phần thanh niên sinh viên như tiêu đề trên bìa của tạp chí: *Nguyệt san văn hóa xã hội nghệ thuật. Diễn đàn sinh viên Việt Nam tự do*. Mỗi số báo đều có mục liên quan đến sinh viên như Sinh Hoạt Sinh Viên do Trần văn Ngô, Phương Khanh, Hà Thanh phụ trách... Cọng thêm vào những bài viết liên quan đến những vấn đề của sinh viên như “vài tâm trạng nghịch thường của thanh niên trước những giá trị xã hội (Dương Nhất Nhân - số 1), Sinh Viên và trí thức lãnh đạo (Quan điểm, số 2), Chính sách sinh viên (Quan điểm, số 3), cái nhìn của người sinh viên (Nguyễn Vũ, số 4), Dân chủ hóa nền đại học (Quan điểm, số 5), Chỉ huy hay hướng dẫn (Quan điểm, số 6) hay mỗi số có mục **Vấn Đề của chúng ta** ví dụ: Bài trả lời ông Nguyễn Đăng Thục, Khoa trưởng đại học văn khoa SG của Văn Học (số 4), Nhân các kỳ thi: Đặt lại vấn đề nguyên tắc (số 6) v.v....

Sau số 20, tiêu đề **Diễn đàn sinh viên Việt Nam tự do** được lấy ra, và nội dung Văn học có tinh cách khai phóng hơn, ảnh hưởng nhiều bởi thời sự. Sau 1965 chiến cuộc càng lúc càng leo thang, những người cộng tác viên trẻ phải vào quân ngũ, hay xa Saigon, để lại một khoảng trống lớn cho Văn Học. Cọng vào sắc luật 007 đã khiến chủ trương của Văn Học từ một tờ báo chính trị văn học đổi sang một tờ báo thuần túy văn học kể từ năm 1968.

Sau đây là những điểm nổi bật của tạp chí Văn Học :

1. Văn Học là tạp chí đầu tiên đăng truyện viết về cuộc chiến miền Nam ngay ở giai đoạn phát khởi (Năm 1963). Đó là truyện ngắn *Khu rừng Mùa Xuân* của Vương Thanh và

Lớp lớp phù sa của Vương Trân Nam (VH số 3 tháng 1 năm 1963). Vẫn là sự tàn bạo của chiến tranh. Và dạt dào nhân bản của người lính miền Nam:

“- Khà, khà, này bị thương giống tao, nhưng mày thiếu may mắn hơn vì mày không có dao và súng. Tụi nó không để lại cho mày một khẩu súng nào à ? Chắc tụi nó tưởng mày đã chết rồi, mà mày thì chết thật rồi, chỉ tao, còn một con dao, thế là tao sống ha... ha... cười lên mày, hồi thằng bé không thù oán của ta.

Thức lật xác hắc nằm úp xuống để khỏi phải nhìn vào mắt hắc, nhưng chân tay anh đã run bắn và lạnh cóng. Anh gối đầu hắc lên ngực một tử thi khác cạnh một hồ nước và đề lên hắc, khóc. Bỗng Thức đứng dậy, lao đảo, ngã dúi mấy lần. Anh hoa mắt, vết thương hắc miệng lở loét như một nụ cười đầm máu. Thức ngã quỵ xuống, chống lên xác hắc, thân mật và bặt bẻ. (Khu rừng mùa xuân, VH số 3, trang 58)

2. Văn Học là tạp chí đăng những bài khảo luận về văn học miền Bắc đầy giá trị mà ít người biết.

Đó là những bài khảo luận của Sông Thai như *Đọc Vào Đời của HÀ MINH-TUẤN* (Cơ sở xuất bản Văn Nghệ Hà Nội 1963 (VH số 58 ngày 15-5-1966), “Nguyễn Tuân, sau ba mươi năm cầm bút...” (VH chủ đề Nguyễn Tuân), “Văn Cao, một nghệ sĩ tài hoa đang bị cuộc đời ruồng bỏ” (VH 115), “Lê Đạt, chiến sĩ dũng cảm của phong trào trăm hoa đua nở” (VH số 139), “Hoàng Cầm và sự nghiệp đấu tranh cho độc lập, tổ quốc và nhân phẩm con người (VH số 141).

Bây giờ, được dịp đọc những bài viết của các nhà nhận định, nghiên cứu ở trong nước, càng thấy phục tác giả Sông Thai ở tài nhận xét và khả năng lý luận phê bình của ông. Đó là lý do tại sao chúng tôi chọn đăng lại bài viết về Nguyễn Tuân trong số này.

3. Văn Học qui tụ rất nhiều cây bút. đủ thành phần:

Ngày từ số 3, ta thấy những nhà văn như Võ Phiến, Dương Nghiễm Mậu. Vũ Bằng, Nhật Tiến, Nguyễn thị Vinh, Linh Bảo, Nguyễn Đình Toàn, Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Mạnh

Côn, Doãn Quốc Sỹ, Đinh Hùng, Thanh Lăng, Nguyễn Sa bắt đầu có mặt trên Văn Học cộng thêm vào lực lượng chủ chốt của Văn Học như Viêm Đầu, Nguyễn Hữu Dung, Thế Viên, Hoàng Vũ. Lê Đôn Khoan, Vương trăn Nam, Dương Cự, Dương Kiên, Vương Thanh, Nguyễn Đông Ngạc, Trần Triệu Luật, Lôi Tam... Một tên tuổi cộng tác rất tích cực và thường xuyên ngay từ số đầu chuyên về lĩnh vực dịch thuật cũng như lãnh vực nghiên cứu văn học là Bác sĩ Hoàng văn Đức, tức Hoàng Vũ Đức Vân.

Kể từ năm 1964 trở đi, độc giả thấy sự góp mặt tích cực của những cây bút trẻ miền Trung hay những người mới cộng tác với VH lần đầu. Số lượng này càng lúc càng đông đảo: Luân Hoán, Cao Thoại Châu, Thành Tôn, Hoàng Lộc, Chu Tân, Trần Dza Lữ, Đynh Hoàng Sa, Trần Quang Long, Phan Duy Nhân, Nguyễn Nho Nhượng, Sâm Thương, Hà Nguyên Thạch, Nguyễn văn Bồn (Tân Hoài Dạ Vũ), Lê Đình Phạm Phú, Thái Ngọc San, Phan Nhự Thức, Võ Quê, Khắc Minh, Trần Hoài Thư, Lê Nghiêm Vũ, Trần Hữu Nghiêm, Trần Xuân Kiêm. v.vv ...

4. Văn Học là tạp chí thực hiện rất nhiều chủ đề giá trị.

Trước số 87 (1968), chủ đề của Văn Học thường mang tính cách thời sự ví dụ “Trưởng niệm văn hào Nhất Linh” (số 9 tháng 7-1963). “Những vấn đề của thời cuộc” (Số 10 tháng 8-1963), “Quê hương còn đau khổ” (số 23, 1-9-64), “Chúng tôi tố cáo: Hội đồng Nhân Dân cứu quốc, ông là ai?” “Đối thoại giữa người Việt và người Mỹ” (Số 25, tháng 10-64). “Chiến thuật biến hình của Cộng Sản” (số 26), “cách mạng và phản cách mạng” (số 29) “Thơ văn chiến tranh” (số 36 ngày 15-4-65), “Nhận định thi ca” (Số 37 ngày 1-5-65), “Triết học - thi ca” (số 38 15-5-1965), “Đặt lại vấn đề thông tin văn hóa miền Nam”, “Tình yêu và văn chương” (số 40, 15-6-65), “Quân đội và cách mạng” (số 43, 1-8-65), “văn chương phản kháng” (số 46, ngày 15-9-65), “Cách mạng Việt Nam đi về đâu?”, “Sinh viên Huế lên tiếng” (số 49 ngày 1-11-65), “Cuộc đời và triết lí của Socrate” (số 54 ngày 15 tháng 2-66), “Tiếng nói da đen” (Số 56, 15-3-66), “Thi ca da đen” (1-4-66) v.v..

Sau số 87, vì sự khẩn khe của luật 007, nên Văn Học quay sang việc giới thiệu những chủ đề văn học, vô thưởng vô phạt. Ví dụ:

Buru hoa và nghệ thuật (số 135), Phú Đức: Tiểu thuyết gia miền Nam (số 136), Nhà văn và thuốc phiện (số 137), Những phụ nữ lưu danh trong Thi đàn Việt Nam (số 150), Tìm hiểu quốc kỳ và quốc ca Việt Nam (Số 151), Ái tình và thi sĩ (Số 152), Khám phá danh tính dịch giả Chinh phụ ngâm (Số 153), Thi nhân và mùa thu (Số 154). Nghĩ về tiểu thuyết (Số 155) Hiện tượng đọc truyện Quỳnh Dao (Số 156) v.v...

Văn học “đại thắng mùa hè” 1966

Thình thoảng trên Văn Học có một mục dành cho sinh hoạt văn học nghệ thuật trong và ngoài nước. Mục này thoát đầu được lấy tên là Sinh Hoạt Văn Hóa, do nhiều người viết. Số 1 có Nguyễn Đức. Số 2 có Nguyễn Cao Đàm. Kể từ số 33 trở đi, tên “Sinh Hoạt Văn Hóa” được đổi thành “Chân Trời Văn Học”, do một tập thể phụ trách ghi nhận “chuyện trong làng”, “chuyện ngoài làng” (Phương Khanh, Trần Liên Chi, Trần Hoàng Oanh), Trạng Thiên chỉ ghi những tin tức sinh hoạt ngoài nước... Kể từ số 54, độc giả thấy Duyên Anh xuất hiện trong mục Chân Trời Văn Học. Ông xuất hiện với cây viết và lưỡi gươm, mà bài “Một tác phong văn nghệ” của ông là một trận bão dữ nhắm vào báo Văn nói chung, và Trần Phong Giao nói riêng. Kết quả là mục “quét đình làng” mà Văn lập ra có mặt trên hai năm phải gỡ bỏ bằng hiệu. (Mời đọc bài viết của Ba Cận thị trong số này).

Xin nhớ rằng Trần Phong Giao đã có mặt trên Văn Học ngay từ số đầu tiên, đã có một số bài dịch trên Văn Học.

Kết luận:

Văn Học, mặc dù là tờ báo được chủ trương bởi những người không chuyên nghiệp, nhưng nhờ sự nhiệt tình và dấn thân của tuổi trẻ, nên tạp chí đã vượt tất cả những trở ngại để biến thành một tạp chí có tầm cỡ của miền Nam. Để bạn đọc biết

được nổi thẳng trăm của tờ báo, chúng tôi xin đăng lại lá thư của tòa soạn, viết vào năm 1974, kỷ niệm Văn Học bước vào năm thứ 12:

“ Mười hai năm trước, chúng tôi còn là những học sinh, sinh viên của các trường Trung học, Đại học trên toàn quốc, và một số đang du học tại ngoại quốc nhưng đã cùng nhau chung một lý tưởng thực hiện một tờ tạp chí nghiên cứu và phê bình về văn hóa và chính trị để làm diễn đàn chung cho những thanh niên tự do tại Miền Nam. Hoài bão trên chúng tôi đã thực hiện được tờ Văn Học số 1 phát hành ngày 1 tháng 11 năm 1962 với hình thức trang nhã, và nội dung các sáng tác của các bạn trẻ đóng góp. Thêm vào còn số sự giúp mặt của các vị giáo sư, nhà văn tên tuổi trong nước. Vì vậy khi Văn Học được phát hành đã được bạn đọc đón nhận một cách nồng nhiệt.

Với thành quả trên, hôm nay chúng tôi một lần nữa xin chân thành gửi đến bạn đọc và các thân hữu lời cảm tạ. Mười hai năm vừa qua, vì chính tình Việt nam đã đổi khác. Bao biến cố dồn dập, báo chí nước nhà đã lâm vào tình trạng khủng hoảng, giấy in báo năm 1962 là 50 đồng một ram mà nay năm 1974 đã 800 đồng một ram, một tờ tạp chí khi trước bán 10 đồng một sẽ tòa báo thầu về đã dư giá, nay phải báo 250 đồng một số mà tòa báo còn ngất ngư thiếu hụt không có tiền trả tiền bài cho anh chị em. Thêm vào hoàn cảnh kiểm duyệt, và sắc luật 007 đã làm một số văn nghệ sĩ gác bút, và nhiều tờ báo TƯ Ý ĐÌNH BẢN. Riêng chúng tôi vì được bạn đọc khuyến khích tinh thần nên đã cố gắng còn có mặt đến ngày hôm nay trong làng Báo miền Nam. Nhưng sự cố gắng này chúng tôi đã phải buộc lòng thay đổi nội dung từ chủ trương chính trị sang chủ trương văn liệu để tránh cho sự trở ngại xuất bản. Hơn nữa những bạn trẻ có nhiệt tình với thân phận đất nước những năm 60-68 đã góp mặt trong Văn Học, nay đã mỗi người một phương trời. Một số kẹt trong quân ngũ, một số ngã gục .. Vì vậy thực hiện một nội dung Văn Học như những năm 62- 68 ngày nay không thể làm được. Nhưng để khỏi phụ lòng bạn đọc đã và đang dành cho Văn Học từ mười hai năm qua, những tháng, năm vừa qua chúng tôi đã cố gắng thực hiện những chủ đề văn liệu hữu ích để gửi đến bạn đọc....”

(Trích Văn Học (giai phẩm) chủ đề Nguyễn Du, năm 1974)

Khi Văn Học khai chiến với Văn năm 1966

**Ba Cận thị tường trình từ mặt
trận**



● **Khi Duyên Anh làm sập tiệm “Quét Sân Đình” của Văn**

"Mỡ Làng Văn" là một bút danh xuất hiện trên tạp chí Văn trước năm 1975 từng gây sóng gió trên văn đàn, từ năm 1964 đến giữa năm 1966 (Văn số 8 đến Văn số 57) qua mục lấy tên là “Quét Sân Đình”. Đây là một bút hiệu “tập thể”. Người viết mượn tên, đội lốt. Và chỉ có một người biết. Dĩ nhiên là Thư ký tòa soạn Trần Phong Giao.

Một ví dụ điển hình là ngay cả chuyện các nhà văn nổi tiếng bấy giờ tom góp các bài viết cũ rồi xuất bản thành tập bằng cách đánh số I, II, III như Võ Phiến với Tập bút I, II..., Nguyễn văn Trung với Ca tụng thân xác I, II hay Thế Uyên với Thái Độ I, II... cũng bị Mỡ Làng Văn xem là rác rưởi để quét. Mỡ ta cho rằng các vị ấy noi gương bắt chước theo hai ông J.P. Sartre, André Gide khi hai tác giả ngoại quốc này tom góp những bài viết của họ để xuất bản và đánh số I, II, III !. (Văn số 51 ngày 1-2-1966).

Trong số các nhà văn bị làm rác bởi Mõ Làng Văn, có Duyên Anh (DA). Ông bị chửi của thằng Mõ quét sau khi bài viết “Một tác phong văn nghệ” của ông khen ngợi dịch giả Văn Mông xuất hiện trên Văn Học số 56 ngày 15-3-1966. (Toàn bài “Một tác phong văn nghệ” được chúng tôi đánh máy và đăng ở phần phụ lục)

Ông DA âm ức lắm. Ông muốn biết ai là tác giả bài viết này. Ông không thể trả đũa một bút hiệu mà ông gọi là “bút hiệu tập thể”. Ông là vua chửi, nhưng nếu chửi mà chẳng có đối tượng thì chửi làm gì. Bởi vậy ông công khai xin hai người mà ông nghi là Nguyễn Minh Hoàng và Trần Phong Giao (TPG) trên một bài báo xuất hiện ở Văn Học số 57 ngày 1-5-1966:

“Xin hai anh một điều có chê nhau, đừng ký Mõ Làng Văn nữa.”

(Toàn bài chúng tôi đánh máy đăng lại ở phần phụ đính)

Điều này chứng tỏ về cái chiêu quét của Văn là độc địa như “Ao Thả Vịt” với Kha Trần Ác trên báo Sóng của Chu Tử. Muốn quét ai hoặc muốn “làm rác” ai thì cứ lấy thằng Mõ Làng Văn để mà đội lốt. Ai chửi lại thì có thằng Mõ nhận thế giùm. Khỏe ru. Khỏi mất lòng ai. Mà cũng chẳng ai biết mình là tác giả. Bởi nó là bút hiệu tập thể. Chả trách Duyên Anh phải “Xin hai anh một điều có chê nhau, đừng ký Mõ Làng Văn nữa.”

Nhưng lời xin (mang theo dọa dẫm) của nhà văn Duyên Anh không được Văn thỏa mãn. Ngay sau bài viết “Một tác phong văn nghệ” của ông đăng trên Văn Học được phổ biến thì trên Văn số 55, trên mục Quét Sân Đình đăng bài trả đũa nhan đề “Nhân một bài báo của nhà văn Duyên Anh” tác giả vẫn ký tên là *Mõ Làng Tân Nhuế*.

Lập tức, Duyên Anh phản công. Trên Văn Học số 58, ông viết bài “Trả lời ông Nguyễn Minh Hoàng” mà ông nói là tác giả bài viết vì ông nghe chủ nhiệm tạp chí Văn Học tiết lộ:

“Tôi có thói quen, hễ cần viết hay nói một chuyện đúng đắn thuộc phạm vi văn nghệ với

một người nào mà nhắc đích danh người đó, không bao giờ tôi dùng những bút hiệu khác ngoài bút hiệu Duyên Anh. Tôi cũng có thói quen, không thích nói chuyện với một người "nổi tiếng" như ông Nguyễn Minh Hoàng mà lại phải nói với bút hiệu "tập thể" của ông Mõ Làng Tân Nhuế. Sở dĩ, tôi biết người bảo tôi sai lầm trong bài báo của tôi đăng trong Văn Học số 56, là ông Nguyễn Minh Hoàng vì anh chủ nhiệm Văn Học tiết lộ rằng chính ông Trần Phong Giao nói nhỏ với anh mới đây tại quán Chùa."

(Văn học số 58 ngày 15-5-66 - Toàn bài được đăng lại ở phần Phụ lục)

Để hỗ trợ cho bài phản công trên, ông cho đăng thêm một bản tin ngắn nhan đề "Phỏng vấn Dương Kiền" ngay dưới bài viết. Xin lưu ý Dương Kiền nguyên là chủ bút của tạp chí Văn Học (1962-1963):

"Tạp chí Văn số 56, ở mục "Quét Sân Đình", ông Mõ Làng Tân Nhuế viết bài "Nhân một bài báo của nhà văn Duyên Anh", đã khéo léo "kêu" Dương Kiền vào cuộc và mĩa mai bằng một giọng rất cay cú: *"khi dịch văn, dịch cuốn l'Etranger của Albert Camus (Ngày Nay xuất bản, Saigon, 1965) thì ta thấy ông (Dương Kiền) thất bại hoàn toàn. Không cần đi sâu vào chi tiết, cứ nguyên cái việc ông Dương Kiền đem biến thiên truyện kể (récit) của Camus, bằng cách chặt câu xuống hàng lung tung, cũng đủ để cho, giá như Albert Camus có đời được mỗ mà sống lại và giá như ông ta đọc được bản Việt dịch, cũng không tài nào nhận ra tác phẩm của ông nữa rồi!"* Kề ghi mục này có hỏi Dương Kiền:

- Cậu có trách tôi không? Họ không "đánh" tôi mà lại "cắn" cậu đau quá!

Dương Kiền không thèm trả lời nhưng Bùi Ngọc Dung nói:

- Ghen ăn đấy mà. Cùng dịch một cuốn, chậm

chân mại không vô đâm ra cay cú! Lại còn xúi ông Khai Trí đem bản dịch của Dương Kiên đốt đi để xuất bản bản dịch của mình. Bèn trở mặt:

- Ai đó?

Đáp gọn:

- Đây tớ của ông Khai Trí, chứ ai!

(Văn Học số 58 ngày 15-5-1966)

Sau khi bài phản công của Duyên Anh được phổ biến trên Văn học số 58, thì trên Văn cùng một số tức 58, lập tức có bài trả lời của ông Trần Phong Giao. Ông phủ nhận việc Duyên Anh bảo Trần Phong Giao gặp Phan Kim Thịnh ở quán Cái Chùa:

"Trước hết, đã hàng tháng nay tôi không ra quán Cái Chùa. Cũng đã một thời gian lâu rồi tôi không được gặp ông Phan Kim Thịnh. Phần khác, giả có gặp ông Thịnh, tôi cũng không có đủ thân tình để "nói nhỏ với ông về một điều mà tôi (cũng như ông Thịnh) bắt buộc phải giữ kín như một "bí mật thuộc về nghề nghiệp"". "

Thứ đến là ông nói rõ thêm chuyện ông Bùi Ngọc Dung cáo buộc TPG là "ghen ăn" mà ông cho là DA "bịa đặt":

"Khi cho tôi mượn Văn-Học số 58 (lúc tôi viết bài này chiều 10-5, báo Văn Học chưa có bán ngoài sạp) một anh bạn có cho biết là mới đây trong một bữa cơm thân mật tại nhà anh Phan-Kim-Thịnh anh Bùi Ngọc Dung đã phàn nàn (trước mặt anh em) là anh không hề nói những điều mà ông Duyên-Anh đã viết trong bài "Phỏng vấn Dương Kiên" ... Tôi không có lý do gì để không tin lời anh bạn nọ. Vì vậy, tôi đành coi bài của ông Duyên-Anh như một sự bịa đặt."

(Xin đọc ở phần phụ đính đăng toàn bài của Trần Phong Giao)

Tháng 5 dĩ nhiên là tháng nóng ở Saigon, nhưng chắc là không nóng sốt bằng cuộc chiến tranh tay đôi này.

Đến nỗi, nhà thơ trào lộng Tú Kếu đã làm bài thơ như sau:

TÚ KẾU

(Mục “chém treo ngành”)

ĐÙA HAI THẮNG MỠ

(Duyên Anh trong bài “ tác phong văn nghệ” ở Văn Học “kê” các dịch giả xứ ta. Thắng Mỡ báo Văn ức sừng bèn “quét” lại trong mục “quét sân đình” kỳ trước...)

*Một thằng mỡ văn, thằng mỡ báo (1)
Hai thằng cùng mỡ, cùng nói láo,
Dài hơi, cả tiếng tưởng hay ho
Cãi nhau om sòm, điếc ráy lão!*

*Đôi co văn tàu, với văn ta
Lãi nhái cứ như bọn đàn bà!
Văn dịch anh em mang mỡ xẻ
Vạch vôi y hệt lúc chơi hoa!*

*Thằng Văn bới móc thằng Văn-Học
Hàng xóm mất ngủ vì bọn nhóc!
Bọn nhóc thừa giấy đem vẽ voi
Vẽ luôn giun dế, và nhái cóc!*

*“Tác phong văn nghệ”, khéo bày trò
Giống mỡ nhà bay vốn miệng to
Danh giá bao nhiêu mà lớn hợng?
Một mình một chiếu hăn chưa no?*

*Cốc... cốc... ơ... ơ... giữ nghiệp nhà
Thôi đừng lí lắc kiểu bùn ma!*

*Nhấn hai thằng mỡ: không siêng học
Làng tổng ra ngoài chết bỏ cha!*

*“Văn nghệ văn nghệ” nước non này
Ra quái gì đâu hờ chúng bay!
Chọc cút người hoài sao chẳng chán
Riêng ông lợn giọng bấy lâu nay!*

*Mặc cha đưa dịch, đưa sáng tác
Đưa vồ, đưa thuổng, đưa ăn cắp!
Làng ông nó bán đã lâu rồi
Cần gì lũ mỡ phải lấp bắp!*

(1) Mỡ Báo: bút hiệu của Duyên Anh ký trên *Tin Báo* trước đây.

(Văn số 57)

Kết quả là Văn đại bại. Kể từ số 58, mục thường xuyên “Quét Sân Đình” bị dẹp bỏ sau hai năm tung hoành một mình một cõi. Bút hiệu Mỡ Làng Văn không còn thấy xuất hiện, mãi đến một năm rưỡi sau, mới thấy tái hiện trên số 80, nhưng thay vì “Quét Sân Đình” nay sửa lại là “Chuyện Giải Buồn”. Người bị lên bàn mổ để giải buồn lần này là Văn Mòng (bút hiệu của Bùi Giáng) với bản dịch “Khung cửa hẹp” của tác giả André Gide mà trước đó, Duyên Anh ca ngợi hết mình trong bài “Một tác phong văn nghệ”.

● *Một âm mưu thâm độc ???*

Bài viết của Duyên Anh đã là một cú “knock-out” vào Văn khiến TPG phải tá hỏa! Bằng chứng là TPG khẩn cấp viết bài trấn tĩnh. Khẩn cấp đến độ “lúc tôi viết bài này chiều 10-5, báo Văn Học chưa có bản ngoài sạp” (Văn số 58). Sau đó, là gỡ cái bảng “Quét Sân

Đình” kia xuống, để từ đây cái đình làng kia phải đóng cửa vĩnh viễn!

Chuyện này được chính Mõ Làng Văn thú nhận trên Văn số 80, sau một năm rưỡi kể từ khi cái bảng “Quét Sân Đình ” bị gỡ xuống:

... Đã từ lâu Mõ tôi vắng mặt trên Văn. Bà con cô bác có nhiều người lo lắng, thăm hỏi. Nhờ Trời, Mõ tôi vẫn mạnh: vẫn com hai bữa, cà phê hai cữ, thuốc lào thuốc lá hút lai rai. Sự vắng mặt của Mõ tôi, nói có tòa soạn Văn làm chúng, hoàn toàn ngoài ý muốn. Số là, đã lâu rồi, trong một phiên họp thượng đình, trước toàn ban biên tập và các cộng tác viên của Văn, thư ký tòa soạn có lên tiếng kêu rên là các bài do Mõ tôi viết đã gây cho hần ta quá nhiều **sự hiểu lầm oan ức, và do đó, quá nhiều phiền phức lời thôi** (...) Nghe hần nói xong, anh em biểu quyết và truyền lệnh Mõ tôi phải treo chổi.

(Văn số 80 ngày 15-4-1967)

Bạn thấy cái bài viết của Duyên Anh là thâm độc ghê gớm chưa? Chỉ việc phao tin ông Khai Trí xúi, và bảo Trần Phong Giao tì tê với Phan Kim Thịnh tại Quán Chùa về tác giả bài viết là Nguyễn Minh Hoàng là xong ngay. Nó tạo nên sự ly gián trong nội bộ của Văn hay của nhóm Mõ Làng Văn. Nó cũng gây phiền phức lời thôi trong việc làm ăn với ông Khai Trí...

Lẽ ra, với thẩm quyền của một chủ nhiệm kiêm chủ bút, ông Phan Kim Thịnh phải ngưng không cho đăng hay có đôi lời đính chánh để tránh ngộ nhận nhưng ông ta vẫn để cho bài có DA xuất hiện. Nếu quả thật như vậy, thì đó là sự “đồng lõa ngầm” còn gì danh dự của một chủ nhiệm, chủ bút và tạp chí của mình ?

Nhưng mà, đâu cần danh dự, miễn là mục đích đạt là được. Bài học lịch sử cuộc chiến miền nam rành rành ra đó.

- **Vậy Mõ Làng Văn là ai?**

Trên Văn số 80, ở mục mới là “Chuyện Giải Sầu”, Mõ Làng Văn cho biết thư ký Tòa Soạn Văn kêu rên các bài do Mõ Làng Văn viết đã gây cho ông “nhiều sự hiểu lầm oan ức”, “phiên phức lồi thối”. Vậy thì, ngoài Trần Phong Giao ra, còn có ai đội lốt Mõ Làng Văn khiến TPG lại kêu rên như vậy?

Trước 1975, chúng ta không biết. Bởi lẽ ông TPG giấu, bảo là **“bắt buộc phải giữ kín”** vì nó là **“bí mật của nghề nghiệp”**. (chữ đậm là lời của TPG)

Nhưng sau 1975, chúng ta mới vỡ lẽ, do việc tự khai của chính người trong cuộc. Đó là dịch giả Trần Thiện Đạo.

Lời tự khai này được tìm thấy trong phần tiểu sử của TTĐ ở trên Mạng.

Ví dụ trong bài “Nói chuyện với dịch giả Trần Thiện Đạo” của Thụy Khuê, tác giả có viết vài dòng về tiểu sử TTĐ như sau:

Trần Thiện Đạo (còn có bút hiệu khác là Trần Mai Lan, Mõ Làng Văn - tên chung với nhiều nhà văn khác) là một trong những cây bút chính của Tạp chí Văn.

Đây là một chuyện lạ trong văn học. Bởi vì “job” chửi, bươi, quét có gì thích thú đâu để phải hãnh diện mà khoe chứ ?

Rõ ràng, ở lĩnh vực nào của văn học, ông TTĐ cũng là số một, không ai có thể theo hay sánh kịp.

Từ việc giấu tông tích mượn lốt đội mũ Mõ Làng Văn đến việc nghĩa tử không là nghĩa tận!

- **Khi Mõ Làng Văn trả thù lại Duyên Anh**

Mãi đến một năm rưỡi sau từ ngày “Quét Đình Làng” treo chổi, Mõ Làng Văn vẫn còn ầm ức với kẻ đã đánh mình nên thẳng Mõ thẳng tay phê bình Vân Mông vì Duyên Anh ca tụng hết lời Vân Mông. Lần này “Quét Đình Làng” được thay

bằng “Chuyện Giải Buồn”. Bài phê bình Văn Mông (một bút hiệu của Bùi Giáng) được đăng trên Văn số 80 :

Một lời tự hỏi thầm trong bụng : một dịch giả thận trọng căn mẫn (đã từng được nhà văn Duyên-Anh của báo Văn-học ca tụng hết lời) có thể nào lại tùy nghi gạt qua một bên những chi tiết tuy nhỏ nhất, nhưng không chừng lại rất ư quan trọng, **nhất là** trong một đoạn văn nòng cốt của một nhà văn ý thức rõ ràng việc viết văn như André Gide, như vậy không ? Một lời không có ý đòi các dịch giả phải chú trọng từng chữ, từng câu ở bất luận bản văn nào nhưng trong đoạn văn thượng dẫn của André Gide, Một lời nhắc lại Gide là nhà văn có ý thức minh bạch về thuật viết văn nói chung (cách vận dụng từ ngữ, hình ảnh, hành văn, bút pháp), trong trường hợp đặc biệt này, Một lời nghĩ rằng dịch như cô Văn-Mông là thiếu thận trọng, và thiếu thận trọng như vậy, là phản tác giả cô muốn chuyên dịch.

Hai chữ “nhất là” đã giúp tôi biết ngay tác giả bài viết ký tên Mõ Làng Văn này không thể là Trần Phong Giao (TPG) được. Bởi lẽ TPG là người Bắc. Mà người Bắc chỉ nói “nhất là” chứ không “nhất là” . Nói có sách mách có chứng. Đây là một đoạn dịch của Trần Phong Giao từ vở kịch Les justes của Albert Camus, ông dùng “nhất là” để dịch:

KALIAYEV, về nhón nhác - Tôi không thể đoán trước... Mấy đứa nhỏ, **nhất là** mấy đứa nhỏ...

(TPG: Những người trung thực dịch từ Les justes, Albert Camus, kịch, Giao điểm 1965)

Nay ông Trần Thiện Đạo tự khai ông còn xữ dụng bút hiệu Mõ Làng Văn. Mà ông TTĐ là dân Nam Kỳ rất ! Vậy thì ai trồng khoai đất này ?

Chỉ tội cho ông Trần Phong Giao. Ai đó làm nhưng ông nhận tội. Ai đó đánh nhưng ông đưa lưng ra để đỡ đòn. Hết Duyên Anh dùng Văn Học, rồi đến Nguyễn Sa dùng báo Sóng của Chu Tử ký tên Hư Trúc (1) , hay hai bà Nhã Ca, Túy Hồng mượn báo Khởi Hành (2) đánh ông toi bởi hoa lá, bắt ông phải viết hết trần tình này đến trần tình khác.

Và có lẽ cũng tội cho ông Nguyễn Minh Hoàng nữa. Không

biết ông NMH có lấy bút hiệu chung này không, sao lại được ông Duyên Anh chiếu cố, chứ tôi chưa hề đọc một bài nào của NMH chê bai, hay phê bình ai. Ngay cả tiểu sử của ông NMH cũng không thấy, thật khó mà biết gốc gác của ông. Từ đó tôi nghĩ ông NMH thích sống thâm lặng, không muốn mắc vào những chuyện đánh đấm hay phê bình chỉ trích nhau. (3)

Chiến tranh nóng ở ngoài vòng đai. Chiến tranh lạnh ở Saigon. Giữa cuộc nội chiến ác liệt như vậy mà ông Trần Phong Giao vẫn gồng mình để lèo lái tạp chí Văn khiến nó trở thành một tạp chí văn học có tầm vóc lớn của miền Nam... Thương ông, phục ông là ở chỗ đó.

Có phải vậy không ?

(1) Trần Phong Giao: “Bông hồng hay bông cúc lợn” Văn số 92 ngày 15-10-67

(2) Xin đọc TQBT số 61 chủ đề hiện tượng nhà văn nữ.

(3) Sau khi báo “lên khuôn”, chúng tôi nhận được bài nói chuyện với dịch giả Nguyễn Minh Hoàng của Ngọc Bút vào ngày 26-9-2016 tại SG, theo đó, Mõ Làng Văn chỉ có hai người là Trần Phong Giao và Nguyễn Minh Hoàng, không có Trần Thiện Đạo. Mời đọc bài “Muôn Năm Cũ” của Ngọc Bút trong phần Sống và Viết.

những thiên đường lỗi

NGUYỄN HẢI-GIAO

(VH số 1 tháng 11-62)

Những biến cố lớn của lịch sử đã làm giao động cả xã hội của chúng ta, sự giao động ấy không phải chỉ có bề mặt mà còn xâm chiếm cả bề sâu, từ tận cùng sự suy tưởng của mỗi cá nhân riêng lẻ. Chúng ta tin, và tin đúng - ít nhất là trên nguyên tắc - những người cầm bút, những người tự đảm nhận sứ mệnh văn hóa sẽ là nhân chứng của thời đại, ghi lại bằng nét đậm trong những tác phẩm nổi niềm băn khoăn ray rứt cũng như hoài bão của thế hệ mình. Không thể, tác phẩm chỉ là tác phẩm chết, và người cầm bút chỉ là những phù thủy đọc những bài phù chú tối tăm và vô ích.

Trào lưu văn học của chúng ta từ khi khai sáng nền văn chương Quốc ngữ đã trải qua ba thế hệ rõ rệt. Thế hệ trước 1930, thế hệ của những nhà văn tiên phong đã mở một con đường khá rộng rãi và khoáng đạt cho thế hệ 1930 - 1945, thế hệ của Tự-lực Văn-Đoàn. Và từ 1945 tới nay là thế hệ của chúng ta, thế hệ chưa được mệnh danh.

Chưa được mệnh danh vì nó quá phồn tạp - phồn tạp chứ không phải phong phú - và vì sự lạc lõng trong ý thức của người cầm bút. Xã hội chúng ta đang ở trong một thế quân bình giả tạo đã đột nhiên chịu đựng những biến chuyển, khốc liệt, sự tranh chấp giữa các lực lượng đối lập không chỉ giới hạn trong phạm vi chính trị, nó xâm lấn vào một lãnh vực và lôi kéo từ trong tiềm thức đang an hưởng sự bình yên giả tạo kia những phản ứng quá độ. Chính sự quá độ đã làm chói lòa cái nhìn của người cầm bút và người trong tâm khảm của họ đã thú nhận một sự bất lực.

Bất lực nhưng tự hào (phải chăng tự hào là bản chất cố hữu

của người cầm bút vốn vẫn tự đặt mình vào hàng ngũ trí thức !) người cầm bút đã có những thái độ cực kỳ mâu thuẫn và cũng cực kỳ phi lý.

Đáng lẽ, do cái tất nhiên của bản thể văn hóa; tác giả, và tác phẩm, phải làm sôi trào cái tâm linh của riêng mình cũng như của thể hệ mình. Tâm linh ấy là sự tập hợp những khắc khoải, những băn khoăn, tất cả những gì làm nên chất liệu cho “đà sống” của cá nhân và của tập thể. Nhưng trái lại, thể hệ văn học của chúng ta đang rơi vào một sự trống rỗng vô biên, người cầm bút chỉ làm công việc ném những viên đá nhỏ vào khoảng trống, và tất nhiên những tiếng vang đã mất hút trong sự sâu thẳm vô cùng ấy.

Sự thất bại của người cầm bút đã thể hiện qua tâm trạng muốn tạo lập nên một thứ thiên đường, nhưng sự thật chỉ là những thiên đường lở.

Là những thiên đường lở, vì nó tự cô lập với thực trạng xã hội, nó lùi ra xa và giữ một thái độ khách-quan vô lý. Vô lý vì không thể nào quan-niệm được một thái độ bất động trong khi mọi thực thể xã hội đều bị chi phối khắt khe bởi định luật tiến hóa. Khoa học và những tiến bộ của văn minh vật chất đã xô đẩy con người tới ngã ba của lịch sử nhân loại. Nó không cho phép mỗi cá nhân đang tồn-tại - và muốn tồn tại - mãi mãi hoài tưởng những kỷ niệm vàng son và muốn tạo lập một thứ địa đàng trên những chông gai đang làm róm máu bàn chân của đoàn người lữ hành về phía tương lai.

Trường hợp vừa kể là trường-hợp Nhất-Linh.

Nhất-Linh đã có một ngôi thứ thật cao, có thể là cao nhất, trong thế hệ 1930-1945. Trong thế hệ ấy Nhất-Linh đã là một chiến-sĩ quả cảm và không thiếu tài năng đề hướng dẫn cả một trào lưu quan-trọng. Chiếc bệ ngọc của Nhất-Linh xứng đáng với sự đóng góp lớn lao của ông. Nhưng đáng lẽ sự đóng góp ấy phải chấm dứt hợp lý cùng với sự chấm dứt của thế hệ Tự-lực Văn-Đoàn. Và thiên đường rực rỡ ấy sẽ vĩnh viễn để lại di tích trong lịch sử Văn học cùng với sự cảm phục của người sau.

Nhưng Nhất-linh đã muốn tạo lập lại thiên đường của ông trong thế hệ hiện tại, khi mà tâm-trạng xã hội đã vượt quá xa

thể hệ ông. Và tất nhiên thiên đường ấy chỉ là một thứ thiên đường lỗi.

Điều đáng nói không phải là trường-hợp cá biệt của Nhật-Linh, nhưng điều đáng nói là có cả một khuynh-hướng tập hợp bên cạnh trường-hợp ấy. Giải thưởng Văn-Chương Toàn-Quốc đã xác nhận sự kiện này. Nhật Tiến, Doãn-Quốc-Sĩ, Linh-Bảo đã được lựa chọn để tiêu biểu cho thể hệ Văn-chương hiện tại. Nhật-Liên, cũng như Doãn-Quốc-Sĩ và Linh Bảo là những văn tài, nhưng những tác phẩm của các tác giả dù xuất hiện hôm nay, hay hai mươi năm trước cùng với "Nửa chừng Xuân, Gánh Hoàng Hoa..." cũng không hề làm thay đổi giá trị nội tại của các văn phẩm ấy.

Đó chính là điểm đáng ghi nhận.

Chúng ta không thể tìm thấy hình ảnh của chúng ta, thân phận chưa xót và sự day dứt không ngừng của các yếu tố ngoại lai đang tác động vào nhịp sống của mọi cá nhân đang hiện diện. Ý hướng tranh đấu của thể hệ Tự Lực Văn-Đoàn không phải là ý hướng tranh đấu của thể hệ hôm nay. Các vẻ đẹp mỹ miều, óng ả và thơ mộng của một hình thức văn chương bóng bẩy không cứu vãn nổi những cảm xúc đã nhàm chán. Sự chuyển động của xã hội hiện tại không thể dung hợp với tiếng lau lách rì rào một đêm nào trên bến Tâm-Dương.

Phải can đảm rút bỏ quá khứ và đủ kiên nhẫn đi tìm những ánh hào quang mới.

Đã có những lớp người cần bút làm công việc ấy. Những người này chưa đi trọn con đường của mình và chưa thực sự chứng tỏ một giá trị biểu kiến nào. Ngay từ bây giờ còn quá sớm để có một nhận định đúng đắn về khuynh hướng vừa nói, nhưng phát biểu một vài nhận xét không phải là không hữu ích.

Những người tham gia khuynh hướng mới đa số một tâm hồn trẻ, quá trẻ.

Những tâm hồn trẻ thường dễ dàng chấp nhận những chiều hướng mới, dễ dàng cảm thông cảnh ngộ luôn biến chuyển và không e ngại chấp thuận những phiêu lưu. Nhưng đồng thời cũng vì thế mà dễ bị đẩy đi cuộc thử thách, trên con đường đưa tới quá độ.

Sự quá độ là nguyên nhân của thái độ giả tạo, đôi khi thành kênh kiệu và tự tạo cho mình một mặt xa lạ, xa lạ với chính mình.

Những người cầm bút trôi trên con đường dốc, khi tạm dừng lại, soi bóng mình trong cùg thẳm tâm hồn, nơi đầy đủ sự chân thành, ngạc nhiên chợt thấy một hình thù quái dị. Họ đã trở thành những kẻ lạ mang một tâm trạng lạc loài.

Chúng ta đồng ý cuộc đời là một nghi vấn, người cầm bút phải luôn luôn dò hỏi, nhưng cũng phải để cho những phản hưởng tiếng nói của mình đạt tới mức tối đa của sự trung thực. Người cầm bút không thể, và không có quyền, tự tạo quá nhiều tấm chắn phản xạ làm sai lạc những âm thanh trong cuộc đối thoại với cuộc đời.

Cuộc đời là cả nỗi niềm xao xuyến, nhưng cuộc đời không tất nhiên mang ý thức tự hủy, trái lại nó vẫn chứa chan trong nội tại một ý thức tự duy. Bi thảm hóa cuộc đời không phải là một thái độ tất

hữu, và nó không phải là lối thoát cho cá thể nhỏ mọn và bơ vơ của chúng ta luôn luôn bị giao động.

Người cầm bút- do sự quá độ muốn đoạt được trong khoảng khắc chân lý cho cuộc thế - có thể lại rơi vào trường hợp tự tạo một thứ thiên đường - hẳn cũng là một thứ thiên đường lỡ - trong đó giam hãm chính mình là những thiên thần đau khổ.

Nhắc lại ý kiến rằng thể hệ văn chương của chúng ta chưa được mệnh danh, nhưng dù nó được mệnh danh là gì, chắc chắn nó cũng sẽ ghi dấu một giai đoạn chuyển biến mà sự hình thành toàn diện vẫn còn đang đòi hỏi rất nhiều những yếu tố vô cùng phức tạp.

NGUYỄN HẢI GIAO



(trích từ Văn Học số 41 ngày 1-7-65 và 42 ngày 15-7-65)

Tác giả: vô danh

Thế Uyên trình bày và giới thiệu

Trong thời gian gần đây, tôi hay viết về quân đội, về những khía cạnh của khuôn mặt đầm mồ hôi, bụi và bùn của người lính bộ binh. Nhưng đã nhiều lần, dù đã nỗ lực khai thác tất cả khả năng của ngòi bút, đã xử dụng tất cả những kỹ thuật viết văn thông dụng, tôi vẫn thấy bất lực, thông thể diễn tả được tính cách sống động, hào hùng và bi thảm của cuộc chiến tranh đang tiếp diễn bên ngoài các cửa ở các đô thị.

Tôi bất lực như thế nên khi tình cờ được đọc một tập thơ của một giáo sư tại ngũ gửi về cho vợ ở hậu phương, tôi nhận thấy có lẽ tôi không nên làm gì hơn là mang những giòng chữ của người lính ấy tới người đọc. Tôi mong rằng người đọc đừng nên quan niệm những giòng chữ dưới đây là truyện dài truyện ngắn, hồi ký tự sự, tùy bút tạp bút... bởi vì chúng không phải là tất cả những thứ ấy, bởi vì chúng đích thực ra là con người trong cuộc chiến tranh này.

(Thế-Uyên)

9 giờ đêm 19 tháng 7, 196...

Đến lúc viết những giòng chữ này, anh đã bắt đầu tham dự cuộc chiến. Chắc em tưởng giờ này anh còn đang ở thị trấn, ngồi trong một quán rượu nào đó uống bia và tán chiều dài

viên. Lần này em đoán sai rồi. Anh tìm đến trung đoàn lúc 11 giờ sáng sau hai lần đổi xe. Tiện có xe GMC của tiểu đoàn về liên lạc, anh theo về tiểu đoàn bộ đóng cách thị trấn 6 km trên quốc lộ đi Ban-mê-thuột. Ba giờ chiều chủ nhật anh tới chợ Bung, thấy thiên hạ đang khuôn đồ, có lệnh đi chiến dịch nào đó. Nhưng lệnh hành quân hủy bỏ trước khi anh tới 1 giờ. Cũng may. Nếu không, chắc anh phải xách túi quân trang lang thang đi tìm đơn vị trong một khu rừng kế cận.

Anh mới đến buổi chiều, mệt đừ nên xin ngủ lại đồn. Ông tiểu đoàn trưởng vừa OK thì tụi Cộng cho mấy trái súng cối vào chợ ngoài đồn. Anh cùng thằng bạn ở PC tiểu đoàn xách súng chạy ra. Lúc đó trời gần tối, Cộng tấn công quấy rối nhưng đêm đó anh được nằm ghế bố và ngủ kỹ vì biết rằng còn lâu mới được ngủ như thế. Ngày mai anh sẽ tạm thời nhận một trung đội - trong khi chờ đợi có chuyển trực thăng chở tới đơn vị thực sự của anh đóng cách đây 10 km giữa vùng Việt Cộng. Do đó chắc anh còn ở nơi này độ 10 ngày nữa. Dù sao em cũng phải qua một thời kỳ hết sức khó khăn vì còn lâu, chắc một tháng nữa anh mới được về phép 48 giờ. Và em thì không thể nào tới thăm anh được vì chỉ nơi tiểu đoàn bộ đóng là em có thể tới được dễ dàng. Nhưng anh đâu có được ở lại tiểu đoàn bộ như em đã biết. Phi cơ vừa tới, đang tìm liên lạc với đồn. Ổn như cái chợ, du kích bắn lên lẻ tẻ nhưng việc đánh nhau chưa phải việc anh lúc này nên vẫn ngồi viết thư cho em. Sao Cộng ở đây lắm thế. Đồng bằng quân bên mình.

Tuần tới anh sẽ thử xin cái phép 24 giờ về Sài Gòn cho em biết rõ đơn vị anh phục vụ. Nhưng không chắc là sẽ được. Ở đây không có cái gì là chắc hết. Từ giờ trở đi, khi nào anh về được thì về. Em đừng mong và anh cũng không thể hẹn trước.

Anh rất buồn phải để em lại Sài Gòn trong hoàn cảnh khó khăn. Em cố thu xếp làm sao cho dễ chịu nhất thì làm. Khi nào quá mệt mỏi, em hãy nhớ anh đang phải đương đầu với một vấn đề khó khăn hết sức: *Làm sao sống qua được cuộc chiến*. Em nói hộ với cụ ông là anh rất tiếc không lo được cho em và bé Dư như đã hứa. Bởi vì dù sao anh không phải là người tạo ra chiến tranh này.

21 tháng 7, 196...

Sáng nay chưa kịp ngó kỹ trung đội, đã phải mở đường. Anh chỉ kịp nhớ tên hai tiểu đội trưởng, nhận bản đồ là mang quân đi liền. Cộng ở đây nhiều như cỏ. Chúng bám sát từng bước đi. Các xe đi BMT ngày hôm nay đều phải trở về tất cả. Trung đội anh có 16 người. Nghĩ lại hồi ở quân trường, huấn luyện viên dạy một trung đội có 36 tên mà ngạc nhiên.

Cũng như thường lệ, địch bắn lẻ tẻ không ai buồn giạt mình ở xứ này. Đại đội anh không đêm nào không xuất quân ít nhất một lần. Cứ lâu lâu, tịch một đứa, cộng với thuyền chuyền, dần mòn trung đội chẳng còn bao nhiêu. Đại đội trưởng của anh khá nhát nên anh cũng đỡ vất vả. Địch xuất hiện 10 tên là hẳn nhất định cho dừng quân bố trí rồi cho chắc ăn.

Ngày rất dài vì không bao giờ được ngồi đâu yên lành. Cộng bao quanh như cái lưới. Ngay bây giờ ngồi trong quán cà phê ngay trước đồn, Cộng bất cứ lúc nào cũng có thể ném vào một quả lựu đạn. Bởi thế súng anh bao giờ cũng gác bên. Sư đoàn này mệt mỏi lắm rồi. Lĩnh đánh nhau như cái máy. Thường thường chỉ còn những hành động tự vệ. Thiên hạ Saigon đâu có biết tới tình trạng này.

Đêm qua anh ngủ cùng một tiểu đội gồm cả anh là bảy người. Đóng ngoài đồn nên phải lo giữ làm sao khỏi bị lựu đạn ném vào đầu trong lúc ngủ. Nằm ngoài hàng hiên tối một nhà dân, anh nghe tiếng máy phát thanh trong nhà vắng ra. Đúng một bản nhạc xưa anh thích và đã có lần được nghe lúc đi qua sân trường đại học tối đen vắng lặng cùng em. Anh nằm nghe, nghe hoài cho tới khi hết chương trình phát thanh cũng chưa ngủ. Sau đó về sáng thức giấc hai lần. Đó là đêm yên tĩnh. Tối nay, tới phiên trung đội anh đi kích, chắc không được ngủ như thế.

Càng ngày anh càng bị quan thêm về kết cục của chiến tranh này. Trừ phi có một cách mạng thực sự, còn nếu không, chúng ta sẽ đi dần lại vực thẳm. Không biết mọi sự rồi sẽ ra sao. Ngày, và cả đêm ở đây rất dài. Với những ngày đêm như thế, chóng thấy xa em lâu. Em đừng ngạc nhiên giả thử tuần sau được về, gặp em, anh ôm em như đã xa nhau từ bao năm tháng. Mà quả thực, với chiến cuộc 24/24 giờ này, một ngày là một tháng xa cách. Những kẻ ở nhà không thể hiểu thế nào là

chiến tranh. Nếu có hiểu, chỉ hiểu như một ý niệm trừu tượng. Bạn bè thành phố sẽ ngạc nhiên là dù có nhiều thì giờ rồi những lúc dừng quân, anh vẫn không thể học tiếp. Không học được không phải vì trí óc kém sáng suốt mà tại vì thấy việc học không có quan trọng gì hết. Còn có gì quan trọng khi năm phút sau, có thể bị đạn bay xuyên đầu. Vấn đề là như thế.

Anh đi, để em ở nhà trong tình trạng rắc rối, anh rất buồn, Nhưng anh không biết làm sao hơn. Em nên tiếp tục cố gắng, lúc nào chán nản, cố nhớ tới anh ở miền này nằm bờ ruộng, xó rừng, thềm đất, ôm súng thay cho ôm em. Anh sẽ cố viết thư nhiều cho em, dù đôi lúc anh chẳng muốn làm gì khác hơn là nằm dài đọc truyện. Bây giờ lúc nào trong ngực áo anh cũng có một xấp bản đồ, một quyển truyện và một tờ giấy trắng để viết thư. Hôn em nhiều, thật nhiều.

23 tháng 7, 196..

Trước khi đi ngày, anh phải lấy lịch ra coi. Mới xa em có năm ngày, đã tưởng như lâu lắm rồi. Bây giờ anh đã quen với lối sống mới: ngày đi, đêm cũng đi, được lúc nào hay lúc đó, kệ ngày tháng trôi dần tới đâu thì tới. Đêm qua dẫn lính đi tới mười giờ đêm mới đến chỗ đóng quân; cả bọn kéo vào một căn nhà cửa mở. Anh treo võng nằm, sắp thiêu thiêu, đột nhiên nghe thấy tiếng ụt ịt. Bật đèn pin, thấy hai chú lợn tới cạnh nằm cùng... Mỗi đêm, anh treo võng một nơi, đúng như câu thơ cổ: Đêm trăng này nghỉ mát phương nao.

Anh đang ngồi viết thư cho em lại một nhà cạnh đường đi cách thị trấn B. ba cây số. Kiểm điểm lại tâm hồn, không thấy gì hơn là thờ ơ lãnh đạm. Hồi còn ở quân trường, anh trù tính khi ra sư đoàn, sẽ tổ chức, huấn luyện nọ kia cho đơn vị khá. Nhưng đến xứ này, anh không muốn làm gì hơn là để ngày đêm theo nhau qua. Và có muốn làm cái gì, cũng không được đồng ý của thượng cấp. Hơn nữa, lính đã chai lì ra rồi.

Nếu chúng ta thua trận, thua từ đây mà ra.

Đêm qua trung đội đóng cách anh 1 cây số nổ súng ầm ầm. Gọi cả pháo binh bắn thêm. Kết quả: một con bò chết, một con khác bị thương nặng. Hậu quả: chắc cơm chóc nữa sẽ có thật

bỏ vì lính vừa xin anh cho người tới đó mua. Nhìn một chiếc xe lô chạy vụt qua, anh đột nhiên thấy thèm Đà-lạt hết sức. Một rồi mà. Không mệt thể xác, - anh vẫn dai sức như thường, chỉ mệt trong lòng.

Em đã nhận được bức thư nào của anh chưa? Em nên lấy làm may là ở chỗ này, anh còn chặn được xe nhờ bỏ thư hộ. Nếu đột nhiên không thấy thư về, em đừng ngạc nhiên. Đơn vị anh bất cứ lúc nào cũng có thể được lệnh di chuyển đến một chỗ không có cách nào gửi nổi thư nữa. Anh thấy mỏi tay vì giữ ngòi bút cho thẳng trên bản đồ kê trên gối. Anh sẽ ngừng viết, ra hè nằm, súng gác bên, đầu gối lên bao đạn, đọc *Sélection*. Số này có bài rút ngắn cuốn *Terre des hommes* anh đang muốn đọc lại.

Buổi chiều.

Một vụ kẹt xe đầy đường làm anh thức dậy. Sau khi té một vốc nước ở bidong vào mặt, thấy mệt vô cùng, anh lấy một kẹp đạn bỏ vào túi, xách súng đi ngược đoàn xe tìm nguyên nhân. Chỉ là một tai nạn nhỏ. Một vài tiếng súng vu vơ, không biết bên nào bắn. Đã đi hoài ba ngày ba đêm, trung đội anh chưa bị tấn công lần nào. Đây là một cuộc chiến với đoàn âm binh, Anh chẳng chờ đợi gì ở một trận đánh. Địch bắn thì bắn trả. Địch xung phong thì cận chiến. Anh không hy vọng tìm thấy một cái gì hơn nữa trong cuộc chiến tranh này. Anh đã chìm trong không khí; nếp sống của đơn vị. Thu xếp làm sao cho dễ chịu phần nào hay phần đó. Vấn đề chỉ có vậy.

Sáng 24 tháng 7.

Chiều hôm qua rút quân về, trời hơi mưa, anh cảm thấy bản không thể nói được. Từ hôm rời em, anh đã tắm lần nào đâu. Bởi thế, dù thấy mệt và nhức đầu, về tới đồn là anh nhào ra sân tắm giữa trời mưa. Thay quần áo từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới. Ăn cơm xong, tương đối thông thả, anh ra chợ uống một ly cà-phê, đọc được nửa tờ Chính luận thì đến giờ xuất quân đêm. Đang lò dò kéo nhau đi dưới trăng, bị địch phục kích hai bên, bắn chéo. Kể lính của anh cũng không đến

nổi dờ, bắn lại như mưa. Tụi Cộng có vài tên nên rút ngay. Kết quả: cả hai bên vô sự. Một nhà dân bị thủng ngói. Trung đội tiếp tục đi đến địa điểm ẩn định, nhưng ngủ, anh không dám cời giày vì lộ trình đã bị lộ. Ngán tụi chúng kéo cả đại đội đến bắt nạt.

Thế rồi đêm cũng qua. Anh nhiều lần thức tỉnh vì tiếng loa của chúng từ xa vẳng lại. Bốn bề im vắng, trăng sáng lạnh. Em đã thấy anh thử lửa lần đầu, hẳn muốn biết cảm tưởng ? Chẳng có gì ngoài những điều anh dự đoán, anh không run, không sợ, không gì hết. Nhưng cũng chẳng tìm thấy gì hơn ngoài sự lạnh đậm thường lệ. Ba ngày một lần chạm súng, đó là một tỷ số vừa phải nơi này.

Hiện giờ anh đang ở một nhà dân cạnh đường. Nhà ngói, thêm lát gạch hoa, vườn đầy cây xanh tốt, đất mịn và những chum nước mưa trong. Không gian yên tĩnh, yên tĩnh cho một thường dân du ngoạn. Còn đối với anh, viết thư cho em trên một bàn gỗ mục, cũng rất sạch và mát, súng vẫn kề bên trong tầm tay.

*Đêm qua bom đạn nổ
Máy bay và súng cối
Anh nằm nghe đất kể niềm rất lạ
Có một miền đầy hoa ...*

Em còn nhớ mấy câu thơ này không ? Đối với anh hiện giờ, miền đầy hoa đây là em.

Nếu có dịp tốt, em gửi cho anh ở nơi nằm nghe đất kể niềm rất lạ thuốc lá Mỹ và sách, hai thứ có thể giúp anh rất nhiều mỗi khi nghĩ tới trên đời còn có một miền đầy hoa đang chờ đợi.

Em phải tập làm chinh phụ đi. Đừng có thấy trong thư, anh kể nay trận này mai trận khác mà lo. Ở đây thiên hạ đánh nhau như trời xanh mây trắng. Lúc nào cũng có và lúc nào cũng thản nhiên. Như anh mỗi đêm quần chiếc khăn quàng cổ xé từ tà áo dài của em, thản nhiên đi vào bóng tối.

Sáng 25 tháng 7

Dạo này viết thư cho em, anh không đề nơi viết. Lý do thực giản dị : mỗi trưa nằm một nơi, mỗi tối ngủ một chỗ. Trong những ngày đi lang thang, đôi khi có những thú vị nhỏ như được dừng quân ở một ngôi nhà mát lạnh. Sáng nay cũng vậy. Ngoài vườn có hoa vông vàng nở thật tươi, hàng hiên có thêm sạch sẽ để nằm dài đọc truyện. Khu vườn này vừa bị súng cối bắn toi bời, nhưng tất cả gần như đều qua đi không còn dấu vết nào. Một đứa trẻ đang đùa với bố nó ngoài hiên. Anh nhớ tới bé Dư. Chắc lần này anh đi, nó nhớ anh hơn mọi lần. Dù sao anh cũng đã thân với nó hơn. Thêm một ràng buộc mới.

Em có nhớ đoạn văn trích dịch trong *À l'ouest rien de nouveau* đăng ở Văn Học không? Tên truyện hình như là “kẻ lạc lõng”. Nhưng trong đoạn văn này, người lính chỉ lạc lõng khi về nhà. Còn anh lạc lõng ngay tại mặt trận. Suốt ngày, tối chỗ nào là anh tìm một nơi tách biệt, ngồi một mình. Anh chỉ có hoa, và đôi khi, một vài hàng hiên là thân thiết. Anh nhớ trong đoạn văn trích dịch có một ý kiến khá lạ cho một người chưa ra trận: “Vấn đề chính là được ngồi tại một nơi gần người thân thuộc thật yên ổn...” Anh bây giờ cũng thấy muốn vậy. Anh đang mong được ngồi trong vườn của mẹ, cùng em ngắm trời ngắm đất, nói truyện vãn vơ. Như thế là hạnh phúc.

Sáng 25 tháng 7

Đêm qua rút quân về một lò rèn. Trời mây kéo đen thui, mưa nhỏ lất phất. Một tên Việt Cộng lò dò đi tới, thấy linh kính bên trong, chắc tưởng đồng bạn nên hỏi: “Ai đó?” Anh bắt lính đợi cho tới khi ba người chụm hướng súng tại, mới cho bắn một loạt. Nhào luôn. Nhưng kiểm xác không ra vì trời vụt đổ mưa tầm tã, lại có tin địch có thể đánh lớn vào tiểu đoàn nên phải rút lui gấp. Sáng nay trở qua chỉ thấy một vùng máu lớn. Chắc tên đó chết và được đồng bọn mang đi. Tổng cộng 3 đêm chạm súng, trung đội anh bắn bị thương chết ba du kích, kèm vào đó, một thường dân bị lạc đạn gãy chân.

Đại đội anh quá ít quân, lại phải giữ một khoảng quốc lộ quá dài. Kéo lên đầu này, địch đập ụ đầu kia. Đôi khi, như đêm qua, bọn anh thắng, nghĩa tụi nó không chôn nổi một quả mìn hay đập nổi một ụ nào. Mỗi sáng 5 giờ thấy xe lưu thông lên xuống, bọn anh thở phào. Cứ tưởng đi sư đoàn là tác chiến

chính qui, đi đâu đi cả đơn vị, ai ngờ cứ 15 tên với nhau lò dò trong đêm đánh du kích với Cộng hoà. Toàn phục kích và phản phục kích. Đôi khi kiêm cả nghề thổ công binh, dùng mìn phá ụ. Cũng may tới giờ chưa bị đánh lớn. Nhưng theo anh dự đoán, thế nào tội cộng cũng mang chủ lực quân ra đập bọn anh trong vòng hai tuần tới. Em đợi coi xem anh đoán có đúng không.

Mở lịch ra coi, mới biết hôm nay thứ bảy. Ở đây chẳng ai biết thế nào là ngày nghỉ, thứ bảy hay chủ nhật. Hôn em nhiều.

chiều 26 tháng 7.

Đêm qua yên tĩnh làm anh ngạc nhiên khi ngủ dậy. Từ hôm nhận trung đội, thường thường sáng nào cũng dậy từ 5 giờ để di chuyển. Đứng là gỏi đất nằm sương, thức khuya dậy sớm. Buổi sáng nay rút về đóng một căn nhà gần đồn, anh căng võng nằm ngái ngủ đợi sáng và nhất là đợi quán cà-phê mở cửa. Khi ánh đèn măng-xông sáng xanh xuất hiện là lúc anh tới liền. Một ly cà phê sữa nóng và vài cái bánh tiêu ăn vào lúc mặt trời chưa mọc này ngon khác thường. Mặt trời đã lên cao, chưa có lệnh tiểu đoàn, anh đã tưởng có một ngày nhàn. Nhưng 8 giờ, thiết giáp kéo lên và tiểu đoàn cho lệnh lãnh bốn ngày gạo đi hành quân. Nửa giờ sau lên đường, thật gọn và giản dị. Anh chẳng phải sửa soạn gì cả. Cuốn Exodus anh đã bỏ sẵn trong túi đeo lưng từ chiều qua.

Đến điểm đóng quân đầu, đại đội anh được trao nhiệm vụ dễ chịu là phối hợp với thiết giáp bảo vệ cạnh sườn cho bộ chỉ huy chiến đoàn. Một binh sĩ quân dịch mua được của dân một con két màu xanh, cho đậu trên vai. Anh cũng muốn mua cho bé Dư một con như thế nhưng chẳng biết làm sao gửi về. Hình như anh chưa bao giờ mua quà cho con và trước sau chỉ bế nó đi chơi một lần. Và cũng đã lâu anh chưa mua quà cho em. Anh thường hay mua quà cho mọi người, còn đối với em, anh thấy hình như hai đứa là một nên ít khi nghĩ tới mua cho em. Và lại từ ngày lấy nhau, bọn mình hay xa nhau quá, nên mỗi khi gặp lại, đã có nhiều thứ hấp dẫn vô cùng để mê man rồi, khỏi cần quà gì khác.

Giờ này em đang làm gì ? Nếu em đang ngồi nhà với bé Dư

thì không sao, nhưng nếu em đang ngồi trung bày ở Givral, chắc anh không vui chút nào. Từ hôm rời Saigon, đi suốt ngày đêm, lo đánh đấm nên anh không thấy thèm đàn bà nhưng đó là một công việc khá thú vị. Em đừng vội kêu thất thanh là anh bê bối. Cảm thấy như thế là truyện bình thường cho một người đàn ông khỏe mạnh trung bình. Chắc em không chịu nhận ý kiến của anh rồi.

Trời mưa hoài từ trưa. Ngày tháng theo nhau qua.

Sáng 27 tháng 7

Đêm qua rút ra rừng cao su. Tuy trống trải nhưng có thiết giáp ngay sau lưng nên anh yên tâm leo lên võng nằm ôm súng nghe mưa rơi trên poncho, hút thuốc lá. Khuya, mưa tạnh, trăng bắt đầu lên, ổ ướt nước sáng lấp lánh, anh thấy buồn. Buồn là tại buồn, không thể phân loại được và cũng không thể tìm nguyên do.

Em đã về thăm mẹ chưa ? Cho mẹ biết qua loa tin tức về anh và khuyên mẹ cứ yên tâm. Còn anh, ngập tặn cổ trong chiến cuộc, anh chỉ còn thích và chỉ có thể viết thư cho em mà thôi.

Buổi chiều,

Ngủ trưa dậy, trời nóng, ngán ngời ngồi trên thềm một nhà hút thuốc. Đi vào xứ này, như đi vào vùng địch. Dân chúng do Cộng kiểm soát khá nhiều. Những ánh mắt ác cảm hoặc sợ sệt. Ngồi đây, nghĩ lại hơn một tuần trước, còn dặt tay em lang thang đêm khuya hè phố Saigon, anh thấy là lạ. Bây giờ đối diện thường trực với cái chết, anh khám phá ra một điều: không có thân phận con người, chỉ có thân phận từng người và từng ngày. Anh cũng khám phá ra một điều thứ nhì cũ như trái đất : được trở về với em: nhân tăng uống một ly cà phê không sợ có một nòng súng nào đang theo dõi mình trong bụi, không sợ bị phóng lựu bắt tử, là hạnh phúc.

Ngày 30 tháng 7

Trở về Bưng tối qua, sáng nay mới biết em lên thăm anh vào buổi sáng đơn vị anh đi hành quân. Bọn mình thật không may.

Em không gặp được anh hôm đó, chắc còn lâu mới lại có dịp vì đại đội anh sắp đi giữ đồn xa, giao thông khó, tiếp tế trực thăng một tháng một lần. Hiện tiểu đoàn đang xin phương tiện: có là đi liền, có thể là ngày mai, có thể là ngày kia. Chậm nhất là nội tuần này thôi.

Anh chàng lính mua được con két trong khi hành quân có hứa sẽ biểu anh về làm quà cho bé Dư khi nào anh được về phép. Nhưng con két sáng nay chết rồi vì không chịu được vất vả trong cuộc rút quân cấp tốc ngày hôm qua: Chúng ta đã thua trong cuộc hành quân này.

Buổi chiều,

Bây giờ là 5 giờ chiều, anh đang ngồi cạnh C.10 (*), mãi chưa thấy lệnh tiểu đoàn cho rút về Bưng. Chẳng biết có kịp ăn cơm tối trước khi lại đi không. Chiều nào được ngồi ở chợ uống một ly bia hay cà phê, đọc xong được một tờ báo, được kể như một ngày nhàn rồi. Thường thường anh chỉ kịp ghé qua quán ăn lấy báo, cắt đi sáng hôm sau đọc. Nhiều đêm vất vả quá, báo nhét trong ngực áo nát tan từng mảnh.

Từ giờ em không được lên xứ này tìm anh nữa. Cuộc chiến này tàn nhẫn lắm, không có chỗ nào cho một người con gái như em đâu.

Trẻ không tha già không thương là luật ở vùng này. Thật mệt và chán. Chưa bao giờ anh thấy thấm mệt như hiện giờ. Chưa bao giờ anh muốn ngồi một chỗ yên lành không có ai đụng chạm gì đến mình như hiện giờ. Nghĩ tới thời kỳ còn làm giáo sư, thầy như đã thuộc vào thượng cổ thời đại rồi. Biết bao giờ mới trở lại làm người dân. Anh sắp ba mươi tuổi rồi.

Gần đây anh thấy một điều khá lạ : trong những tháng sống với em trước kia, anh mê thân thể em dù luôn luôn mệt đừ vì cái hồ ly tính của thân thể ấy, ôm em ngủ, cầm tay em, vuốt ve em không thôi, anh cũng thấy thích rồi. Còn ở nơi đây, anh chưa thấy thèm muốn. Có lẽ vì đồ mồ hôi từ sáng đến khuya chẳng ? Anh không ngờ anh có thể đủ sức chịu đựng nếp sống lang thang này dễ dàng. Đêm qua, mưa bất ngờ ướt cả quần áo lẫn võng, anh ngái ngủ xoay nòng súng xuống rồi vẫn ngủ như

thường. Hôm nay chỉ thấy bãi hoải đôi chút. Chắc rồi cũng đi qua. Như tất cả mọi sự ở đây.

31 tháng 7,

Nghĩ lại hôm chưa đến sư đoàn này, anh dự tính hoặc cho em theo đến ở hậu cứ, hoặc thuê nhà ngoài tỉnh gần trại cho theo tới ở, anh đã thực ngay thơ. Đơn vị anh không có hậu cứ, và mỗi nơi như chợ Bung, ở lâu tới đa cũng chỉ hai tháng, Và vì không có doanh trại hậu cứ, vợ con lính khi nào chồng đóng cố định nơi nào là kéo nhau đến thăm. Tình cảnh đôi khi vừa buồn cười như trường hợp một ông lính trong đại đội anh, vợ lên thăm (khá trẻ), cứ cuồng lên không biết làm ăn ra sao, sau cùng đại đội trưởng phải cho nghỉ buổi sáng để... vào nhà dân mượn buồng, hay nheo nhóc như một bà với ba đứa con gập phải một ông chồng hạ sĩ vừa đánh bạc thua hết cả lương.

Số anh vừa khá đen : tiểu đoàn bộ được trung đoàn trưởng cho rút về thị trấn đóng. Còn trợ đại đội anh bơ vơ xứ này. Lại thêm vất vả. Ba giờ sáng nay bị dựng dậy đi mở đường cấp tốc, và bây giờ là 5 giờ chiều rồi, anh vẫn còn ngồi trên võng trong rừng cao su viết thư cho em. Chắc ngày hôm nay hết hy vọng uống kịp một ly cà phê rồi. Ngày nào như thế này, anh kể như là không còn một thú vị nào dù thật nhỏ. Một ngày sống vật vờ như lá cây ngọn cỏ đang chuyển động dưới gió rừng chung quanh.

Đêm qua khó ngủ và bắt đầu thấy thèm muốn. Anh vội dẹp ngay đi. Ở đây sống lẫn lộn, tương lai bất trắc... từng ấy đủ rồi. Anh thật không muốn có thêm thú thèm muốn đàn bà dai dẳng gây khó chịu.

Năng đã dịu và vàng. Chưa biết đêm nay anh ngủ nơi nào. Chắc một đầu hè, hay một góc bếp hay chuồng trâu. Có võng, thật tiện. Khi nào được đổi về văn phòng, anh sẽ căng võng trong vườn cho em nằm với bé Dư. Cả hai mẹ con cùng mê võng.

Anh vẫn ngồi cạnh lều đường viết tiếp thư, thỉnh thoảng ngừng lên nhìn hết xe này đến xe khác đi qua. Xe be chở gỗ, xe hàng, xe đồ tiếp tục chạy qua. Đợi mãi chưa thấy đoàn xe nhà binh

khốn kiếp ấy tới để trung đội anh có thể rút về. Anh đói, thèm một ly cà-phê một tờ báo và biết đâu sẽ có cả thư em đang đợi. Tên lính đi phép chắc chiều nay lên rồi. Chẳng biết hẳn có nhớ ghé qua em lấy thư không nữa. Một nông dân đi xe đạp qua chậm chạp, vai vác cái cuốc. Rồi lại một xe hàng... Cứ thế này hoài chẳng trách dù ở tiền tuyến rồi, anh vẫn mong Việt Cộng xông ra đánh nhau một trận bây giờ cho đỡ buồn. Rồi muốn ra sao thì ra. Trời sắp tối rồi anh đã không nhìn rõ hàng chữ anh viết nữa. Đoàn xe khốn nạn kia vẫn chưa thấy đâu. Giờ khắc này, hẳn em đang ngồi với bé Dư ngoài sân. Sài Gòn đầy náo nhiệt như thường lệ. Và anh vẫn cứ còn ở đây, trong không gian nửa tối nửa sáng, mong ngóng ánh đèn của một đoàn xe.

chiều 2 tháng 8.

Bây giờ trời gần tối. Nắng tắt từ lâu. Anh ngồi bệt xuống đất trước túp lều, trước mặt là rừng hoang chạy dài mờ mịt. Sáng sớm hôm qua, đoàn xe ngừng ở thị trấn trên đường chuyển quân. Ngồi uống cà-phê, anh cứ băn khoăn hoài không biết làm sao báo cho em biết đại đội anh đã rời chợ Bung. Sau cùng, anh nhờ một người dân ngồi uống bàn bên cạnh ra bưu điện gửi hộ một bức điện tín về cho em. Không hiểu hẳn ta có giúp không hay là bỏ tiền vào túi tiêu vì tác phong hẳn có vẻ như là một tình báo viên của địch đặt ở ngã tư giao thông này.

Đồn hiện nay của anh nằm khá cao so với mặt biển, gió thổi suốt ngày đêm. Trời lại u ám như mùa thu làm anh cả ngày như mong chờ một cái gì. Mà có gì nữa đâu để mong với ngóng. Anh có cảm tưởng bọn mình sinh ra suốt đời để chờ đợi nhau hay sao ấy. Sự chờ đợi ngày hôm nay có lẽ bắt nguồn từ thời kỳ anh buổi trưa ra lẻ đường đợi em đến. Bây giờ anh không mong được về phép như những ngày mới đến. Vì về sống với em được một ngày một đêm rồi lại trở lại cái xứ hoang liêu này với đơn vị ô hợp, sẽ khó sống hơn trước. Anh vừa ru võng, cố ngủ. Gió thổi mạnh, lá cây xao xác, anh chấp chờn, hơi có tiếng bước chân hay tiếng động khả nghi đã thức tỉnh. Trời tối hẳn rồi.

ngày 3 tháng 8.

Sáng nay tới phiên trung đội anh ra đóng ngoài đồn bị hai ba tên du kích bắn tới tập. Anh cho truy kích. Chúng chạy nhảy như thỏ.

Xe đồ vừa vào, mang báo anh gửi mua theo, có cả tờ Văn. Anh đọc đề đặt, nhất định để giành một tờ nhật báo đến chiều, uống cà phê xong mới đọc. Nằm trên võng đã lâu nhưng không ngủ được, anh lại trở ra quán (cũng may ấp này còn có quán bán hàng) uống một ly đá chanh và viết thư cho em.

ngày 4 tháng 8.

Trời mưa hoài từ trưa, anh vẫn vào giếng trong đồn tắm vì bẩn quá rồi. Tắm xong, nằm đọc tờ Văn, đợi cơm chín. Trời mưa lớn hơn, ào ào trên mái lá. Trong tạp chí lần này, thơ Tagore cũng như các truyện ngắn khác không quyến rũ nổi anh, bởi vì chúng nói những cái gì ở đâu ấy. Thà lục túi quân trang tìm Gone with the wind còn thích thú hơn. Giờ này, ở nhà, em đang làm gì ? Chẳng biết đã nhận được hai thư anh gửi liên tiếp hay chưa. Nơi này thẳng đường chim bay. cách Saigon độ 50 cs, nhưng anh có cảm tưởng cách biệt với em hơn cả thời kỳ anh còn nằm ở một doanh trại miền Trung. Ấy là anh đến tiểu đoàn này vào thời kỳ có thể gọi là nhân : hành quân ngắn, mở đường chưa bị phục kích bao giờ. Và hiện thời, giữ đồn lại càng nhân hơn nữa. Tháng sau chưa biết sẽ thế nào. Không nên nghĩ tới tương lai, kể cả ngày mai, bởi vì chẳng có gì không thể xảy ra trường hợp Cộng đánh tan đồn đêm nay. Đêm qua, có tin VC về cả một tiểu đoàn chủ lực hơn 300 đứa. Làm cả đồn gần như không ngủ. Không hiểu sao sáng sớm nay chúng lại rút đi. Bọn anh gọi phi cơ lên túc trực sẵn hai lần, có lẽ vì thế chúng ngăn nên rút bằng rừng luôn.

Anh đang tập thích ứng với mọi hoàn cảnh bằng cách tạo những thói quen. Không có thói quen, nhiều xã hội không thể đứng vững, chứ đừng nói gì đến cá nhân. Thói quen mới của anh ở đây: anh đang mong có cơm ăn gấp để còn xách súng vào quán ngoài ấp, uống một ly cà-phê và ngắm trời tối dần.

buổi tối,

Ngồi trong quán một mình, trời mưa mù mịt, anh đặt súng lên bàn trong tầm tay cho chắc chắn, uống từng ngụm nhỏ cà-phê trong một thoải mái ít có. Trời tối đen, anh mới trở vào đồn, thấp một ngọn nến leo lét, viết tiếp thư cho em. Một tuần nay, trung đoàn anh đánh nhau túi bụi 4 trận liền, em xem báo thì biết. Sĩ quan chết như gió. Chỉ còn sót tiểu đoàn này của anh là chưa. Vừa rồi tiểu đoàn mới cho biết trong tuần vừa qua, còn ở bên chợ Bưng giữ quốc lộ, tụi Cộng định phục kích đại đội anh 2 lần. Nhưng vì bọn anh kéo đi kéo về bất ngờ nên thoát mà không biết. Bây giờ đóng biệt lập xa tít với 58 tay súng, chưa biết có còn đủ như thế hết tháng 8 này không.

Chạm súng nhiều rồi, anh chưa lần nào thấy sợ. Trái lại, có một lần anh sợ là buổi chiều hôm đầu tiên tới đây, anh xách súng một mình đi ngược lên đầu ấp, vào một quán ở đó uống bia. Bước vào rồi, mới trông thấy 3 tên nhìn anh sát khí đằng đằng, như muốn nuốt sống. Cũng may bao giờ di chuyển một mình, bao giờ anh cũng cầm súng lăm lăm trên tay, ngón trỏ đặt vào lẫy cò - một thói quen cần phải luyện để dễ sống trong thứ chiến tranh này. Lùi ra cũng kỳ vì chưa có bằng cớ gì chứng tỏ chắc chắn 3 tên kia là Việt Cộng. anh vào bàn tít trong, tựa lưng vào vách, uống như thường, mắt không rời 3 tên kia. Anh đã tự nhủ, tụi bay mà nhúc nhích, ta sẽ nổ... Trời lúc đó sấm sập tối. Bà quán sợ sệt lại gần thì thảo khuyên nhỏ : “Chú về đồn ngay đi, không sẽ bị chết đó. Chú chết đã đành, nhưng các bạn chú sẽ trở lại, dám đốt nhà đi để trả thù thì tội lắm..”. Anh đứng dậy trả tiền, rút ví bằng tay trái, tay phải cầm súng. Ra tới cửa quán, ba tên kia vẫn không dám nhúc nhích, đăm đăm nhìn mũi súng. Anh băng qua vườn kế cận, đi một mạch không quay đầu lại, chỉ hét lạnh trên gáy khi đi khuất bờ tre.

Bây giờ em đang làm gì? Nằm dài đọc Cô Gái Đồ Long hay Aimez vous Brahm ? Sao lại có một miền đầy hoa như vậy được nhỉ ? Nằm ở cái xó rừng này, khó tưởng tượng ra quá. Trời ngớt rồi tạnh hẳn mưa. Mong đêm nay yên tĩnh và cũng mong có đánh lớn cho vui.

ngày 10 tháng 8

Trời sáng nay đầy gió thổi lạnh lạnh bên tai. Trời u ám làm miền này đã hoang liêu lại càng hoang liêu hơn. Không gian trong ấp tương tự như một xóm định cư nghèo gần Đà Lạt. Ngày hôm qua anh mang trung đội đưa ông Hội đồng xã về tỉnh công tác. Nằm trong một bờ tre đợi mãi không thấy hắn trở về, anh không biết làm gì cho qua thời gian nên lục ví lục túi, đọc bất cứ một cái gì có chữ. Anh đọc cả từng hàng chữ chiếc vé xe Minh Trung bọn mình mua hồi anh nghỉ phép mãn khóa. Sau cùng mới nhớ ra trong túi quần sau, anh còn để bức thư mới nhận được của em. Anh mang ra đọc một lần, hai lần, ba lần. Hội đồng xã vẫn chưa thấy bóng dáng đâu, anh mang thư ra học thuộc lòng. Thuộc hơn bất cứ một bài học nào đã học từ nhỏ đến giờ. Anh chép lại nguyên văn cho em xem vì sáng nay trung đội đóng ngoài đồn đến tối mới hết phiên, và chiếc bàn nhà người dân anh đang ngồi bằng gỗ dầy, rất êm đềm và vững chắc.

“Cầm bút lên tự nhiên em thấy ngập ngừng. Em thật chẳng biết sẽ viết cho anh những gì tuy tâm hồn đang nhớ anh tràn đầy, nhớ và yêu anh đến độ đau đớn lên được..

“Hôm nay là ngày thứ hai. Em đã chẳng làm gì được ngoài việc nằm dài trên giường, mệt mỏi, uể oải dờ từng trang sách đọc với một chán nản ghê gớm. Lại một tuần nữa đã qua. Em hiện đang cảm thấy buồn chán như một con sâu nhỏ len lỏi vào tâm hồn. Em yêu anh nhiều lắm, em đang cần có anh yêu em. Nhưng em đang cảm thấy anh đang bắt đầu trở về sống một mình với riêng anh ở nơi xa xôi ấy – nơi không có em, nơi anh có vẻ như không cần tới cả tình yêu. Hình như anh đang xa em dần.

“Anh biết không, trong một đôi khi thức tỉnh vào lúc nửa đêm về sáng, em thấy nghi ngờ anh đã dấu em một điều gì. Em cũng không biết tại sao lại nghĩ như thế, nhưng em có cảm tưởng anh sẽ không trở về với em nữa. Thật vô lý, nhưng có những lúc lý trí chẳng có ích gì cho ai...

“Em thấy sợ cho thời gian sắp tới, lần này, không hiểu sao

em thấy lo quá đi. Hình như sẽ có nhiều thay đổi ghê gớm. Nhiều đêm, nhìn sao lấp lánh trên cao một mình ngoài vườn, chẳng suy nghĩ gì nhưng thấy buồn vô cùng, Một cái buồn ám ảnh nhiều của chết chóc tương tự như một buổi chiều, trong căn phòng có cửa sổ nhìn ra mái ngói, em đã ôm anh khóc.”

ngày 12 tháng 8.

Anh ước đoán địch sẽ đánh lớn trong mười ngày không trăng sắp tới. Chúng đã đánh lớn bên trái, chúng đã đánh lớn bên phải trưa qua. Còn trơ cái tiền đồn yếu ớt cô quạnh này. Mà mười ngày nữa mới lại có trăng sáng đủ cản bớt tấn công địch một phần nào. Chúng đã rải truyền đơn tuyên bố sẽ “quét” trung đoàn anh khỏi tỉnh này. Chúng đã kéo quân băng qua khu rừng gần đồn nhưng đi luôn vì vị trí cũng như cách bố quân của bọn anh không cho phép đánh úp. Nhưng nếu Sài Gòn không mở hành quân lớn trong tuần tới, sẽ đến lượt tiền đồn này sống chết một phen với địch. Anh vốn lười mang lựu đạn, bây giờ lúc nào cũng hai trái bởi vì chỉ có lựu đạn mới giúp được cho việc mở đường máu trong đêm tối thôi. Em biết vậy thì biết nhưng đừng quá lo.

Sáng nay có một bà làm đồng nhặt được một chiếc dù trong trận đánh trưa qua, anh vội chạy ra mua nhưng không kịp với toán lính đóng gần đường áp. Anh định mua cho em may một bộ jean đặc biệt dễ mặc nhà. Rất mềm và mát.

Trời u ám và lạnh hoài từ hôm rời Bưng. Anh lại nhàn nữa - trần thủ lưu đồn mà. Gần như suốt ngày nằm vờng đọc cuốn *Gone with the wind*. Thế giới dĩ vãng xa vời của Scarlett vẫn giúp anh qua được những buổi trưa dài. Mấy hôm nay anh không ngủ được dù thừa thời gian, tiếng súng nổ tứ tung không phải là lý do vì anh đã quá quen. Anh nằm thao thức vì thấy mình thấm mệt. Đôi khi anh thấy, về một phương diện nào đó, anh không nên ra tiền tuyến. Trước kia, mỗi khi tâm hồn bế tắc, anh còn nghĩ rằng nếu cần, sẽ ra tiền tuyến đối diện với cái chết để tìm một giải thoát. Bây giờ, anh không thấy gì hơn là mỏi mệt và dừng dừng. Không còn có gì để anh khám phá thêm nữa. Trời mưa ào ạt, nước bắt đầu bắn cả vào bức thư.

ngày 13 tháng 8.

Sáng nay gió thổi bạt cây bạt cỏ, anh buồn hiu hắt nên mang mấy lính khá nhất trong trung đội, đi lang thang tuần thám ngoài thành ấp. Khung cảnh hoang vu kỳ lạ làm cả bọn nằm dài trong bụi, nửa phục kích, nửa nằm chơi. Đến 12 giờ trưa, gió vẫn ào ào và trời không mưa, trong đồn gọi ra cho biết có tin địch về một đại đội đóng ở một tọa độ mà anh mở bản đồ ra coi, thấy chắn ngang đường về. Tiến sâu nữa thì vào rừng địch, đợi đến tối rút thì đối, anh quyết định cho cả bọn gồm cả anh là năm tên, dàn hàng ngang đi phân phân về, không ả núp, không bám địa thế. Anh hi vọng là sẽ làm địch tưởng bọn anh là tổ xích hầu của một tiểu đoàn. Lúc băng qua khu địch có thể đóng, gió vẫn thổi mà cả bọn đều mồ hôi toát ra. Mưu trẻ con của anh thành, địch không nổ súng,

Rút thấy mệt mỏi vì đã phải chú ý quá nhiều trong việc quan sát. Nhưng sau khi tu một hơi nước lạnh trong bị đông, treo cái võng giữa hai cột trong một chuồng trâu - nơi đặt đại bản doanh của anh, ngả người châm một điếu thuốc hút, anh thấy thoải mái. Nhưng thoải mái không kịp tàn một điếu thuốc đã tiêu tan. Bình cận vệ của anh mở transistor, bắt đúng ngay đài Saigon và cả trung đội được nghe mấy ông sinh viên cướp đài, nhân danh “xương máu chiến binh tiền tuyến”, yêu cầu dân chúng ủng hộ lập trường của chẳng biết của đoàn thể hay tôn giáo nào nữa. Một binh sĩ của anh vắng tục. Chủ nhân transistor ngay sau đó vặn nút tìm đài khác. Anh không quen vắng tục, già quen, anh sẵn lòng chửi thề lắm vì không thể chịu nổi tội giả hình nhân danh xương máu và mồ hôi của những thằng ở tiền tuyến như bọn anh để thực hiện những ước vọng xấu xa. Anh có hỏi binh cận vệ của anh nếu bây giờ đại đội được về Saigon, được lệnh bắn hấn nghĩ sao. Hấn trả lời: Bắn bạn ở đơn vị khác thì không, bắn tội lộn xộn kia là cái chắc. Chắc em muốn biết anh nghĩ sao phải không? Dĩ nhiên là anh đồng ý với hấn vì mồ hôi trên lưng anh còn lâu mới khô với thời tiết u ám vùng hoang liêu này.

ngày 14 tháng 8,

Đêm qua tụi chúng đắp ụ, rào chông, cắt con đường đất đỏ độc nhất dẫn về thị trấn. Xe đồ, xe ba bánh ngừng chạy hết. Thứ này anh sẽ gửi giáo viên trường ấp mang về hộ, nếu họ dám mang ! Đêm qua không mưa nên anh cũng đỡ vất vả. Sáng nay nắng nhưng chắc không lâu vì chưa chi đã u ám, mây đầy trời rồi. Chẳng biết có đủ nắng cho anh giặt quần áo nữa hay không. Mùa mưa thật đáng ghét. Saigon ban hành tình trạng giới nghiêm rồi phải không em? Chẳng biết rồi mọi sự sẽ đi đến đâu.

Anh vừa gọi thêm một tô cháo. Ăn xong, trời bắt đầu mưa nhỏ. Thế là hết giặt quần áo. Đạo này anh chỉ tắm khi nào cảm thấy bẩn quá thôi, không cần biết là mấy ngày một lần nữa. Bẩn như lính mả.

sáng 15 tháng 8.

Đêm qua ngủ trong đồn, và sáu giờ sáng đã tỉnh không thể ngủ thêm được. Anh đã mắc thói quen dậy sớm của dân tác chiến rồi.

Như thường lệ, anh ra quán ngoài ấp ăn sáng rồi ngồi lì luôn ở đó. Anh đã uống đến ly cà-phê thứ hai, có một thú vị bất ngờ : anh chàng giáo viên mua hộ được báo.

Đêm qua Việt cộng đánh đồn phía sau đồn anh trên trục lộ dẫn về thị trấn. Dạn chiếu sáng vạch những nét đỏ trên trời, phi cơ bay âm ỉ. Sáng nay chưa có tin tức gì nhưng chắc đồn còn bởi vì các giáo viên sáng nay vẫn tới được nơi này. Cộng đã đánh bên trái, đã đánh bên phải, bây giờ đánh đằng sau. Trơ cái tiền đồn của anh bơ vơ xứ này. Mà còn hơn tuần nữa mới có trăng. Hiện giờ trời có nắng, hy vọng sẽ nắng suốt ngày cho giày anh kịp khô.

buổi chiều

Anh đã uống xong ly cà-phê trong nắng chiều như thường lệ. Thời gian vẫn diu hiu qua, uể oải nhạt nhẽo trong tiếng súng nổ, lác đác lẫn âm thanh trong của chuông treo ở cổ bò. Nắng đã bắt đầu thật yếu trên giấy. Buổi trưa đọc đến đoạn Gérald O'Hara chết, anh nhớ đến ba. Nhớ đột nhiên và dữ dội đến nỗi

anh phải bỏ cuốn truyện xuống cỏ, châm một điếu thuốc cho xúc động qua đi.

Em cũng như nàng Mélanie lấy chồng ba năm chưa có một nhà riêng, và em còn phải theo anh tới những nơi đồn trú, hai lần sống trong những lều tranh trát đất do bàn tay lính tạo nên. Nhưng biết làm sao hơn được. Nhiều lúc thấy thương em vô cùng và anh chỉ biết đền bù cho em bằng tình yêu của anh – bởi vì anh chỉ còn có thế.

ngày 15 tháng 8,

Mấy hôm nay anh chỉ có những lo lắng nhỏ, như làm sao có báo đọc mỗi ngày. Những ụ địch đắp mỗi ngày một cao, xe gắn máy bắt đầu không qua nổi, nhưng bọn anh nhứt định không kéo quân tới phá. Gạo dự trữ thừa đủ tới hết tháng, đạn đủ bắn 12 giờ liền, không cần mở đường phá ụ về tỉnh, cứ kệ xem tội chúng toan tính làm sao. Đêm qua chó sủa tứ bề, đèn các nhà trong ấp tắt hết, tưởng đã có công đồn. Súng cối bắn chặn vu vơ vài phát. Rồi êm. Không khí bắt đầu nhiều đe dọa nơi này.

ngày 17 tháng 8.

Trưa qua tội Cộng kéo về một tiểu đoàn đóng ở đầu ấp gần rừng. Nhưng chúng không tấn công, chỉ bắn sơ sơ rồi thôi. Và bây giờ bọn anh cũng chịu không biết chúng còn ở đó hay đã đi. Chỉ biết chúng đã bắt được anh chàng thư ký của Đại diện xã. Chắc anh chàng tội nghiệp này bị chém bằng đầu rồi. Chiến tranh này tàn nhẫn kinh hồn. Bây giờ địch kể như đã kiểm soát hoàn toàn quãng giữa đồn anh và thị trấn, lính xanh leo cả mặt, không dám nhảy dù về tỉnh như dạo trước nữa. Không biết tội chúng đe dọa ra sao mà không ai dám nhận mua hộ báo hay bỏ hộ thư nữa - thư này chưa biết ngày nào mới đến tay em. Anh vẫn tiếp tục ho nhưng sức khỏe bình thường, uống cà-phê và hút thuốc vẫn thấy ngon. Như vậy vẫn còn nhiều thú vị.

Trung đội phó vừa bước vào lều cho biết có tiếng chó bắt đầu sủa dữ dội. Anh nhìn qua khe vách, trời tối đen vì vẫn chưa có

trắng. Đại đội trưởng đã cho lệnh tắt hết đèn nhưng anh vẫn muốn viết thật nhiều cho em bởi vì không hiểu sao hôm nay, từ lúc đánh mất chiếc khăn quàng xé ở vạt áo dài của em trong lúc rút quân vào đồn, anh thấy nhớ em kỳ lạ. Nhớ theo một thứ tình cảm buồn buồn. Bây giờ anh hiểu nỗi buồn của em ngày ấy khi em đánh mất chiếc nhẫn đính hôn anh đeo vào ngón tay em một ngày đã lâu. Đại đội trưởng vừa cho lệnh báo động và đang gọi anh khe khẽ ngoài cửa lều phía sau lưng. Anh hôn em thật nhiều trước khi gấp tờ thư vào túi áo để xách súng ra ngoài. Trời vẫn tối đen. Đêm nay có trăng nhưng là trăng lên muộn. Hôn em một lần nữa. (*)

Đến đây nhật ký chấm dứt, bằng một ai tin đăng trên báo:
“chúng tôi đau đớn báo tin cùng thân bằng quyến thuộc biết: Chuẩn Ủy Trần Đăng Kim đã hi sinh vì tổ quốc ngày 17 tháng 8 năm 1964 tại Bình Chánh. Bà quả phụ Trần Đăng Kim và con”

Xin lưu ý ngày 17-8-64 cũng là ngày mà nhật ký chấm dứt (ghi chú của TQBT).



(*) Loại máy truyền tin dành cho cấp số trung đội bộ binh. Sau Mậu Thân, máy PRC 25 thay thế. (THT chú thích)

(Văn học số 41, 42)

Trần Thế Thủy Triều

NGƯỜI EM HÀ NỘI *mùa xuân bên dòng vĩ tuyến*



(tranh copy từ trang sách Văn Học xuân Bình Ngô số 53 ngày 1/1 1966)

Anh đang ngồi đây trong vùng ánh sáng mờ mờ của những bóng đèn nên ông tỏa rộng. Trên cao là vô vàn vì sao và đêm tối chập chùng. Trước mặt anh là giòng sông trải dài yên lặng. Ánh đèn nên ông phản chiếu trên mặt nước lóng lánh. Giòng sông trải dài như nỗi buồn 20 năm chiến tranh lê thê trên đất mẹ chúng ta. Em ơi anh đang ngồi đây, bên giòng sông, nghĩ về nửa mảnh đất quê hương bên kia, nghĩ về em mà nghe vô vàn chua xót. Mưa rơi từng hạt nhỏ lay bay như thổi về và về im vắng đang ngự trị chung quang đưa nỗi buồn vào sâu trong tâm hồn anh. Ôi giòng sông tủi nhục, giòng sông mang chứng tích đau buồn nhất của dân tộc bây giờ vẫn vô tình nằm đó, trải dài thân thể mình ra đó như ngang nhiên nói lên sự chia cắt nhục nhã này.

Em ơi chúng ta sinh ra mang thân phận bất hạnh, gắn liền với thân phận quê hương tuổi trẻ bị đốt cháy tàn lụi dần như điều

thuốc. Tuổi trẻ đốt cháy điên cuồng như máu lửa vẫn ngày đêm bốc cháy trên quê hương. Tuổi trẻ đánh rơi những hy vọng xanh tươi để nhận lấy dư vị chán chường cay đắng trên lộ trình đi vào đời đầy bom đạn. Tuổi trẻ hóa đen như những đêm đen dài dằng dặc nằm ôm thân thể một con gái điếm trong một ngõ hẻm hôi hám của những đêm đen, về gục mặt xuống giường, xuống niêm ăn năn, hối tiếc để rồi dần xuống nỗi bơ vơ cùng độ. Tất cả vì đâu hỡi em? Chúng ta bất hạnh sinh ra trong máu lửa, lớn lên trong chiến tranh và bị đem đặt trước một tình trạng đã rồi: sự chia cắt tũn nhục này mà anh đang ngồi đây chứng kiến. Giòng sông năm đó, chán nản, mệt mỏi ngừng trôi. Nỗi ngăn cách đã thực sự đào sâu. Anh ngồi nhìn dòng sông, anh ngồi nhìn chiếc cầu, nghe nỗi uất nghẹn đang chặn ngang trong tâm hồn. Tại sao chiếc cầu không thể nối liền, để trao đổi mà lại nói lên sự chia rẽ : sự ô nhục trắng trợn này? Tại sao chúng ta không thể bước những bước ngắn ngủi qua chiếc cầu đó để có thể đi cùng trên mảnh đất quê hương, hỡi em? Anh cảm thấy một nỗi buồn thê lương sâu kín đang trải rộng trên dòng sông như sương trời lan xóa. Mùa xuân đang bước về đây em. Một mùa xuân mà về trên hai mảnh đất quê hương.

Em ơi mùa xuân có về trên đất Bắc, mùa xuân có về trên thành phố Hà nội. Ôi Hà nội ! Hà nội như người tình anh chưa bao giờ gặp mặt nhưng thấy thương yêu vô vãn, nhớ nhung vô vãn. Anh nghĩ về Hà nội bằng những giấc mơ tuổi nhỏ, bằng những tưởng tượng khi đọc tiểu thuyết Hà nội của " Loạn những chiều đi ngược lên đê Yên phụ, gió thổi làm tà áo nàng bay phất phới ", " Hà nội của Dững một đêm trăng neo thuyền trên sông Đà viết thư cho người yêu ". Hà nội với con đường Cổ Ngư những sớm, những chiều hai hàng me rụng lá. Đêm Hà nội mưa bay, Hà nội 36 phố phường, 5 cửa ô. Hà nội của những ngày tiếp thu, những người ra đi, những người ở lại. Anh tìm về Hà nội bằng những giấc mơ của tâm hồn.

Ôi quê hương chưa một lần anh đi đến nhưng thấy nhớ thương, yêu mến vô vãn. Hà nội bao nhiêu đổi thay rồi, hỡi em ! Mắt em có còn đen, tóc em có còn xanh? Tháng ngày chia cách đã làm phai pha Hà nội những gì hỡi em. Mùa xuân đêm

nay về trên miền đất quê hương của em có còn nguyên vẹn ?

Tuổi trẻ chúng ta đắm chìm trong bom đạn. Chúng ta đã bị cướp mất tuổi thơ, chúng ta không có tuổi xuân. Tuổi xuân đã bị lừa đẩy vào trong những bất hạnh, những đau khổ, những tan vỡ của chiến tranh. Chúng ta không có những buổi sớm bình yên theo mẹ đi lễ chùa, không có những đêm trăng sáng thả thuyền trên sông thơ trôi theo niềm mơ ước. Chúng ta không có những đêm nằm ngủ thanh bình trong vòng tay của mẹ, của chị - Đêm thì đen dần dặt 20 năm trời. Chúng ta sống tuổi thơ bằng mơ ước thay cho thực tại đáng lẽ phải đẹp đẽ vô cùng. Nhưng mơ ước của chúng ta cũng nghèo nàn như quê hương chúng ta. Những ngày tháng theo nhau trôi về biển cả. Tuổi trẻ lớn lên bơ vơ trong chiến tranh. Quê hương tang thương vì bom đạn . Tuổi nhỏ vỡ tan tành. Quê hương và chúng ta đều bất hạnh. Quê hương là thể đó, thân phận chúng ta là thể đó, là túi nhục, là đau buồn, nhưng chúng ta phải chấp nhận vì từ chối là từ chối làm những đứa con của mẹ Việt Nam, mẹ đau khổ, mẹ tang thương, mẹ từng đêm máu chảy trên lưng, trên hồn, trên số phận. Em có buồn không hở em?

Bây giờ anh đang ngồi đây. Mùa xuân đang lần về trên hai miền đất quê hương, xuân không nguyên vẹn, xuân đau buồn, giòng sông vĩ tuyến vẫn nằm dài mệnh mang nổi sào chia cắt. Mưa lạnh đang vây phủ quanh anh. Mưa đổ xuống hồn anh. Mưa đổ xuống cả hai phương trời. Gió đi về hai bên bờ sông. Sao chúng ta không là gió để đi trên, để đi về trên khắp quê hương?

Sao chúng ta không là sao trên trời để mọc gần nhau không còn ngăn cách?

Âm thanh nức nở của những bài ca mang niềm đau biên giới phát ra từ máy phóng thanh ngân dài trong mưa đêm như lời ru náo nức của người mẹ Việt Nam, âm thanh ướt đầy nước mắt.

..." Ôi Sông Gianh....hồn mi than khóc, lòng mi đau đớn, giòng mi cảm hờn..."

Anh ngồi đây nghe những âm thanh ấy di vào tâm hồn, ru anh vào nỗi niềm cô đơn thương nhớ mệnh mang.

Em ơi, vượt lên trên màu sắc chính trị, trên chủ nghĩa, danh từ, ý thức hệ, những hàng rào con người-tự-tạo-đem nay anh thả hồn lang thang về thăm xứ mẹ mong gặp em bên kia miền đất quê hương. Biết có tạo được một gặp gỡ nào không hỡi em !
Người em Hà nội.

Qui Nhơn

Trần Thế Thủy Triều

(Văn Học xuân Bính Ngọ số 53 ngày 1/1 1966)

Dương Nghiễm Mậu

Đêm đối thoại trên mặt thành

(Nguồn: Văn học số 35)

Đội trời đạp đất ở đời
Họ Từ tên Hải vốn người Việt Đông
Giang hồ quen thói vẫy vùng
Gươm đàn nửa gánh giang sơn một chèo

.....
Bình uy từ ấy sấm ran trong ngoài
Triều đình riêng một góc trời.

.....

Từ đứng lên, vươn vai mệt mỏi, Kiều ngồi dưới thềm ngựa mặt lên hỏi :

- Tướng quân đi đâu, đêm vui chưa hết nửa cuộc.

Từ im lặng vuốt áo ra khỏi sảnh đường. Tiếng đàn hát vẫn còn quẩn quít chạy theo. Đêm đã khuya, cảnh tịch mịch chùng xuống khu thành. Thế là chỉ đêm nay nữa, mai thành này, quân này sẽ chẳng còn ở trong tay. Một thân vùng vẫy dọc ngang, làm vua một cõi chỉ còn là một tôn quan ngày ngày cúi lưng nơi thềm rồng bệ ngọc. Giây phút Từ thấy băng khuâng buồn như sắp mất đi một cái gì lớn lắm... chắc chẳng bao giờ chàng lấy lại được nữa.

Một mình, Từ dạo qua những nơi quen thuộc, quân lính đều đã ngủ say, chỉ còn một vài tên lính canh đi lại đáng uể oải mệt nhọc. Từ qua kho lương, xuống chuồng ngựa... rồi theo bậc thang leo lên mặt thành. Đêm bao la chụp xuống cả một vùng đồi núi, trong thành đêm nay nhiều ánh đèn hơn mọi đêm, trại quân của Hồ-Tôn-Hiến đã rút hẳn ra ngoài xa chừng như đang mở hội ăn mừng. Từ bước thảnh thơi thở hít không khí gây gây lạnh, không phải là thi sĩ để có thể làm một bài thơ tức cảnh, Từ thấy tiếc làm sao. Tiếng trống canh rời rạc, một vài trạm gác chừng như lính đã ngủ, hay bỏ về nhà với vợ con

không thấy điểm trông. Giá như lúc khác đã có kẻ phải rơi đầu nhưng đêm nay không cần thiết nữa, mai này... bắt chợt Từ thở dài...

- Thừa tướng quân, tướng quân chưa đi nghỉ.

Từ giật mình quay lại, rồi lại lặng yên đưa mắt nhìn ra xa.

- Tiểu tốt không lầm, tướng quân đang buồn vì sớm mai này tướng quân sẽ ra hàng giặc.

- Hàng giặc, sao lại là hàng giặc ? Ngươi là ai ?

- Tiểu tốt là ai ? Thừa tướng quân, tiểu tốt là bộ hạ của tướng quân, kẻ đã nghĩ triều đình là giặc, tướng quân là bậc đế vương. Thế mà mai này, khi mặt trời lên bậc đế vương đó sẽ dẫn tất cả đoàn quân dưới trướng này ra khỏi thành, quỳ gối, khom lưng, nhận giặc là minh chúa để nguyện trung thành tận tụy suốt đời... Thừa tướng quân, có phải vì thế mà tướng quân buồn.

- Buồn, ta không hiểu ý nhà ngươi.

- Có lẽ tướng quân cố ý không chịu hiểu đó thôi... đáng buồn lắm chứ...

Từ băng khuông, tiếng nói của người đối diện như soáy vào trong tâm tư của mình. Nhưng ít nhất cũng có người hiểu được rằng Từ buồn, tự nhiên Từ lấy được sự thân mật dễ chịu. Ngay sau đó một cảm giác ớn lạnh chạy khắp người Từ. Thôi thế là không còn gì nữa. Mai này sẽ chỉ lại hai bàn tay trắng và một thái độ chịu thua, thái độ chấp nhận, thái độ đầu hàng...

- Sao người lại nói với ta như vậy. Ta buồn thật sao ?

Từ quay nhìn người đang đối diện với mình chờ đợi. Thanh niên mỉm cười, dáng ngạo mạn lì lợm, Anh ta vào khoảng trên hai mươi, khỏe mạnh, nước da ngăm đen, tóc búi ngược, y phục một tên cận vệ. Từ cố gắng để nhớ xem có phải người đối diện mình là một tên cận vệ hay không. Thanh niên soay người chống tay lên mặt thành nhìn ra bãi cỏ phía trước.

- Tiểu tốt biết tướng quân buồn. Buồn thật hay không điều đó tướng quân tự biết.

- Bây giờ ta cũng chẳng còn là tướng quân gì nữa. Anh cũng chẳng còn là tiểu tốt nữa. Mình thua rồi.

Thanh niên soay phắc người lại, đứng thính, trong ánh sáng mập mờ Từ chừng như thấy khuôn mặt kẻ đối diện thay đổi, mặt nghiêm lại, mắt mở lớn, đôi mày đậm dướn lên vẻ dữ dằn.

- Sao lại thua, mình đâu có thua...

Từ ngòai lên tường thành, hơi cúi đôi vai lớn, ngược mặt lên :

- Đó là sự thật. Anh có lấy thể làm buồn không.
- Nói không là dối lòng mình. Nhưng không lấy đó làm thất vọng, Tôi còn trẻ... Tướng quân có thấy là tôi còn trẻ không, Từ gật gật đầu.
- Đúng, anh còn trẻ, như vậy có phải ta già rồi không?
- Tướng quân cũng còn trẻ.
- Thôi anh đừng gọi tôi là tướng quân nữa, còn quân đâu nữa mà tướng. Tôi cũng chỉ như anh. Tôi đâu còn như hồi xưa nữa. Phải không ?
- Cũng vẫn như hồi xưa, cũng có thể làm lại như ngày xưa.
- Ngày xưa. Thôi nhà ngươi đừng nói đến làm chi nữa.
- Sao lại vậy... Chỉ có ngày xưa: Cũng chính cái ngày xưa đó mà tôi gặp được tướng quân, đã hào hùng và bây giờ...
- ... Thất vọng. Tướng quân có biết, nhưng mà thôi...
- Biết sao, nhà ngươi hãy nói ta nghe, anh hãy coi ta như một người bạn... Ai hiểu được ta ? Có lẽ chỉ có anh ? Mà sao nhà ngươi cùng buồn vậy ?
- Tôi nhớ lại lúc còn tại quê nhà ở Giang Nam nghe tin tướng quân nổi dậy, đốt thuyền bè, chống quan lại... Tôi đã lặn lội từ đó lên Việt Đông. Tự sng vào làm sĩ tốt... Tướng quân còn nhớ những ngày đó.
- Nhớ, mới như vừa mới xảy ra mà đã năm sáu năm trôi rồi còn gì. Dấy lên với hai bàn tay không, với những tấm lòng hào hiệp... Mà này sao tôi không bao giờ gặp được anh ?
- Có chứ. nhưng chắc tướng quân quên, tôi làm sao để tướng quân nhận ra từng người trong nghìn vạn quân tướng.

Người thanh niên buồn bã :

- Trong nghìn vạn quân tướng ấy đã có bao nhiêu người ngã xuống chiến trường, trải thây trên con đường hành quân, những người đã xông pha ở Việt Đông, Triết Giang, hạ năm thành ở cõi Nam, cướp Châu Thai, lấy Vô Tích, chiếm Lâm Truy... để cho tới lúc tướng quân có một giang sơn như ngày nay, có một thành quách như hiện nay... Và tôi đã sống sót để mai này chứng kiến cái công lao của những ngày gây dựng không còn nữa...
- Thôi anh đừng nhắc chuyện đó. Ta đã thua rồi. Anh có tiếc công, tiếc sức rằng đòi theo ta không. Anh có dám rằng ta đã phản bội lòng tin cậy của anh, của các bạn cũng đã theo ta

không ?

Câu hỏi của Từ đội đi, tiếng trống canh rồi rã, Từ bước đi loanh quanh. Giọng người thanh niên mơ hồ.

- Lúc sống lại nơi quê nhà, cha tôi nói : bây giờ là thời loạn. Kỷ cương của nước không còn nữa, lòng người ly tán, kẻ sĩ hèn hạ mảy còn dùng bút nghiên làm gì nữa, ta muốn thấy người hành động như một tên du côn còn hơn. Câu chuyện ấy vẫn làm cho tôi băn khoăn suy nghĩ không có thời loạn mà chỉ có lòng người loạn. Cha tôi cũng là kẻ khoa cử nhưng từ chối công danh sự nghiệp, cha tôi nhận như một kẻ cầm điếu đui mù, ngoảnh mặt đi với cuộc sống mà lại muốn con hành động như một tên thảo khấu du côn, cha tôi cũng loạn sao ? Cha tôi bảo kỷ cương không còn, trật tự bị phá hủy, sách vở thánh hiền đã lu mờ còn đâu kẻ sĩ với tinh thần hào hiệp nữa. Lòng người đã phụ với thời, kiến văn chỉ làm người ta đê hèn, bần tiện đi. Kẻ có học dùng sở học vào đường bất chánh như vậy thất học còn hơn, vì thất học không phải nhiễm độc bởi những căn bã của tư tưởng thì với lương tâm may ra còn sống được ngay thẳng. Làm thẳng du côn có chí thì cứu được đời... Tôi đã ngẫm lại và thấy có phần đúng. Trong xã hội tôi không còn thấy ai là kẻ sĩ nữa. Bọn thư sinh mặt trắng đi vào con đường hư danh, tư lợi... có nghĩa thời loạn còn kéo dài lâu lắm. Giữa lúc ấy tai nghe tin tên Từ Hải, một tên con nhà thuyền chài vô học dấy lên, lòng người ngả theo tôi nghĩ: Cha tôi đã đúng, Và tôi vứt bút nghiên đi theo một tên du côn.

- Một tên du côn, đi theo một tên du côn mà anh nghĩ là phải. Bây giờ anh có tự hối hận không ?

- Không, tôi không hề hối hận.

- Tại anh kiêu ngạo không chịu nhận ?.

- Không phải vì tôi kiêu ngạo mà tôi không nhận.

- Hay anh để cho cái định mệnh của lịch sử nó phải thế ?

- Không, không bao giờ tôi lấy một thứ số phận, một thứ định mệnh nào để trốn chạy. Chính là tại tôi, tại tướng quân. Tôi muốn hỏi Tướng quân : Tướng quân đâu muốn ép thân thuần phục, đâu Tướng quân có kính nể nàng Kiều, đâu Tướng quân có coi bọn trí thức bộ hạ ra gì, nhưng sao Tướng quân lại nghe lời bàn của bọn họ.

- Sao anh lại cho rằng tôi không kính nể nàng Kiều, không kính nể mà sao tôi lại có thể cưới nàng làm vợ. Anh nghĩ tại

nàng là một con điếm hay sao ? Nếu quả vậy thì anh đã nhầm, anh đã cho rằng du côn còn khá thì với tôi, ngày nay trong giới đàn bà cũng chỉ có bọn làm điếm là khá. Du côn dám nhận là du côn, làm điếm dám nhận là làm điếm. còn ai hơn thế nữa. Cả thiên hạ này đang làm điếm mà không dám nhận là làm điếm. Như vậy ai được quyền khinh họ. Chính là nàng Kiều, chính là kẻ làm điếm có lương tâm với nghề làm điếm của mình cung phụng cho khách làng chơi. Ta chẳng sợ gì mà không nói với anh: Ta kính nể con điếm là vợ ta đó.

Còn cái bọn ở chung quanh ta, cái bọn Từ vân Trường, cái bọn văn hay chữ tốt, khoa bảng ta đâu có coi bằng một con chó ta nuôi. Bọn họ đâu sánh được với nàng Kiều. Ta nuôi bọn nó để cho bọn nó nịnh bợ, nó ca tụng, nó xu phụng ta. Ai cũng muốn có kẻ nịnh bợ mình, muốn có kẻ đóng kịch làm hề cho mình coi. Bọn nó theo ta chẳng phải như anh, như quân sĩ của ta. Bọn nó theo ta vì chúng không được làm đầy tớ yêu của chủ chúng như Hồ tôn Hiến chẳng hạn. Chúng bất mãn bỏ đi, và bây giờ anh thấy đó chúng muốn ta hàng để chúng được sống yên ấm với nhung lụa, địa vị... Thời loạn cũng vì bị bọn nó. Bọn chó phản chủ, và chúng mãi mãi như thế. Với ta, khi nào không được ân huệ nữa bọn nó sẽ phản lại...

Ta đã thua, ta chịu quy hàng chẳng phải vì ta đã nghe theo những vợ những quần thần, ta chịu thua. chịu hàng bởi vì bọn chúng, không có cái chí lớn như ta nghĩ. Ta còn lạ một mình, ta hàng ta chịu thua vì ta thất vọng, ta buồn bã . Bọn họ nghĩ giờ đã có thế lực, địa vị, mục đích đã đạt rồi còn khổ sở làm chi nữa, họ muốn đóng lại cho đúng vai trò mà trước đây họ chống đối. Bọn họ cũng muốn trở thành quan lại bóc lột, cũng muốn xe ngựa áo quần, địa vị ..

Bọn họ cũng như bao nhiêu người kẻ bình thường vậy thôi.

- Không, không thể như thế được.

- Ta không muốn chính những kẻ theo ta sẽ giết ta. Ta cũng chỉ là một tên du côn, một tên du côn về già, một tên du côn hết thời. Ta tiếc rằng sao không chỉ giữ mình là một tên du côn ở đất Việt Đông cho xong. Ta nghĩ tới mai này, ta phải khúm núm với cân đai bố tử ra vào chôn triều đình, cúi ngời với bọn quan lại, nào thừa nào gửi mà sao ta muốn chết quá, hãy vút

bỏ hết đi... Làm đời một thằng du côn với mảnh khổ rách chắc còn sung sướng hơn nhiều... Mai này anh có chịu ra quy hàng, nhận lãnh bổng lộc của triều đình ban cho không ?

- Không, canh ba đêm nay tôi sẽ mọamuội tướng quân mà trốn đi.

- Anh không muốn được hưởng phú quý vinh hoa với ta sao ?

- Tôi còn đầy đủ điều kiện để làm một thằng du côn. Chốn công quyền không phải nơi tôi lui tới, Tướng quân sắp từ chức một tên du côn rồi...

- Anh cho làm du côn là cao quý lắm sao.

- Thời này địa vị du côn cao quý lắm, không có gì so với hãn được nên tôi đã thừa với tướng quân.

- Anh có bằng lòng cho ta cũng trốn đi làm du côn trở lại được không ?

- Tại sao không ?

*phong trần mài một lưỡi gươm, như thế có nghĩa Từ-Hải vẫn chưa hàng, cuộc phiêu lưu của Từ-Hải chưa chấm dứt, Từ Hải không chết đứng. Từ-Hải còn sống... và câu thơ của Hoàng Sào : **Bán khiên Cung kiếm nhất trạo giang sơn** vẫn còn được ngâm lên với tiếng nhịp đập trên đốc kiếm... Trả câu thơ ấy về cho **Người trai phường nón** với giấc mộng không thành để trở thành một **Hồng sơn liệt lộ**. Ba trăm năm sau có ai khóc cho chàng không ? Tạ ơn người.*

(trích : THẦN THOẠI TỪ HẢI- 1963)

(Văn học số 35 ngày 1-4-1965)

TRÊN ĐƯỜNG

truyện **HOÀNG YÊN TRANG** +

(Văn Học số 42 ngày 15-7-65)

L.T.S (VH). : Hoàng Yên Trang hay Trần Như Liên Phương là bút hiệu của Cố Trung úy Trần Văn Thạch vừa đền nợ nước tại Chương Thiện ngày 10-6-1965. Năm nay Hoàng Yên Trang 29 tuổi, trước đây dậy học, nhưng vì đất nước trong hoàn cảnh chiến tranh, Hoàng Yên Trang đã phải thi hành nhiệm vụ người trai, và gia nhập trường sĩ quan Thủ đức.

Sau những ngày huấn luyện trong quân trường, Hoàng Yên Trang được đổi đi đơn vị tác chiến.

Trong những ngày hành quân diệt Cộng, mặc dầu ngày đêm vai ba lô, tay ghì súng nhưng Hoàng Yên Trang vẫn thường để tâm sáng tác văn nghệ.

Những sáng tác văn nghệ của Hoàng Yên Trang phần nhiều là thơ và truyện ngắn. Trong những bài thơ mà Hoàng Yên Trang gửi cho Văn-Học những ngày gần đây là những tâm sự của người lính tiền tuyến nhìn về hậu phương.

Chúng tôi còn nhớ những bài của Hoàng Yên Trang đã gửi cho Văn Học bao giờ Hoàng Yên Trang cũng đề tặng Thế-Uyên, vì tâm sự của Hoàng Yên Trang cũng như tâm sự người lính tiền tuyến mà Thế-Uyên đã và đang trình bày trên Văn-Học.

Trong dịp dừng quân tại An-Xuyên, Hoàng Yên Trang có sáng tác truyện “Trên đường” và gửi cho Văn-Học. Hoàng Yên Trang gửi truyện “Trên Đường” cho Văn Học đề ngày 8-6-65 thì ngày 10-6-65 Hoàng Yên Trang đi hành quân tại Chương Thiện và đã đền nợ nước tại đây.

Văn-Học nhận được thư và bài trên của Hoàng Yên Trang ngày 12-6-65 thì tòa soạn chưa biết tin Hoàng Yên Trang từ giã cõi đời, nên Văn-Học số 40 có trả lời trong hộp thơ là truyện Trên Đường tòa soạn đang đọc. Vì thế Văn Học số này đăng truyện Trên đường của Hoàng Yên Trang không phải vì lý do Hoàng Yên Trang chết mà Văn Học đã lợi dụng cái chết của Hoàng Yên Trang để quảng cáo cho tờ báo.

Còn nói đến văn nghiệp của Hoàng Yên Trang thì vốn vẹn Hoàng Yên Trang chỉ để lại có hai thi phẩm “Đi hoang” và “Đêm không ngủ”. Thi phẩm thứ ba là tập “Làm thân con gái” mà

Hoàng Yên Trang đang dự định xuất bản thì Hoàng Yên Trang đã vội từ giã cõi đời. Nếu Văn Học dùng những lời ca tụng văn tài của Hoàng Yên Trang chúng tôi sợ Hoàng Yên Trang sẽ không vui nơi suối vàng, nhất là dùng những lời không thành thật đối với một người đã chết chúng tôi không bao giờ làm. Vì dù sao Hoàng Yên Trang cũng đã để lại được một hai đứa con tinh thần, hay hoặc dở đây là quyền của mỗi bạn đọc nhận xét.

Văn-Học chỉ xin giới thiệu một sáng tác cuối cùng của Hoàng Yên Trang: truyện Trên Đường với mục đích thương tiếc một người bạn văn mà chúng tôi vừa quen nhưng chưa gặp mặt đã vội từ biệt Văn-Học.

Lời cuối cùng của Văn Học là câu chúc linh hồn Hoàng Yên Trang yên nghỉ nơi thiên đường.

Duyên không ngờ anh có thể theo nỗi hết khoá Thủ đức. Chính anh cũng đâu ngờ thế Duyên. Suốt hai giai đoạn anh đã cố nhập được với đám đông. Đám đông đưa anh dần dần không bỏ một buổi thực tập nào. Hồi sáng anh đã nắm bàn tay phải đưa lên tuyên thệ cùng với đám đông rồi. Và bây giờ anh đã chuẩn úy rồi đó thấy không. Chiếc nút đồng này đâu phải nhỏ em. Duyên lặng thinh nghe tôi nói. Hai tay nàng trống không. Mái tóc cong ôm lấy chiếc cổ cao. Tôi nhìn muốn cắn ngay lên đó. Vết cắn thật ngon. Làm gì anh nhìn Duyên dữ thế vậy anh Thạch. Tôi nói đâu có gì. Nàng cười. Ừ, này anh Thạch, Duyên nghe người ta nói anh thương nhiều người lắm rồi phải không. Người ta nào. Nàng cười. Tôi ít nói, Duyên còn ít nói hơn tôi. Sự im lặng làm tôi thấy Duyên gần tôi hơn. Thình lình tôi ôm Duyên hôn như vũ bão. Nàng biết tính tôi như vậy nên chờ cho cơn đam mê của tôi dịu xuống nàng mới từ từ gỡ tay tôi nói khẽ. Thôi anh, mấy anh kia đang nhìn mình đó anh. Họ cười chết. Cười gì em, trước sau gì anh cũng cưới em mà. Họ cũng như chúng mình chứ có khác đâu. Nàng cười. Nụ cười sau cơn hôn thật tươi thật quyến rũ. Tôi ôm Duyên hôn lần nữa. Đôi mắt Duyên tê dại hẳn như sắp chết. Trong cơn mê tận cùng con người gần gũi đến cái chết sao. Tôi trút tất cả những đam mê của tôi ra khiến thân thể Duyên oằn oại dưới bàn tay dã thú của tôi. Chắc nàng đã chết. Tôi cảm thấy yêu thương Duyên vô cùng. Thế gì anh cũng cưới em Duyên

oi em đừng chết. Tôi buông Duyên ra. Nàng sửa lại dáng ngồi. Đôi mắt trở lại mơ màng. Nàng mân mê những ngón tay tôi thật triu mến. Nhớ mai kia Duyên lại đi lấy chồng nữa anh có buồn như mấy lần trước không anh. Buồn chờ em. Duyên có vẽ không bằng lòng câu trả lời của tôi. Nàng cắn cắn ngón tay út ngược nhìn tôi. Cũng chẳng sao phải không anh. Anh đã nhìn quen nhiều lần như vậy rồi mà, mấy lần kể tiếp nữa kể gì. Chuyện đâu dễ thế em, Em biết mỗi lần người yêu đi lấy chồng anh đã phải xài phí tuổi trẻ anh như thế nào không, cũng may là chưa người nào ra về phụ rẫy anh cả. Họ viện có này hoặc có khác cho đỡ dang. Đề chi. Anh cũng đâu muốn thế. Mỗi người cứ chọn một tự do. Còn đến phiên em. Chắc Duyên cũng vậy thôi, con gái mà anh. Rồi nàng cười buồn. Mưa đã chớm nặng hạt. Gió hất vào nơi chúng tôi ngồi lạnh buốt. Hàng gòn hai bên đường lóm đóm những ánh điện vàng yếu ớt. Vài cặp trai gái che poncho đi dưới trời mưa chậm chạp hướng ra cổng trường. Tiếng hát đờng giảng đường của người ca sĩ quen tên nghe mơ hồ đứt đoạn theo từng cơn gió. Chiếc jeep chạy ngang làm đêm đen thêm. Hai bàn tay Duyên đã thấy lạnh. Tôi lấy áp áp vào má tôi. Những hạt mưa làm da mặt tôi trơn rít. Hình như anh gầy hơn lúc trước. Sao người ta đi lính thường trông khô ra, còn anh. Ủ, còn anh thì như vậy đó. Liệu nhà binh có giúp ích gì cho anh không. Như việc gì. Nhiều việc lắm như việc anh nuôi lớn tình yêu em chẳng hạn. Anh bị quan quá. Anh bị quan làm sao anh đủ sức để bây giờ anh làm chuẩn úy. Chắc em không ngờ anh đi khoá này coi như một kẻ tình nguyện chứ đâu phải thầy giáo bị động viên. Em biết không trước khi khám sức khoẻ nếu anh muốn hoãn anh chỉ cần nhịn ăn và thức khuya chừng vài hôm chứ gì. Thế suốt khoá anh đã tìm thấy gì không. Có lẽ anh chưa nhớ ra. Đờng giảng đường bây giờ đã đến màn kịch. Những diễn viên đối thoại có vẻ vui làm nhiều tiếng cười đồng vỡ ra trong mưa. Mưa đã gần tạnh. Trời trong hơn đôi chút nhưng chưa có vì sao nào loé lên. Thôi Duyên về nghe anh. Duyên kêu tôi đưa nàng ra cổng. Về tối trẻ như thế này mẹ rầy không Duyên. Anh quên rằng Duyên bây giờ đã lớn rồi sao có thân phải lo chờ. Ủ, lớn rồi. Nhớ mới đây còn gọi anh bằng chú Thạch, mau quá hử Duyên. Duyên then bấu mấy móng tay vào vai tôi. Anh Thạch này kỳ quá. Thôi để Duyên gọi anh lại là chú

Thạch nhé, Thừa chú Thạch Duyên về. Mười ngày phép nhớ đến thăm Duyên nghe chú. Duyên chạy từng bước nhỏ dễ thương ra khỏi cổng. Chiếc taxi vừa đón khách xe rồi máy chạy để tôi đứng bơ vơ nơi cổng nhìn dài theo con đường thăm tới mệnh mang ý nghĩ.

Tôi quay trở vào. Vừa ngang đến giảng đường thì buổi văn nghệ giúp vui ngày mãn khoá cũng vừa dứt. Đám đông vỡ ra mấy ngả cửa thiếc. Những anh chuẩn úy lon mới tinh. Những sinh viên mang alpha, những cô gái mặc đủ loại đủ màu. Trời nhờ nhờ ánh điện tôi không thấy được trên nét mặt họ một tâm trạng nào. Những tiếng nói tiếng cười phức tạp. Những chiếc xe nhà lấm tấm nước mưa. Chắc bây giờ Duyên đã đến nhà rồi đó Duyên. Trên xe em đã thấy được gì nơi nét mặt của những cô gái đồng hành có người yêu là lính như em, rồi em về nhà em thấy tình yêu có ích gì cho em chưa. Anh đủ để em nhận diện ra em chưa. Tôi rẽ sang đường về trại. Mái ngói tối đen, những bức tường bất động. Nơi đã chứng tỏ chúng tôi đã có mặt gần chín tháng. Những đàn anh chúng tôi hiện giờ đã về đâu,... Những đàn em chúng tôi hiện giờ chắc có kẻ còn đang lang thang ngoài phố hay ngồi mỗi mệt bên những trang sách học thi hay đang thủ thủ với người yêu bằng những câu giả từ lãng mạn. Căn trại nằm đó không chờ đợi cũng không lạnh nhạt chứa một khoảng không gian cố định lẫn đều theo tháng năm. Mấy cây gòn mặc sức lớn thay lá rụng trái lưa thưa vài dấu vết trên sân sau những bàn tay tạp dịch buổi sáng. Tôi vào giường ngồi tháo giày. Bao quân trang tôi đã buộc lại gọn gàng trước khi Duyên vào thăm tôi. Rồi ngày mai tôi còn để dấu vết gì nơi đây. Không không tất cả. Tôi đã sống ở đây gần chín tháng thật sao. Tiếng một vài người bạn trẻ trầm trồ không khí buổi văn nghệ khi nãy. Chiếc mông T.Ph ác quá về pleiku làm sao thấy được ta. Những tiếng cười đồng lõa vang lên. Phòng bớt vẻ nặng trĩu khi tôi mới bước vào. Mười chiếc giường còn trống, còn bao nhiêu thì đã sẵn sàng. Mặc sức cười mặc sức nói và gì nữa... Tôi đi ra sau cầu đi tiêu. Không còn những gánh hàng bún bò vịt lộn chề đậu trong nhà tắm này nữa. Chuẩn úy cả rồi mà, ai còn ngồi đó ăn nữa. Tôi một tay giúp cho sự bài tiết một tay sờ sờ lên chiếc nút đồng cộm cộm. Con gió tạt qua làm tôi thấy hơi lạnh. Đã mùa mưa.

Tôi ra đơn vị nhằm mùa mưa. Tôi đưa cánh tay lên ngắm nghía. Tôi cười, Duyên không ngờ anh có thể theo nổi hết khoá thủ đức. Buổi đi hành đầu tiên quanh liên trường tôi đã thấy lo cho sức khỏe tôi. Tôi nghĩ lại giận mình. Sao con sinh ra với thân thể này ở giữa cuộc đời này. Cái gì đã tạo ra tôi. Tôi thử tôi đi tôi đứng tôi nói tôi cười tôi khóc tôi sống. Tôi không thể lớn được một chút nữa sao. Tôi không thể nặng được vài kí nữa sao. Đã ba mươi rồi mà, Tôi bắt lực nhìn lại thân thể tôi. Tôi không làm gì được cho thân thể tôi cả. Mặc dầu nhiều lần tôi đã bỏ ra mấy tháng trời luyện tập tắm bỏ bỏ hút thuốc bỏ đi chơi bởi nhưng cũng không hơn được gì. Rót cuộc đầu cũng vào đó. Tôi lại trôi dạt theo với cơ thể tôi. Liệu tâm hồn có tự do được với thể xác không. Tôi nghe người ta đã bàn nhiều về linh hồn. Tôi chỉ còn bầu vú được một chút hy vọng về một huyền thoại nào đó chẳng. Để chi. Tại sao chúng ta lại phải cứ tưởng tượng rằng Sisyphe được hạnh phúc. Qua buổi kế tiếp tôi phải cố sức quá nhiều, lần lần tôi nhập cuộc lúc nào cũng không hay. Cầm garant lưng đeo túi nặng hai chân cứ bước cứ chạy có khi tưởng hai chân của ai đâu không liên hệ gì đến giác quan tôi cả. Rồi cũng chuẩn úy đó Duyên ạ. Anh biết khi thấy anh cầm giấy gọi động viên nhiều người đã nhìn anh nói đi ít ngày rồi trở về với giấy hoãn vì lý do sức khỏe chớ gì. Anh có đau bệnh gì đâu em. Anh đủ sức chiến đấu mà. Bác sĩ đã sắp anh vào hạng đó chớ sao. Anh sắp sửa tham dự cuộc chiến tranh này đó em. Chiến tranh gì mà lâu dữ. Mẹ anh thường căn nhắc không biết với ai, mẹ anh sợ đến thằng em độc nhất của anh cũng không khỏi. Trễ lắm cũng đến khóa hai mươi rồi bà thử dài, anh nói gì an ủi gì cũng không nghe, mẹ anh đã già rồi đau ốm liên miên, chắc em chưa biết mẹ anh đâu từng tuổi đó rồi chưa thấy được mặt con dâu nào cả. Quả hai anh em anh tệ thiệt rồi bà nhìn ra lại thử dài. Còn mẹ em thì anh đã gặp rồi, mẹ em còn trẻ hơn mẹ anh nhiều chắc cũng ít lo rầu điều gì nhiều đâu. Em có bao giờ nghĩ đến chiến tranh không. Em đã có người yêu là lính rồi đó nghe. Tôi trở vào leo lên lên giường nằm. Nghe như muốn sốt. Còn chỉ mấy giờ nữa tôi đã từ biệt nơi này rồi. Tôi kéo túi ngủ lên khỏi ngực cổ ngủ vớt một chút.



Anh này coi ốm mà dữ. Anh như vậy mà dữ với ai em. Thôi anh đi. Mới ở chưa đầy đêm mà đành thôi sao. Tôi tìm vuốt ve mơn trớn trên những chỗ xúc động của cơ thể đàn bà. Nhột anh. Em mà còn nhột nữa sao. Người gái điếm nín thình. Tôi thấy buồn buồn về lời nói vừa rồi. Tôi nghĩ đến vài người con gái gọi là con nhà lành. Tôi nâng đầu nàng đột ngột tìm môi hôn. Không thấy một cảm giác mạnh nào chạy trên môi. Tôi lấy ngón tay trở xoa xoa trên đôi môi khô của nàng. Ừ em như vậy mà còn hôn em được sao. Thôi mà em. Tôi thấy trong người hết náo nức ham muốn. Thôi bây giờ mình ngủ nghe em gần sáng rồi. Tôi với tay lấy quần áo. Nàng nói một câu chắc nịch. Không, bây giờ thì tới phiên em. Tôi để mặc nàng làm gì thì làm trên cơ thể thừa thãi của tôi. Duyên ơi anh yêu em nhớ em vô cùng. Anh nói gì đó. Không. Hai thân thể cử động liên hồi đến lúc tôi thấy cơ thể tôi mệt rũ rã rồi nàng cũng vừa buông tôi ra. Tôi nằm hai tay dang hai tay ra như đôi cánh. Tôi muốn bay đi trong vùng không có trọng lực. Tôi đưa mắt nhìn người gái điếm leo ngồi lên chiếc lavabo vặn nước rửa. Tiếng nước chảy từng hồi nghe vui vui. Nàng cũng đẹp đấy chứ còn trẻ mà không tìm đâu ra người chồng nào sao. Bây giờ đàn ông đã khan hiếm trên thị trường hôn nhân rồi sao. Tin chiến sự mỗi ngày tổng kết bao nhiêu người chết bao nhiêu người bị thương. Nàng trở vô mừng mặc quần áo tắm vài giọt nước hoa mùi thật dĩ. Nằm đó hoài sao anh không đi rửa gì đi. Tắm rửa chi em. Nói rồi tôi ngủ thiếp đi không một cơn mộng nào về xáo trộn tinh thần.

Khi tôi thức dậy đã có nắng sớm lọt vào khe cửa sổ phòng khách sạn gây khúc trên giường. Người gái điếm đã ngồi trước bàn trang điểm. Đã qua một đêm nữa rồi. Còn mấy ngày nữa. Về sao anh. Về chớ ở chi em. Ừ. Tôi đến hôn phớt nhẹ lên mái tóc nàng rồi bước ra cửa. Không khí buổi sáng đã làm tôi tỉnh táo. Đoàn xe nhà binh mười mấy chiếc làm nghẹt cả xe cộ ở ngã tư thành phố. Tôi nhìn lên thấy toàn những gương mặt trầm tĩnh đen đúa khăn quàng cổ màu rực rỡ nón sắt sơn rằn dữ tợn. Vài hôm nữa tôi nhập vào hình ảnh hùng dũng đó sao. Đợi cho đoàn xe qua khỏi tôi len lỏi giữa đám xe cộ bị động

đang rờ máy băng qua đường tìm món điểm tâm. Người con gái tóc buông dài ngừng xe solex gọi tôi. Kia anh Thạch lâu quá mới gặp lại anh. Tôi thắng thốt gật đầu chào, Phương ở dưới này sao. Vâng Phương đã về đây rồi, dạy sử địa. Phương là người bạn khá thân với tôi hồi còn học chung một lớp đệ nhất ở tỉnh. Những kỷ niệm tuổi học trò không còn thấy gì ở Phương. Dáng dấp đó đã từng làm tôi mê mệt một thời. Tôi vốn đại gái từ thuở đó rất siêng năng. Những bài thơ tình lãng mạn đều đều trong những quyển vở toán cho mượn chép bài. Đôi mắt với những nét vẽ rất mơ kết quả cuối năm đó tôi thi hỏng năng vào đại học. Băng đi một thời gian dài tôi mới nghe nói nàng đi sư phạm ban sử địa và nghe đã có chồng. Hồi này anh còn thơ thần gì nữa không. Thịnh thoảng cũng có vài bài cho vui. Nàng cười bằng mắt rất ngoan. Tôi chợt nhớ Duyên. Anh Thạch chưa đi lính sao. Phương vừa nói vừa nhìn tôi. Tôi mà đi lính nổi sao Phương. Nàng ờ ờ có vẻ buồn, Sao nàng không hỏi tôi đã có vợ con gì chưa. Đi đâu cũng nghe nói đến lính tráng hết. Quên giới thiệu với anh nữa, anh nhà Phương dạy cùng trường mới vừa vào thủ đức khóa này. Tôi đáp bằng quơ. Nếu đi lính nổi cũng nên đi cho vui chớ. Ừ. Anh thì cái gì cũng vui hết. Anh ở ngoài có vẻ thông thả ghê. Thế ra tôi có vẻ thông thả lắm sao. Mà tôi thông thả thật còn đến mấy ngày nữa tôi mới đi trình diện đơn vị. Thôi, hôm nào rảnh anh ghé nhà chơi. Nàng đưa tôi địa chỉ. Gần đến giờ dạy rồi Phương đi nhé. Chiếc solex chở nàng đi khuất dãy nhà. Tôi bỏ tám danh thiếp có ghi địa chỉ nghề nghiệp nàng vô túi áo rồi bước vào quán cà phê. Cô chủ ngồi giữ quầy hàng tôi mới quen mấy hôm nay cười chào tôi. Tôi tìm bàn phía ngoài gọi ly cà phê sữa hai hột gà sống một gói mélia vàng một hộp quet, nhìn thiên hạ qua lại trên đường. Tôi làm gì trong mấy ngày còn lại của tôi đây. Hết quanh quẩn ở nhà lại đi lục lạo các phòng ngủ. Bè bạn thì đã tứ tán khắp nơi rồi, Tôi thấy mười ngày phép mãn khóa hoidài. Tôi chợt nhớ tôi chưa đi thăm Duyên, Hoàng Yên Trang

(Văn Học số 42 ngày 15-7-65)

NGƯỜI EM ẤY

VÕ PHIẾN

(Văn Học xuân Bình Ngô số 53 ngày 1/1/1966)

LTS: Truyện ngắn này chúng tôi không tìm thấy trên NET, và trong số những tập truyện ngắn mà chúng tôi hiện có. Nếu quả thật vậy, đây là một niềm hạnh phúc lớn của chúng tôi – được phổ biến một di sản văn chương bị thất lạc của nhà văn Võ Phiến. Theo chúng tôi, đây là một trong những sáng tác về tình yêu hay nhất của Ông. (TQBT)



Tuy trí chàng vào độ ấy chuyện yêu đương dính líu đến một hình ảnh hèn mọn, mà chàng cả thẹn giấu giếm.

Nhà cậu chàng thụt lùi vào trong, so với những nhà hai bên. Như thế, tự nhiên được hưởng một khoảnh sân, điều rất quý hóa đối với những nhà không sang trọng ở thành phố.

Trên khoảnh sân ấy, cả bọn học sinh ở trọ chiều chiều lúi ghề ra ngồi tán dóc, cho mát, tối đến có cậu thích tách riêng một mình mang vở ra ngồi học dưới ánh đèn đường. Thường ngày, cũng trên khoảnh sân ấy có những gánh hàng rong dừng lại. Trong đó có chiếc xe của người chệt bán bánh tiêu.

Người chệt mang bột đến, làm bánh ngay tại chỗ. Lửa cháy dưới chảo dầu có khi tạt khói vào vách nhà bên tả có khi tạt vào vách nhà bên hữu, có khi hất tất cả khói vào nhà của cậu chàng.

Người chệt mỗi buổi đẩy xe đến cùng với đứa con gái. Năm Nguyên mới đến trọ nhà cậu, đứa con gái lên mười một tuổi. Năm nay nó được mười bốn. Cha con làm việc cầm cùi suốt buổi không dừng tay. Chàng đã thấy đứa con gái làm việc từ

ngày nó còn là một con bé gầy nhom chỉ mặc một cái áo lá mỏng.

Tía nó ngắt bột ra từng đoạn, nắn bánh, thả vào chảo dầu. Nó trở bánh bằng hai cây đũa dài đã xuống màu đen nhánh. Mỗi miếng bánh mới thả chìm xuống tận đáy chảo, sôi ục ục, một lát bánh vừa nổi lên con bé liền đưa đũa gấp, trở. Nó làm nhanh thoăn thoắt, trở bánh liên liên sắp, ngửa, sắp, ngửa... Khi nào trong chảo có tới năm sáu cái bánh thì tay và mắt nó trông cực kỳ nhanh nhẹn.

Con bé đứng hàng giờ không nói một lời, mắt nó trông xuống không rời khỏi chảo. Khách hàng có người đưa tiền cho nó, đòi mua bánh; nó cầm lấy, chuyển tờ bạc sang tay tía nó, mắt không trông người khác miệng không nói gì. Tía nó nhận tiền bán bánh; nó tiếp tục trở bánh đứng mãi mãi, nó đổi chân; khói bay sang từ hướng này qua hướng kia nó tùy ngọn gió mà đổi chỗ đứng để tránh hơi dầu xông vào mũi làm ngạt thở. Những khi gió tạt khói vào nhà cậu Nguyên nhiều quá, nó quay lại, nhìn theo ngọn khói, trên nét mặt buồn rầu thấy rõ có sự ái ngại tế nhị. Nhưng nó vẫn không tìm gặp mắt ai, không phân trần.

Thỉnh thoảng tía nó nói với nó bằng tiếng Tàu. Nó có nghe cũng như không nghe, làm theo lời mà không cần đáp. Khi nào tía nó bận nhiều khách, không kịp bỏ bánh vào chảo nó rảnh tay, ngược mắt lên, và chỉ nhìn ra xa. Một cái nhìn nghi ngại. Nhìn gần thì mắt nó bao giờ cũng chiếu xuống thấp, không ngó tới ngực và cổ của những người đứng trước mặt.

Hàng tháng liền, cha con người chệt đẩy xe đến trước cửa nhà Nguyên đều đều mỗi buổi. Rồi bỗng nhiên một hôm người ta thấy vắng ông ta. Vắng liền tiếp một vài tháng: Ông ta đổi chỗ tìm đến một góc đường khác. Rồi một hôm nào đó, ông ta đẩy xe trở lại chỗ cũ. Học sinh trọ ở nhà cậu Nguyên thỉnh thoảng hỏi thăm ông ta dăm ba câu, ông ta nghe một cách khó khăn còn trả lời nhiều khi lặc lợng. Chẳng hạn hỏi:

- Tháng trước có phải chú đứng bán ở gần bên rạp Đồng hưng không?

Ông ta chồm tới, nghiêng tai đón đợi, tuy ông ta không nặng tai:

- Hả?

- Tháng trước chú đứng bán ở góc đường Tự đức, Rút-

xô phải không? Bên cạnh rạp hát Đồng hưng, phải không?

Ông ta nghe được, vui mừng:

- Phải, phải. Tổng hing! Bên rạp Tổng hing?

Ông ta gật đầu, cười, mắt nhấp nháy, bày tỏ sự biết ơn.

Có khi hỏi:

- Độ này bán khá chớ?

Ông ta đáp:

- Pánh dầu chéo quầy pánh teo. Cái lầy chéo quầy, cái lầy pánh teo.

Mọi người cười ồ, ông ta ngẩng đầu lên cười theo, tỏ ý xin lỗi về sự lảm lẩn.

Thường thường những học sinh mới đến trọ chưa biết tên món hàng của ông ta, đến hỏi; ông ta trả lời. Về sau, khi tất cả họ đã biết cả rồi, thỉnh thoảng người chệt vẫn nghe lảm, tưởng các anh học sinh hỏi về tên bánh.

Nghe tía nó trả lời lảm lẩn, con bé cúi mặt xuống mỉm cười: Người ta biết nó thạo tiếng Việt hơn tía nó. Nó chỉ mỉm cười không cần quá kín đáo, nhưng không hề tìm gặp mắt người nào để tìm sự biểu đồng tình; và nó chỉ mỉm cười một mình, không hề can thiệp vào sự lảm lẩn của tía, để mặc tía nó xoay trở, cười hô hô, xin lỗi, v.v...

Cha con người chệt đến trước nhà đều đều suốt tháng, rồi đi đâu vắng một đôi tháng, rồi trở lại, rồi đi... Con bé lần lần lớn lên. Nhất là đến tuổi mười ba mười bốn nó lớn nhanh trông thấy.

Nhưng đối với Nguyên, nó đã thu hút chàng từ ngày còn là đứa con gái nhỏ, chưa có một dấu hiệu quyền rũ gì của tuổi dậy thì. Sự chăm chỉ ít lời, vẻ kín đáo cái lối tiết chế mọi biểu lộ, chỉ làm những cử chỉ tối thiểu của nó, đối với chàng có một cái đẹp riêng, lạ lùng trong sự giản dị. Chàng có thể nhìn nó hàng giờ vẫn không bao giờ gặp mắt nó, vì thế nó như thể không sao bắt được, không sao tiếp xúc được. Công việc trở bánh trong chảo làm đều đều, những động tác nghèo nàn, lặp đi lặp lại vô cùng kiên nhẫn suốt tháng suốt năm ấy khiến Nguyên tưởng thấy bằng bạc trên khuôn mặt, trên cả người nó một vẻ chán nản, mệt mỏi, quá sớm đối với tuổi nó. Những lúc rảnh tay, nó ngoi xuống ra đường, cẩn thận chiếu tầm mắt ra thật xa hoặc hạ xuống thật thấp, tránh bất cứ cái nhìn của ai, tránh cả mọi khuôn mặt. Tại sao nó lại tránh mọi sự thân thiện,

lại từ chối hết các tiếp xúc? Nó lại nhất định âm thầm, cố thủ trong sự cô đơn của mình như vậy?

Sự bí ẩn ấy thu hút chàng, ám ảnh chàng. Những thắc mắc, nghi ngại cứ như là chồn vờn loanh quanh đứa con gái mà không có nơi vào.

Trên khoảnh sân trước nhà cậu chàng có ngọn đèn đường trông ở phía bên mặt, mỗi tối khi đèn bật sáng thần lẫn quí tụ rất nhiều trên bức vách của ngôi nhà sát cạnh. Chúng tụ lại gần đèn để đón bắt lũ phù du bay rớt rít quanh đây. Mấy người học trò lấy những sợi dây cao su nhỏ buộc vào que tăm bắn thần lẫn. Mỗi con bị bắn trúng rơi xuống, cả bọn la vang.

Thỉnh thoảng tìm kiếm que tăm Nguyên lượm lên một mảnh dăm củi. Mảnh dăm nhỏ bắn ra từ những thanh củi mà cha con người chết đã bửa ra trong ngày. Họ đi rồi, nhưng dấu vết cuộc sinh nhai thường nhật của họ vẫn lẫn quất gần bên cuộc sống của chàng.

Thỉnh thoảng, khuya khoắt, chàng ngồi dưới chân ngọn đèn, một mình ôn bài. Tay buồn rầu rờ rẫm tìm kiếm trên mặt đất, xung quanh. Và Nguyên lại bắt gặp một vài mảnh dăm nhỏ.



Làng của chàng ở tả ngạn sông Ba. Nhà chàng cách bờ sông chừng ba trăm thước.

Ngày Nguyên còn nhỏ, mùa nước cạn, cả bọn trẻ trong xóm suốt ngày rủ nhau chơi lúc nhúc dưới lòng sông: vọc nước, vọc cái, chọn những hòn cuội đẹp do nước mài mòn, cát nhá, đập đập, hát xướng, và đánh nhau v.v... Có lần trong khi đào xới cát sông, chàng bắt gặp một đồng xu; bọn trẻ xúm nhau bàn tán, ngỡ rằng đó là đồng xu đã ném xuống để mua nước rửa mặt người chết. Chuyện có ghê rợn, nhưng gợi một tương quan thâm trầm lớn rộng giữa giòng sông với cuộc sống của dân làng.

Lớn lên, Nguyên vẫn tìm thú vui trên sông; nhưng cùng với hoạt động của dân làng, thú vui của chàng thành ra có tính cách vụ lợi. Chàng thường câu cá.

Dân làng ai nấy đều tìm cách bắt cá. Câu thụt mỗi ngày được chừng một *vít* cá vụn, gồm những loại cá mương, cá lân cần... (Những con cá lân cần, mình tròn, màu đỏ, từ ngày xa làng chàng không gặp thấy ở đâu nữa). Mỗi năm bắt đầu từ tháng

mười một, cứ năm ba nhà chung nhau dựng một *sân cá*: đóng rọc, đan liếp tre, chia nhau vây chận một khúc sông. Cho nên tháng bảy tháng tám năm sau, nước lớn lên tràn sông, mọi người thu dọn sân cá.

Những trận mưa báo hiệu đầu mùa trận mưa bắt gặp chàng giữa đường từ nhà ông Thụ về, trận mưa chín mười giờ khuya bắt gặp chàng dưới chân ngọn đèn trước nền nhà cậu, đuổi chàng vội vã vào nhà – những trận mưa ấy nhắc đến sự sinh hoạt ở làng quê. Nguyên nghĩ đến những buổi đứng dầm chân chờ cá hàng giờ, tê mê trong cảnh vắng vẻ hoang liêu, có cảm tưởng tiếng nước róc rách kín đáo đều đều xung quanh như chảy trong một giấc mơ dài đặc mênh mông. Nghĩ đến nếp sống cần mẫn yên hàn, những đàn bà con gái ngày ngày dầm mình dưới sông nhúng cả quần, cả tay áo đến nách, và nhúng cả vạt áo xuống nước, để mò bắt ốc đá... Những con người quen với nếp sống như thế lâu ngày đều trở nên thâm lặng. Mỗi người có thủ một chỗ suốt buổi, cách biệt nhau, không nói năng trò chuyện được gì với nhau, đàn ông chỉ khuây khỏa với điệu thuốc trên môi, như thế họ tập chịu đựng, đương đầu với cảnh vắng vẻ, cô độc. Và dần dà họ như là nhiệm độc vắng vẻ. Trên nét mặt, dáng người ở chỗ quê chàng, Nguyên thấy có cái gì quạnh hiu, âm thầm, lúc nào cũng âm thầm.

Nguyên nghĩ đến những buổi trưa chàng nằm trên một hòn đá *sông trâu* (1) lớn, suốt người mát lạnh như tan thành nước, hai tai nhảy dầy tiếng nước róc rách khiêm tốn và dai dẳng. Thỉnh thoảng trên cái bãi âm đều đặn ấy rớt xuống năm ba tiếng chim kêu. Hai bên bờ sông có chỗ đất lại lồi, và chàng trông thấy lá xanh ròn của những đám thuốc trồng trên đất phù sa; có chỗ bờ sông sụt lở, dựng đứng lên một mỏm đất cao đột ngột... Những buổi trưa như thế, chàng nằm lười như một vạt mây trải mình suốt buổi giữa trời không thêm trời, chàng nằm lơ mơ cho đến khi ngủ quên. Sực thức dậy, nghe léo nhéo một tiếng kêu lạc trong không gian mênh mông và mở choàng mắt ra chàng thấy một người đàn bà đứng trên mỏm đất cao chỗ bờ sông sụt lở, một hình người nhỏ tí teo, trông như tả tơi ra, in lên nền trời sáng, một người múa may chơi với, bắt lức, há miệng toát ra tiếng kêu bị không gian át đi, đánh lạc đi...

Hình ảnh ấy Nguyên đã trông thấy lúc nào? bao nhiêu lần?

Một bà mẹ nào đó trong xóm chạy ra bờ sông tìm gọi đứa con chơi đùa dưới lòng sông; chuyện rất tầm thường rất quen thuộc, nhưng bỗng sáng lóa lên ở một vùng ký ức của chàng. Chàng như người đang ngủ chợt giật mình, bị ánh sáng ủa đập vào mắt và ngơ ngác trước cái hình người bé nhỏ chơi với bất lực trên mồm cao, như bị dán lên nền trời sáng dán dính vào một đám trắng bất động...

Trong kỳ hè vừa qua, ngày ngày trên sông, chàng nghĩ đến đứa con gái Tàu, lần đầu tiên nghĩ đến nó với cảm xúc của một người con trai chớm trưởng thành.

Trong tiếng nước róc rách xô đẩy triền miên từ giờ nọ sang giờ kia chàng miệt mài xây dựng trong tưởng tượng một hình ảnh kỳ bí. *“Sao mà nó khó hiểu vậy. Nó làm như không nhìn thấy gì hết, không nghe thấy gì hết, không thèm biết gì quanh mình hết. Đóng kín cả năm cửa giác quan! Mà nó chỉ có chừng ấy thôi. Chừng ấy tuổi đáng lẽ là cái tuổi hăm hở vô vấp. Thế mà nó... như một người tu hành. Mọi vùng vẫy huyên náo của ngoại giới ngừng lại hết trước cái giác quan đóng kín của nó. Giữa cuộc sinh hoạt, nó tự xóa đi, nó lu lết như một hạt sao cảm nhòe trong sương... Bảo nó vô tri, không có tình cảm ư? Đứa trẻ vô tư lự thường cởi mở chứ có đâu thu hút cả tâm trí vào bên trong như thế. Làm sao biết được những gì nó vẫn nghiền ngẫm? Hàng ngày nó nghĩ ngợi gì? Mơ tưởng đến những ai? Làm sao lọt qua được sự chọn lọc khắt khe của nó? Lọt được vào đó, hẳn là như lọt vào một cánh cửa: thanh tịnh, yên hàn, tất cả đều lắng đọng... Trong cõi giang sơn thanh tịnh, kín đáo ấy...”*

Ngắt quãng những ý nghĩ lòng vòng như thế, có khi Nguyên giật mình sức tỉnh vì một tiếng trẻ con hét lớn, một tiếng cười phát lớn ở đâu đó, cách một bụi cây, một khóm lá, một khuỷu sông..., có khi chàng tỉnh người trông lên vừa gặp hoặc một người đàn bà mò ốc chợt ngẩng đầu nhìn ngơ ngác một lúc rồi lại cúi gằm xuống sát mặt nước, hoặc một con đa đa hoảng hốt từ trong bụi bay ra quỳnh quáng rồi lại đâm lúi vào bụi rậm... Cũng có khi ngắt quãng những ý nghĩ lòng vòng về đứa con gái Tàu, chàng trông lên và thấy hoặc mái tranh nhà mình cắt lên nền trời một lần ranh giới lồi thối, không ngay ngắn, hoặc bóng cây cau cây xoài ở trước sân...

Nguyên đã nghĩ đến đưa con gái ở ngoài sông, nghĩ đến nó trong những giờ trần trọc nằm ở nhà, vào những đêm vắng vẻ ở quê. Ba tháng hè ở quê, cuộc sống nghèo nàn dành cho chàng nhiều thì giờ rảnh. Và tình cảm của chàng đã lần hồi thành hình như thế, nung nấu trong sự nhàn rỗi.

“... Nó vô tư lự?... đâu có thể vô tư lự, một đứa con gái như vậy! Trái lại. Một hôm mình đùa với con Thu, con gái út của cậu: “Nghe nói chú Tàu Sáu thuê người quạt lò trà công bằng bánh bò. Con Thu, mày chịu quạt không?” Cậu nói bay đi, người chệt không nghe thấy, đứa con gái Tàu cũng không nghe thấy, không để ý đến. Thế nhưng một giờ sau đó, khi cậu ra ngồi ở phòng ngoài, chưa kịp cầm tách trà lên thì người chệt đã bung vào đặt trước mặt cậu một đĩa bánh, biếu cậu và mấy đứa nhỏ. Một hôm khác, mình mang sách ra hè, tới bên cạnh một cái ghế định ngồi xuống, nhưng thấy mặt ghế có nhiều tro bụi, tro từ lò bánh của người chệt bay ra, mình quay vào nhà, lấy ra cây chổi lông gà, nhưng trở ra đến nơi thì mặt ghế đã được lau sạch.

Đứa con gái ấy, nó như không tham dự gì vào những hoạt động xung quanh, không hay biết gì cả; thế nhưng nó vẫn theo dõi từng cử chỉ, từng cái nhìn của mình, từng lời nói đùa của mình. Của mình, chỉ của mình thôi sao?... Nó bất động, đóng ngũ quan lại, nhưng kỳ thực xung quanh nó như có bữa giăng một màn lưới thật mỏng, thật tinh nhạy để bảo vệ nó, để báo hiệu cho nó biết tất cả...”

Những đêm trăng, khó ngủ, nằm trên chiếc võng trước hiên nhà chàng mỗi lúc mỗi bạo dạn hơn trong ý nghĩ. Sao vàng lọt lạt nhấp nháy, trên trời cao... Nguyên lạc xa hút vào những tình cảm mông lung do mình tự tạo cho mình. *“Đâu phải biết tất cả! Chỉ biết về mình thôi... em chỉ giăng tấm lưới tình nhạy kia để biết về anh thôi, phải không? Em đâu có lỗ tai để nghe tiếng còi xe ngoài đường, tiếng ghế ngã trong nhà, tiếng chửi nhau bên láng giềng...? Em chỉ nghe những câu anh nói đùa, chỉ thấy bóng anh ra vào... Có phải thế không? Anh biết, em đâu là tu sĩ, đâu có hững hờ, tắt ngòi lòng trần... Anh biết, mắt em vờ nhắm lại, tai em vờ bịt lại, nhưng kỳ thực các giác quan em bỏ ngõ hết, tình thức vô cùng, bén nhạy vô cùng... Nhưng tại sao em lại làm ra như thế? Sự áp bức gì, mối mặc cảm gì đã khiến em tự xóa đi, tự thu nhỏ lại tội nghiệp như*

thế? Anh muốn chia sẻ nỗi ân tình của em... ước sao anh được chia sẻ với em... Mà sao em lại không chia sẻ được với anh? Chúng ta đã cảm thông với nhau đến thế..."

Những lúc như thế, xao động dâng lên ứ tràn, Nguyên tự cảm thấy đầy ắp, như rung rung muốn chảy, như một giọt nước rung rinh muôn rặng, như một cái gì hết sức mong manh dễ vỡ...

Một hôm chị Lê bắt gặp những câu thơ viết vội vã lằng nhằng, chị đang đọc một cách khó khăn thì chàng chợt xé đi. Bức thơ đó, bây giờ chàng cũng không nhớ hết, lăm nhăm mãi chị gọi lại được mấy câu:

Thức với trăng long lanh

Một đêm vàng áy náy

Lòng anh thao thức khổ đau canh

Bao giờ anh có người em ấy...

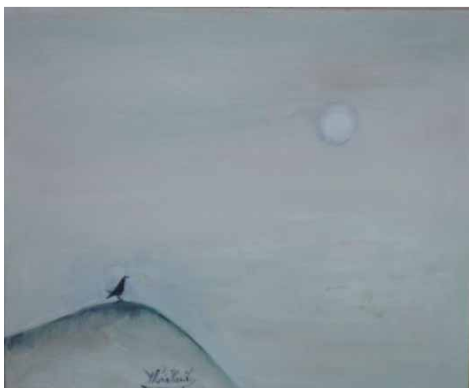
“Khổ đau canh”! Nguyên cười thầm: Đâu có! Thật là vì từ hại ý. Lo làm văn dữ quá, không nói được sự thực. Cảm xúc như vậy gọi là “khổ” sao? Không khổ, cũng không bảo là sướng được. Một cảm giác rung rung, không ai biết được là khổ hay sướng.

Và những cảm xúc không tên gọi như thế lại làm cho Nguyên thấy mình cách biệt mọi người.



Thật vậy, khoảng gần đây, từ ngày trải qua những cảm xúc rắc rối ấy, chàng tự thấy mình cô độc, không gần gũi được ai. Không có chút gì gần với cha mẹ, với cậu chàng với mấy đứa bạn... Cũng không thể gần với chị Lê. Chị Lê, lúc chàng giật xé bài thơ. Chị ngược mắt lên nhìn, đột nhiên chàng cảm thấy trong vẻ tò mò chăm chỉ ngay thực của chị, trong cái cười của chị sau đó, một vẻ gì quá đơn giản thô sơ! Chàng cảm thấy chị không thể nào thấu hiểu câu chuyện của mình, và ngượng với các ý nghĩ đem chuyện mình nói với chị.

Đến một tuổi nào đó, tự xưng người con trai thành ra cô độc với cái tâm sự riêng của mình. Chỉ có mình chàng miệt mài với hình ảnh đứa con gái.



Tranh Thái Tuấn

Một mình chàng với hình ảnh ấy. Tiếng nước róc rách triền miên giữa lòng sông cạn mùa nắng, những bông hoa vàng trắng muốt, những trái lồng đèn lẩn trong bụi rậm với tiếng rừ rừ thâm thì của những con ong bầu, tiếng con ó rần giữa trưa, tiếng đàn dơi lóc chóc đêm khuya tranh ăn trái bàng ở góc vườn, cơn gió nửa đêm xô lịch kịch cánh cửa sổ bên giường chàng nằm, những vạt mây sáng ngừng lâu giữa trời những buổi trưa vắng vẻ, những con nhện nước trượt tới trượt lui trên mặt nước ven bờ, trận mưa đầu mùa ở thành phố v.v... Những cái đó thỉnh thoảng, chúng bất ngờ bắt gặp chàng đang miệt mài với hình ảnh ấy, và những cái ấy, tiếng cánh cửa lịch kịch đêm khuya, tiếng nước róc rách... chỉ có chúng là thân thiết với chàng. Thành linh gặp nhau chúng đánh thức chàng, các giác quan của chàng chợt bừng tỉnh, thao thức, xôn xao. Không thể biết được là khổ hay sướng.

VỖ PHIẾN **(trích Về Đâu)**

(1) chỗ gò cao lên theo chiều dọc của đường đất, hình như sống lưng con trâu

(chú thích của Tòa soạn)

ĐỨC VÂN

người bạn đồng hành không quen biết

(Văn học số 6 tháng 4-1963)

Chúng tôi đang ở trong vùng Kiến-An, Bắc-Việt, với Đệ Nhị Sư đoàn Bộ binh. Hè 1952 sắp qua, chúng tôi trầm-lặng chờ đợi sự báo hiệu của một trận giao-tranh lớn, chúng tôi có cảm tưởng như đếm được nhịp tim và nghe được hơi thở của chính chúng tôi. Trận giao tranh vẫn mãi chẳng đến. Trong khi ấy thì bộ máy chiến-tranh vẫn cứ tiếp tục làm việc chậm rãi : mỗi ngày chúng tôi nhận được tám hay mười thương-binh, chúng tôi từ-tồn săn-sóc họ và gần như nâng-niêu họ nữa.

Một buổi sáng, tôi được chú lính y tá đến cho hay rằng có một binh-sĩ trúng mảnh đạn vừa được khiêng đến. Tôi bảo cho người ấy nằm lên bàn và khám-nghiệm ngay.

Tôi nhớ người ấy như in và tôi sẽ nói với các bạn tại sao. Vậy mà tôi không biết tên anh ta là gì, cũng không biết đến cả câu chuyện bị đạn của anh ta nữa. Những thương-binh khác thì thỉnh thoảng tôi lại trông thấy mặt họ, trong giấc-mơ. Tôi trông thấy họ như khi họ đến với tôi, với vẻ nhìn ngỡ ngàng như trẻ con hay còn trẻ măng của họ. Tôi trông thấy họ và nghe thấy tiếng họ nói, tiếng họ thở dài một đôi khi cả giọng bình-thản của họ, sau khi ra khỏi trận áo chiến, những lời trịnh-trọng : trang-nghiêm của họ khi tới giờ phút lâm-chung. Nếu, về sau này, trong đời sống vĩnh-cửu, tôi gặp những người bạn đồng-hành ấy ở bên kia thế giới, thì tôi chắc sẽ nhận ra họ ngay và chúng tôi sẽ cùng nhau tay bắt mặt mừng. Nhưng người thương binh vào cuối hạ năm ấy đối với tôi hoàn toàn xa-lạ. Cổ vén bức màn sương của quên lãng, tôi chỉ trông thấy có sau lưng của người ấy, phía dưới thân mình nở-nang và cái lỗ nhỏ đen và đỏ ở phía trên mông bên phải.

Chiếc xe hồng thập tự của chúng tôi không có máy chiếu-điện

lưu động. Người bị thương không có triệu-chứng gì là bị sưng màng ruột. Tôi phải lần theo đường đi của viên đạn một cách thận-trọng. Tôi cho đánh tê cho người ấy ngủ đi và bắt đầu mổ. Viên đạn, mà tôi đoán chừng là chỉ nhỏ bằng hạt ngô rang là cùng, xuyên qua các thớ thịt và đục thủng chiếc xương hông. Tôi bắt buộc phải khoan to lỗ xương ra. Tôi dùng một chiếc kim riêng, vừa dùng để làm kim vừa dùng để làm đục, mà bọn thầy thuốc chúng tôi gọi là pince-goupe, để làm việc. Thỉnh thoảng tôi lại lấy ngón tay chỗ trái sờ thử xem có mảnh xương nào dật vào trong những thớ thịt ở dưới sâu không. Mặc dầu tôi hết sức thận-trọng trong khi dò xét tìm kiếm như vậy, bỗng tôi thấy đau nhói một cái. Một mảnh xương nhỏ như đầu kim đã chọc thủng chiếc găng tay bằng cao-su của tôi và xuyên

vào trong da tôi. Tôi đổi chiếc găng khác và tiếp tục mổ, lấy ra được mảnh đạn và khi băng bó đã xong-xuôi, tôi mới xem đến vết thương của tôi. Nó chỉ hơi rớm máu một chút; vết châm gần như không trông thấy đâu cả, nhưng chắc là mảnh xương nhỏ đã ẩn ở dưới thịt sâu, như một cái gai. Tôi cảm thấy nó rõ ràng khi ấn mạnh lên trên đầu ngón tay. Tôi thử vài lần nhô nó ra ; nhưng trận tấn-công chờ đợi đã đến và trong mười lăm ngày tôi còn phải lo những công việc khác. Sau đó, trận đánh qua đi, chiếc xe hồng thập-tự lại được yên-ổn, tôi mới nhận thấy rằng ngón tay chỗ của tôi đã lạnh-lạnh hần, nhưng một miếng thân thể của người bạn đồng chí của tôi đã ẩn sâu dưới da tôi.

Người thương-binh đó sau này ra sao, tôi không-bao-giờ được biết. Trận cuồng-phong đã lôi-cuốn anh đi và chia cách anh ta với tôi, vĩnh viễn. Nhưng một phần rất nhỏ của anh đã mãi mãi ăn nhập vào trong da-thịt tôi. Tôi chỉ việc ấn đầu ngón tay chỗ của tôi là tôi cảm ngay thấy sự có mặt của anh. Và lúc đó tôi sẽ nói : “ Chào anh !”. Nhìn đầu ngón tay tôi, tôi thấy qua làn da một vết trắng lợt. Đó là người quen thuộc của tôi, dấu-hiệu kín đáo của người đồng loại tôi trong dathịt của tôi.

Năm tháng trôi qua và chiến-tranh rút cuộc cũng hết, nếu tôi dám nói như vậy. Những kỷ niệm bắt đầu phai-lạt, nhưng mảnh xương nhỏ vẫn còn nguyên trong da thịt của tôi, như một dấu hiệu, một nhân-chứng và một lời khuyên-cáo.

Bây giờ nó vẫn còn đó. Một đôi khi, như khi tiết trời thay đổi, nó lại nhắc nhở tôi bằng một cảm giác nhẹ nhẹ, không hẳn là một cảm giác đau đớn. Cũng có khi tôi không cảm thấy nó nữa trong một thời gian rất lâu và tôi lấy làm lo ngại, lo ngại bởi vì khi đó tôi có cảm tưởng là tôi, người làm chứng, tôi, là người đã tuyên thệ phụng sự những người đã chết của tôi, tôi cũng có thể quên được trong giây-lát chiến tranh.

Ít lâu nay, ít tháng nay có lẽ, tôi lại nghe thấy, thúc giục hơn^o tha-thiết hơn, tiếng kêu gọi ấy của con người vô danh, tiếng kêu gọi trong chính da-thịt của tôi.

Đức Vân

(Cánh tay người thương-binh)

Trần Hoài Thư

CÂU CHUYỆN MỘT MÙA XUÂN

(Văn học 85)

Từ con phà nổ máy qua sông, tôi nhìn thành phố mà cả hai năm tôi chưa một lần về lại. Buổi chiều đã sắp dứt, ở đầu chợ, những bóng người loang mờ và những bóng thuyền hiu quạnh trên dòng nước. Đây là chuyến phà cuối cùng của một ngày. Tôi ngồi cạnh Lộc. Hẳn nguyên là một hạ sĩ quan trước kia ở trung đội tôi. Tôi kể về những ngày hấn rời đơn vị, những ngày máu và nước mắt dầm dề trên những ngọn tháp trên những ngôi làng chúng tôi đã trải những chuyến hành quân. Có những người vĩnh viễn nằm xuống có những người tật nguyền nằm chờ lãnh lương cũng có những kẻ may mắn còn sống như tôi. Cả hai đã ôm choàng lấy nhau, mà mừng muốn khóc. Lộc nói với tôi :

- Thấy anh về em mừng quá,,,

Tôi cũng nói lại:

- Tao cũng không ngờ gặp lại mày..Bây giờ mạng người như bèo bot. Chập nữa về với tao nhậu 1 chầu. Khó gặp nhau lại lắm.

Lộc kể những bi đát khi hấn về đơn vị mới. Đêm ngày chỉ hứng đạn hỏa tiễn, súng cối. Đêm ngày chỉ nằm trong hầm trong hố. Hấn nói: em biết em xin về đây là đại. Nhưng tất cả đều vì gia đình. Ngừng một lát hấn châm thêm điếu thuốc. Lửa về cùng với em, trung úy H, đã bị cưa chân. Trung sĩ Đ đã bị thương hiện nằm bệnh viện dã chiến. Đ. Có gởi lời thăm anh.

Tôi cười, cười lớn, cười rung chuyển mà tưởng âm vang của mình làm xao động mặt nước.

Tiếng nổ đều đều của con phà, sông xanh lơ, và thỉnh thoảng vài chiếc ghe bồng bênh giữa giòng, mũi phà làm rẽ nước, sóng nhấp nhô... Tôi như bị chìm đắm trong một cảm giác lâng lâng khó tả. Tôi thấy mình bồng bồng cùng con mơi:

*Những chuyến phà chở anh về thành phố
Có chuyến nào anh mong được gặp em....?*

Con phà của một ngày xa xưa, con phà chở những tình lưu luyến. Mùa xuân nào đó tôi đã ngồi trên chiếc băng để ngắm hoàng hôn, đốt những điều thuốc chờ đợi người yêu từ phố chợ hay những ngày tôi hồi hộp đợi một tà áo ở đầu cổng trường. Chốc nữa em sẽ xuống bến. Đôi guốc xinh xắn gõ nhẹ trên boong hay tình nghịch đùa cùng bọt nước. Chốc nữa em sẽ ngồi trong số những người trở về đó, sẽ ngồi nhìn xuống, với những sợi tóc quăn rũ hay xoa trên mặt và tôi tha thiết van lơn đôi mắt em, gương mặt em. Nhưng tôi sẽ không bao giờ dám hé miệng. Chuyến phà đã chở tình yêu đầu của tôi ra biển và bây giờ tôi đang trở lại từ một vùng xa xôi ký ức. Ở những gương mặt này, tôi trở lại, tôi đã làm quen, sao tôi còn e ngại. Những người đàn bà đi chợ về muộn, những người bán buôn một chuyến xa, hay một vài cô học trò, hay một vài cậu học trò quần xanh áo trắng. Tất cả đều nhìn về đâu, khi con phà lạnh lùng chạy trên dòng nước. Tôi hút thêm một điều thuốc. Điều này là điều hong con nhớ, em ơi. ...

Tôi trở về nhìn căn nhà đã bị sụp đổ. Ba tôi nói, số nhà mình phúc đức, ông bà phù hộ, nên cả gia đình đều bình yên; ngay cả con. Phải, ngay cả con nữa. Tôi mở nút áo vạch chiếc ngực gầy lép để cho cả nhà xem mảnh vú đã bị đạn cắt bớt. Quà mùa xuân của con đây, con mang về tô điểm thêm những nỗi khốn khổ của ba, của anh của chị, của mấy cháu. Mùa xuân thẳng con giang hồ trở lại, uống những giọt nước mắt mừng vui hay khốn khổ này? Phải khốn khổ gấp trăm nghìn lần hơn thế nữa.

Tôi đã trở về để đốt hàng giờ trong một quán chợ. Những ly cà phê hay những ly nhìn nhận lạc loài. Ở đầu đường này, ở cuối đường này, ở giữa đường này, tôi đã ngưng chờ một điều

gì chẳng biết. Dăm ba thằng bạn, trở về ngồi ở bên cạnh. ôi nói với lý cà phê, với chiếc bàn với bầu không khí quay cuồng nhưng buồn nản. Tôi nói với thành phố, lờ lói, què quặt. Tôi nói với từng điều thuốc tiếp nhau trên môi, từng làn khói lạc hao gây chờ đợi. Tôi đã trở về, từ cửa Đông Ba, qua cửa Tây Lộc, từ con phố dài đến một ngõ hẻm tăm tối. Tôi đã trở về trên chiếc cầu nằm ngủ và một chiếc cầu vừa mới vá vúi. Tôi đã tìm kiếm từng ngôi nhà thân thuộc, từng con đường thân yêu. Ba tôi vẫn lúc nào cũng vậy. Ông sợ. Tôi nghiệp cho thân già. Ban đêm cả nhà vẫn chui rúc trong hầm trú ẩn. Ban đêm tôi vẫn đạp xe đạp đi tìm một ngôi nhà khác để ngủ nhờ. Tôi về, thật xa lạ và lạnh lùng. Tôi đã dấu mặt khi trở qua trở lại những cổng nhà đồ nát. Tôi đã dấu mặt không dám nhìn một gương mặt thân quen.

Tôi đã trở về với vốn liếng đời sống là một cây khô héo, sây sưa. Ban đêm, tôi sẽ đi ngủ với vàng cùng một con điểm trên một chiếc đồ lắc lư. Tuổi trẻ nhảm chán nhưng chất ứ buồn rầu. Làm sao, làm sao?

Sau những lần gói mời tàn cuộc vui...

Tôi đã đứng dựa lưng vào một cột đèn xiêu vẹo. Mưa nhẹ nhàng hắt trên da mặt lạnh ngắt. Một điệu kèn từ rạp xi nê vang lên xoáy vào hư không, có cuộc vui nào nữa không, để tôi còn thêm một giờ quên lãng. Bên tê sông, thành phố cúi xuống, âm thầm với những ánh đèn. Tôi đã trở về, bởi người cha khốn khổ, người mẹ xa xôi biệt tích, những người quen, người chị và cả thành phố thê thảm thế này.

*

Lát nữa tôi sẽ gõ cánh cửa. Cánh cửa đen đầy những lỗ đạn. Tôi sẽ gõ năm tiếng. Ba ơi, mở cửa. Rồi tiếng động âm thầm cộc lốc sau đó. Rồi tiếng cầu nhau: mày là thằng du thủ. Tôi đã đợi chờ những công việc nhảm chán mỗi một như đợi chờ một thông lệ. Tôi bỏ ngay ý định vào cổng và chân tự do bước trên con đường nhựa đầy ánh đèn vàng ủa. Đêm gõ từng nhịp trên gót giày trần. Tôi qua ngôi nhà em. Tôi đã trở về rồi đó em. Thằng du thủ mất dạy đã về rồi đó em. Thằng công danh học hành dốt nát đã về rồi đó em. Thằng chết đi sống lại đã về rồi đó em. Thằng mang huy chương chiến thắng về rồi đó em...

Thằng thất tình đã trở về rồi đó em. Có phải em còn ngồi bên khung cửa xõa mái tóc như con hồ ly tinh. Có phải em còn ngồi, cúi mặt xuống như một nữ tu ngoan ngoãn. Con đường qua nhà em, con đường tối om hun hút. Tôi nghe tiếng giọt mưa đổ từ những lá cành, trên vai tôi. Hàng dâu đó, ngăn cách hai phương trời mỗi mòn tha thiết. Con đường đó dẫn tôi lại, chạy qua bao mái nhà để bây giờ tôi vẫn không nhận ra nổi bộ mặt khô cằn, xiêu đổ loét lở, đã đón chào tôi trở về. Tôi trở về thăm em. Em cũng chẳng bao giờ hiểu cho tôi. Cả thành phố này cũng chẳng bao giờ hiểu cho tôi. Ngày Tết em có chạy nạn không. Có sống chui sống lủi, có nhìn chiến tranh tận mắt không? Tôi ở phương xa, trên giường bệnh, đau đớn ôm vết thương, và khóc cho một sự tan vỡ ở quê nhà và tin rằng em sẽ càng hiểu cho tôi hơn. Du thủ, ba tôi vẫn bảo. Không ngày mai, cha mẹ em vẫn bảo. Bốc đồng. Những thằng bạn vẫn bảo. Còn em, em sẽ bảo tôi là gì.

Tôi đã trở về rồi. Mai đây sẽ lại qua quán cà phê bên bờ sông để nhìn lại một dãy phố. Mai đây sẽ gặp lại những gương mặt xa lạ hay quen thuộc, rồi còn gì để làm nữa. Một bờ thành, một cột cờ một cung điện hay sẽ đứng hàng xoan hàng sứ bông trắng mượt để nhìn một cặp trai gái cười khúc khích, ôm nhau đứng dưới một bờ thành đổ nát. Còn gì nữa. Có nghĩa là hết nhưng có nghĩa sẽ là còn, còn trong một đêm buồn ghê gớm này.

(Văn học 85)

SÔNG THAI

Nguyễn Tuân sau ba mươi năm cầm bút

(nguồn: Giai phẩm Văn học chủ đề viết về Nguyễn Tuân)

L. T. S (VH) . Bài này đã được đăng trong Văn học số ra tháng 8-1963 dưới nhan đề “ Nói về Nguyễn Tuân, từ Vang bóng một thời tới Sông Đà nhân dịp nhà Cảo Thơm tái bản Vang bóng một thời.” Nay, do lời yêu cầu của tòa soạn, tác giả đã sửa chữa và bổ sung thêm một ít chất liệu mới đăng phù hợp với chủ đề của số báo này và cũng là đóng góp thêm vào việc tìm hiểu chính xác một nhà tùy bút ưu tú nhất của nền văn học hiện tại nước ta.

NGUYỄN TUÂN VÀ TÁC PHẨM TRƯỚC 1954

Có những văn nghệ sĩ, trong suốt cả cuộc đời, chỉ cần một tác phẩm xuất sắc là đủ chiếm một địa-vị rực rỡ và tên tuổi của họ được ghi đậm nét trong lịch-sử Văn-học. Đó cũng là trường hợp Nguyễn Tuân với VANG BÓNG MỘT THỜI.

Viết về Nguyễn Tuân - hầu hết các nhà phê bình đều nhất trí nhận định rằng ông là một nhà tùy bút thâm niên, thành thạo, có một cá tính sắc sảo và một phong cách độc đáo nhất trong làng Văn.

Quả vậy, trong văn học hiện đại Việt Nam, có lẽ Nguyễn Tuân là người đầu tiên dùng đến thể tùy bút và cũng nhờ ông, thể loại tùy bút ngày càng phát triển và được nâng lên một bước mới cơ hồ tạo thành một thứ tùy bút tiểu thuyết. Đặc biệt, Nguyễn Tuân lại có một giọng văn khinh bạc, tài hoa, một ngòi bút trữ tình lai lãng, rất thuận tiện cho việc mượn ngoại cảnh để gói gắm tâm tư của mình cũng như dễ dàng biểu hiện cái tâm trạng bất khoan, chán ngấy, bi quan, thứ tâm trạng

điển hình của giai cấp trí thức tiểu tư sản trước cuộc sống bế tắc và cảnh trời ngột ngạt dưới chế độ xưa.

Mặt khác, dưới chế độ thực phong xưa, nếu như có những nghệ sĩ đã tìm về quá khứ vàng son để rồi ngất lịm trong những “thú đau thương”, thì Nguyễn Tuân đã đi vào dĩ vãng với thái độ của một lữ khách đi tìm những cảm giác lạ, những cái đẹp nghệ thuật, như Vũ Ngọc Phan đã nói: “*Đọc VANG BÓNG MỘT THỜI của Nguyễn Tuân, chúng ta có cảm tưởng như ngắm những bức tranh cổ, như một nhà nho theo chủ nghĩa tả thực mỹ thuật.*” (réalisme pittoresque). Thái độ ấy, đối với chúng ta ngày nay, cũng cần được cảm thông sâu sắc. Một đặc điểm nổi bật khác của con người Nguyễn Tuân mà không một nhà nghiên cứu phê bình văn học nào không nhận là tác giả VANG BÓNG MỘT THỜI là người có một đời sống nội tâm rất phong phú, nhưng lại hay tỏ ra hoài nghi, dao động; một trí óc thông minh, hiểu biết sâu sắc về cuộc đời, về lòng người; một khiếu quan sát rất tinh vi, tế nhị cộng với những giác quan rất nhạy bén. Ông lại hay la cà, tỉ mỉ, lẩn thẩn, ham đọc, ham chơi, thích đi sâu vào chi tiết của sự vật, ngõ ngách của lòng người. Cho nên người ta không lấy làm lạ rằng có những điều mà nhiều người chưa được biết, ông đã phát hiện ra trước tiên hoặc có những cái rất bình thường nhưng dưới ngòi bút của ông đã thành ra to chuyện. Hay nói cách khác, ông đã biết “*lấy một tia sáng nhỏ rồi từ đó cho thấy bùng lên.*” Về sau này, chính Nguyễn Tuân cũng đã tự nhận rằng trước kia ông đã sống tuyệt đối bằng cảm tính, chỉ dựa hoàn toàn vào những cảm xúc bản năng và phản ứng tình cảm để đánh giá cái tốt, cái xấu, cái thiện, cái ác. Cũng trong một bản tự phê (1). Nguyễn Tuân đã bộc lộ “*Trước kia tôi là người của thuyết hư vô và nhiều lúc đã quan niệm rằng người trí thức chân chính là người phải hoài nghi tất cả.*” Thật ra, trước đó hơn mười năm, nhà phê bình Nguyễn Ngọc Phan cũng đã thấy rằng Nguyễn Tuân “*có khuynh hướng về chủ nghĩa vật chất và gần như muốn tin ở cái ma lực ở bản năng*” (2)

Về sự nghiệp của Nguyễn Tuân, không những *Vang bóng một thời*, tác phẩm đầu tay của ông (1940) là một văn phẩm gần tới sự toàn thiện, toàn mỹ (3) mà còn là một chứng từ chính xác,

súc tích về một nhà văn lấy sự phát triển bản năng làm lẽ sống cho đời mình.

Nội dung chủ yếu của “Vang bóng một thời” phản ánh một cách có hệ thống những sinh hoạt tinh thần của lớp người phong kiến đã tàn tạ, lớp nhà nho mà cuộc đời đã tới giai đoạn xế chiều : một gia đình án sát sa sút trong loạn lạc, một viên tướng cờ đen oai phong lẫm liệt nay làm nghề địa lý, có một nếp sống khá ly kỳ: *“Hai móng tay út lá lau của y luôn luôn phải rửa bằng chanh, mỗi ngày hai bữa rượu và mỗi phiên chợ lại một bữa thuốc phiện”*, một cụ thượng Nam-Ninh về về trí-sĩ, một cụ ẩm sáng nào cũng uống trà và mỗi lần uống xong lại bắt người trưởng nam giở tập Cổ Văn ra bình lại mấy bài “Trà ca” của Lư Đông; một ông phủ già, góa vợ, chết con về hưu làm nghề thả thơ ; một cụ kỹ *“nguyện đem cái quãng đời xế chiều của một nhà nho để phụng sự lũ hoa thom cỏ quý gọi là kiếm một công việc nhàn nhã cho quãng chót một kiếp dư sinh”*. Tóm lại, viết Vang bóng một thời, Nguyễn Tuân làm việc của một người đi khơi lại đồng tro tàn của dĩ vãng để tìm cái đẹp, cái vui trong những *“bữa tiệc dầu lâu”*, bữa tiệc *“Hương cuối”*, trong những cuộc *“Đánh thơ”*, trong những *“Chén trà trong sương sớm”*, *“Những chiếc ấm đất”*, những *“Chữ người tử tù”*, tất cả những nét đẹp xưa đã mất hút.

Ngòi bút ưu tú, dí dỏm của Nguyễn Tuân đã dồn cả linh hồn vào việc chất chiu, gạn lọc những nét đẹp trong lúc biểu hiện cuộc sống, vì thế nên những nhân vật trong tác phẩm đầu tay của ông cũng có những cá tính và phong cách đặc biệt của họ. Loại nhân vật thứ nhất là những ông phủ, ông nghề, ông thượng, ông ẩm. Họ không phải là lớp quan lại hám danh lợi, lớp người tiêu biểu cho giai cấp phong kiến hào cường mà chính là những kẻ biết sống thanh cao, ưa nhàn hạ, biết hưởng thụ, nhấm nháp một cách khá trịnh trọng. Trong nếp sống cầu kỳ của họ, Nguyễn Tuân đã bắt gặp những cái đẹp khả ái. Đây là một cụ ẩm thích uống trà trong sương lạnh buổi sáng và chưa bao giờ ông già này dám cầu thả trong cái thú chơi thanh đạm này. Pha cho mình cũng như pha trà mời khách, cụ ẩm đã đặt vào đây bao nhiêu công phu, những công phu đó đã trở nên lẽ nghi, và, *“nếu trong ấm trà pha ngon, người ta chịu nhận thấy một chút mùi thơ và một tí triết lý và tâm lý”*; kia là

một cụ ký đã trút cả quãng đời tuổi tác của mình vào việc chăm sóc một vườn hoa quý. Cụ thường nói: *“Người chơi hoa nhiều khi phải lấy cái chí thành, chí tình ra mà đối đãi với cả đến cái đẹp không bao giờ lên tiếng nói. Như thế mới phải đạo, đạo của người tài tử”*.

Loại nhân vật thứ hai được tác giả triu mến là một số giang hồ lãng tử, phiêu bạt đó đây, đóng vai trò *“nghệ sĩ”* trước cuộc đời. Đây cũng là loại người hiện thân cho niềm khát vọng xê dịch của Nguyễn Tuân. Trong cuộc sống lang thang của họ, Nguyễn Tuân cũng thấy một cái gì đáng nâng niu, một lối thoát thỏa đáng trước cuộc sống bế tắc của xã hội nói chung, Phó Sứ và Mộng Liên là một đôi tài tử đã lê chân khắp một giải Trung Kỳ để làm nghề đánh thơ. Mỗi tuần trăng, cặp tài tử này có mặt ở một tỉnh. Cuộc đời họ bèo bọt trôi giạt khắp nơi và cuối cùng, người chồng nghệ sĩ kia đã phải nhắm mắt già biệt thế gian ở cái chân đèo Ngang trên con đường vô định. Cả hai đều mang nặng một tâm hồn lãng tử. Lối sống của họ cũng chịu ảnh hưởng khá nhiều của nhân sinh quan Lão Trang: Ông sống *“cuộc đời hình như người ta chơi vậy thôi”*. Quả là một người không có lấy một giây phút trịnh trọng đối với nhân sinh: *“Cái hành trang của người nghệ sĩ không chịu sống cho người khác và hòa theo với những người chung quanh thực khó mà dò hỏi.”* Tiếp đến phó Sứ và cử Hai chính là tiền thân của anh chàng Nguyễn *“Thiếu quê hương”* đã trút cả cuộc đời mình vào địa dư của trái đất và luôn luôn thêm đi để hưởng thụ thật nhiều cái *“bất thành linh và mọi cái không chờ đợi.”*

Qua những loại người khác nhau, Nguyễn Tuân trước sau cũng tìm thấy ở họ những nét đẹp của nghệ thuật, ngay cả trong những lối sống khá lập dị, câu kỳ. Ở đâu và bao giờ Nguyễn Tuân cũng tìm thấy cái đẹp nên đôi khi cái đẹp của ông xuất hiện vào những trường hợp khá oái oăm, và tàn nhẫn: Đó là cái đẹp của nghệ thuật ném bút chì, cái đẹp của những dòng chữ của một người tử tù, cái đẹp của nghệ thuật chém treo ngành rất ngọt.

Tóm lại, qua *“Vang bóng một thời”*, người đọc đã thấy Nguyễn Tuân đã dựng lại một hình ảnh thời đại đã chìm khuất

trong những bức tranh cổ bằng những màu sắc, đường nét rất đậm đà. Nguyễn Tuân đã đưa người đọc tìm về với những gì khả ái của dân tộc mà những biến chuyển của thời đại đã che mất. Thấp thoáng sau cái không khí cổ kính của tác phẩm, vẫn là nhân vật có một phẩm chất cao quý - một viên quan coi ngục, một người tử tù viết chữ đẹp, một cô tú tần tảo nuôi em ăn học – và một vài phong tục, tập quán rất gần gũi chúng ta như uống trà, chơi chữ, chơi đèn kéo quân, đáng cho chúng ta trân trọng nâng niu.

Hoài niệm dĩ vãng và ham muốn xê dịch chính là đặc điểm của Nguyễn Tuân. Như trên đã phân tích, sống giữa xã hội thực dân bán phong kiến ngột ngạt và tù túng, cái thú thích được xê dịch chính là thái độ phản ứng tiêu cực của những người bất lực. Đối với họ, xê dịch còn có nghĩa như một phương tiện giải thoát. Đặc biệt, Nguyễn Tuân quan niệm việc xê dịch như một lễ sống thiêng liêng. Ngay những năm đầu bước vào nghề, ông đã chủ trương “*Đi để viết*” vì “*chỉ có đời sống rộng rãi mới dạy cho con người ta viết được những câu đẹp đẽ. Và ở một người, viết văn để yêu sống, để tìm nhân loại, để tìm mình trong nhân loại, để được thấy nhân loại trong mình, cái phòng làm việc của người ấy đặt ngay giữa cuộc đời. Tấm lòng kẻ sĩ ở giữa cuộc sống muôn hình đã đủ là một cái thư viện rồi.*” (4)

Nguyễn Tuân “*nguyện đem cả một kiếp sống để phụng sự xê dịch*” (5) vì theo ông: “*không gì thiết thời bằng trung thành với một chỗ ở*”, (6). Và cũng theo Nguyễn Tuân thì “*muốn đi đâu thì đi, miễn là đừng ở mãi chốn này. Phải thay đổi*” (7). Ông nghiện xê dịch đến độ không những muốn được đi trong lúc sống mà còn muốn được đi cả sau khi chết : “*Ta muốn sau khi chết, người đời thuộc da ta làm va li*” (8). Ông còn đưa ra nhiều lý do khác để biện minh cho cái sở thích nay đây mai đó của ông ; nào là “*vì số tử vi có sao thiên mã cư mệnh*”, nào là “*vì sản nghiệp tinh thần di truyền do tổ phụ lưu lại*” nào là vì “*ở đây nhiều người trong chỗ cổ giao đã chán tôi lắm và tôi cũng đã lấy làm ngán nhiều cho vô khối người trong cái đám tri kỷ rồi*” , (9). Một dịp khác, ông tuyên bố: “*Trong cuộc thi đường trường, của rơi kia buồn rầu một khi*

hắn đến đích” và trích như một thái độ ủng hộ lập trường của ông: “ Mais les vrais voyageurs sont ceux-là seuls qui partent pour partir”, (Chỉ những kẻ đi để đi mới là những nhà du lịch chân chính).

Nếu như ngày xưa, gót chân lãng tử của Nguyễn Du, trong hàng chục năm, chỉ xê dịch trong cái trục giao thông Vinh - Thanh Hóa – Hà Nội, thì từ sau ngày toàn quốc kháng chiến chống Pháp, hoàn cảnh lịch sử đã làm cho ông thỏa mộng sông hồ một phần nào. Cũng như phần đông văn nghệ sĩ yêu nước, Nguyễn Tuân đã chuyển mình đứng dậy, từ bỏ cái tôi bé nhỏ để hòa mình vào cái ta lớn lao của dân tộc. Ông vác ba lô lên đường vào tận mặt trận Tuy Hòa. Ngoài giờ công tác, ông say sưa với cái thú “*ngày ngày ăn vả thịt công bắn được, nói truyện rồi lại đánh cờ với anh Đại đội trưởng*” hoặc thỉnh thoảng “*uống một chén cà phê nóng sau những ngày hành quân*”. Từ Khu V, Nguyễn Tuân lại mang ba lô trở ra Khu VI tham gia vào một đoàn kịch tuyên-truyền lưu-động. Những ngày tháng sống ở Nghệ An, trong lúc đó đây vắng tiếng đại bác, cốt mìn, hoặc khói lửa ngùn ngụt bốc cháy từ một thôn ấp hẻo lánh, Nguyễn Tuân vẫn bình thản, ung-dung nhắc đến cức “*đại đóa*” hoa “*lay on*”, hoặc nói đến cái “*gió Lào*” bằng một giọng văn rất mực tài-hoa son trẻ và rất tự do hòa bình :

“ Tháng Tư âm lịch, gió Lào đêm ngày nổi tiếp kêu gào. Có lúc gió rống lên như đàn chó già sủa bóng. Bị lực địa xua rượt từ Trảng Sơn thốc ra bể Đông gió chạy một chiều rất nhanh, rất bạo, qua một cái tỉnh vắng rộng.

- Khí trời ong ồng, khí người ráo kiệt. Chao ôi! Còn thứ giống đực giống cái nào dám nghĩ đến nhau lúc gió Lào đang về này!. Thật chỉ là một nỗi khát nước vô cùng tận, nó mê sáng, khổ đau gấp bội lúc bị trúng đạn máu ra nhiều. Giờ đang cấp bức lên đường, đang chui bừa qua những dãy phố gạch không một cái nào còn cửa mà ngăn mà đóng ! Một đàn bướm trắng xập xòe trên cái tay chới thắm của cánh son cánh phượng, không rõ từ đâu hiện ra, cánh bướm do dự trên đầu mình, trên tầm mình bay không môi và cả đàn lấp lánh, nhấp nháy giống hệt chất đũa-ra tàu bay. Đàn bướm môi dò dẫm đặt chân lên lưng gió Lào, nhưng gió trơn, gió lẩn mạnh quá, đàn bướm trắng liền nhào vào một toa xe lửa chỉ còn vón vện có

khung hoa sắt nằm tênh hênh bên đồng đá trước kia là đường thiết lộ” (10)

Từ khu IV, Nguyễn Tuân lại khoác ba lô ra khu III, lên Việt Bắc. Nơi đây lạ cảnh lạ người, cái khiếu quan sát của ông lại có dịp phát triển, như khi “qua suối” ông lần thân nhìn “*thấy hiện ra một người đàn bà Thái nà dòng váy nhề nhãi nước suối, không phân biệt được đường viền ngũ sắc mép xiêm đúng là màu cầu vòng gì, bên hông thông xuống một lẳng rêu mượt*” hoặc giác quan ông được kích thích đến tột độ trước cảnh đẹp thiên nhiên hùng vĩ: “*Ngày lại ngày, sớm đi chiều ngừng, chân tôi cộng những cây số, cộng những giờ đi rừng, cho tôi một lúc không thềm đếm nữa. Kể cũng đã khá thời gian và cũng đã nhiều không gian Việt-Bắc. Nhưng tôi vẫn không thoát được núi rừng. Tôi vẫn là người tù của thung lũng. Tôi lúng túng bé nhỏ trong những lòng chảo bậc thang. Mặt trời chỉ còn mọc và lặn trong thói quen của kỷ ức tôi... Ở đây xanh đến phát bức lên được. Cây xanh, lá xanh, đá xanh, đất xanh, quần áo lam xanh, da bệnh xanh, và gặp ngày phiên thì cả cái chợ ấy cũng xanh um một màu chàm, Đi sâu vào núi rừng chỗ cao chót vót có những điểm trắng lốm đốm nhà Mán nó làm cho mắt tôi được đổi món. Ở đây xanh mãi, xanh vĩnh viễn, xanh tất cả, chỉ có lửa lớn đốt rừng làm rẫy mới thỉnh-thoảng đổi màu sắc đi đôi chút.*” (11)

Suốt gần chín năm chống Pháp Nguyễn Tuân đã có mặt trong hầu hết các vị trí kháng chiến. Khi thì trà trộn vào đám người buôn lậu ở Đồng-Quan, Cống Thần, những nơi mà ông cho rằng “*cọ chạm với nhiều thứ tâm lý tiêu cực của thời đại*”. Rõ ràng là ông đã được chứng kiến đủ các nếp sinh-hoạt của mọi tầng lớp nhân dân nhờ những chuyến ngược xuôi đó đây : “*Thuyền tôi qua cầu Bồ, thuyền tôi qua quán Bồng, thuyền tôi trôi xuống cống Đồng-Quan - tôi là khách lạc điệu giữa một chuyến đò đông – Khoang đò chật thê mà cũng có người có cời được cái vảy ra để bán buôn cho người khác vừa ăn giá xong. Vảy rộng đúng bảy bức. Sột sệt thứ vải đen Mỹ rộng thước một Tây. Dép bán, váy bán, đèn pin bán, người đàn bà mặc quần lót ấy còn bán những gì nữa ?!!!”* (12)

Nếu như dưới chế độ Pháp-thuộc, hoàn cảnh o ép đã khiến

Nguyễn -Tuân trở nên khinh-bạc, phóng túng hình-hài thì ngay từ sau ngày kháng-chiến toàn quốc bùng nổ, tâm hồn ông trở nên bình dị và giọng văn cũng âm-áp, đôn-hậu hơn, Nhất là đối với các trẻ nhỏ, tiếng nói của ông rất đỗi trêu mếu như một lời ru hiền hòa: " *Tôi muốn ôm các em vào lòng mà thủ-thỉ: Rồi đây trường kỳ kháng chiến sẽ lấy mất của các em những cái gì là thân nhất của ấu thơ. Các em, rất có thể lắm, sẽ lạc mất cả cha mẹ. Mất cha mẹ, anh em nhưng không nô - lệ và rồi các em sẽ được trưởng thành trong độc lập của dân tộc*" (13)

Người ta vốn biết Nguyễn-Tuân là một nhà văn chủ quan hạng nặng. Ông thường nhìn ngắm, ghi chép cảnh vật qua cái màn sương tâm tình. Những khi ông quan sát hiện thực bên ngoài cũng chỉ là để chú ý đến tâm tình của người hay cảnh mà thôi. Có lần ông đã đưa phương châm sáng tác đó ra phổ biến như một kinh nghiệm quý báu: " *Tôi đã có được ít nhiều kinh-nghiệm về việc sống, tài liệu sáng tác vào những dịp theo đơn-vị đi nhỏ các đồn. Cái chính không phải là đi xem đánh đồn và vào cái đồn cháy cho nó thỏa thích hiếu kỳ của mình. Cái quý giá nhất về tài liệu mỗi đồn đánh là ở chỗ không khí chuẩn bị cho trận đánh và sắc thái sinh-hoạt của dân chúng quanh cứ điểm. Sau trận đánh, trước trận đánh, và nhất là cái phân phối hợp giữa quân và dân chính giữa lúc đánh. Nếu không nhận kỹ mấy điểm căn-bản này thì theo đơn-vị đi dự rất nhiều lần đánh, sự thu-thập tài-liệu cũng không tiến được mấy. Cái đồn cháy nào mà chẳng có súng nổ. Cả hai phía và bao giờ mà chẳng có khói lửa nghi-ngút cùng tiếng reo hò*"

(14)

Nhà văn chủ quan Nguyễn-Tuân lại là một nghệ sĩ, một thi sĩ. Vì thế, bao giờ và ở đâu ông cũng không thể bỏ qua những hiện tượng có thể gây xúc-cảm. Chỉ một cái bánh sứt ô-tô oằn lên ông cũng thấy giống như một cái bánh đa ướt. Ở rừng, ông chú ý đến *nấm than, nấm mối* mọc lên sau kỳ mưa. Giữa chiến dịch, ông nói chuyện " *câu được một con giải to gần bằng cái nong, thịt giải ngon, ăn uống ròng-rã ba ngày, vui quá.*". Mùa Xuân đến, ông nhớ tới chuyện bẻ lộc, bàn tán về hoa đào v.v... Do những suy-nghĩ chủ quan, ông lại thường gán cho người khác tâm tình của mình. Trong bài "sau đêm 19 tháng Chạp", có đoạn ông viết: " *Giăng tháng Chạp trong sáng như giăng*

đêm hè. Lặng lẽ bên chiến-lũy, người chiến sĩ bồn-chồn lấy cái lưỡi lê đâm vào mặt trăng in rõ nơi vũng nước đọng hầm đào” (Tù bút kháng chiến). Cũng do cái bệnh ham mê thanh sắc ưa ngắm nghía cái đẹp hình thức nên đôi khi Nguyễn Tuân chợt thấy khoái cảm trước một hiện tượng chẳng lấy gì là thơ mộng. Chẳng hạn có lần ông đã thi vị hóa một cái nhìn đã lỗi thời: *“Cô bé bị hãm hại rực tươi những loang lổ nằm gọn như lá đông hồng”* hoặc dưới mắt ông, trái tim rách nát của một du kích quân bị giặc mổ bụng trông lại thấy đẹp : *“Một quả tim dân quân bị hy sinh nằm trên bụi dứa khuất nẻo lại giống như một củ thủy tiên nấu hẹ của ngày khai hạ”* (Đường Vui).

NGUYỄN TUÂN VÀ TÁC PHẨM SAU ĐẤT NƯỚC CHIA ĐÔI

Dù con người cũ thỉnh thoảng có thức dậy trong bản thân Nguyễn Tuân song nói chung, vào những năm đầu kháng chiến, khả năng của ông vẫn không bị thui chột và nhất là đời sống tinh thần của họ Nguyễn lại trở nên lành mạnh hơn theo nhịp trống chống xâm lăng.

Phải đợi cho tới ngày tiếng súng kháng chiến toàn quốc ngừng nổ, Nguyễn Tuân mới bắt đầu đi vào bước ngoặt của đời mình. Nếu hiệp nghị Genève đã phủ xuống nhân dân miền Bắc một màu tang thê lương thì đồng thời cũng đã xô đẩy văn nghệ sĩ bên kia vĩ tuyến I7 vào con đường sa lầy, tắc nghẽn như mọi người đã thấy rõ.

Ngay sau khi tiếp quản Hà nội, chính quyền Hà nội miền Bắc đã khôn khéo o bế, mua chuộc các văn nghệ sĩ tiền chiến (*Mất một giòng*)... Nguyễn Tuân thuộc vào giai cấp lãnh đạo văn nghệ, tức là thành phần *“trịnh trọng thất cà vật đồ, đi giày da vàng, đọc đít-cua và nhóm nhoàm ăn tiệc rồi lại xách va li đi đó đi đây”* (16) Trong hai năm hòa bình, họ là những *“nhà văn có khi bị buộc chặc vào địa vị bằng những sợi lụa có tẩm thuốc độc”* và *“tác phẩm của họ ngày nay chỉ là chỉ thị, kế hoạch, công văn”* (17). Nguyễn Tuân được cử vào phái đoàn đi dự hội nghị tại Helsinki. Trở về Hà nội ông viết tù bút *“Phở”* cho đăng trên tuần báo Văn (số ra ngày 10-5 và 17-5-1957). Ở đây, Nguyễn Tuân lại có dịp uly thác tâm tình của

mình, cái tâm tình tha thiết với quê hương, gắn bó với những phong vị đặc sắc của giang sơn. Thế nhưng bài tùy bút này đã không làm hài lòng giới lãnh đạo vì họ cho rằng nội dung chẳng có tác dụng phục vụ gì cả. Đoạn văn tiêu biểu nhất cho sự suy nghĩ đậm thâm và ngòi bút óng ánh mượt mà của tác giả như *“Trong một giọt nước rơi lóng lánh có cả câu chuyện của vầng thái dương, trong một miếng ăn cũng thấy rộng được ra những điều cao cả ; yên vui trên đất nước bao la, giàu có, tươi đẹp. Tôi thấy tổ quốc ta có núi cao vời vợi, điệp điệp, có sông dài dằng dặc, có biển bờ thăm thẳm, có những con người Việt Nam xây đắp lịch sử, quang vinh, có những công trình lao động thần thánh như chiến thắng Điện Biên, nhưng bên cạnh những cái đó, tôi biết rằng tổ quốc tôi còn có phở nữa”* cũng bị gán ghép cho là những tình cảm vụn vặt, tiểu tư sản và ngạo mạn dám đặt phở lên ngang hàng với đảng. Thái độ phê phán trịch thượng và máy móc ấy được cụ thể hóa trong bài xã luận của Thế Toàn nhan đề *“Tuần báo Văn và con người thời đại”* đăng trên tạp chí Học Tập, cơ quan lí luận của Trung Ương đảng (18) không những khiến cho Nguyễn Tuân bất mãn mà còn thúc đẩy cả một số nhà văn khác đứng vào thế đối lập với lãnh đạo. Đại diện cho những nhà văn chống đối này là Nguyên Hồng. Trong một bài bình vực cho tùy bút Phở, Nguyên Hồng đã viết một cách nhiệt tình : *“Một ngòi bút cách đây 15 năm với những Chiếc lư đồng mắt cua, Nguyễn đã làm người đọc rợn hết cả tâm trí lên vì những ê chề rũ rượi quần quai, đầy đập của một tâm trạng bế tắc trong lòng một chế độ ngọt ngạt đến cùng tột, giờ tha thiết tin yêu, hết lời ca ngợi một hương vị của tổ quốc : phở. Cũng từ những sự việc, cũng là những suy nghĩ, cũng là kiểu nói của Nguyễn nhưng cả một say sưa và niềm tin lấp loáng trên trang giấy – Hương vị phở vẫn như xưa xưa, nhưng cái tâm hồn người ăn phở ngày nay đã sáng sủa hơn, lành mạnh hơn – Nguyễn cũng vẫn chỉ lấy mình ra viết. Nguyễn cũng vẫn chỉ muốn gửi gắm một tâm sự, một cách nghĩ thật của mình cho độc giả, cho con người. Nhưng trong những giòng chữ mới viết này, thấy có hẳn một cái gì khác, một cái gì dưng dưng như của con nói với mẹ... Tùy bút Phở, những dòng chữ để ca ngợi một phong vị của đất nước với một điệu suy nghĩ và thể hiện đặc biệt của mình, Nguyễn Tuân viết như thế có phải là “Xa lánh cuộc sống”*

không ? Viết như thế có phải là “ngồi một góc phố mà phát hiện ra nhiều vấn đề quá quan trọng” không ? hay nói một cách tản mún vụn vặt, riêng lẻ không ? Chúng tôi xin trả lời thẳng ngay tạp chí Học tập nhận được như thế là không đúng (19).

Cũng bắt đầu từ đây, Nguyễn Tuân dần dần sáng mắt sáng lòng để nhìn thấy những mâu thuẫn gay go quyết liệt giữa chính quyền và các tầng lớp nhân dân bị trị. Như phần nhiều văn nghệ sĩ khác, Nguyễn Tuân cảm thấy mình bị lừa dối, bị phản bội một cách tráo tráo. Về sau, trong một bài tự phê, Nguyễn Tuân đã cho biết chính trong thời kỳ này, lập trường nghệ thuật vì nghệ thuật của ông được phục hồi. Trước những hiện tượng đen tối về hộ khẩu, về thị trường của phân kinh tế quốc doanh và đời sống cơ cực bộ đội phục viên, về mức thấp kém tại các công trường, xí nghiệp, về sự tàn ác của chính sách cải cách ruộng đất đợt 5, về cảnh đê vỡ thê lương, những tình cảm nhân đạo của ông đã bùng lên với rất nhiều oán tiếc căm giận. Nguyễn Tuân còn cho biết thêm rằng trong hệ thống tư tưởng của ông đã có những luồng sóng ngầm, nó quật lại, nó dội lên, sau một giáp 12 năm bị chìm xuống. Xu hướng tách rời văn nghệ ra khỏi chính trị và đối lập với chính trị cũng bắt đầu dấy lên trong Nguyễn Tuân. Trung thành với chủ trương nghệ thuật phải tuyệt đối phục tùng chính trị sao được khi Nguyễn Tuân nhìn tận mắt cái số phận bi thảm của quần chúng và đã từng là nạn nhân khốc liệt của cái chế độ người bóc lột người. Có lần, trong một bài bút ký nhan đề “Cây Hà nội”, Nguyễn Tuân đã vạch trần “... ở đây con người đối với con người cũng chưa đủ mức chú trọng, nói chỉ đến truyện cây cối. Đôi lúc có nhớ đến người này người nọ thì ta chỉ quen nhớ những lúc họ đánh đổ hay đánh vỡ một cái gì”. Đúng là giá trị con người dưới chế độ là dân chủ nhân dân không hề được tôn trọng. Đời sống quần chúng cơ cực, chính sách chính trị nham hiểm, vai trò độc tôn của đảng, rõ ràng là hiện thực phũ phàng tại miền Bắc không thể không có tác động sâu sắc đến tình cảm và tư tưởng của nhà văn. Những tiếng oán than rên rết của quảng đại nhân dân không thể không vang dội mạnh mẽ vào tâm tư họ Nguyễn. Thế nên, cho dù Đảng tìm mọi cách, vận dụng mọi thủ đoạn biện pháp để trói buộc tinh thần họ Nguyễn cũng như để khống chế tầng cấp

ông, Nguyễn Tuân vẫn chờ cơ hội để thoát ly ra khỏi hệ thống xiềng xích man rợ ấy. Bởi vậy, khi phong trào đòi trả tự do cho người cầm bút xuất hiện, Nguyễn Tuân đã xông xáo tham gia cùng với những người đề xướng là Phan Khôi, Hoàng Cầm, Trần Dần... Một mặt, Nguyễn Tuân cho tái bản “Vang bóng một thời” và một số tác phẩm cũ của ông, những đứa con tinh thần mà tại đại hội văn nghệ lần thứ nhất (...) ông đã bị buộc phải tuyên bố “đoạn tuyệt” chúng; mặt khác, ông viết bài đăng báo chống đảng một cách rất hăng say.

Một trong số các bài báo đáng chú ý của Nguyễn Tuân trong thời kỳ văn nghệ sĩ đòi tự do sáng tác là bài xã luận “*Phê bình nhất định là khó*”. Trong bài này, trước hết Nguyễn Tuân cực lực phản đối việc đảng xử dụng uy quyền để khủng bố người cầm bút. Ông viết “*Trong việc đánh giá, các ông đã có những thái độ trịch thượng và lối nói đao to búa lớn. Tôi cũng đồng ý với ông thư ký tòa soạn bên Văn về cái nhận xét này. Thêm nữa, cá nhân tôi lại còn cảm thấy mấy ông đồ đã làm cho nhiều người đọc phải hiểu rằng các ông lấy Đảng ra để “dọa” anh em viết báo... Các ông há chẳng nhớ câu thành ngữ “ai muốn giết con muông của mình thì qui cho nó là chó dại” ư? Các ông có nghĩ đến cái sinh mạng chính trị của những người đồng chí đồng nghiệp của các ông khi họ bị vu cáo như vậy không? Tôi rất phản đối cái thói phê bình có tính chất xuyên tạc và phá hoại có tính chất thô bạo, đàn áp ý kiến đó*”. Tiếp theo Nguyễn Tuân thẳng thắn buộc tội Đảng bằng cách cho rằng nguyên nhân khiến cho văn nghệ miền Bắc không phát triển lành mạnh được là do đường lối chỉ huy độc tài của lãnh đạo. Đường lối chỉ huy độc tài đó thường được thể hiện qua hoạt động của giới cán bộ phê bình, Nguyễn Tuân đã phân tích một cách sâu sắc: “*Theo chỗ tôi biết thì đã có một số hiện tượng hách dịch đối với văn nghệ phẩm, xuất phát từ một số người phê bình cũng như từ một số cán bộ chính trị. Tôi rất đồng ý là văn nghệ sĩ, nhất là văn nghệ sĩ có tài càng cần phải khiêm tốn. Nhưng chung quanh, nhất là những người có trách nhiệm về phán đoán cái này cái kia, đề nghị cũng làm như vậy cho. Tôi tán thành cái ý kiến là những “sĩ” của các ngành văn nghệ chúng ta chưa có gì là ghê gớm lắm đâu, về trình độ tư tưởng, trình độ văn hóa, trình độ nghề nghiệp còn phải học*

cho nát xương lõi da ra, học cho đến chết mà chắc gì đã nắm hết được qui luật của sự sống. Nhưng cũng không nên vì nó chỉ là “sĩ” của Việt Nam mà đánh giá nó quá thấp quá tồi về khả năng nhạy cảm đối với thực tế khách quan, cho nó là mọt là xoài tất trong mọi cảm xúc phiền toái và vĩ đại của thời đại vừa gieo neo vừa lớn lao hiện nay của chúng ta. Trong mọi thực tiễn Việt Nam nói chung các mặt, nếu đã có những tác giả còn non nớt, nếu đã có những tác phẩm yếu xoàng, thì cũng đã có một số cán bộ thực hiện chính trị một cách cũng không được cao tay gì lắm. Đối với nghệ phẩm, anh đến với nó (nhất là thứ tạo ra ở bán xứ) mà anh tham lam quá đáng hoặc hung hăng một cách không cần thiết, thì nó biến mất. Mà như thế rồi kết quả là gì? Là thiệt cho cả văn nghệ cả chính trị, và quan trọng hơn nữa, là thiệt ngay cho cái cuộc sống muôn màu một hướng mà chúng ta đang động viên nhau mà phục vụ hết lòng. (20).

Tương cũng nên nhắc lại rằng Nguyễn Tuân viết “Phê bình nhất định là khó” nhằm trả lời “Tuân báo văn nghệ và con người thời đại” đăng trên tạp chí Học Tập với luận điệu chụp mũ, bôi nhọ, kết tội như cho rằng “*nội dung báo Văn còn nghèo nàn, tách rời nhiệm vụ trung tâm cách mạng*” (21). Lúc này Nguyễn Tuân giữ chức vụ phó chủ bút, và tổng thư ký là Nguyên Hồng, dưới sự điều khiển của Nguyễn Công Hoan. Văn là tuần báo do Đảng tổ chức nhằm thay thế tuần báo Nhân Văn Của Phan Khôi và các tập Giai phẩm mùa xuân, Giai phẩm mùa thu của nhóm Hoàng Cầm, Lê Đạt, Văn Cao, Hoàng Tích Linh đã bị đảng ra lệnh đóng cửa. (22)

Kể từ sau ngày phong trào Nhân văn Giai phẩm bị bóp nghẹt, toàn thể văn nghệ sĩ miền Bắc đều lần lượt bị cưỡng bách tham gia lao động tại các hầm mỏ, xí nghiệp, công trường để cải tạo tư tưởng. Dĩ nhiên, Nguyễn Tuân không thoát khỏi số phận đen tối đó. Sau nhiều tháng “*thâm nhập thực tế*”, thỉnh thoảng người ta mới bắt gặp những phản ứng tình cảm của tác giả Vang bóng một thời được diễn biến một cách tế nhị dưới hình thức tùy bút quen thuộc của ông. Không kể một ít bài viết với dụng ý tô son trát phấn cho chế độ một cách miễn cưỡng, hay những bài vu khống xuyên tạc thô bỉ tình hình miền Nam một cách vừa ngây ngô, vừa đê hèn, Nguyễn Tuân đã viết

được một vài trang có sức nặng lôi cuốn độc giả yêu văn nghệ. Đó là những trang viết về đề tài thống nhất đất nước. Trong lĩnh vực này, người ta thấy rõ sức tưởng tượng phong phú đa dạng luôn luôn như bay bổng, cộng với số lượng từ ngữ rất tạo hình cố hữu của nhà văn, dễ gây cho độc giả những cảm xúc thẩm mỹ thật mới lạ, và trước hết là, chỉ trong phạm vi miêu tả những vấn đề ít liên hệ đến chính trị, chủ nghĩa, cụ thể như chuyện tình yêu quê hương, cảnh trí đồng ruộng, núi non, ngôi bút của Nguyễn Tuân mới có điều kiện vẫy vùng thoải mái, ung dung đi về trong vòm trời cảm giác để thể hiện đậm đà cái phong cách độc đáo mang nặng màu sắc trữ tình của một nhà tùy bút ưu tú. Ta hãy đọc một đoạn trong thiên tùy bút “*con sông tuyến Hiền Lương*” của Nguyễn Tuân nhân dịp ông đi thăm Vĩ tuyến 17:

“... *Đi trên bờ sông giới tuyến cứ thấy nó như thế nào ấy. Cứ thấy nó canh cánh bên lòng, cứ thấy hình như nhân dân đôi bờ đang luôn luôn hỏi mình, đòi mình, cứ thấy cánh vật đất nước như quả trách mình. Ở giới tuyến Vĩnh Linh thật là nhiều chuyện. Chuyện đau khổ, chuyện căm thù, chuyện đấu tranh quyết liệt và nhất là chuyện chia rẽ, chia lìa, chia cắt. Ở tuyến đây cái gì cũng phân ra làm đôi, cũng thành ra trái khoáy, ngược chiều cũng bị vặn chéo, bỏ queo đi, rồi cái gì cũng thành ra 2 thứ. Một cái cầu mà hai thứ sơn, hai kiểu sơn, hai đợt sơn. Một con sông mà hai thứ đò, một thứ tiếng mà hai cách nói, hai cách phát thanh,..., một con sông mà hai dòng nước, một nước mà hai cây cờ. Bắc Nam một nhà mà hai chế độ. Một cái cầu bỏ trống, một cái bực đá bến nhỏ người đi chợ sang ngang. Hai cái bến bày sâu hoắm nhìn thẳng sang nhau như hai khẩu súng đối pháo. Người rửa rau bến này lặng lẽ nhìn người vo gạo bến kia. Hai gốc đa cổ thụ hai bờ im lìm đổ bóng nhau như chờ một cơn gió nó rụng hộ cánh tay lá. Con cá rô bẻ chốc chốc lại quẫy mạnh vọt lên mặt sông mặng. Chưa bao giờ thấy khát vọng sự hợp nhất. (...)* (23)

Thử đọc thêm một đoạn văn nữa của họ Nguyễn, vẫn với đề tài thống nhất đất nước, người ta lại có dịp, nhìn thấy rõ nơi ông, cái năng khiếu quan sát tỉ mỉ nhưng tinh tế cộng với một tâm hồn nhạy cảm. Hoặc nói cách khác, qua bút pháp của Nguyễn Tuân, độc giả thấy nổi bật sự kết hợp nhịp nhàng giữa

khieu quan sát kỹ lưỡng của một nhà văn giàu vốn sống và sự cảm thụ nhạy bén của một nghệ sĩ lớn thường tỏ ra nắm bắt kịp thời những vấn đề mới và đòi hỏi được giải quyết cấp bách.

Với cái tên bài rất bình thường “*Cắm cột mốc giới tuyến*” nhưng Nguyễn Tuân đã làm cho người đọc dễ dàng bồi hồi rung động hoặc bồn chồn ray rứt về những cảm xúc cụ thể và chân thật được gọi lên từ cái thực trạng oái oăm của đất nước :
“Bây giờ ta nói chuyện về một con sông ở nước ta. Con sông tuyến ấy, lạ thật đó. Lạ mắt, nghịch tai. Chẳng cứ gì các cô lấy làm lạ mà ngay như tôi ra ra, vào vào Vĩnh Linh nhiều lần, tôi vẫn chưa hết ngạc nhiên về dòng sông không bình thường đó của cuộc sống giữa quê hương ta.

Sao mà không lạ được cho một con sông không đủ cả hai bờ sông mà lại chỉ có một bờ sông. Sao mà không ngạc nhiên được cho một con sông chỉ có một nửa cái cầu với với trên dòng như ống tay áo thông anh thương binh cụt tay. Sao mà không lạ được cho một con sông mà bất cứ người lái đò nào cũng đều thấy vướng vướng nơi đầu mũi chèo và cứ phải miết thuyền mình vào cái bờ của mình. Thà nó là biển cả như Thái Bình Dương ngoài kia mà mình chỉ có được một bờ, một tí bờ thì cũng đành một lẽ. Đằng này hai cái bờ song hành cách nhau có một mái chèo mà sao biệt đàng đẵng như mù sương trên bề rộng. Bờ này sông đông người cày cấy, chài lưới, bờ kia sông cũng nhan nhản ruộng vườn, hai bên bờ cùng một ngôn ngữ, một giọng nói, cùng người một tỉnh, một chuyện bờ bên này có bến thì bờ bên kia cũng có chợ.

Sao mà không lạ được, khi giữa hai bờ đó, đã bấy năm nay, không một tiếng gọi đò nào cất lên ? Vào những dịp hội hè hàng năm, bờ bên này thả điện, bờ bên kia cũng thả điện. Và hai bờ sáng lên như hai chiếc tàu buôn lớn mạn, tàu đầy hàng hóa gần cọ vào nhau, ồn ào, nhưng cuộc đối thoại vẫn chưa thành vì mỗi tàu bề nói một giá và nói riêng một thứ tiếng. Tiếng nói nhân dân ở đâu bao giờ cũng giàu, ngày càng giàu. Nhưng ở dọc sông lạ này, từ vị con người ven sông đã mất hẳn đi danh từ “đò ngang”, động từ “Sang ngang”.

Nếu không có một lối nhìn kỹ lưỡng cộng với một lối viết

duyên dáng, không dễ gì mà ngòi bút nào cũng miêu tả được một cách hấp dẫn như Nguyễn Tuân : “*Tên thật sông giới tuyến là Bến hải và còn một tên nữa là Rào thành. Bề rộng chỗ rộng nhất như quãng đôn Tùng luật tới 200 thước, chỗ cầu cấm Hiền Lương 170 thước, chỗ lưới cát cửa Tùng, con sông ả ra biển chỉ có 30 thước, hình như sông cũng thất bụng mình lại để hai đồn gác chung nơi hai bờ tiện việc kiểm soát thuyền cá ra vào những lúc buồn buồn chiều hôm cửa biển. Quãng Bến Tắt sát khu vực đi dạo và nhà thờ dòng ép xác Phước Sơn, hai bờ sông đã hoang dại nguyên thủy lắm, và hai bờ cách nhau chỉ có 20 thước. Cứ Bến Tắt mà ngược lên nữa thì gặp những quãng vọt mạnh qua được mà không ướt đến mũi giày vải. Có chỗ hẹp quá, nhân dân ngồi ở bờ Bắc quãng cái dây câu mà lưỡi câu lại mắc vào bụi gai bên bờ Nam. Có chỗ hẹp quá, trẻ em muốn lấy mảnh gỗ dừa khô ném thia lia, thì mặt nước không đủ nước cho mảnh thia lia trượt đi. Lòng sông tuyến rộng hẹp đại khái là như vậy. Còn chiều dài của nó, tính theo đường chim bay, từ nguồn từ núi Tây ra biển Đông, thì sông Bến hải chỉ dài có 60 cây số cái dài của đoạn đường nhựa quốc lộ 7 nối dài Hà nội với thị xã Phủ Lý. Đi theo sát bờ đường sông uốn khúc quanh co lượn núi thì sông dài chừng 100 cây số”.*

Ngoài cái khiếu quan sát tỉ mỉ, Nguyễn Tuân còn thu hút độc giả bằng những hình tượng nghệ thuật sắc cạnh và những cảm nghĩ đột xuất nhờ ở khả năng phát hiện các chi tiết tiêu biểu trong đời sông (...) và ghi lại được những sự vật nhỏ nhoi song mang một ý nghĩ sâu sắc, như người đọc thường bắt gặp trong các tùy bút của ông. Cụ thể như bài “*Cấm cột mốc giới tuyến*”. Ở một đoạn sau, Nguyễn Tuân viết :

“ Nguồn sông lao xuống đồng bằng thường thường hay đổi lòng thay lòng. Theo với lượng mưa, đà lũ, đà lụt, với chất đá lót lòng sông, chất đất cạp dòng sông, con sông hay nắn lại cái phong cách chảy trôi của mình. Đời nguồn sông có lúc ăn bớt được một kẻ núi nách đồi vượt qua, có lúc phải vòng quanh mua thêm đường. Thế kỷ này, thân con sông dài ra, đến thế kỷ khác, thân nó lại rút ngắn đi. Thời Lý, thời Trần, thời Lê, thời Trịnh-Nguyễn, triều Tây Sơn, con sông Bến Hải dài hơn hay ngắn hơn con sông Bến Hải của cuối thế kỷ hai mươi

bây giờ? Câu hỏi bác học này vượt quá kiến thức và sức trả lời của tôi. Nhưng nếu hỏi tôi rằng, sau hôm búa rìu lịch sử đóng mốc giới tuyến lên hai bờ sông này, sông tuyến thêm ra hay bớt đi những khuỷu những khúc uốn lượn của nó, thì tôi có thể dứt khoát mà trả lời rằng: Con sông đã doi thêm ra nhiều khuỷu nhiều vòng. Cũng dễ hiểu thôi. Ai đã giẫm xéo lên con giun thì biết. Con giun quằn lên. Nếu vì sông tuyến đen mốc như một con trăn gió trườn từ núi ra biển, thì gần ba trăm cái mốc nhọn ấy đóng lên thân nó sao mà không quằn quại lên cho được. Trong cảm nghĩ của tôi, con sông không thể không là một sinh vật hữu cơ của tổ quốc, và nó cũng có cách phản ứng của nó. Chúng ta đau như thế nào vì chia cắt hai miền, thì con sông ấy cũng quằn lên như thế, khi người ta muốn lâu dài chia dòng và cắt bờ. Trong máu lũ ta hôm nay, tôi dám cho phép tôi nghĩ rằng vẫn vóc cục lại, vẫn ứ lên cái máu phân dòng tách bờ của một con sông Bến Hải. Và nói đến sông tuyến cũng là lịch sử giải phóng dân tộc ta, thỉnh thoảng tôi hay nghĩ đến câu nói mang máng của một cụ lái đò Ai Cập chở khách du lịch trên dòng sông Nin : “ Theo dòng sông, các dân tộc tự kiểm tra lại mình. Dọc theo những con sông của họ, họ chứng minh cuộc sống dân tộc họ. Tên mỗi dòng sông tóm tắt lại những chặng lịch sử họ, vừa tóm tắt một đoạn lịch sử vừa khấn cầu da diết đến lịch sử”. (24)

Rõ ràng là dưới cái nhìn của Nguyễn Tuân, thực tại khách quan cũng như tâm lý con người được trải ra một cách linh động, không phải ở mặt đơn giản, bằng phẳng, dễ dãi mà là ở những mặt rắc rối, gai góc, phức tạp. Và cũng chính vì thế mà văn của ông vừa chân thật lại vừa có chiều sâu dễ gây được sự đồng tình đồng ý của bạn đọc. Nói đúng ra, quần chúng độc giả yêu tùy bút của Nguyễn Tuân không hẳn là vì cái bút pháp câu kỳ một cách duyên dáng mà còn do ở chỗ tác giả có khả năng làm toát ra ý nghĩa khái quát của vấn đề mỗi lần ghi lại một cảm xúc, một sự việc cụ thể qua những xung đột tiềm tàng trong cái thực tế phức tạp của cuộc đời. Cũng cần lập lại một lần nữa, rằng Nguyễn Tuân là một nhà văn đi nhiều, hiểu sâu. Và biết rộng, nên trong quá trình tiếp xúc, cọ xát với thực tế thiên nhiên và xã hội, ông dễ làm nảy bật ra những chi tiết sù sì gai lửa. Vốn thường hay ẩn kín từ những ngõ ngách của

cuộc sống và những nẻo sâu thẳm của lòng người. Chính những chi tiết quý báu ấy đã trở nên những viên ngọc lấp lánh, óng ả làm đẹp cho tùy bút của Nguyễn Tuân, và đồng thời cũng làm tăng thêm sức thuyết phục cho các tác phẩm của ông. Điều ghi nhận này đã được chứng minh qua những dòng “*Cắm cột mốc giới tuyến*” trên đây. Thật khó mà phủ định rằng nếu không sẵn có một năng khiếu quan sát, và chủ yếu là một lối viết tài hoa, Nguyễn Tuân làm sao có thể biểu hiện được cái thực trạng vừa phi lý, lại vừa bi đát của cái hiện tượng đất nước chia đôi đã từ năm này qua năm khác tồn tại sừng sững trên quê hương ta, bằng một dòng văn quuyến rũ và một niềm khắc khoải suy tư chín mùi, lắng đọng ? Và điều đáng quý hơn nữa là chính Nguyễn Tuân đã viết giùm ta, nói hộ cho ta những cảm nghĩ thâm thía về cảnh tượng trớ trêu đó, nếu không muốn nói rằng Nguyễn Tuân đã gián tiếp buộc tội Đảng là nguồn gốc gây ra tất cả mọi ngăn cách chia lìa phũ phàng trên lãnh thổ và trong đời sống của nhân dân ta.

Như mọi người đều nhận thấy, chỉ những khi viết về quê hương, đất nước, ngòi bút của Nguyễn Tuân mới có cơ hội phát triển thoải mái cũng như tâm tình của ông mới gặp điều kiện thuận lợi để gửi gắm trọn vẹn. Mặt khác, trên cơ sở đề tài của những cảnh đẹp thiên nhiên Nguyễn Tuân phần nào dễ dàng che giấu được quan điểm chính trị không phù hợp với đường lối của đảng. Có lẽ cũng vì thế mà Nguyễn Tuân đã cho xuất bản Sông Đà, (25) tác phẩm văn học đáng kể nhất của ông trong suốt chặng đường chạy theo đảng.

Sông Đà gồm tất cả 15 bài tùy bút, tập trung chung quanh một chủ đề duy nhất tác giả lấy miền Tây Bắc để làm mục tiêu cho những chuyến đi đồng thời làm cái cớ để ký thác tâm sự của mình. Ở đây, Nguyễn Tuân chỉ viết về những gì thuộc về vốn cổ hữu của dân tộc : tỉnh lỵ Lai Châu, Sơn La, cái di tích lịch sử, một bản Mèo trên núi đá, Cái khe nước biên thùylào Việt, và con sông Đà “*nằm lọt giữa cái thâm đá, cái giường đá Tây Bắc*”. Người đọc vẫn thích thú bắt gặp những nhận xét tinh tế, những ví von gợi cảm của Nguyễn Tuân khi ông viết : “*Núi Quỳnh Nhai đẹp như núi trong tranh ảnh, trong men sứ. Quỳnh Nhai có năm xã dọc sông và một xã rừng sâu Mường*

gion, nhưng núi của toàn châu đều là núi đẹp cả. Sông đẹp, núi đẹp, cả con, cả mấy vóc dáng cô đồ đều rất tạo hình” (26). Có đoạn, tác giả tuyên bố “sợ rằng tuổi trẻ vốn xem thường dĩ vãng, sợ rằng những người bộ hành trẻ tuổi ấy không có thói quen ngoảnh đầu lại trên chặng đường đi tới”, nên đã viết như một niềm tiếc nhớ: “Từ đã lâu lắm vẫn còn nghe vọng về lịch sử những cuộc đời nông dân khá giả được vì đã bỏ làng cũ”. Bằng bạc trong cả tập sách, người đọc vẫn thấy lối nhìn ngấm tài tử, phóng túng và đượm ít nhiều màu sắc khinh bạc như ở Vang bóng một thời trước đây, chẳng hạn như khi lặng nhìn tỉnh lỵ Lai Châu, những tình cảm rất thực của Nguyễn Tuân trước cái thành phố buồn tẻ và xám xịt ấy đã phát lộ ra: “Tôi đi đi lại lại mấy góc phố toan hoén, tôi đi lên đi xuống cái phố, cái bến Sông Đà tỉnh lỵ Lai Châu. Hàng cây buồn ngủ, lá tỉnh dậy rất trưa và buổi chiều lá buồn ngủ đã cụp lại trước khi mặt trời Tây Bắc lặn hẳn. Bóng nắng cuối cùng còn soi theo cái bóng ngựa đèo theo một cái sọt đựng đầu người trong tưởng tượng của tôi. Buổi chiều ập xuống sông Đà, chụp lấy dãy phố, chụp lấy dốc đèo, chụp lấy cái nhà tù xòe mái tôn ở ngã ba sông trước mặt, buổi chiều xám Lai Châu ập xuống tảng đá hòn ngọc Đèo Văn Long”. Dù Tây Bắc đã được “giải phóng”, nhưng hiện thực xã hội Tây Bắc vẫn chưa đủ khả năng quyến rũ Nguyễn Tuân, vì vậy, nhiều lúc ông “vẫn có những cảm xúc thiếu chân trời. Rồi muốn hay không muốn, cứ thấy trí nhớ và trí tưởng tượng đang moi ra vô khối là hình ảnh cũ”. Có khi ông ngậm ngùi nhắc đến tiếng thờ dài của bà mẹ người Thái có con gái được vào đội Xòe: “Tiếng thờ dài buồn hơn cả cái tiếng vật mình của cối nước giã gạo đêm.” Chưa hết, có chỗ Nguyễn Tuân còn tỏ vẻ xót thương đời sống cơ cực của công nhân làm đường: “Tôi nhìn theo đoàn xe, lòng đau đớn nghĩ về cái hình ảnh nước mắt của chỉ mặc áo xanh công nhân”. Trước cảnh đời lầm than đó, tác giả chỉ biết yên ủi họ: “tôi cũng biết rằng một số chiến sĩ làm đường đang có một số khó khăn nổi tâm, vẫn thấy nó làm bận tâm tôi nhiều lắm, bận tâm như thấy cái chuyện ấy cũng là chuyện của đích thân mình.”

Gạt sang một bên những đoạn Nguyễn Tuân cố tình tuyên truyền cho các chính sách của đảng, Ví dụ: “những con người làm ruộng xã hội chủ nghĩa, làm đường xã hội chủ nghĩa

những con người làm việc cả đêm ...” hoặc những câu lãng mạng cách mạng hóa một cách trơ trẽn kiểu “đoàn người lãng mạn xã hội chủ nghĩa khảo sát non sông tổ quốc, nhìn cục đất mà thấy nó là thỏi vàng, nhìn nước chảy mà thấy lửa sắp cháy” thì sông Đà vẫn còn là một tác phẩm khá nổi bật hơn mười năm qua,

Đối với các văn nghệ sĩ ngoài đảng, sông Đà đã gây được nhiều cảm tình. Đại diện cho tiếng nói của lớp văn nghệ sĩ này, nhà phê bình quen biết Trương Chính, cũng là người đồng tuổi đời với họ Nguyễn, đã phát biểu: *“Sông Đà, tên truyện cuối cùng của tập sách, có thể nói đây là một bài địa lý về con. Sông Đà, thế mà suốt 27 trang giấy in, Nguyễn Tuân đã làm cho người đọc không chán. Đứng về phong cách mà nói thì phong cách của Nguyễn Tuân chưa hề thay đổi. Văn lối thôi dài dòng như thuở nào. Ông là người không bao giờ biết tự hạn chế, Người đọc cứ phải theo ông mà đi một bát trận đồ không có lối ra.(...) Đành rằng có khi ông rất kênh kiệu, lối thôi phiền phức, nhưng biết làm thế nào vì đó là bản tính của con người”* (27). Tuy nhiên, dưới con mắt méo mó của cán bộ văn nghệ tuyên truyền thì tác phẩm của Nguyễn Tuân vẫn còn nhiều vấn đề đáng nói. Chẳng thế mà Nam Mộc (Sơn Tùng), cây bút lý luận phê bình cao cấp của đảng Lao Động, đã chỉ trích rằng nào là *“chủ nghĩa bi quan của Nguyễn Tuân trước Cách mạng còn để lại vết sẹo mỗi khi trở trời trái tiết lại thấy nhức”*, nào là *“Nguyễn Tuân chưa toàn tâm, toàn ý sống với cái mới, cái hiện tại, cái đang lên, chưa thật hòa mình với quần chúng công nông và ngay cả với lao động trí óc.”* Điều đáng chú ý là Sông Đà đã làm cho Nam Mộc phát *“ghen”* vì trong suốt 15 bài tùy bút, tác giả chỉ dành ra hai bài để nói về *“hiện thực xã hội”* trước mắt, còn lại, Nguyễn Tuân viết về những cái đẹp thiên nhiên và những vang bóng của một thời xa xưa. Do đó mà Nam Mộc đã phải bực mình, sau khi thấy Đảng dùng bao nhiêu biện pháp gay gắt để cải tạo tư tưởng, vẫn thấy *“Nguyễn Tuân vẫn để cho bóng đen quá khứ đè nặng lên hiện tại và tương lai”* *“Đọc sông Đà nhiều lúc ta có cảm tưởng như lạc trong một khu rừng già cổ sơ hoang dại hay một cánh đồng ma ẩm khí nặng nề, màu sắc của hiện tại như mờ nhạt đi, ánh lửa của tương lai khó khăn lắm mới le lói lên được”* để rồi tiếng cảnh cáo *“Tây bắc đang tiến dần lên xã*

hội chủ nghĩa, thiếu gì chuyện hôm nay ngày mai đáng nói, ta nên bàn đến những cái hiện tại trước mắt hơn là đi bới cái xác chết của dĩ vãng Tây bắc ra” (28).

Đến đây, người đọc thấy rằng về mặt nội dung, Sông Đà chưa phải là kết quả cụ thể của Nguyễn Tuân trong quá trình lột xác, càng không phải là kết quả trực tiếp của những thu hoạch mới về tư tưởng và thực tiễn của tác giả sau những đợt học tập chính trị, tham gia lao động. Và sự thành công về mặt hình thức nghệ thuật của Sông Đà cũng đã chứng minh rằng giới lãnh đạo đã thất bại trong chủ trương buộc các văn nghệ sĩ phải sáng tác theo cái đường lối máy móc, công thức, sơ lược mệnh danh là phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa.

NGUYỄN TUÂN VÀ NHỮNG BƯỚC ĐI THẤT THỂ TRONG CHUỖI NGÀY TÀN TẠ

Dưới cặp mắt lệch lạc của lãnh đạo, Sông Đà bị coi như một đứa con bệnh hoạn, què quặt do tác giả chưa thay đổi được cách nhìn và lẽ lối suy nghĩ của con người tiểu tư sản. Bởi đó, Nguyễn Tuân lại phải tiếp tục cải tạo tư tưởng bằng cách dấn thân vào mặt trận Lao động sản xuất. Đặc biệt, kể từ đầu năm 1961, là thời kỳ đảng phát động chiến tranh ở miền Nam Việt Nam tất cả mọi sinh hoạt của đồng bào miền Bắc đều bị chi phối nghiệt ngã bởi cái gọi là cách mạng bạo lực. Trước bối cảnh xã hội tù túng đọa đầy áp bức đó, lại một lần nữa, Nguyễn Tuân bị buộc phải đem hết sức tàn ra chuyển mình cho kịp với tình hình và nhiệm vụ mới trước mắt, Nguyễn Tuân lại phải lê cái thân mòn mỏi xuống đường. Từ đây Nguyễn không còn được làm những chuyến đi ngược lên rừng núi Việt Bắc để tiếp xúc với màu xanh bát ngát của thiên nhiên và với những con người mộc mạc ở vùng nẻo cao có làn da trắng nõn nà cũng đôi mắt ngơ ngác, mà phải đi thẳng vào những miền gian khổ nhất để khích động nhân dân kiên trì theo đuổi chiến tranh và cũng là để tự cải tạo mình thêm một bước nữa cho đúng với yêu cầu bức thiết của lãnh đạo. Nhưng sau gần 10 năm đi đi về về giới tuyến Vĩnh Linh và một số hợp tác xã nông nghiệp ở miền Trung, Nguyễn Tuân cũng chỉ viết được vào khoảng ba bốn chục trang, mà ngay ở mỗi đề tài viết về cái thực tế nóng bỏng nhất được mệnh danh là “Cuộc

chiến đấu chống Mỹ cứu nước” Nguyễn Tuân vẫn không quên lấy thiên nhiên làm nguồn hứng. Chẳng hạn như đề cập tới hậu quả khốc liệt của cuộc chiến Nguyễn Tuân đã viết : “ *Những mẩu cánh bướm bướm màu sắc yêu đời ở phòng học vụ kia có gì động đến chúng mày mà cũng bị bom đạn Mỹ xé rách và đốt cháy đen*” (29). Điều không may cho Nguyễn Tuân là dù đã nỗ lực chạy theo phong trào nhưng cái lối viết lan man kênh kiệu nặng chất trữ tình ấy không còn phù hợp với khuôn khổ của một nền văn nghệ hiện thực, càng không phù hợp với hoàn cảnh của một thực tế đang hùng hực dầu sôi lửa bỏng. Do đó, Nguyễn Tuân phải đoạn tuyệt con đường tùy bút sở trường của mình để chuyển hướng vào một thể loại khác tức bút ký là xác định như một phương tiện phục vụ đắc lực cho cuộc chiến đấu. Vẫn theo quan niệm của lãnh đạo thì trong phương pháp xây dựng bút ký, tính chất chính luận là một yêu tố cần được chú trọng vì nó có tác dụng thời sự trong việc giáo dục quần chúng tiến hành chiến tranh.

Chắc chắn ai cũng dễ nhận thấy rằng trong sáng tác văn nghệ, nếu các yếu tố cảm xúc trữ tình bị hạ thấp để thay thế vào đó các tiêu chuẩn chính trị, thời sự thì tác phẩm sẽ mất hết giá trị nghệ thuật, và chỉ còn là một món hàng tuyên truyền, quảng cáo. Có nhận thức như vậy người ta mới không ngạc nhiên khi thấy những thảm bại của Nguyễn Tuân trong các sáng tác sau này của nhà văn,

Chúng ta vốn biết trước kia, Nguyễn Tuân là người không bao giờ chịu dừng lại ở cái mức ước lệ thường bị thói quen nghề nghiệp và lề lối suy nghĩ dễ dãi ràng buộc, mà là một nhà văn thường xuyên đi sâu tìm hiểu về những cái đẹp trong quan hệ thiên nhiên và xã hội để nâng cái đẹp lên một trình độ cao hơn. Chính vì vậy mà Nguyễn Tuân thường đến với cuộc sống. Với một tinh thần tìm tòi sáng tạo, Rồi sau đó, Nguyễn lại trình bày với người đọc những phát hiện của mình bằng một thứ ngôn ngữ mang đậm bản sắc riêng biệt của ông, Ngôn ngữ của Nguyễn Tuân lại là thứ ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhạc điệu và tứ thơ. Đó cũng chính là những cống hiến quý báu của Nguyễn Tuân đối với nền văn học hiện tại ở nước ta, Tuy nhiên, kể từ ngày Nguyễn Tuân bị buộc phải thay đổi từ cách nhìn cho đến cách viết để chạy theo đường hướng sáng tác mới do lãnh đạo vạch sẵn thì ngòi bút của ông đã sa vào

một tình trạng thật ảm đạm, nghèo nàn. Ấy là chưa nói tới cái sa đọa khủng khiếp trong lương tâm của một người cầm bút. Biểu hiện tập trung nhất của sự thảm bại ê chề đó là bài bút ký *Tết chống Mỹ*, đã được trình trọng giới thiệu ở tuần báo Văn Nghệ trong một số đặc biệt cùng mang tên gọi với bài bút ký của Nguyễn Tuân. (30)

Ngay khi vừa nhìn vào mấy dòng mở đầu, người đọc đã thấy rợn lên vì những chữ tuyên truyền sòng sạo, kiểu như những khẩu hiệu “*Liên tục tiến công, liên tục nổi dậy, thừa thắng xông lên*” v.v...mà nhân dân ta thường nghe đến nhằm tai qua đài phát thanh Hà nội :

“Tết năm nay to quá, miền Nam đánh to quá. Tấn công và nổi dậy khắp bốn mươi ba thành và thị và hàng trăm thị trấn miền Nam thiết lập Chính quyền cách mạng. Diệt năm vạn địch (trong số này có một vạn viên chinh Hoa kỳ) và tiêu hao hai mươi vạn quân ngụy. Cùng là phá hủy độ ngàn rưởi máy bay. Và vân vân về hàng hà sa số súng trường đạn dược và xăng dầu”.

Cái luận điệu tuyên truyền già nua món mèm ấy, nếu phát xuất từ những miệng lưỡi của các cán bộ văn công thuần túy của đảng thì chẳng có gì đáng nói cả, nhưng lại được viết ra từ ngòi bút của một người như Nguyễn Tuân thì quả là một điều ô nhục đối với tác giả. Thử đọc tiếp một đoạn nữa để hiểu rõ vì sao toàn bài bút ký đó lại được giới lãnh đạo hết lòng tán thưởng :

“Lửa bốc cháy quanh hàng rào dinh Độc Lập và lực lượng khởi nghĩa tung hoành tại giữa đỉnh, thế rồi sân bay Tân Sơn nhất bị đánh ba mặt, bị cháy ba mặt. Thế rồi đài Saigon sập. Thế rồi liền liền quân khởi nghĩa đánh chiếm Bến Đá, Chủ Ia, Phú nhuận, Cây sung, Hàng xanh, Hàng Thai (?) Khánh hội. Và Ngã năm chuồng chó và ngã tư Bảy hiền giết và bắt các thứ lính Mỹ. Đêm khủng khiếp Mỹ ngụy đó, nhiều người trung lập nước ngoài leo lên nóc gác thượng mà theo dõi thế biến của ba trận đánh ở hai đầu đường Sân bay Tân Sơn nhất và ở gần trường đua... Nhà sư áo cà sa màu xám, cũng cầm súng bắn vào ác ôn Cảnh sát ! cao bồi thì rủ nhau đi nhặt đạn cho quân cách mạng đánh Mỹ, Hàng ngàn gái tiệm của mấy trăm nhà “ba” biến hết rất nhanh. Theo hãng Roi To thì ban đêm

tới nhà bưu điện đường Tự do, các phóng viên Mỹ đi đánh điện phải bắt buộc giơ tay lên trời mà đi với tư thế người đầu hàng. Saigon không có điện, chỉ thấp bằng pháo sáng quân sự Mỹ. Nước thiếu, và cả Saigon ăn bằng đồ hộp Hoa kỳ,...”

Rõ ràng là sự la lối, phóng đại, xuyên tạc một cách hèn hạ đã trở thành cái “truyền thống mới” của cái gọi là nền văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa. Họ tưởng rằng cứ vu khống bôi nhọ, đối trắng thay đen như vậy là tỏ ra yêu nước thương nòi, là bịp bợm được quần chúng là thuyết phục được lòng tin của nhân dân, nhưng thật ra, việc làm ấy chỉ càng biểu lộ một mặt cảm sợ hãi, hoảng hốt, giật mình trước những khó khăn bế tắc giống như con gà rúc đầu vào cánh mỗi lần nghe tiếng động mạnh. Nguyễn Tuân là một người thông minh, nhưng trước sức thống chế tàn bạo của đảng vẫn phải đeo cặp kính đen ngòm đang nhìn về miền Nam để thấy lãnh đạo nói đúng, nói phải, dù ông có thừa sáng suốt để đánh giá thực chất của cuộc tổng công kích Mậu thân như thế nào. Điều đó lại càng chứng minh rằng khi nhà văn chỉ cầm bút với sự tính toán làm thế nào để lấy sự tuyên truyền chính trị bù đắp vào khoảng trống giá lạnh của tâm hồn thì nhất định sáng tác sẽ trở nên giả tạo khô khan. Tính chất gò bó, miễn cưỡng và khách sáo ấy càng được biểu lộ sắc sảo ở những dòng cuối bài bút ký mặc dầu Nguyễn Tuân có nói ra những lời tha thiết : “ *Chao ôi, mùa xuân ngoài trời lừa sục sôi trong lòng ta, mùa xuân ngoài trời đang thêm xuân bên trong lòng ta, những người bạn mới của mình tại miền Nam này đang bay trên hướng trời nào, đang viết bằng thứ mực gì đây ? Để càng nhau đẩy cái xuân này lên. Để càng nhau ta đẩy Mỹ ra khỏi mùa Xuân dân tộc chúng mình*”. Đoạn văn đọc lên nghe sao mà tội nghiệp quá đỗi. Tác giả càng muốn nói to lên một ý cổ vũ kích thích, nhưng ý hướng tuyên truyền ấy lại bị chìm ngay trong cái lời văn yếu ớt, đuối sức, giống như một khách bộ hành mệt nhọc càng muốn bước nhanh, bước vững nhưng lại bị ngã quỵ xuống vì sức lực đã quá mỏi mòn.

Cũng may là Nguyễn Tuân chưa sa đọa tới cái mức viết ra những lời chửi rủa tục tằn, thô bỉ như người ta thường thấy trong nhiều bút ký của các đồng nghiệp ông như Xuân Diệu, Chế lan Viên, Bùi Hiền V.V. Một điều may mắn khác đối với

bạn đọc là Nguyễn Tuân viết rất ít. Có khi cả năm người ta mới thấy ông xuất hiện qua ba bốn trang bút ký trên vài tờ báo của đảng. Ngoài ra từ hơn hai năm nay, trong các cuộc sinh hoạt văn nghệ do Đảng tổ chức, người ta thấy vắng hẵn bóng dáng Nguyễn Tuân, cũng như không hề được nghe ông Nguyễn phát biểu ý kiến về các vấn đề lãnh đạo đặt ra. Sự kiện hiếm có này khiến quần chúng nghĩ rằng họ Nguyễn thuộc thành phần những nhà văn có khuynh hướng xét lại tích cực. Bởi một nhà văn thường được viện trợ nhiều của con người nghệ sĩ, biết nhìn, biết nghe bằng tai, bằng mắt và bằng tất cả tâm hồn như Nguyễn Tuân làm sao có thể chịu gò bó lâu ngày trong một khuôn khổ máy móc. Cũng có người bảo Nguyễn Tuân là một nhà văn tùy thời, sẵn sàng đánh đổi lương tâm để hưởng một cuộc sống yên ổn. Tuy nhiên, sau những thử nghiệm ê chề nhục nhã, Nguyễn Tuân không thể không thao thức tính ngộ để nhìn vào việc làm của mình, giống như một khách lữ hành đến một lúc nào đó, không thể không dừng bước chân thất thểu, hụt hơi để ngó lại chặng đường dài đầy gai góc đã đi qua. Và tương lai thì chỉ là một chân trời mịt mờ thăm thẳm. Hình ảnh người bộ hành đáng thương ấy cũng là hiện thân của nhà tùy bút họ Nguyễn trong chuỗi ngày tàn tạ của ông vậy. Càng nghĩ lại trước kia, Nguyễn Tuân là một người ham sống, ham xê dịch, và thường dồn tất cả linh hồn vào việc chất chiu, gạn lọc những nét đẹp trong lúc biểu hiện cuộc đời muôn mặt thế mà ngày nay, hoàn cảnh xã hội trước mặt đã không cho phép nhà văn thực hiện được cái sở thích chính đáng ấy, hoặc giả, ông chỉ có thể bước trên con đường mòn nhẵn, lại bị buộc đem khả năng ra phục vụ cho một chế độ mà sự phản phúc, dối trá và thù hận đã được thay thế cho lòng trung tín, sự thành thực và tình thương. Điều đó cũng giải thích vì sao càng ngày Nguyễn Tuân càng viết ít, mà sáng tác của ông đã thiếu hẵn cái phong cách độc đáo hấp dẫn của một nhà tùy bút lão thành. Mặt khác, sự việc ấy cũng khẳng định thêm cái chân lý, rằng một chế độ, bằng cách này hay cách khác, có thể cưỡng bức người ta cầm bút viết văn ca tụng, tuyên truyền nhưng không thể buộc được nghệ sĩ sáng tác thật hay, thật truyền cảm. Bởi một lẽ rất đơn giản là muốn viết văn hay muốn có tác phẩm truyền cảm thì trước hết, người nghệ sĩ phải cháy trong mình ngọn lửa nhiệt

tình. Nhưng rất tiếc, điều kiện cơ bản này lại không hề có đối với những người cần bút chân chính trong bối cảnh xã hội miền Bắc hiện nay, chủ yếu là đối với Nguyễn Tuân, nhà văn coi sự hưởng thụ cái đẹp như lẽ sống của đời ông.

THƠ VÀ THỜI TÚ XƯƠNG, HAY LÀ TÂM SỰ ẮN ỨC CỦA NHÀ TÙY BÚT HỌ NGUYỄN

Sau khi nhìn lại bước đường sáng tác của Nguyễn Tuân trong hơn 20 năm qua, người ta không khỏi bận tâm suy nghĩ về một tài năng đang bị tàn lụi. Càng thấy xưa kia, Nguyễn Tuân là người sống rộng rãi phóng khoáng, nên nguồn văn của ông cũng không bao giờ cạn, nhưng ngày nay phải thường xuyên đối phó với nghịch cảnh bằng những tính toán nhỏ nhen, kể cả những lúc cầm bút, ta lại càng thương xót cho số phận của ông.

Nếu như trước đây, áp lực của chính trị, Nguyễn Tuân đã phải viết trong một bản tự phê : “ khi mình đã ngờ vực Đảng thì dễ nghĩ sai và làm sai” và “ muốn suy nghĩ độc lập cần phải có cái vốn phong phú về thực tế đấu tranh” (31) thì cũng chỉ là một lời nịnh nọt bao hàm ý nghĩa đùa cợt, châm biếm, vì lẽ sau đó hai năm, chính ông cũng đã thú nhận : “ *Tôi thấy cái tạo thiên nhiên, cái tạo con sông vẫn là gọn gàng, dễ dàng hơn chóng hơn sự cái tạo con người. Con người chuyển vẫn ỉ ạch, đây đưa hơn sự vật bên ngoài*” (32). Và thực tế đã chứng minh rằng tác giả của những Vang bóng một thời, Chùa đàn, tùy bút I, tùy bút II, Thiếu quê hương, Một chuyến đi, nhà bác Nguyễn, chiếc lư đồng mắt cua, Tàn đèn dầu lạc nhưng những chuyến biển ỉ ạch chậm chạp mà lại còn tỏ ra gan lì, ngoan cố trong việc cải tạo thế giới quan và nhân sinh quan cho phù hợp với yêu cầu của đảng.

Cũng không thể chỉ dựa vào một vài câu tuyên bố suông chẳng hạn như sau 2 tháng dự lớp chính huấn Mùa Xuân do Viện Văn học tổ chức, chiều ngày 29-5-1961 tại câu lạc bộ hội nhà Văn, Nguyễn Tuân đã phát biểu “ *Tôi lấy làm vinh dự được làm người trí thức của công nông. Cắt đứt cái đuôi tư sản đi, tôi thấy vui vẻ vô cùng*” để kết luận rằng Nguyễn Tuân đã thật sự giác ngộ lập trường giai cấp, và “ *coi đảng là trái tim khối*

óc của mình” (33) hoặc chấp nhận quan điểm “muốn có ánh sáng trong lòng, trong con mắt, người nghệ sĩ phải thường xuyên uống nước của đường lối đảng” (34) như lãnh đạo thường căn dặn. Đành rằng Nguyễn Tuân là một nhà văn bị thiên hạ gán cho cái nhãn hiệu “tùy thời” thường dùng sự khôn ngoan tiểu xảo của mình để cố gắng thích ứng với mọi hoàn cảnh, nhưng chúng ta cũng đừng quên rằng trong nhà văn Nguyễn Tuân còn tiềm tàng một con người nghệ sĩ. Nghệ sĩ lại là kẻ yêu mê cái đẹp chân chính. Mà hiện thực xã hội miền Bắc thì tràn ngập cảnh đàn áp thô bạo và dọa dẫm bắt công, làm gì có cái đẹp chân chính để cho nghệ sĩ Nguyễn Tuân rung động, nâng niu và tôn thờ. Có nhận thức như vậy chúng ta mới cảm thông vì sao trong 15 năm nay, số lượng sáng tác của Nguyễn Tuân cộng lại vẫn chưa bằng một cuốn sách của ông xuất bản dưới chế độ cũ trước kia. Đó là chưa kể đến phần chất lượng nghèo nàn, bằng phẳng trong hầu hết sáng tác của ông sau này. Thực trạng ấy chắc chắn không phải là điều làm cho Nguyễn Tuân vui lòng, càng không phải là điều khiến cho ông hãnh diện. Có lẽ chính vì vậy mà Nguyễn Tuân đã có lần viết “*Thơ và thời Tú Xương*” (35) như một cái cớ để ký thác tâm sự u uẩn của mình. Thật dễ nhận ra cái tâm sự chua chát của Nguyễn Tuân được gửi gắm trong đoạn văn vừa kể.

Mở đầu, nhà tùy bút nổi tiếng của chúng ta nhắc lại hoàn cảnh lịch sử xa xưa đã khiến ông suy nghĩ về 4 câu thơ **Sông lấp** :

“Sông kia rày đã nên đồng,
 Chỗ làm nhà cửa chỗ trồng ngô khoai
 Đêm nghe tiếng ếch bên tai
 Giật mình còn ngỡ tiếng ai gọi đò”
 để tiện dịp tỏ bày những cảm nghĩ xót xa thâm kín:
 “Con sông lạ mất rồi nhưng hôm nay đây, đọc thơ ông Tú, trong tương lai chúng ta vẫn còn róc rách tiếng sóng nước vọng lại từ găm cầu tre nào của một ngày xưa gần đây. Tú Xương là một chứng từ về đạo học thành Nam tàn lụi vào cuối thế kỷ XIX và kéo cái tàn lụi ấy sang cả đầu cái thế kỷ chúng ta. *Thơ và phú Tú Xương* là tập ký sự chi tiết về đời sống thành Nam, về sinh hoạt vật chất và tinh thần của một

lớp nhà nho văn sĩ”

Ta nghe lời văn của Nguyễn Tuân như phảng phất một nỗi u hoài man mác về những nét vàng son trong quá khứ đã bị con lốc thời đại cuốn hút pha phôi. Ta còn nghe qua giọng văn của họ Nguyễn một nỗi niềm tiếc nhớ cái “vang bóng” yêu kiều của “một thời” cầm bút phụng sự cái đẹp. Nguyễn Tuân còn muốn đóng vai trò một nhân chứng lịch sử của hậu bán thế kỷ xx, nhân chứng của một thời đại mà giá trị con người đồng hóa với một công cụ sản xuất. Và văn chương chữ nghĩa bị hạ thấp xuống ngang tầm với một món hàng chính trị. Thời đại này dưới mắt Nguyễn Tuân có khác chi cái thời và thơ Tú Xương trước đây khiến cho nhà văn ngao ngán :

*“ Một việc văn chương thôi cũng nhảm
Trăm năm thân thể có ra gì.”*

Tú Xương than cho đạo học “sĩ khí rụt rè gà phải cáo- Văn chương liêu lĩnh ẩm ăn xôi”, than rồi lại kêu : “ Chúc cho khắp hết cả trên đời-Sao được cho ra cái giống người “. Tiếng thơ dài mang nỗi lo xa. Con người thơ Tú Xương muốn đứng đắn mà đời sống lại thành ra lưu đãng hão huyền. Con nhà nho khai muốn thanh bần với đạo thánh hiền mà cuộc sống đặt cho nhiều mối lụy.

(.....)

thì còn lại gì ? Thừa rằng là còn lại cái gì đáng còn lại của Tú Xương mà ta vẫn giữ, đang giữ. Nghĩa là những lời kêu bạc kia, những cái cười phá phách kia”.

Nói về người khác cũng là để nói tới mình. Đúng là Nguyễn Tuân muốn thanh minh với hậu thế rằng ông vốn là người quý trọng những cái chân thiện, mỹ, ưa dùng ngòi bút để làm đẹp cuộc đời nhưng văn chương của ông ngày nay lại thường chứa đựng nhiều điều ti tiện, đê hèn là bởi những hạn chế khắc khe của hiện thực khách quan không ngừng vây bủa lấy đời ông.

Nguyễn Tuân lại còn cho rằng 4 câu thơ Sông Lấp của Tú Xương là “ *hư ảnh của những thanh điệu chín nhất, tròn nhất viên mãn nhất*” phải chăng đây chỉ là một cách bày tỏ gián tiếp

tâm lòng gắn bó của tác giả đối với những đứa con tinh thần ngày xưa đang bị ruồng bỏ ? Và hôm nay, trước cái thực trạng văn nghệ khô cằn, trơ trẽn, nhà tùy bút nổi tiếng ấy mới thấm thía nhớ tới các tác phẩm chân chính của mình qua cái ngậm ngùi hồi tưởng đến thơ và thời của Tú Xương: “ *Tôi cho rằng tôi ngày đó trong lòng những người Việt nam của năm 2000, của năm hai nghìn lẻ mấy trăm chi đó, vẫn vang hưởng cái tiếng Tú Xương gọi đò trên Sông lấp*”.

Phải chăng cái tâm sự hàm xúc u ầu của Nguyễn Tuân cũng chính là cái tâm sự náo nùng của những khách sang sông trong một đêm trời nổi cơn giông tố như ông đã bộc lộ một cách kín đáo :

“ Thực ra cái lớp chúng ta đây cũng là một lớp người chưa thoát đò ngang, cũng là vừa sang xong một chuyến, có những chuyến thuận chèo trót lọt nhưng cũng có chuyến gian nan, tay lái không khéo thì cũng dễ đắm con đò có lúc đã chềnh hấn đi”

Phải chăng trước cái chủ trương đã phá tất cả mọi tiêu chuẩn đạo đức cổ truyền dân tộc, gạt bỏ yếu tố trữ tình trong sáng tác vì đảng cho rằng những cái đó là tàn tích phong kiến, là những biểu hiện của một nền văn nghệ tư sản đồi trụy, Nguyễn Tuân đã nói lên niềm mơ ước phục hồi các giá trị tinh thần xa xưa, bao gồm cả những tác phẩm của ông trước kia.

Và có phải chăng tâm tình của Tú Xương hôm qua cũng chính là tâm tình của Nguyễn Tuân hôm nay: tâm tình chua cay đắng đót của một kẻ sống bất đắc chí lê thê kéo dài chuỗi ngày ba chìm bảy nổi, miệng thường hô to các khẩu hiệu của đảng mà lòng thì héo hắt, ủ dột, tâm tính chán chường của một nhà văn giàu bản lĩnh muốn đem ngòi bút để phụng sự cái đẹp, tô thắm cuộc đời, thêm vẻ đẹp cho quê hương tổ quốc thêm huy hoàng gấm vóc nhưng hoàn cảnh xã hội trước mắt lại buộc phải dấn thân vào một con đường sáng tác mòn nhẵn với những giáo điều, công thức sống sượng, nhột nhạt khô khan làm chần lách cả chân trời mơ ước, và cuối cùng là tâm linh rã rời tuyệt vọng của một khách bộ hành đang đứng bên bờ vực thẳm nhưng vẫn cố tạo ra trong lòng mình chút ít hy vọng ở một ánh sáng cứu rỗi nào đó như lời thầm thì khẩn nguyện của nhà tùy bút bất

hạnh của chúng ta : “ *Lúc còn sống để làm thơ, ông Tú là một cây sấu đông ngoài tươi mà trong rầu héo, những lời trào lộng kiêu bạc chỉ là những hiện tượng da thịt bên ngoài phủ lên một tủy cốt chung tình. Cho nên pho tượng Tú Xương của tôi có cái dáng điệu thung dung tự tại của một người bộ hành sang ngang tin rằng sông bao giờ cũng có đò, tin rằng bên lạnh có mặt mừng đến mấy thì cuộc sống tổ chức của cái Thiện lúc nào cũng vẫn sẵn một bóng người du kích đưa mình vượt qua bờ. Mà nó đúng là pho tượng của một nhà thơ tự tin rằng khi mình đã cất nổi một tiếng gọi bên sông vẫn thì vẫn có tiếng đồng điệu vọng trả lời sang*”.

3-1970

SONG-THAI

rút ở tập biên khảo :

(HAI MƯƠI NĂM CÀM BÚT THEO ĐẢNG)

(1) Tạp chí Văn Nghệ số tháng Năm, 1958

(2) Nhà văn Hiện Đại của Vũ Ngọc Phan,

(3) Báo Tân Dân Hà Nội 1940

(4) Tùy bút II. Lượm lúa vàng xuất bản, 1943

(5) Tùy bút I. Cộng lực xuất bản, 1941.

(6) Sách đã dẫn, trang 10

(7) Sách đã dẫn, trang 19

(8) Thiếu quê hương, Nguyễn Tuân

(9) Tùy Bút I, trang 36

(10) Bài **gió Lào** dài 8 trang, đăng ở tạp chí Văn Nghệ xuất bản trong kháng chiến. (Toàn bài đăng lại ở phần phụ đính – chú thích của TQBT)

(11). Tùy bút kháng chiến 1948.

(12). Sách đã dẫn.

(13) Tùy bút kháng chiến

(14) ?? (Không rõ, vì chữ mất)

(15) chữ của Phan Khôi trong bài “*Phê bình lãnh đạo văn nghệ*” - Giải phẩm mùa Xuân

(16,17) Thư gửi Đại hội văn nghệ thứ II của Hoàng Huế, đăng trong giải phẩm Mùa Thu.

(18) Học lập, số tháng 7-1957.

(19) Tuần báo Văn, số 15 ra ngày 16-8-1957.

- (20) Văn số 23 ngày 11-10-1967
 - (21) Học Tập, số đã dẫn
 - (22) Xin tham khảo bài “ 10 năm tạp chí miền Bắc” của tác giả, Văn học số 62
 - (23) Văn Nghệ số tháng 10-1959
 - (24) Tuần báo Thông Nhất số 254 ra ngày 13-4-1962
 - (25) Sông Đà, tùy bút của Nguyễn Tuân, Văn Học Hà Nội xuất bản 1960.
 - (26) Những câu trong ngoặc kép ở phần này đều được trích ở sách đã dẫn
 - (27) Văn nghệ số tháng 10-1960
 - (28) *Nguyễn Tuân và Sông Đà* - Nam Mộc, Nghiên cứu Văn Học số Tháng 5-1961
 - (29) Tuyển lửa - Bút ký của nhiều tác giả - Văn Học Hà Nội xuất bản 1966
 - (30) Văn Nghệ số Tết chống Mỹ ngày 15-3-1968
 - (31) Văn nghệ số tháng 5-1958
 - (32) Sông Đà trang 244
 - (33) Tô Hữu – Qua cuộc đấu tranh chống NVGP, Văn nghệ số 9 tháng 7-1958
 - (34). Nghị quyết của đảng Lao Động về văn nghệ - Văn học số ra ngày 2-7-1962
 - (35) Tạp chí Văn nghệ số tháng 5-1961
-

NHỮNG BÀI THƠ TRÍCH TỪ VĂN HỌC

THANH UÔNG

đẹp xưa

*Mây xưa tan tác bên thành đổ,
Ngõ trúc đi về lạnh ánh trăng.
Một bóng sao xưa sâu vạn cổ,
Buồn xa xôi mấy nẻo hàn băng.*

*Thời xa xưa ấy liễu thanh thanh,
Buông tỏa thêm son rũ nếp mảnh,
Chinh phụ hê trông vời dặm cát !
Chinh phu hê khuất bóng dâu xanh !*

*Trăng xưa một mảnh soi đôi nẻo
Từ buổi chia phôi cách dặm trường
Chinh phụ hê tóc buồn tựa liễu
Chinh phu hê râu trắng phong sương.*

*Trời xưa mây biếc xây sương khói
Gấm vóc rùng thu dệt lá vàng
Chinh phụ hê quen đường thuộc lối,
Chinh phu hê gửi nhớ thương sang.*

*Thor đâu võ kiếm lên yên ngựa !
Vui mấy đèo cao ruổi vó câu !
Đẹp chứ chân mây mờ ánh lửa !
Mộng đâu dừa thép giữa rừng sâu !*

(VH số 1 tháng 11-62)

THÉ VIÊN

Vết thương

1

*Tiếng nước nào chảy trong lòng bàn tay
Giọng ca nào đổ xuống vai này
Em mùa thu môi mộng
tà áo bay tà áo bay,
Ôi ! Bóng hồn xuống chậm.
Những con chim sáo nhỏ trên trời
Chẳng bao giờ buồn nghe bão tố
Và chúng tôi những người
Của thế-kỷ hai mươi - dần vật u uất
Ôi! Những đám mây mùa thu không trở lại
Trên đôi chân gầy - đá - sỏi khô - chết - tình yêu.
Ôi! Một sớm một chiều
Tóc em thành cuồng-phong mắt em thành lửa-biển
Anh làm thơ bằng nửa phiền-tim-buồn
Và gọi dậy thời gian gọi dậy
Huyền bí đông phương.*

2

*Từ già lâu rồi đông-xanh-khô-cỏ
Mái lều xa đóm-lửa-khuya- rừng*

*Thành phố nơi đây khoác áo chiến-binh.
Tường vôi loang-lổ
Anh nhìn đó bao bài thơ bỏ-dở
Cộng rêu xanh đầm suốt linh-hồn
Từng đàn xe chạy từng nụ cười vang
Bước chân cảm-thạch
Anh nhìn đó một mặt trời mới mọc
Sóng xô dồn bãi cát-trắng-hồng-gương
loài sò ốc đọng mù sương
Thờ-lên thờ-lên hấp hối.
Anh nhìn đó và mùa thu đi vội.*

3

*Xin về trong thư viện
Xin về trước thánh đường
Bàn tay em lật trang kinh cầu-nguyện
Những chòm lá xanh bắt đầu tàn rụng
Âm-vang không trung
Ôi ! Nước mắt - nụ cười - rêu xanh - lửa biển
Móng tay dài vuốt nhọn tình yêu
Em còn đó giấc ngủ buổi chiều
Mùa thu rắc phấn trên trời rộng
Chúng tôi áo mềm vai nặng
Hồn-gọi-xưa bằng tiếng thì-thầm
Bom-đạn -*

THẾ-VIÊN

(VH số 2 tháng 12-1962)

LÊ NGHIÊM VŨ

Những ngày ở Huế

chiều nay Huế buồn hay Huế vui

em vẫn còn ngoan như em thuở nào ?
tiếng em nói vẫn là lời chim hót
mắt em nhìn là hai đóm sao

cho anh tiếp làn hơn thở em
đôi môi yêu thương đôi môi run mềm
anh gọi nắng về cho em ngồi hong tóc
xin hãy khoan về ôi bóng đêm

cho anh đưa em qua những con đường
bao nhiêu hàng cây là bấy nhiêu thương
cho anh dìu em qua từng con phố
bao nhiêu tầng mây là bấy vẩn vương

cho anh ôm em trong vòng tay
như nhịp cầu ôm nhánh sông này
xin em không là con thuyền của biển
và anh không là sóng nước dâng đầy

em mãi hiền ngoan em nhé của anh
như mãi nghìn năm lá mãi còn xanh
mộng ước đó như những cánh lúa mới
mọc trên tay những đóa hoa thơm lành
(giai phẩm Văn học 15-4-74)

TRẦN XUÂN KIÊM

Thuở xa người

Một sớm người đi theo mây bay
Ta say nằm lạnh buốt đêm dài
Tỉnh ra thấy cụm hoa đầu ngõ
Ta vẫn còn, hay nổi tàn phai?

Nửa đêm tỉnh dậy thấy sao rơi

Ta nghĩ người đang ở cuối trời
Ôi những đám mây còn lãng tử
Xin để hồn chùng trong đêm khuya

Ôi má người từ nay thôi hồng
Gió cũng trầm thương tóc thôi hong
Mai sau thoảng nhớ mây vườn cũ
Ta yêu người bằng mối tình không

Tóc thơm

người đứng hiên ngoài nghiêng mái tóc
vô tình để rớt một làn hương
trời ơi! ta thấy mây tiền kiếp
bay suốt hồn ta vắng lạ thường

(VH, giai phẩm, 15-4-74 chủ đề Huế trong trí nhớ)

ĐYNH TRÂM CA

Về đây, uống rượu

lòng mới chân rời, ta trở lại
phố quen, người lạ, hồn chợ vợ
buổi chiều thất cổ trên đầu núi
máu rụng lên hai hàng cây khô

quán vắng nghiêng mình bên dòng sông
ta ngồi im một bóng cô hồn
lòng trôi lênh láng trên dòng thuốc
rượu đắng chưa làm quên cô đơn

ngoài kia sương bạc bến đò hiu
đêm lì lợm nhai hết máu chiều
thuyền không một lá, người không bóng
Sao thấp hai hàng mắt đăm chiêu

gió từ âm phủ bay lên cửa
quần quít đôi vai, đầu tóc bù
một đời dang tử sá chi rét
uống đi, ngày cạn, đời dần lu

nâng cao chút nữa lòng khinh bạc
ngửa mặt lên trời cười dã man
sá gì mồm mép người thiên hạ
đời họa có ta biết ngang tàng!

Hết một chai rồi thêm một chai
Rượu chưa say lòng chưa nguôi ngoai
Đời chưa quên được, hồn còn uất
Rủi chết luôn biết đâu là may

Đừng bận tâm chi chủ quán ạ
Hãy cho ta ngồi suốt đêm này
Hôm qua ta có người yêu chết
Không đưa đám được, buồn vậy thay

Ta uống đã nhiều lắm rồi à ?
Có sao ? ta đang muốn say mà
Nhưng ta hiền lắm, tiền sẽ trả
Đời chỉ có ta đứng đắn mà

Cho ta chai nữa rồi đi đi
Ta đang muốn đừng thấy loài người
(Một bầy quỷ dữ cầm kinh thánh
Mẹ sinh con lắm kiếp, mẹ ơi.)

Đêm khuya quán chập đèn leo lắt
Mưa hắt hiên ngoài tiếng gió tru
Thân rã tay rời đầu vầng vát
Mắt trừng không suốt cõi thâm u

Rượu còn dấm giọt, lòng đà mỏi
Nhưng đón đau nào có bay phai
Gục mặt lên bàn mong trúng gió

Kiếp sau ra gì rồi hãy hay...!

ĐYNH TRÂM CA
(VH giai phẩm Nguyễn Du)

LUÂN HOÁN

Ca dao tình yêu

bài 1

*một mình phố lạ chiều mưa
tôi lặn xe đạp đi mua tình người
ngại gì em nổi yên vui
Chắc như chim ngại ướt lười biếng bay
mắt tôi đồ trận mưa này
người che dù mỏng lệ đầy tóc xanh
em đời xuân sắc mong manh
trốn đâu cho khỏi lòng anh giăng sào
ngã tư đường khó gì đâu
anh chia làm bốn thân cầu đón đưa
em qua đời hiểu gì chưa ?
tình anh may lắm thì vừa giấc mơ
đành lòng trôi nổi cùng thơ
làm duyên đáp lễ đôi giờ có nhau
(VH số 51)*

BÙI ĐỨC LONG

Ru tôi

ru tôi ngủ với ngọt bù
đề quên đã tới ngậm ngùi chỗ riêng
ru tôi ngủ với dịu hiền
lỡ mơ thức dậy còn nguyên tấm lòng
ru tôi ngủ với mặn nồng
dù phai lạt mộng vẫn trông suốt đời
ru tôi, tôi có đủ lời
thiết tha trao gửi hồn tôi tặng người.

(VH giai phẩm Chế Lan Viên)

TRẦN NGỌC KIM

Mưa nửa đêm

Mưa đuổi tôi vào con mộng dữ
nằm im mà nhớ tóc em mềm
nằm im mà ngỡ mình phiêu lãng
một kiếp nghèo đêm mưa nửa đêm.

Mưa nửa đêm. Ồ. Mưa nửa đêm
người xưa với mộng... làm sao quên ?
sông sâu, biển rộng, làm sao nhớ ?
có một mùa Ngâu giữa chiếu mền.

Mưa lạnh hồn em trang sách cổ
mưa bài thơ nhỏ thuở mình yêu
hiên em có ấm đời tôi dột ?
nước dưới cầu trôi một cánh bèo.

Tôi với đời như chàng sĩ tử
mười năm không thuộc nổi trường quy
mười năm thui thủi ngồi chơi chữ
chữ nghĩa buồn thiu cũng bỏ đi...

Mưa cũng buồn tôi, mưa ở lại...
mưa triền miên mãi một mùa Ngâu
hiên em nào ẩm đời tôi đột ?
một cánh bèo trôi lạnh dưới cầu,...
(1974)

(VH giai phẩm Chế Lan Viên)

PHẠM LONG SƠN

Rừng nha trinh, khai thơ

Ngâm chân trong suối nước hiền
Một ta ngồi giữa trăm miền cỏ cây
Có trong chiều chút hương bay
Và trong ta có một vài nhớ nhung.

Từ đêm già biệt trắng rừng
Ra đi như thể chưa từng viễn du
Bao lần trăm giữa hồ thu
Vót đôi mắt lạc trong mù mịt sương.

Sáng theo mây trắng lên đường
Chiều phơi áo ngủ trên nguồn nước trong
Đầu xuân rồi cuối mùa đông
Hồn ta nở hết mười bông điệp vàng.

Cũng đôi khi muốn về ngang
Vườn năm cũ, hỏi áo nàng còn xanh ?
Nhưng rồi mây trắng về quanh
Mời ta vào chuyến viễn hành say sưa

Dừng chân đây - ngồi bên bờ
Suối con - nhìn nắng chiều đưa tiễn ngày
Nghe trong chiều có hương bay
Nghe trong tay có một vài nhớ nhung.

Phạm Long Sơn
(VH giai phẩm Thế Lữ)

TRỊNH BỮU HOÀI

Khi đến thăm người

Nhà xưa cửa khép như tờ
Anh qua hồn chạm đôi bờ tịch liêu
Trên đầu một tiếng chim kêu
Một bông hoa rụng rơi chiều hư vô.
(VH giai phẩm Thế Lữ)

HOÀNG LỘC

Chàng

*có mái tóc nào vừa ứa vàng tẩm bụi
hai bàn tay nào còn chơi với hư không
chàng cúi xuống đọc tên mình rất vội
hồn lênh đênh khi máu ngủ lưng dòng*

*có tuổi trẻ nào lang thang vĩa phố
thân phận nào cam nín dưới vòng xe
chàng bắt gặp chàng nhìn nhau tủi hổ .
khuôn mặt này tròn trịa đến khát khe*

*có què hương nào mười năm rách nát
định mệnh mang đi anh em bằng hữu đồng bào
chàng chạy trốn dấu đôi chân què quặt
con phượng hoàng thôi gáy bỗng bay cao*

*Không còn gì không còn gì cúi xuống
lời kinh cầu chọt cắt giữa thâm tâm
rồi từ đó chàng như loài cỏ mọc
từng chiều vui tiếng khóc cũng âm thầm*

*Hoàng Lộc
(thơ anh bây giờ)*

(VH số 69)

LAN SƠN ĐÀI

những người mới tới nói cho đám đông

*tặng lũ mây mỗi đũa một nhát guom
đỉnh kèm lời phi nhỏ
cả ngàn năm ô nhục vừa bước qua
tặng lũ mây một trăm năm nô lệ
với mười năm kháng chiến bị cướp công
thêm chín năm cộng hòa nhân vị
tặng lũ mây niềm bất hạnh của lạc hồng
hãy mang theo mà làm kỉ niệm
thứ kỉ niệm bằng vàng đỏ nghe các con
tặng lũ mây những thời đất khô
đó là quê hương đó là tổ quốc
quê hương liệt oanh tổ quốc anh hùng
việt nam chúng tao toàn những quang trung
toàn nguyên trái vừa làm thơ vừa đánh giặc
toàn con gái tinh thần ngọc hân trưng trắc
lũ chúng mây biết không biết nổi hay không
tặng lũ mây chút tinh thần vô địch
của chúng tao mấy mươi năm chiến tranh
hãy mang theo mà về địa ngục từng đêm ngủ gối đầu nằm
tặng lũ mây những đũa con hoang*

*những đứa con quên giòng quên giống
lũ chúng mày rõ mặt nó chưa
chúng đang khóc loi nhoi ngoài kia vĩ tuyến
chúng đang làm cho máu mẹ chảy thêm
chúng đang làm cho đất mẹ tan hoang*

*tặng lũ mây đạn đồng và bom
ở đồng quê nơi bà con thân yêu chúng tao ngày đêm chịu
đựng
đau khổ nhân lên
đó là ruột rà chúng tao đang đứt*

*tặng lũ mây nhiều cặp-mắt-nai-tơ-con-gái-nhỏ
và tình-yêu-vĩnh-biệt khi-chưa-thành
cùng nhiều thứ chia ly khác nữa*

*tặng lũ mây bao nhiêu thứ đó đi đi
nhân danh việt nam khổ đau chúng tao chia buồn chút đỉnh
chút đỉnh thôi nhớ nhà các con
tình yêu đúng ra phải dành toàn phần cho quê hương cho tổ
quốc
quê hương liệt oanh tổ quốc anh hùng
việt nam chúng tao toàn những quang trung
toàn nguyên trái vừa làm thơ vừa đánh giặc
toàn còn gái mang tinh thần ngọc hân trưng trắc
lũ chúng mày biết không biết nổi hay không ?*

*LAN SO'N ĐÁI
(VH số 58 phát hành 15-5-1966)*

HOÀNG PHÁP

Đêm mưa tình lẻ

Mưa từ biên giới giăng qua
Bay hay giọt lệ thật là nhớ em
Mười năm xuôi ngược đưa chen
Bây giờ em đã sang hèn ra sao ?

●

Đêm đầy đồng nội nhái kêu
Nhớ em Thái trắng mộng nghèo như ta
Mưa mưa kéo sợi quanh nhà
Ở đây buồn hết như là Buông Reo
(VH giai phẩm Thế Lữ)

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Bài già biệt

*Dalat mưa hoài nên Dalat buồn
Con đường thì dài nên con đường bi thương
Tôi ôm mối sầu hai vòng tay rộng
Máu ở tâm hồn cũng xối xả tuôn*

*Tiếng trống trường đầy ly rượu đầy
Khói thuốc lên mờ đôi mắt cay
Em là thần tượng vừa sụp đổ
Bỏ lại lòng anh những dưng dưng*

*Thôi còn gì đâu cầm lấy tay tôi
Thôi còn gì đâu cầm lấy hồn tôi
Này đây những lời đau thương thứ nhất
Chia nhau mỗi người làm vốn sinh nhai*

(VH số 49)

NGUYỄN SA

Người em sống trong cô độc

Tay anh dài sao em không gởi mộng
Thơ anh say sao chẳng uống cho đầy
Mắt thuyền trôi anh chèo cả hai tay
Sao chẳng ngự cho hồn anh xuống nhạc

Sao chẳng đến cho lá cành xanh biếc
Năm ngón tay anh trở lá mùa xuân
Ngọc cho em anh đúc ở thư phòng
Có lửa cháy trong mắt buồn da diết

Có thơ thấp sáng trong từng ánh nguyệt
Những lời êm bầy biện với linh hồn
Có mùa thu thay áo ở đầu non
Cho dịu lối em về mai lá rụng

Em chói sáng trong tình anh cô độc
Cả cuộc đời mộng ảo nhón bùng lên
Gót kiêu thơm chuyển bước: bút thần run
Chờ em đến tuổi trời anh đốt lửa

Hãy thở gấp cho anh nhiều hơi thở
Mắt mở to cho biển rộng vô cùng
Hãy ban từng khoé mắt đốt hoa đăng
Và má đỏ tiếp hồng xuân vĩnh viễn

Em đã đến chưa? Sao đêm chợt vắng
Cả cuộc đời xáo động chợt hao đi
Những ngón tay dần chuyển đến hôn mê
Và tà áo phủ chân trời trước mặt

(VH số 36 ngày 15-4-1965)

HOÀNG YÊN TRANG

thư gửi người phương cũ

chung quanh anh toàn là dây cháy chậm
ô vuông bán đồ sao toàn màu rừng man thiên
nhìn một bận bóng thiết tha em nhòa bóng tối
anh giật mình kênh rạch nhận đàn luôn

Anh trần trọc nằm đêm nhắm từng tọa độ dịch
màu bút chì xanh đỏ đứng nghênh nhau
nghe một thoáng tên em hòa tiếng súng
anh đứng nhìn hoa lửa cháy trắng sao

Vùng trí nhớ ở ngoài tầm liên lạc
anh nhìn anh sao cứ mãi u minh
trái khò bay hay màu chiều thở vội
anh tìm nghe mùi gạo mới quê hương

Mỗi mặt trời lên đôi mắt thêm nhiều lo ngại
gió ồn ào hoa sậy xoắn trên thân
dáng tóc em vai mềm hong nắng cũ
anh lộ sinh ghi đậm dấu yêu em

(VH số 49)

PHƯƠNG TẤN

Vỡ

tay ốm quá làm sao con che hết
biển xô nhanh trên cùng suốt dân mình
khi qua đó e người giống nổi chết
nổi thật đen xòe đôi cánh đao binh

con rẽ bóng sóng chung cùng rập muối

*lòng âm thầm nương nước mắt bay xa
máu xẻ ngực viên từng hơi thở cuối
sao trên tay bong bóng vỡ trong trời*

*thân vắng nước thân lột vòng heo hút
cầm đau thương làm vũ khí trong con
đêm ngại ngủ nằm chuyền tay máu thuốc
lửa trên môi cho lửa lẩn trong hồn*

ơi chú lùn

*phóng bùa vong bản
tiêu máu nhân dân
vàng phố*

*vàng cờ
chân vô thức bủa quanh đầu cách mạng
con gờ hồn thân bỗng ứa mệnh mang*

*bầy nước lớn – giòng chim rừng vỗ cánh
nghe khốn cùng theo phố chợ trôi lên
sâu cúi xuống chìm sâu vào lịch sử
lòng tro đen cùng xiềng xích quay đều*

*con bầu mặt con tường mình xa lạ
buồn đong đưa buồn động xuống hoang mang
nổi chết đỏ đột nhiên thành ân huệ
quê hương kia ôi màu máu kinh hoàng*

con đại

*con ngu
cam mình bất hạnh
xin quay về chong đôi mắt xanh xao
đứng ngó tổ tiên
ngó cùng dân tộc
ngó xuống hồn thân bỗng ứa mệnh mang...*

*Phương Tấn
(VH số 36 15-4-65)*

THÀNH TÔN

tự thú

thân đã mỏi theo chiều con sóng động
hồn đã dày rêu cỏ mọc quanh năm
những nhọc nhằn nổi trôi cùng cuộc sống
tôi hóa thân làm sỏi đá âm thầm

kể từ đó từng vòng lẩn chổng mặt
áo com xin tình cảm mượn vay nhờ
sống vội vã như một loài bọ chết
không ngại ngần chui rúc cả trong mơ

miệng vẫn mở những lời to nghĩa lớn
lòng trống không, không cả vòng tay tình
tôi dối lừa tôi mới là đau đớn
có ai còn muốn hiểu nghĩa văn minh

thôi cũng đành hát ca và góp mặt
tôi đã buồn như thế hai mươi năm
vô lẽ sống trong tận cùng cái chết
để hồn nhiên phải thẹn nỗi xa xăm

chút ý nghĩa còn vương trên mái tóc
tôi chải đầu giữ vốn liếng đời tư
thôi danh vọng trả cho người mới mọc
tắm thân này không xứng nửa đồng xu

Thành Tôn
(Thấp Tình)
(VH số 57 thi ca da đen 1-4-1966)

CAO THOẠI CHÂU

Một mình trong giấc mơ đen

Ở cuối đường anh bắt gặp mùa đông lẫn tròn trên những lối đi hoang phế mà lá hoa thẹn thùng dấu mặt. Nỗi cô đơn chạy rần rần trên những ngón tay và u buồn như mảnh vải bao kín châu thân

Anh cô đơn thật tình đó em

Trên tam cấp nhiều chồi non nhảy múa trên cành biếc và bầy chim từ xa về mỏ vàng rũ rượi chúng trầm tư và chán ngán ghen ngào như trái tim anh. Anh nói một mình người ta không còn rượu nữa bởi bầy chim uống cạn và say. Đôi cánh xù và giọng hót thơ ngây như giấc mơ nào em về nói cười khép nép

Anh cô đơn thật tình đó em

Anh leo lên miệng bình phân bua về sự trống vắng với hoa đào hoa cúc hoa lê và tuyết trắng. Và bầu trời ngàn năm im lặng như chứng nhận của một thời đại. Thời đại buồn mua rẻ chúng ta. Anh nói về quê hương và hòa bình sau mấy mươi năm chịu nhục nhằn như một thói quen. Quê hương mai sau có mùa đông mau tàn có mùa xuân vội vã hồi sinh và mùa hè mây ngàn gió nội. Đầu mùa thu em mặc áo vàng anh bóp trán tìm nơi hò hẹn khi trở về vàng võ dung nhan. Ôi quê hương quê hương thần thánh

Anh cô đơn thật tình đó em

Sao anh không là chim loài chim vô tội để mỗi đêm gọi tên dĩ vãng bi hùng gọi tổ quốc thân yêu tên người tình hấp hối. Và vòng tay ôm em nói thầm chúng mình thoát chết chúng mình nhiều may mắn khi cuộc chiến đi qua móng cào rách nát. Em nằm đó như đồ vật không nhận ra hình thù và không tên gọi

Anh cô đơn cả đời sao em. Anh chạy dài trong khu vườn

hoang vắng như kẻ điên trở về nhìn đồ nát và run rẩy như
ngón tay lùa vào tóc em lần đầu biết yêu biết ôm biết khóc

Anh gào thét nhưng ngôn ngữ anh dùng loài người chưa
hiểu cả loài chim cũng ngoan cố bỏ đi. Anh bụm tay gọi em
từ vùng trời xa vắng chìm lẫn từ thế giới phai mờ nào khác.
Gọi quê hương mai sau thần thánh nhưng chỉ nghe tiếng
vọng là lá khô xào xạc nên buồn rầu anh khóc thi cùng thác
lũ. Nước mắt anh tràn đầy những chiếc bình bỏ trống anh
nổi sùng giơ chân đập vỡ những chiếc bình rồi bỏ đi mắt
buồn chảy máu
Anh cô đơn thật tình đó em.

NGUYỄN PHAN THỊNH

Quê Hương Tình Yêu Và Mùa Xuân

em vào nước mắt xuôi xa
tình con nhện nhỏ la đà tháng năm
mưa về trắng phố thăm hiên
mất đi ngỡ nhớ tuổi nằm lao xao
mãn khai rơi rã mai sao
ngỡ con chìm nổi qua cầu bơ vơ
còn gì yêu cũ thương xưa
bóng nhòa bóng cũng dật dờ còn xanh
thôi rồi hàm tiếu mịn manh
đổ đời là tả vũng ghềnh cỏ phơi
ngâm đi pháo nổ theo lời
nín đi lửa khói theo trời giăng giăng
say vui ố rượu ngày xuân
nhỏ dần nước mắt rờn rờn ngỡ vui
trường sơn sương khói ma hời
quê hương chợt cựa thân cười héo hon
em vào lòng dạ bỏ không
xuôi ra đau khổ từng bùng ấu nhi
kề vai tay chấp chân quỳ
xuân chi không nghĩa bây giờ nữa đâu

dành cho một chút thương nhau
bỏ con yêu dấu cơ cầu thanh niên
hồn bay lả chã ưu phiền
phách chìm xào xạc tuốt miền ngựa xe
còn gì ăn nói ngó nghe
ngủ thôi một giấc mẹ bà ru ru
ngủ thôi một giấc ngây thơ
xuân ồ
em bỗng vui ra cười cười

Qui Nhơn
Nguyễn Phan Thịnh

(VH số 53)

NINH CHỮ

Tình Yêu Và Mùa Xuân

nụ hôn đầu trên môi
với tâm hồn mời gọi
mùa xuân đi qua đời
em ngự trị bên tôi

ngày mai tương lai đến
hoa lá cỏ mọc đầy
màu hồng anh xin tặng
tình yêu và tự do

nghìn sau là hôm nay
mùa xuân già trái ngọt
con tim mùi hạnh phúc
trời xanh rủ mây bay

mười chín năm đi qua
đời không còn bờ ngõ

đời không còn bơ vơ
tình yêu mời tương lại

em ca đời say đắm
anh ngủ dài ngất ngây
tình yêu này xin tặng
nụ hôn đầu trên môi

Sài gòn
Ninh Chữ

(VH số 53)

DƯƠNG KIÊN

như thế đó

Tôi buồn như thế đó
Mỗi lần tỉnh giấc tôi buồn như thế đó
Như con chim vỗ cánh trong lồng
Như nỗi buồn lũ thỏ
Sợ tiếng kêu vang tiếng gầm dã thú
Sợ tiếng kêu vang dân tộc mình xụp đổ
Tình yêu mình xụp đổ
Sợ viên đạn đồng cắt ngang hơi thở
Không còn mùa thu chẳng còn mùa hạ

Tôi buồn như thế đó
Mỗi lần hôn em tôi buồn như thế đó
Sợ đôi môi em tanh nồng máu đỏ
Sợ đôi môi tôi lạnh ngắt niềm vui
Tôi sợ hoang mang chẳng dám gọi em ơi
Sợ em trần trỗng như con khi cái

Tôi buồn như thế đó

Mỗi lần hoàng hôn tôi buồn như thế đó
Đêm nay hỏa châu vẫn còn soi tỏ
Những cặp tình nhân không còn chỗ núp bình yên
Tôi nhìn em òa khóc tự nhiên
Như ba mươi năm xưa lọt lòng tôi khóc
Như ba mươi năm xưa mẹ òa tiếng khóc
Trong niềm vui nổi sướng thuở lâm bồn

Và cứ thế tôi buồn
Và cứ thế tôi buồn như thế đó
(VH số 69)

SÁNG TÁC TỪ THÂN HỮU



NGUYỄN THỊ LIÊN TÂM

RANH GIỚI



Ảnh : Internet

Hương sen cứ phảng phất. Loang loáng hồng, loang loáng trắng, Những giọt nước trong suốt cứ nhảy múa trên những chiếc lá sen xanh. Mơ hồ, có tiếng của vị chủ tịch Hội đồng chấm thi ngành Sinh học vang vang bên tai:

- *“Xin chúc mừng học viên Cao Trầm Thủ đã bảo vệ thành công luận văn Cao học với số điểm 9.6, đạt loại xuất sắc”.*

Trong ánh nắng lấp lóa đầy ảo giác, tôi như thấy cả hội trường vỗ tay rào rào, mọi người ủa lên vây kín tôi, nhiều bó hoa được đặt vào tay tôi. Tôi bơi trong không khí ngọt ngào. Có vật gì nhờn nhớt vừa len qua cổ, nhờn nhớt. Tôi choàng mở mắt. Một con rắn nước đen nhem vừa trôi qua.

Tôi lại mơ mơ hồ hồ nghe vị thầy đáng kính nói:

- *“Những mẫu phiếu sinh mà anh sưu tập từ nguồn nước ở Bàu Trắng thật đáng quý. Tôi nghĩ rằng không một ao hồ nào*

trên nước ta có hệ phiêu sinh đa dạng và khác lạ như thế. Xin cảm ơn tinh thần nghiên cứu, khám phá để phục vụ cho khoa học của anh”.

Nhưng ô kìa, những lọ đựng phiêu sinh đang lều bều, lạnh lùng trôi trước mắt tôi. Tôi quý chúng lắm, tôi mất ăn mất ngủ vì chúng kia mà. Mặc, chúng vẫn bơi len lỏi vào những chiếc lá sen xanh mướt đang giăng đầy trên mặt nước. Chúng ngả nghiêng, nhảy nhót, vọt xa khỏi bàn tay tôi, lơ lửng lơ lửng trôi ra xa.

Một đám mây thật lớn lướt qua tôi. Bầu trời tắt nắng. Mắt tôi tối sầm lại. Hình như có ánh trăng đêm huyền hoặc. Trăng mờ mờ như phủ sương. Giữa mệnh mang bao đời bãi cát trắng ngút ngàn; bầu Ông, bầu Bà nằm kề bên nhau mà muôn đời xa cách bởi một con đường đất ngăn đôi. Tiếng hát véo von của ai đó cất lên. Tiếng cười nói, tiếng đối đáp... du dương. Có cả tiếng sáo trúc réo rắt. Tiếng cuốc xẻng va vào nhau chan chát, thậm thịch như tiếng cồng chiêng lúc đục, lúc thanh. Tôi say trong không khí rộn ràng của những đêm trai làng bầu Ông say mê gái làng bầu Bà nên xuống giúp đào bầu mãi miết. Lại còn lén vớt sen đem xuống trồng nữa. Tôi nghĩ lan man: “*Hèn nào, bầu Bà vừa rộng, vừa sâu, vừa mệnh mang sen là sen*”. Sen hồng, sen trắng, lá xanh mướt mắt, bâng bâng giăng giăng trên làn nước lạnh trong... Một nụ sen hồng nhô lên ngay trước mũi tôi, ngào ngạt hương. Tôi không dám buông tay ra để ngắt.

Mơ hồ, tôi đang cheo cái xỏng nhỏ chở Thảo đi vớt sen trên Bầu. Sen trắng tinh khiết. Thảo bảo thế nhưng vẫn thích tôi vớt thật nhiều sen hồng. Con gái thường thích màu hồng. Còn tôi thì thích nhìn đôi gò má ửng hồng của Thảo dưới ánh nắng mặt trời. Và tôi quên hết mọi chuyện. Sen hồng nở nhiều quá, đẹp đắm thắm và trang nhã. Là tôi nghĩ thế. Tôi lấy cây sào cố vớt búp sen hồng trước mặt. Chiếc xỏng tròn trành. Lật nhào. Hé mắt nhìn, sen nhiều quá. Nụ dài, nụ ngắn nhô lên đầy mặt nước. Chân chúng không chạm đất như chân tôi lúc

này. Bàu sâu thật. Nhưng không thể cho một giọt nước lọt vào can nhựa. Vì thế mà không thể bỏ tay để vớt sen. Bàn tay tôi đã thít chặt vào miệng can nhựa nhồi như một định mệnh. Cơ thể mỗi nhừ. Có lúc, nước chao mạnh lấp xấp tới mũi. Nhột quá. Tôi mệt đứt hơi, tai lùng bùng như đầy nước.

Đám phiêu sinh boi loạn xạ. Dưới kính hiển vi trông chúng kinh khiếp quá: chân đầy lông lá, thân hình vằn vện nhiều khúc, mắt thường nhìn không thấy được. Bây giờ, tôi cũng không nhìn thấy. Nhưng tôi yêu chúng và đang khổ sở vì chúng. Có lẽ chúng đang giễu cợt nhìn tôi mà tôi không hay không biết.

Tiếng gào tha thiết của thằng bạn thân vừa gần vừa xa cứ ong ong bên tai:

- “*Cố đội tao, Thủ ơi*”.

Những tia nắng lửa tinh quái nhấp nháy trên làn nước loang loáng bạc. Mắt tôi chớp chớp, chớp chớp... Chớp quá. Tôi nhắm nghiền mắt lại. Con mắt rử rử con buồn ngủ kéo ập đến. Tôi ráng mở mắt, há miệng ngậm một ngụm nước. Nghe đầy mùi rong rêu. Muốn trào ra ngay. Quẫy chân thật nhẹ để thăm dò. Một đồng nhày nhựa quân riết bên dưới. Hình như cơ thể lún sâu thêm một chút vì mũi đã mấp mé làn nước.

Có lẽ đã năm phút... Có lẽ đã mười phút... Có lẽ đã lâu lắm rồi. Nắng rất quá, cháy bỏng da. Nước dưới chân thì lạnh ngắt. Ngang mặt nước, tầm mắt tôi nhìn thẳng về phía trước. Chiếc xống nhỏ ai neo ở đó đập dềnh nhìn lại tôi: một cái chớp đội mũ với nhúm tóc ướt nhẹp và một đôi mắt thất thần đang lều bều trên mặt nước.

Tôi há miệng để đón không khí. Vài bọt bong bóng xuất hiện. Máy lọ phiêu sinh có lúc xuôi đi, có lúc lại duyên dáng vây quanh chiếm cả chút không khí mà mũi tôi có được. Bị hắt tung xuống bàu là bao nhiêu thứ đồ dùng tôi mang đi phục vụ cho chuyến thực nghiệm tìm thêm mẫu phiêu sinh: máy ảnh, các chai lọ đựng mẫu, nón, can đựng nước... Tay trái ôm chặt

cái can nhựa. Tay phải bịt chặt miệng can vì cái nắp đã văng mất khi cái xống lật úp. Từng giây sự sống của tôi bầu vịu vào chiếc can nhựa. Nếu nước tràn vào can, tôi sẽ chìm ngay xuống bầu cùng lũ phiêu sinh. Nhưng chúng thì sống phiêu linh, còn tôi thì không.

Nhưng sao lúc này, tôi vẫn thấy những bông sen, bông súng thật đẹp. Cái cảm giác thoáng qua thật nhanh như ánh chớp rồi tắt ngấm nhưng nó giúp tôi thanh thản một vài giây. Một làn sóng nhẹ đẩy tới. Nước lại mấp mé vào mũi. Ngộp thở. Khát khô cổ. Tôi há miệng đón một ngụm nước nữa. Mất cay xè, chân tay cơ hồ không còn cảm giác. Khuôn mặt của ba mẹ, của Thảo lần lượt hiện ra nhoang nhoáng trong ánh nắng gay gắt của mặt trời đứng bóng. Nhắm mắt lại. Nhưng cảm giác cái chết sắp đến khiến tôi mở mắt ra ngay.

Tiếng mái chèo khua mạnh. Chiếc xống lớn xuất hiện cách tôi không xa. Tiếng thằng bạn vang lên mơ hồ. Tôi không còn chút sức lực nhưng tôi biết nếu buông tay khỏi cái can nhựa là tôi chết. Là từ giờ tất cả những người thân yêu để đi về một thế giới khác mà tôi không thể hình dung nổi sẽ ra sao. Chỉ biết chắc chắn rằng thế giới đó không có ba mẹ, không có Thảo và bạn bè. Tự nhiên nước mắt tôi ứa ra, mặn mặn.

Thêm một chiếc xống nhỏ xuất hiện thật gần chỗ tôi. Người đàn ông định đưa tay ra cho tôi nắm, nhưng rút lại thật nhanh. Anh ta nói:

- *“Anh cố chịu đựng chờ dây ném tới, vì nếu tôi đưa tay ra cho anh nắm thì xống sẽ lật ngay”.*

Tiếng thằng bạn văng vẳng đâu đây:

- *“Cố ôm chặt can, chừng nào tao quăng dây đến gần mới thả nghe, Thủ ơi”.*

Nước cứ lao chao, lấp xấp. Chiếc xống nhỏ đang từ từ trôi ra xa. Tôi chói với. Một quá, không còn chút sức lực. Có lẽ mặt trời không trôi đi nữa. Thằng bạn quăng một cuộn dây từ nơi khá gần bờ đến chỗ tôi đang mắc nạn. Nhưng sợi dây cách tôi xa quá. Nó quấn dây lại từng vòng vào cùi chỏ rồi quăng tiếp lần hai. Trật. Lần ba. Cũng xa tầm tay với của tôi. Bàn tay

phải vẫn bịt chặt miệng can. Tay trái vẫn ghì chặt can ...

Người đàn ông la lên:

- *“Đừng thả tay ra. Tôi sẽ kéo dây tới cho”.*

Anh ta bơi xổng thật nhẹ cho nước bớt chao, nhờ thế nước không chui vào mũi tôi. Rồi anh ta lấy cây sào đẩy nhẹ đầu dây đến chỗ tôi. Đầu sợi dây vướng vào búp sen bên cạnh. Người tôi rung lên. Nước mắt ứa ra vì mừng quá sức. Bàn tay cứng đờ đang bịt miệng can nhựa từ từ buông lỏng để chụp lấy đầu sợi dây. Thằng bạn kéo mạnh, tôi nương theo đó mà bung lên, kéo theo đám rong rêu bám đầy đôi bàn chân. Người đàn ông lấy sào hất bớt rong rêu ra khỏi bàn chân tôi, giúp tôi nhanh chóng vượt lặn ranh mong manh giữa sống và không thể sống.

Thì ra, thằng bạn đã bơi được vào bờ và mượn được xổng, dây nhợ... Nó gọi thêm một người đang bắt tôm cá gần đấy đi cứu tôi. Chiếc xổng nhỏ của người đánh bắt tôm cá quanh bờ đến trước khi thằng bạn chèo xổng lớn đến.

Chuỗi người trên cát; cả ngực, cả bụng... tôi đều bị trầy xước do những cành sen già có gai nhọn cứng nằm chìm dưới nước cào cào. Gặp cát khô bỏng cháy, những lần xước ở phần dưới cơ thể như bị xát muối, nhức buốt khiến tôi không chịu đựng nổi. Tê điếng cả người. Hình như có nước ấm ấm đang loang ra dưới bụng. Bàn tay phải của tôi lồm hãm một vòng tròn rướm máu do cổ bịt chặt miệng can. Toàn thân rời rã, tôi nằm vật ra cát, mê man. Trong cơn mê mõi khôn cùng, tiếng Thảo cứ vừa gần, vừa xa...

Tôi đã vượt qua một quãng thời gian gần hai mươi phút chống chèo, ngụp lặn trong Bàu Trắng để giành sự sống. Tôi thất bại trong thực nghiệm vì các lọ phiêu sinh đã không còn. Và hai mươi phút giữa ranh giới mong manh, giữa hai bờ hư thực để chiêm nghiệm ý nghĩa của cuộc sinh tồn thật vô cùng quý giá. Suy nghĩ của tôi tăng thêm khoảng vài mươi tuổi thọ và tôi thấy mình không là gì cả. Nhưng tại sao khi cận kề cái chết, những hình ảnh cuối cùng hiện lên vẫn thuộc về tình yêu?

Ba mẹ và Thảo không hề biết tôi bị sự cố khi long rong trên Bàu Trắng để tìm kiếm mẫu phiêu sinh lạ. Thảo vẫn cứ hay

nhắc tôi mượn xống để chèo ra Bàu vớt sen hồng cho nàng.
Tôi cứ hện lần hện lửa...

Những vết sẹo dài ở bụng dưới do những cọng sen già khắc
vào vẫn chưa thôi ám ảnh tôi... Hình như tôi đã thực sự già
đạn đi từ những vết sẹo ấy!

N. T. L. T

Câu Chuyện Văn Học
Về nhà thơ Đỗ Nghê và thi phẩm đầu tay:
“Tình người”.

Tản mạn của Trần Hoài Thu

1.

Phạm văn Nhân chuyển cho tôi bài viết của Thu Thủy (một bút hiệu của Võ Phiến) về tập thơ *Tình Người* của Đỗ Nghê vào năm 1974, để chúng tôi đi vào Mục Di Sản văn chương miền Nam.

Tôi nghĩ, đối với nhà thơ Đỗ Nghê, tôi cần phải viết nhiều, và đây là dịp để tôi muốn tỏ bày những gì tôi biết về ông, và thơ ông.

●

Hiện nay chúng ta vẫn thường đọc những bài viết của bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc ở trên Net. Bài viết của ông, mặc dù là những lời của một vị bác sĩ, nhưng là những tâm tình thật âm ập thi ca, bởi vì - rất dễ hiểu- trước hết ông là nhà thơ – hôm qua và bây giờ.

Tôi có được cơ duyên gần gũi với nhà thơ họ Đỗ này trong một thời gian khi tôi làm lính vùng hai. Cứ mỗi lần đi phép, tôi hay chọn SG để về. Có hai nơi để tôi qua đêm. Đó là cái cabin của vợ chồng họa sĩ Hồ Thành Đức & Bé Ký và căn lầu của Đỗ Nghê tại một hẻm gần khu Bàn Cờ.

Và những lần rảnh rỗi, Đỗ Nghê vẫn hay chở tôi bằng chiếc Vespa đi rong chơi các phố SG, hoặc có khi đêm đêm hai đứa ghé tại một quán bánh cuốn lộ thiên ở đầu hẻm. Một chàng bác sĩ luôn luôn chỉnh tề chỉnh chặc, miệng hay nở nụ cười, với đôi kính trắng, dáng người phốp pháp, đi đứng thì ung dung, nói năng từ tốn, không bao giờ chửi thề, hiền như bụt ...lại làm bạn với một tên lính bụi đời, phóng đảng, thì quả là chuyện lạ, khiến một số bạn bè ngạc nhiên không ít. Làm sao họ biết có một thứ chung như keo kết dính chúng tôi. Đó là lòng yêu mến nghệ thuật, thi ca chảy trong máu huyết.

Bằng chứng ?

Hãy nhìn quanh ông: bạn bè toàn là nhà văn, nhà thơ.

Với mẫu người như vậy, nào ai biết ông đã lập một kỳ công là xây cái nhịp cầu Ô Thước ngay tại con đường Phan Đình Phùng SG gần tòa soạn Bách Khoa để giúp một chàng Ngưu Lang từ chót vót Trường Sơn và nàng Chức Nữ ở mút tận đồng bằng châu thổ gặp nhau ! Cái cầu ấy được thực hiện bằng chiếc Vespa mà ông đã làm tài xế để thả chàng xuống trước tòa soạn, rồi sau đó dzọt lẹ !

Nhưng thú thật, thân thiết với ông như vậy, nhưng tôi vẫn không thể hiểu tại sao ông lại ký bút hiệu là Đỗ Nghê ?

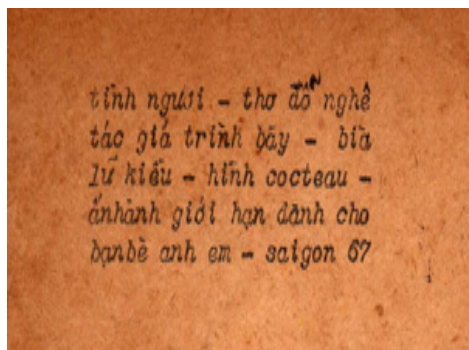
Giữa hai tên Đỗ Hồng Ngọc và Đỗ Nghê, nghe Đỗ Nghê nó có vẻ không “ấn tượng” chút nào, nhất là bút hiệu này được khai sinh ở một thời có Tôn Nữ Hoài Mi, Trần Như Liên Phụng, Hoàng Yên Trang, Nguyễn thị Thùy My...những bút danh nữ nhưng sự thật là mây râu rặt. Có lần tôi tự hỏi, bộ văn chương VN hết chữ rồi sao mà chàng lại bắt chước một Nguyễn Ngu Í để chọn bút hiệu Đỗ Nghê ? Hay là chàng thi sĩ này muốn lập dị chơi ?

Nay được ông giải thích lý do:

...Mẹ tôi họ Nghê. Nghê Thị Như. Năm 1956, đi làm Thê căn cước, người làm hộ tịch nói họ gì họ Nghê, bà nói tầm bậy, họ Lê chứ! Rồi ông ghi ngay vào sổ bộ: Lê Thị Như.

Tôi làm thơ từ hồi trẻ, đã lấy bút danh Đỗ Nghê. Năm 1967, in tập thơ đầu tay, TÌNH NGƯỜI lúc đang là sinh viên y khoa, do Lữ Kiều (Thân Trọng Minh) người bạn cùng lớp làm bìa, và năm 1973 in tập THƠ ĐỖ NGHÊ, đều dưới dạng ronéo để tặng bạn bè anh em. Sau này, các tập thơ khác của tôi như Giữa hoàng hôn xưa, Vòng quanh, Thư cho bé sơ sinh & những bài thơ khác với tên thật Đỗ Hồng Ngọc. Người cũ trách sao không giữ Đỗ Nghê, người mới không biết Đỗ Hồng Ngọc là Đỗ Nghê. Sau 75, nhiều ông Đồ xứ Nghệ thường được báo chí viết là Đồ Nghệ, rất dễ có sự nhầm lẫn.

“Tình Người” thất lạc, may gặp lại từ một người bạn cũ. Bìa long, gáy rách, lem luốc... Nhưng vẫn là một kỷ niệm đáng nhớ của tuổi đôi mươi, của một thời như xa lắc... Mới thôi, mà đã nửa thế kỷ! Những bài thơ thời đó như vẫn còn mới toanh! Thư cho bé sơ sinh, Tâm sự Lạc Long Quân, Tổ Quốc, Lời Ru..



2.

Tập thơ đầu tay của ông dù chỉ là những trang quay ronéo, cái bìa với hàng chữ Tình Người không có gì là đẹp mắt chút nào, nhưng ông lại bồi hồi khôn tả. Ừ, thì ai lại không bồi hồi, khi thấy đứa con thất lạc của mình sau gần 50 năm mới được gặp lại. Nhưng ở đây chẳng những bồi hồi, nhà thơ còn tìm gặp

một điều gì khác:

Những bài thơ thời đó như vẫn còn mới toanh.

Vậy “mới” là gì ? Tạo sao là mới ? Chẳng những thế mà còn là “mới toanh” !

Tôi bỗng liên tưởng đến chữ “cửa” được Trần Đăng Khoa giải thích qua cội thơ Phạm Tiến Duật:

“Thời chiến, nói đến Phạm Tiến Duật là người ta nhắc đến Lửa đèn, Nhớ, Gửi em cô thanh niên xung phong. Nó tạo được một ấn tượng đặc sắc. Bây giờ đọc lại Phạm Tiến Duật, tôi lại bị ám ảnh bởi Khoảng tối trong rừng, viết về một cô nuôi quân trong rừng Trường Sơn, đặc biệt, là Cô bộ đội ấy đã đi rồi. Một cô gái đã “37 tuổi chồng con thì chưa nói”, bây giờ lại đến chia tay các anh để chuyển đơn vị vào vùng rừng sâu hơn, khốc liệt hơn: “Thôi em đừng bẻ đốt ngón tay – Nước mắt dễ lây mà rừng thì lạnh quá”. Trong những năm chiến tranh, không một nhà phê bình nào để mắt đến những bài thơ này...

Đến đây nhà thơ Trần Đăng Khoa mới giải thích về cái “mới” của thi ca miền Bắc. bằng một chữ rất ý nghĩa. Đó là chữ “cửa”:

Bây giờ bình tĩnh đọc lại, chính những bài thơ này mới không thấy cũ, nó vẫn “cửa” được vào lòng người đọc, dựng lên số phận của cả một thế hệ, những người đi qua chiến tranh. Và rồi cùng với họ, ta thấy được cả một thời đại...

●

Sở dĩ tôi dùng lời giải thích của nhà thơ miền Bắc để chứng minh về chữ mới, không ngoài mục đích muốn nói về một mẫu số chung. Dù Bắc hay dù Nam, cái nhìn vẫn là một. Ảnh hưởng của “cửa” là làm lòng ta đau, mà khi lòng ta đau có nghĩa là bài thơ đã sống và không chết.

Không tin, mời quý bạn đọc bài viết của Thu Thủy (một bút hiệu của nhà văn Võ Phiến) trên nhật báo Chính Luận vào

năm 1974 để hiểu rõ hơn về chữ “cửa” này trong tác phẩm đầu tay của Đỗ Nghê và cũng để biết tại sao nhà thơ của chúng ta lại cảm thấy là “mới toanh” mặc dù tập thơ ra đời cách đây 50 năm:

Thơ Đỗ Nghê

Thu Thủy

(nhật báo Chính Luận 1974)

Có lần chúng tôi nói đến hiện tượng mới hình thành trong sinh hoạt văn nghệ hồi gần đây, là loại sách in hạn chế (chỉ một vài trăm bản), phổ biến hạn chế (trong vòng thân hữu).

Lần này chúng tôi xin giới thiệu một tác phẩm thuộc loại ấy: “Thơ Đỗ Nghê” mới ra đời, do nhà Ý thức ấn hành 200 bản, với lời bạt của Lữ Kiều.

Tác giả không phải là người xa lạ. Trước đây bảy năm Đỗ Nghê đã cho xuất bản một thi tập (Tĩnh người). Cách đây hai năm- dưới một bút hiệu khác trong một tủ sách khác (y sĩ chứ không phải thi sĩ) – ông đã cho xuất bản một tác phẩm về y học.

Thi phẩm vừa in dày 80 trang, gồm 31 bài thơ, trong đó có những bài đã được viết ra từ chín, mười năm trước, hồi tác giả còn là một sinh viên.

Phải chăng vì tác phẩm gom góp những sáng tác tản mạn trong một thời gian khá dài, bao trùm nhiều chủ đề khác nhau, phản ánh nhiều giai đoạn tâm tình khác nhau mà nhà thơ phân vân việc chọn nhan đề cho tác phẩm? “Thơ Đỗ Nghê” đó có vẻ là một nhan đề của toàn tập thi phẩm, điều mà chúng ta nghĩ rằng tác giả chưa nghĩ đến vào lúc này: tác giả hãy còn quá trẻ.

Sự thực, dù tản mạn trong mười năm, dù đề cập đến nhiều đề

tài, giữa các bài thơ trong tập không phải không có một mối liên hệ. Có lẽ không được đặt thành chủ đề chung, nhưng mối ưu tư về “chiến tranh và hòa bình” bàng bạc, thấm nhuần gần khắp các sáng tác của ông Đỗ Nghê trong mười năm qua.

Hoặc trong lúc ru con bằng những lời mĩa mai:

... “Ngủ đi con ngủ đi con

Ngày mai rồi khôn lớn

Cầm súng với cầm gươm” (trang 14)

Hoặc trong lúc ru... vợ, bằng những lời cay đắng:

“Ngủ đi cung ngủ đi cung

Kề tai đây anh bảo

Coi như mình chẳng có quê hương” (trang 19)

Hoặc khi nhắc lại huyền thoại Lạc Long Quân chia con đi hai ngã để liên tưởng tới tình trạng Nam Bắc lưỡng phân hiện thời (trang 5); hoặc khi nói về cổ tích ngôn ngữ để ám chỉ cuộc xâu xé liên miên giữa các dân tộc (trang 33); hoặc nghe một bản tin thời tiết hàng ngày (trang 36); hoặc làm một bài về cho niềm mơ ước đơn giản (trang 48) v.v..., lúc nào người ta cũng nhận thấy nhà thơ bị vấn đề chủ yếu nọ ám ảnh: Chiến tranh trên quê hương; Hòa bình cho quê hương.

Nếu không được đặt ra làm nhan đề lộ liễu, thì thiết tưởng đó vẫn là chủ đề kín đáo của tác phẩm.

Người đề bạt tập thơ là một đồng nghiệp của tác giả, lại cũng là một văn hữu đối với tác giả- Trên đường đời, hai người đã quen nhau từ thuở còn đi học. Vì vậy, có lẽ chúng ta không mong biết gì hơn về Đỗ Nghê hơn là Lữ Kiều.

Nhận xét về bạn mình trong buổi đầu tiên mới gặp nhau, Lữ Kiều thấy Đỗ Nghê là “một người nghiêm túc”. Rồi “ hơn 10 năm qua, tôi đã không nhầm về cái trực giác đầu tiên ấy. Một người nghiêm túc. Và điều quan trọng, anh làm thơ, và thơ anh cũng giống như người anh vậy”. (trang 75)

Chúng tôi tán đồng cái trực giác của ông Lữ Kiều: quả họ Đỗ là một người nghiêm túc, ít ra là ở cái phần cốt cách cùng tâm hồn thể hiện trong văn chương.

Ở xứ ta, mỗi ngày mỗi thêm nhiều người làm thơ. Để được nổi bật, được chú ý giữa đám đông, lắm kẻ giở trò lập dị táo tợn hò hét ồn ào; hoặc nói năng ngang tàng, kiêu cách, hoặc tục tĩu dâm ô v.v... Ông Đỗ không hề có những dụng ý như vậy. Mặt khác, dù không lập dị, thì lớp trẻ thời chiến, sống trong sự đe dọa thường xuyên giữa lằn ranh sinh tử, lớp trẻ ấy hay nói đến say sưa, khoái lạc, nói giọng liêu lĩnh, bất cần đời v.v... Ông Đỗ không hề có thái độ ấy.

Xót xa, đau đớn, ông cũng xót xa đau đớn vì thời cuộc như ai; nhưng ông không liêu, không phá, không dọa lạc. Lúc nào ông cũng đứng đắn, chừng chàng, nghiêm chỉnh, giản dị. Nỗi đau xót của một người như thế lịm hẳn vào bên trong.

Toàn thi tập không có thơ lục bát và song thất. Chỉ có thơ thất ngũ ngôn và thơ tự do. Điều lạ lùng là ngay trong những bài thơ tự do, những câu thơ dài ngắn không đều, nhịp thơ như khấp khểnh lảo đảo, vậy mà phong thái vẫn không mất vẻ nghiêm túc!

“Ôi những con đường ta đã đi
Gia Long, Đồng Khánh mượt xuân thì
Chân run rẩy cát bờ Thương Chánh
Gió ở đâu về thơm bước khuya” (trang 11)

Những câu như thế nghiêm túc đã đành. Mà những câu “tự do” sau đây viết vào dịp Giáng sinh 1967:

“Chúng ta có 24 năm chiến tranh
Và 24 giờ ngưng bắn
Ôi 24 giờ ngưng bắn
Cũng đủ lắm rồi...
Cũng đủ lắm rồi cho con về thăm cha
Nằm trong lòng đất lạnh” (trang 31)

những câu ấy đâu có vì tự do mà mất vẻ nghiêm túc?

* *

Bấy lâu nay người ta vẫn thường quen với hình ảnh những chàng thi sĩ tều, lang bạt kì hồ, thi sĩ ngất ngưỡng chuênh choáng v.v... Cho nên một thi sĩ nghiêm túc thoát tiên có thể làm ngạc nhiên bở ngỡ.

Nhưng điều ấy tưởng không mấy quan trọng: trước lạ sau quen, miễn là có tài, chẳng mấy chốc chàng sẽ được mọi người mến yêu.

Cái điểm thứ hai nơi ông mà người bạn Lữ Kiều không kịp phát hiện bằng trực giác, ấy là cái đôn hậu. Tức là điểm trái ngược hẳn lại với sự khô khan, lạnh lùng.
Một hôm, họ Đỗ nhớ về quê xưa:

“Em có về thăm Mũi Né xưa
Con đường sỏi đá vẫn quanh co
Hoàng hôn sóng vỗ bên trời biếc
Sóng vỗ trong hồn ta ngẩn ngơ
Em có về thăm Mũi Né yêu
Mười năm như một thoáng mây chiều
Mười năm vườn cũ chim bay mỗi
Áo trắng chân mềm em hất hiu.” (trang 9)

Lời thơ không chút gì cầu kỳ, đọc lên lại nghe có vẻ quen quen như từng gặp ở đâu đó. Thế mà những lời giản dị quen thuộc đó lại làm ta xúc cảm, băng khuâng. Ấy chính bởi cái vẻ chân thành, cái đôn hậu tỏa ra từ tấm lòng người thơ.

Họ Đỗ nói đến chiến tranh, nói đến bom đạn, đến chết chóc, đủ mọi thứ đáng khiếp đáng hãi; nhưng không một lần nào lời thơ có vẻ ác liệt bạo tàn.

Không thể tìm ở đâu ra trên đời này một con người hiền lành hơn.

Cái hiền lành đôn hậu của họ Đỗ không phải chỉ để sánh với người đời mà thôi. Nó còn làm mất cả khí phách (!) của thần linh trong huyền thoại nữa. Ông tổ Lạc Long Quân trong thơ Đỗ Nghê là một ông cụ già dễ thương không biết chừng nào. Không biết ông tung hoành lẫm liệt giết Hồ tinh Ngũ tinh ở đâu, chứ ở đây ông cụ chỉ có bắn khoăn, hời hện, đầm ngực chịu lỗi vì trót chia hai đám con khiến chúng nó gây sự đánh nhau. Ông cụ van vãn con cháu:

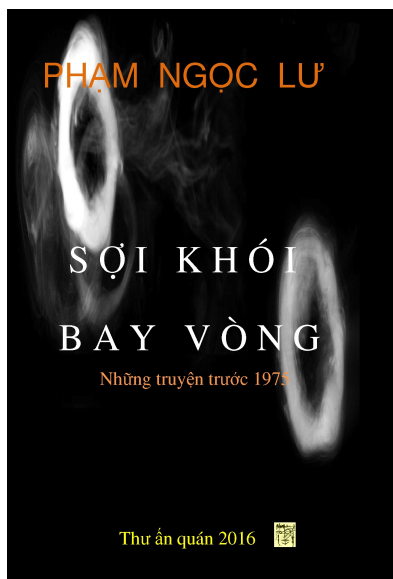
“Đốt hết sách vở, xé hết cờ xí đi
Rồi đứng ôm nhau mà khóc
Nước mắt sẽ làm tươi lại cỏ cây
Nước mắt sẽ làm phì nhiêu mảnh đất” (trang 7)

Nhưng trước hết, đó là những giọt nước mắt đôn hậu làm đẹp một thi phẩm, điều mà Lạc Long Quân không kịp nghĩ đến!

THU THỦY

VÀI SUY NGHĨ VỀ TẬP TRUYỆN SỢI KHÓI BAY VÒNG CỦA PHẠM NGỌC LƯ'

Người viết: ĐỖ TRƯỜNG



Cũng như âm nhạc, văn học miền Nam sau 1975 chính quyền càng cố tình hủy diệt, thì dường như sức sống của nó càng dẻo dai và lan tỏa. Bởi, đó là thứ âm nhạc và văn chương đích thực đi vào lòng người. Nó được sống, nuôi dưỡng không chỉ trong lòng độc giả, dân chúng miền Nam, mà còn quay ngược về nơi đất Bắc, rồi cùng dòng người vượt sang bên kia bờ đại dương.

Nói đại, nếu chúng ta không có những Phạm Duy, Trịnh Công Sơn, Ngô Thụy Miên, Trần Thiện Thanh...hay chẳng còn những Võ Phiến, Túy Hồng, Nguyễn Thụy Long, Du Tử Lê, Luân Hoán...mà chỉ có những “*Cô Ba dừng sĩ quê ở Trà Vinh, chị Hai năm tấn quê ở Thái bình...*” và “*Đường ra trận mùa này đẹp lắm...*” thì phần hồn như đã mất và cuộc sống chẳng tẻ nhạt, khô cứng lắm sao.

Chỉ với hình ảnh nhà văn người lính Trần Hoài Thu ngồi khâu từng trang sách nơi xứ người, gìn giữ những giá trị ấy, đã cho ta hiểu rõ sức sống, và sự trường tồn của nó.

Khi đọc và nghiền ngẫm văn học miền Nam trước 1975, tôi thường chia, khoanh vùng các tác giả. Điều đó, giúp cho người đọc thấy được, tuy cách hành văn khác nhau, nhưng các nhà văn gốc gác cùng một vùng miền thường có sự biểu cảm, từ ngữ phảng phất với những nét đặc trưng giống nhau. Cho nên, tuần vừa rồi, tôi nhận được tập truyện Sợi Khói Bay Vòng, viết trước 1975 của nhà thơ Phạm Ngọc Lư, do Thư Ấn Quán (Hoa Kỳ) in ấn và gửi tặng. Đọc nó, tự nhiên tôi nghĩ đến Túy Hồng, một nữ sĩ tài năng của văn học miền Nam. Dù văn của Túy Hồng phóng khoáng (dữ dội nhưng chiều sâu thăm thẳm) khác hẳn văn phong Phạm Ngọc Lư. Nhưng dường như, đọc họ, tôi vẫn nhận ra diễn biến tâm lý nhân vật có một cái gì đó... rất gần nhau, khi miêu tả. Bởi có lẽ, họ cùng sinh trưởng ở Thừa Thiên- Huế chăng?

Cũng như thơ, văn Phạm Ngọc Lư viết không nhiều, nhưng truyện ngắn nào của ông cũng hay, lời văn sáng và đẹp. Cùng với bút pháp khi hiện thực, lúc siêu hình, nỗi buồn của chiến tranh và tình yêu, đã được Phạm Ngọc Lư dàn trải, xuyên suốt tập truyện này.

***Thân phận tình yêu và con người trong chiến tranh.**

Khi bút ký Phan Nhật Nam đang rục rủa chiến trường, Nguyễn Thụy Long, Duyên Anh trở lại đề tài giang hồ nơi phố thị, Nguyễn Thị Hoàng mãi mê với Vòng tay học trò... thì Phạm Ngọc Lư tìm tòi, khám phá viết về đất và con người miền Trung, Cao Nguyên. Có thể nói, đây là đề tài ít được các nhà văn quan tâm trong thời gian đó. Nếu có, chỉ là nhật ký chiến trường, hay truyện về những người lính. Còn viết những người dân binh dị nơi đây, dường như rất hiếm?

Thực vậy, cũng là người chịu khó tìm đọc văn thơ miền Nam trước 1975, nhưng tôi chỉ được biết đến sinh hoạt, tình yêu cuộc sống của con người trên mảnh đất miền Trung, Cao Nguyên trong thời chiến lần đầu tiên từ tác phẩm Sợi Khói Bay Vòng của Phạm Ngọc Lư... Và với tôi, không có Loan

Mất Nhung của Nguyễn Thụy Long, thì Văn học miền Nam đã có Dũng Đakao của Duyên Anh, và ngược lại. Nhưng nếu không có Sợi Khói Bay Vòng của Phạm Ngọc Lư thì Văn học miền Nam sẽ để lại một lỗ thủng, một khoảng trống.

Tuy gói trọn trong mười lăm truyện ngắn, với 223 trang viết, vậy mà Phạm Ngọc Lư đã đưa người đọc trở về với mọi khía cạnh cuộc sống miền Trung, Cao Nguyên, từ ngày đầu cho đến hết cuộc nội chiến tang thương nhất của dân tộc. Và trong cái mịt mù không lối thoát của chiến tranh ấy, dường như tình yêu, cuộc sống xuyên suốt Sợi Khói Bay Vòng cũng cùng đường tịt lối.

Có lẽ, không có cái đau nào bằng nỗi đau, phải cầu nguyện cái chết cho chính người mình yêu. Và quả pháo kích ấy, không chỉ giết chết tình yêu, giết chết con người, mà còn đeo bám ám ảnh cả linh hồn người còn sống. Cái Sao Chổi, tuy không phải là truyện hay nhất của Phạm Ngọc Lư, nhưng làm cho người đọc không khỏi bồi ngùi xúc động:

“...Đã gần hết tháng 5 âm lịch, máu đã xối xả chảy, lênh láng dờn dợn, ở đâu tôi cũng nhìn ra màu đỏ sẫm hung hân đau nhức cảm giác. Cả thị trấn bị nung chín sốt nhiệt với các câu sấm truyền đồn đãi. Vết thương bỏng rát mưng nước dàu dưới da, sắp lở loét thối rữa, lắm lúc tôi cầu nguyện cho Nhan chết đi còn hơn sống tật nguyên.... Cả đêm tôi không bình thản ngủ được ngon giấc dù đã uống nhiều thuốc an thần. Tôi ngược lên, trí nhớ khựng lại, đồng thời một nỗi ghê sợ đến nhanh khiến hai bàn tay lạnh cóng trong thau nước: sao chổi! Cái đuôi xòe dài lấp lánh gần hết khung trời, nó đang múa lượn rồi lao vọt bắn xẹt đi như mũi tên lửa. Tôi bỏ chạy vào phòng ngủ sắp xuống giường, mồ hôi vã ra dọc sống lưng ớn lạnh. Phút chốc tôi nghe tiếng cười ken két của lão lính điên gần lên trong đầu, hàm răng lão nhe ra nhọn hoắt cắm phập vào trí óc tôi như cắn một miếng dưa hấu.”

Nếu Một Chuyện Tình Phải Quên Đi là câu chuyện tình trớ trêu, cảm坎 giữa một văn nhân với một tiểu thư tỉnh lẻ, không đi đến hồi kết, thì truyện ngắn Sợi Khói Bay Vòng hẳn đậm thêm nỗi buồn đồ vờ của tình yêu, như một vòng tròn luẩn quẩn của tuổi trẻ buộc phải đi qua thời chiến loạn. Có thể nói, Sợi Khói Bay Vòng là một trong những truyện ngắn hay,

sâu sắc nhất của Phạm Ngọc Lư. Sự sâu sắc ấy, không phải chỉ có đấng cay dày vò, mất mát trong tình yêu, mà người đọc còn thấy được, tác giả không hề che đậy hành động, tâm lý của tuổi trẻ đối với chiến tranh và thời cuộc. Cuộc trốn chạy ấy, tuy không đại diện cho tuổi trẻ miền Nam, nhưng nó đã nói lên nỗi sợ hãi, chán chường ở một bộ phận không nhỏ trong dân chúng lúc đó:

“Tao đang bị quân cảnh truy tầm... Thế này chứ. Thằng con bác lớn tổng ngồng mà sửa khai sanh còn mười bốn tuổi. Tụi lính tóm được, lột quần nó lắc đầu chửi thề, đ.m.14 tuổi gì mà... khó coi quá. Nhưng tụi chúng không bắt nó đi quân dịch lại nghịch ngợm bảo nó phải nhổ sạch lông mới được tha về. Thằng nhỏ cắn răng khóc ngất...” (trang 117-118)

Nếu ta đã từng đọc Thằng Ba Gãy Súng của Cao Xuân Huy, Truyện Từ Văn của Trần Hoài Thư hay Mùa Hè Đỏ Lửa của Phan Nhật Nam, hoặc nhìn sang: Nỗi Buồn Chiến Tranh của Bảo Ninh, thì chắc chắn không bị bất ngờ, ngạc nhiên về nỗi đau, thân phận người lính, khi đọc Cái Đuôi Sao Chổi của Phạm Ngọc Lư. Cái sự mất mát, nỗi ám ảnh thường trực dày vò trong những cơn điên loạn ấy, không chỉ hủy hoại thể xác, mà còn xé nát tâm hồn người lính trận. Một ước mơ nhỏ, một tiếng kêu vô vọng lọt thỏm giữa không gian vắng lặng, sau tiếng bom, tiếng súng. Ta hãy đọc lại đoạn trích dưới đây, để thấy rõ hơn về nỗi đau của người lính già có con chết trận:

“...Tôi ngồi chờ người lính già xuất hiện. Chiều nay sao lão đến muộn. Mọi khi lão đã bị bỏ khật khưỡng nghiêng ngả trên bãi đất, sau lưng là cái đuôi con nít vỗ tay cười rộ, khuyến khích lão đang cố bò lên cái bệ xi-măng, leo qua những tầng cấp cao cố nín cho được bốn tám bia đá gắn quanh bốn mặt thép. Lão la hét vùng vẫy: "Tên con tao đâu, con ơi! Đồ sát nhân dã man. Trời ơi!" Khi tôi đứng dậy định rời quán, bỗng lão từ phía hông chợ từ từ bước ra, dáng đi xiêu vẹo lạng quạng muốn ngã. Lão đội mũ vành án vắn vắn, quần ka-ki vàng và mang một đôi giày bố xộc xệch đứng lại ngó quanh láo liên, đôi mắt đỏ ké nhìn chòng chọc như con thú sắp vồ mồi. Rồi lão chạy vụt lên bệ đài tử sĩ quỳ gối

chấp tay rên ư ử. Người chủ quán đứng cạnh nói chớ ra:

- Khổ quá, cảnh sát mới tóm chiều qua đó, giờ lại xỏ chuồng

... “ (Cái Đuôi Sao Chổi)

Khi tiếng gào thét của người lính già vẫn còn vọng lại, thì Phạm Ngọc Lư cho ta thấy, đằng sau nó còn có một nỗi đau thầm lặng khác, với những tiếng nấc lặn vào trong đêm. Vâng! Cuối Ngày Cuối Đường là một truyện ngắn như vậy. Xuyên suốt câu chuyện là hành trình người cha già đưa trộm hài cốt người con tử trận trở về quê. Chúng ta không nghe thấy tiếng súng, tiếng bom và cả tiếng thét gào, nhưng đọc lên, ai cũng quần thắt trong lòng:

“- Tui có thằng con đầu đi Sư đoàn 22.

- Chắc bác đi thăm về?

Đôi mắt người đàn ông bỗng mờ đi, xa vắng:

- Nó vô phúc chết hồi Tết Mậu Thân rồi. Tui vô viếng mộ.

- Bác chôn anh ấy trong này?

Người đàn ông rơm rớm nước mắt :

- Chôn với cát chi. Hồi đó cả nhà tui chạy giặc bán sống bán chết có biết chi mô. Một tháng sau mới có tin con tử trận. Khi tui vô tới nơi, người ta chỉ cho nắm đất xanh cỏ và miếng bia tro trụi. Thăm lắm anh... Cô gái khẽ thúc vào hông cha như ra dấu giữ im lặng. Chấn cúi đầu. Giọng người đàn ông còn mếu máo gì đó nghe không rõ...

Chấn trở về phòng ngủ với chai Napoleon mới mua. Bỗng, anh đứng khựng lại ở cầu thang, đôi mắt rướn cong lên như một cặp dấu hỏi. Cô gái bờ ngõ nhìn trôn trời:

- Anh...

- Đường đèo Hải Vân bị kẹt, xe quay lui hết. Không biết sáng mai đi được chưa?

- Bác đâu?

Cô gái bước lại mở hé cửa và bối rối xô Chấn lui. Nhưng anh cũng vừa kịp thấy cảnh tượng trước mắt: người đàn ông đang gục đầu trên cái rương gỗ khóc tức tưởi, bên cạnh bó nhang đang tỏa khói và mấy ngọn đèn cây cháy leo lét, buồn thảm. Cô gái chảy dài nước mắt, nói mếu máo:

- Tội nghiệp anh tui phải nằm lại dọc đường đêm nay... Cái rương gỗ ấy đựng hài cốt anh tui!”

Là nhà giáo, do vậy Phạm Ngọc Lư thường viết về thân phận những người thầy, người bạn gần gũi quanh mình. Đi sâu vào đọc, nghiền ngẫm Phạm Ngọc Lư, tôi nhận ra, ông chỉ viết những gì đã, đang xảy ra quanh mình, khi thật hiểu sâu về nó.

Có thể nói, Phạm Ngọc Lư là người cẩn trọng, và với ông không có đề tài lớn, nhỏ. Đó là nguyên nhân chính trả lời thắc mắc của một số độc giả, tại sao cây bút tài hoa Phạm Ngọc Lư viết rất ít.

Với tôi, Tàn Đông là truyện ngắn hay và đặc sắc nhất của Phạm Ngọc Lư. Bởi, ông đã xây dựng thành công điển hình tâm lý nhân vật, (ở đây là cô y tá và người thầy giáo tên Kiên) cũng như giải quyết tình huống một cách hợp lý, nhân văn. Hơn thế nữa, thông qua nhân vật người thầy tên Kiên, ta tìm thấy cuộc đời, thân phận của chính tác giả (nhà thơ, thầy giáo Phạm Ngọc Lư). Tuy nhiên, một số nhà nghiên cứu đã phê phán thái độ dừng dừng trước cái chết của người học trò đi theo nẫu (VC) của thầy giáo Kiên. Nhưng tôi không nghĩ như vậy. Khi đi sâu vào nghiên cứu, ta có thể thấy, phải sống trong vùng núi rừng chiến sự, ngày Quốc gia, đêm Cộng sản, sự chối bỏ không nhận (ra) người học trò của thầy giáo Kiên, là thái độ chính trị cũng như tư tưởng yêu ghét rõ ràng của tác giả. Và thông qua hình ảnh cái chết của người học sinh ấy, tác giả còn muốn gửi thông điệp đến người đọc, sự tàn nhẫn của những kẻ dụ dỗ, mua chuộc trẻ em, phụ nữ làm bia đỡ đạn, trong cuộc nội chiến thảm khốc này. Ta hãy đọc lại đoạn trích trong truyện Một Dòng Sông Miệng Ngậm để chứng minh thêm cho điều đó:

“...Không đâu, hai thằng còn nhỏ lắm, cỡ bằng đứa con út của tôi thôi. Đâu như chúng ở làng ngoài bị đuổi rất nên trốn qua đây, cùng đường rồi, lúc ấy lính mình đã bao vây cả hai phía, dưới đánh lên trên ập xuống kiểu bủa lưới vớt cá đó thì một sợi tóc còn chưa chun lọt, huống gì cả cái đầu bồm xồm lớn rành rành hai đứa đang rúc vào nách nhau. Tôi nài nỉ chúng ra đầu hàng nhưng cái thằng có vết sẹo bên khóe miệng nhăn mặt (thật đau đớn khó ngó) nói tui sợ họ giết mất. Vẫn giọng van lơn thuyết phục, tôi bảo không đâu, chú xin chiêu hồi

đàng hoàng không ai làm gì đâu....

... tôi hoảng lên, tức giận và lo sợ nữa, rồi tôi nghĩ tới việc đi tìm lính kêu tới bắt chúng cho xong. Nhưng, có lẽ hẳn đoán trước được chuyện đó nên đưa ra trước mặt một trái lựu đạn chày (không biết cất giấu chỗ nào) dọa dẫm, nhất định tui nằm đây với bác, chết thì chết chung...”

Xóm Ven Rừng cũng là một truyện ngắn hay của Phạm Ngọc Lư. Câu chuyện đơn giản, mộc mạc kể về những sinh hoạt thường nhật ở một làng thuộc miền Trung Cao Nguyên. Tuy chỉ là những chuyện vặt, không có mâu thuẫn, kịch tính cao độ, nhưng đằng sau nó để lại nhiều điều phải suy ngẫm về thế thái và tình người.

Có thể nói, đọc tập truyện Sợi Khói Bay Vòng của Phạm Ngọc Lư đã cho thế hệ sinh sau đẻ muộn như chúng tôi hiểu sâu hơn về chiến tranh, về tình yêu, và con người miền Trung Cao Nguyên của trên, dưới nửa thế kỷ đã qua. Và hơn thế nữa, người đọc cũng được hiểu thêm về nhân cách, cũng như tài năng sáng tạo của thi sĩ Phạm Ngọc Lư.

***Nghệ thuật viết truyện ngắn của Phạm Ngọc Lư.**

Gần đây, tôi đã đọc khá nhiều truyện ngắn, tiểu thuyết, văn xuôi do các nhà thơ viết. Để lại nhiều ấn tượng nhất trong tôi, có lẽ là truyện ngắn và những bài tản văn, chính luận của nhà thơ Trần Trung Đạo. Văn Trần Trung Đạo giàu chất thơ, chất trữ tình. Và có một điều thú vị, khi đọc văn Phạm Ngọc Lư, tôi gặp lại chất thơ, chất chữ tình ấy, dù Sợi Khói Bay Vòng đã được ông viết cách nay cả nửa thế kỷ.

Với bút pháp khi hiện thực, lúc siêu hình, kỹ thuật bố cục giàu kịch tính, đậm chất điện ảnh, mở đầu đến kết thúc một cách bất ngờ, Phạm Ngọc Lư luôn bỏ ngỏ câu chuyện, buộc người đọc phải suy nghĩ. Do vậy, truyện ông đem đến cho người đọc có suy nghĩ khác nhau, và thường gây ra những tranh luận. Nếu Tàn Đông với kết thúc bằng thầy Kiên bỏ đi, trước cái chết của người học trò, thì truyện Tình Hoài cũng được kết thúc cũng bằng sự ra đi, và để rơi chiếc hộp, lại là một ẩn số, làm người đọc phải ngơ ngác. Ta hãy đọc lại đoạn kết đậm chất điện ảnh ấy, của truyện Một Chuyện Tình Phải Quên Đi, để suy ngẫm: Đó là tên truyện, hay mỗi tình buộc phải chấm dứt, phải quên đi của người đàn bà góa bụa?:

“Mười hôm sau tôi tìm lại được những trang bản thảo viết về mối tình của tôi và Xuyên ba năm trước, ngậm ngùi đọc. Xong, tôi gởi đến Xuyên kèm một cái thư rất ngắn :

“Xuyên, anh vẫn yêu em như ngày nào. Ngày nào, tình ta thơ ngây tuyệt vời quá, em nhớ? Còn những dòng chữ này làm chứng. Em hãy đọc để hiểu lòng anh, cái tốt cái xấu của anh. Câu chuyện chỉ tạm thời kết thúc, anh nghĩ mình còn viết tiếp

được bởi vì Trời đã cho hai nhân vật trong truyện tái ngộ và họ có lý do để gần nhau, sống hạnh phúc bên nhau. Em đồng ý?”

Ít hôm sau, Xuyên gửi trả lại tôi xấp bản thảo, không bày tỏ ý kiến gì ngoài ba chữ ngắn ngủn nằng viết thêm vào sau cái tựa đề của truyện. Thành ra: **MỘT CHUYỆN TÌNH PHẢI QUÊN ĐI!**“

Có thể nói, xuyên suốt Sợi Khói Bay Vòng, Phạm Ngọc Lư đã sử dụng ngôn ngữ sống, ngôn ngữ điện ảnh, làm cho lời văn sinh động. Ông luôn tạo ra tình huống, mâu thuẫn, tuy nhẹ nhàng, nhưng hành động nhân vật luôn đẩy tới kịch tính, và những thắt nút ấy, được cởi mở một cách đột ngột, bất ngờ. Trích đoạn trong truyện Tình Hoài dưới đây, là một trong những đoạn văn hay nhất, mà tôi đã được đọc trong thời gian gần đây. Ngoài lời văn đẹp, trong sáng, ta còn thấy được tài năng sáng tạo và xử lý những tình huống của Phạm Ngọc Lư:

“Tổ Nương bước ra ngồi bên cạnh hồi nào không hay, mãi khi dứt “khúc sáo xuất thân”, tôi mới nghe tiếng thở dài và giọng chị nói:

- Buồn quá!
- Ủ, buồn nhỉ!
- Tiếng sáo kia.
- Sao?
- Nào nề thống thiết nghe... rưng tim!
- Xạo.

Tổ Nương cười lên một tiếng nhỏ. Tôi nhìn sững chị, mắt chạm mắt, như thôi miên hóp hờn, như soi bóng mình trong lòng đồng tử của nhau. Im lặng. Ánh trăng vụt lu mờ rồi tắt cầm. Hồ như đêm ngưng thở, thời gian khê đứng sững lại. Lặng thinh. Bỗng, cái ống sáo rơi xuống nền gạch vang lên một tiếng khô khan, hoảng hốt...”

Đã hơn một lần tôi viết, nếu văn chương không đi thẳng vào cuộc sống, xã hội đương thời một cách trung thực nhất, thì những trang viết đó chỉ những trang sách chết. Thật vậy, đọc Phạm Ngọc Lư, không chỉ thấy những mặt phải, mà ta còn thấy được cả mặt trái của xã hội đương thời, trên từng trang viết của ông. Một thiếu phụ có chồng là lính chiến chơi đêm, một làng ven rừng với hi, nộ, ái, ố, hay những thanh niên trốn

lính...tất cả hiện lên một cách trung thực dưới ngòi bút của Phạm Ngọc Lư. Cái tính hiện thực đó làm cho văn của ông sinh động, giá trị và chân thật hơn. Đoạn trích trong Xóm Ven Rừng dưới đây, sẽ chứng minh cho điều đó:

“...Nhưng chị để dành nước mắt đợi ba bốn tháng sau mới khóc ào một trận, khóc rỏ như trẻ thơ bị giật ra khỏi vú mẹ: anh Trọ đi dân vệ ở luôn dưới quận và đã lấy một chị hàng xén giàu tiền giàu tuổi hơn anh. Chị Bồng đập vỡ ly chén, đã tung nôi xoong vẫn chưa hả giận cái "thằng phụ bạc, đểu giả". Chị đóng cửa quán mấy ngày liền nằm tui thân ám ức. Tỉnh ra anh Trọ ba-xi-đế đã ăn lường non hai chục kí lô bánh bèo, uống gạt cả mười lít rượu, nuốt luôn năm mươi gói Ruby...”

Để tránh được sự kiểm duyệt và đạt được hiệu quả chuyển tải cao nhất, một số nhà văn ở trong nước đã buộc phải sử dụng bút pháp siêu thực, khi dựng truyện. Lấy những chất liệu có thật nhất ngoài xã hội đưa vào đằng sau của sự sống, tạo nên *“bức tranh”* siêu thực. Gần đây, ta có thể thấy như: Dạ Tiệc Quỷ của Võ Thị Hào, hay Cờ Hồn Xã Nghĩa của Phạm Thành...Độc Phạm Ngọc Lư, ta có thể thấy gần nửa thế kỷ trước ông đã sử dụng thủ pháp này. Và ông đã dựng lại cái chết và sự hủy diệt Huế vào Tết Mậu Thân 1968. Tuy nhiên, cũng như những trang viết hiện thực, lời kể của bức tranh siêu thực Phạm Ngọc Lư vẫn mộc mạc, trình tự và mạch lạc. Sự hình tượng hóa, không chỉ trong thơ, mà trong văn của ông một cách sâu sắc. Đoạn trích trong truyện Mộng Thấy Minh Đã Chết dưới đây, là một trong những đoạn văn đẹp và giàu hình tượng nhất của Phạm Ngọc Lư, mà tôi đã được đọc:

“Tôi đã chết? Con đò đưa linh hồn thả về bên kia bờ quá khứ cháy bùng lên, chìm xuống mặt biển sóng gió trùng trùng nó giốn nhần tâm giữa nỗi quên lãng mông mênh ngút ngàn thiên địa tận. Đêm nay, trí nhớ chết đuối, cõi sống rã rời như những mảnh ván còn lại trong một vụ đắm tàu còn nổi lêu bêu dập dềnh. Nhưng tôi là con chim đen bay hoài trên mặt nước động không tìm ra khúc gỗ trôi nổi nào sà xuống trú chân. “Anh đã chết vào sáng sớm ngày mùng 7 Tết dưới gốc cây nêu trước ngõ. Em còn về ngoài đó, nhớ hôm giỗ anh ghé lại thắp giùm một nén nhang và hạ luôn cây nêu xuống.”

Đề lý giải, tại sao Phạm Ngọc Lư đã phải mượn cớ ảo, để nói về cớ thực như vậy? Ta có thể thấy, dù chứng kiến sự dã man và hãi hùng đó, nhưng ông vẫn không tin đó là sự thật. Bởi nó chỉ có thể xảy ra ở một thế giới vô hình, ở bên kia cuộc sống của con người. Và chỉ có thể lấy cớ âm để viết về cái chết, thì mới chuyển tải hết sự dã man và nỗi đau của con người. Tôi nghĩ, khi viết những truyện này, Phạm Ngọc Lư trong trạng thái bị tổn thương, xúc động mạnh, và bị kích động tâm lý. Và đã đứng trước cái hồ chôn sống ba, bốn chục người, một sự thật rõ ràng, nhưng không một ai (dám tin) có thể tin. Vâng! Có lẽ, chỉ người có thần kinh thép mới chấp nhận được sự thật kinh khủng đó:

“...Bọn cán bộ biết thế nào cũng thất trận nên đã vội giết tội chúng (thành phần đặc lực) trước khi rút lui... Anh hỏi vì sao hả? Dã man thật, làm vậy cốt phòng ngừa việc mấy thằng ấy hồi chánh khai toạc những bí mật cơ sở, chính mấy tên bị bắt nói trắng trợn như thế. Cũng đáng đời. Những người trong làng bị chôn sống đều do tay thằng Mộc cả, bây giờ hắn chết rồi còn ai biết chỗ lấp xác mà đi tìm. Ghê quá anh à, hồi kháng chiến cũng có chôn tươi tội Tây bắt được (chính mắt tôi chứng kiến) nhưng đâu có tàn nhẫn ba bốn chục người một hầm bằng thời này...” (Một dòng sông trong miệng ngầm)

Điều tất nhiên, cuốn sách nào cũng vậy, có hay chắc chắn sẽ phải có dở. Tuy lời văn sáng và đẹp, nhưng có khá nhiều câu dài, làm cho người đọc như bị hụt hơi. Những đoạn văn này, có thể ngắt làm hai, ba câu hoàn chỉnh, chắc chắn làm cho câu văn, đoạn văn rõ ràng và mạch lạc hơn. Không rõ, những nhược điểm này, của tác giả hay thuộc về những người sưu tầm đánh máy? Nhưng với tôi, dù thế nào đi chăng nữa, lỗi chính này vẫn thuộc về khâu biên tập cuối cùng. Ta đọc đoạn trích dưới đây, để thấy rõ điều đó:

“...Chuôi chiếc xe vào góc trứng cá, Dành ngả lưng nằm phịch xuống võng, kẹp chân tuột đôi giày, kéo bật cặp vớ đầy dấm cát, những mạch máu nơi chân vụt bò lên côn cộn, tê buốt, Dành nhả mặt duỗi ra từ từ cho đến khi xuôi hãn thoải mái...”

Hoặc có thể thấy, ngay dòng đầu tiên của truyện ngắn Sợi Khói Bay Vòng, cũng là tựa đề của tập truyện, cho ta cảm giác

gòn gọn khi đọc:

“Buổi sáng Bồng đi trời âm u đổ bụi mưa lay bay, nàng bâng quơ ngược nhìn màu mây trộn lỏng hơi nước đục mù nền trời và bước lững thững ra ngõ...” (trang 110). Và có lẽ, người biên tập kỹ tính, đoạn văn trên sẽ phải chấm, ngắt phẩy như sau: *“Buổi sáng Bồng đi, trời âm u đổ bụi mưa lay bay. Nàng bâng quơ ngược nhìn màu mây trộn lỏng hơi nước, đục mù nền trời và bước lững thững ra ngõ...”*

Có thể nói, Sợi Khói Bay Vòng là tập truyện viết về tình yêu, con người thời chiến ở nông thôn miền Trung Cao Nguyên hay nhất mà tôi đã được đọc. Thường đọc những truyện viết trước đây vài, ba chục năm đã cho người đọc cảm giác có một khoảng cách. Nhưng đọc truyện Phạm Ngọc Lư viết cách nay đã nửa thế kỷ, nhưng vẫn thấy mới, và có những nét riêng biệt, kể cả văn phong đến từ ngữ sử dụng. Thật vậy, với ngòi bút hiện thực tài hoa, ông đã đóng dấu vào lòng người đọc bằng tác phẩm của mình.

Rồi đây, chế độ xã hội, con người sẽ phải trở về với cát bụi, nhưng tôi tin, cùng với văn học miền Nam, tên tuổi và những tác phẩm của thi sĩ Phạm Ngọc Lư vẫn sống mãi trong lòng người đọc.

Leipzig ngày 24-9-2016

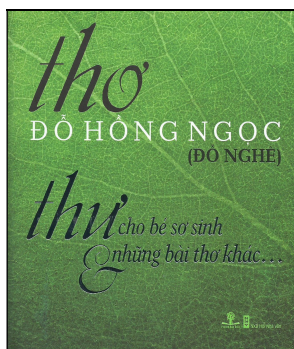
Đỗ Trường

GIỚI THIỆU SÁCH

PHẠM VĂN NHÂN phụ trách

Trong tháng 8 và tháng 9 năm 2016, TQBT chúng tôi có nhận sách của các nhà văn, nhà thơ gửi đến. Chúng tôi thành thật cảm ơn . Và, xin giới thiệu đến độc giả TQBT.

1/ THƠ ĐỖ HỒNG NGỌC (Đỗ Nghe): *Thư Cho Bé Sơ Sinh và những bài thơ khác...*



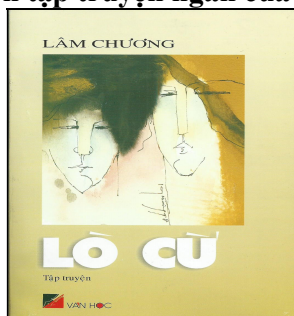
Tập Thơ Đỗ Hồng Ngọc (Thư cho bé sơ sinh) . Sách dày 241 trang. Khổ 17cm X 17cm (6.3/4 in X 6.3/4 in) . Do nhà xuất bản Hội Nhà Văn 64 Nguyễn Du- Hà Nội phát hành. Chịu trách nhiệm: Trung Trung Đĩnh. Chịu trách nhiệm bản thảo: Trần Quang Quý. Biên tập: Đào Bá Đoàn- Ngô Hạnh. Sửa bản in: Thu Thủy. Trình bày bìa: Đặng Thiên Thư. Giá bán 72.000 VNĐ.

Được biết Đỗ Hồng Ngọc là bác sĩ trước 1975 ở miền Nam Việt Nam. Ông làm thơ rất lâu đi trên các tạp chí ở Sài Gòn lấy bút hiệu là Đỗ Nghe. . Theo như nhà thơ Đỗ Trung Quân: *...ta đang có trong tay một thứ thơ đích thực. Không có buồn khi chưa đủ buồn. Không có vui khi chưa đủ vui. Không có nhớ khi chưa đủ nhớ! Thứ thơ mọc từ cội rễ tâm hồn, tự nhiên và*

giản dị như lời nói...

Như trong phần II của thi tập. Thơ ông mọc từ cội rễ của tâm hồn khi viết về nơi chốn giản dị mà ray rứt chạm đến trái tim người đọc, khi ông viết về quê hương. Quê hương của ông cũng là của tôi. Đọc mà nhớ.

2/ LÒ CỪ: Tuyển tập truyện ngắn của LÂM CHƯƠNG



Lò Cừ: Tập truyện của Lâm Chương. Do Văn Học xuất bản. Bìa Khánh Trường. Phụ bản: Vũ Đức Thanh, Phan Thảo Trang. Trình bày: Anh Khoa, Sao Khuê. Giá bán 14 Mỹ kim. Lò Cừ gồm 14 truyện ngắn. Lâm Chương một nhà văn cũ trước 1975. Một người lính cũ của miền nam. Lò cừ anh diễn tả những nỗi bất hạnh, khổ đau của người dân nói riêng, của bạn thân ...của những người trong cuộc chiến . Đọc Lò Cừ đề thấy một Lâm Chương ngày nào khi chúng tôi ở cùng với anh một chiến tuyến. Giới thiệu độc giả TQBT Lò Cừ của Lâm Chương.

Lâm Chương sinh năm 1942 , tại Gò Dầu Hạ. Tây Ninh.

PHỤ ĐÍNH

Thường thường, những nhà nhận định hay biên khảo văn học vẫn dùng lối “Xin đọc tác giả x, bài văn y, nhà xuất bản z, trang ...” để chứng minh luận cứ của mình. Nhưng người đọc làm sao có thể kiểm chứng hay muốn tìm hiểu thêm, khi sách vở bị đốt hủy như ở miền Nam sau 1975 ?

Đây là lý do chúng tôi mở thêm mục này. Mục đích là cố gắng sưu tập những tài liệu hay bài vở mà trong phần chủ đề người viết nhắc đến.

(TQBT)

Lời qua tiếng lại

(giữa Duyên Anh và Trần Phong Giao)

Một “tác phong” văn nghệ

Người viết: DUYÊN ANH
(Văn học số 56 ngày 15-3-1966)

Nhà xuất bản An Tiêm đã cho ấn hành hai dịch phẩm của hai văn hào Pháp. Tôi mới được đọc cuốn KHUNG CỬA HẸP (La porte étroite) của André Gide do Vân Mòng dịch thôi. Cuốn thứ hai tôi chưa mua. Nhưng biết trước tên dịch giả là ông Bùi Giáng.

Ở đây tôi không đủ thẩm quyền đề khen chê dịch giả Vân

Mông, nhưng có quyền ca ngợi một thái độ ngay thẳng, đứng đắn, một “tác phong” văn nghệ mà, từ ngày đọc sách dịch, tôi mới gặp thấy ở Vân Mông (chả hiểu cô hay ông hay ông giả cô). Thái độ ngay thẳng, đứng đắn đó là cách trình bày tên tác giả và dịch giả. Vân Mông đã biết bắt chước các dịch giả Âu Mỹ để tên mình thật nhỏ, thật khiêm tốn ở... mãi trang thứ năm. Còn ngoài bìa, chỉ để tên André Gide.

Bạn hãy chịu khó tới các tiệm sách “coi cộp” núi Livre de poche. Bạn sẽ thấy tác phẩm của Hemingway dịch sang tiếng Pháp. Thí dụ cuốn POUR QUI SONNE LE GRAS. Bìa cuốn Pour qui sonne le gras, chỉ có tên Hemingway to tướng. Còn tên dịch giả Denise Van Moppès nhỏ xíu in ở tận trang năm. Bạn sẽ thấy tác phẩm của Léon Tolstoi, của Dostoievski dịch sang tiếng Pháp. Thí dụ cuốn LES FRÈRES KARAMEZOV, cuốn ANNA KARÉNINE bạn cũng sẽ chỉ thấy tên dịch giả Henry Mongault, nằm nhỏ xíu ở trang năm.

Không hề có sự trung tên dịch giả to tổ bố, trung bằng chữ “mập” lẫn át tên tác giả in chữ “gầy” ở các nước Âu Mỹ. Cuốn UN CERTAIN SOURIRE của Françoise Sagan khi được nhà xuất bản Dell dịch sang tiếng Mỹ thì tên Sagan to gấp bốn lần A CERTAIN SMILE và tên dịch giả, coi như không ai muốn biết tới.

Nhưng tại Việt Nam, dường như, dịch nổi một nghệ phẩm là một công việc vĩ đại lắm lắm. Trước khi dịch một cuốn tiểu thuyết hay một bài diễn văn của Tây, Mỹ, người ta phải rùm beng phát động một chiến dịch “lăng xê” dịch giả. Nhiều dịch giả, rất nhiều, đã hãnh diện làm kiếp tầm gửi, cố đặt tên mình dưới tên tác giả hoặc ngang hàng (có khi ở trên nữa mới hẳn chứ) bằng cùng một kiểu chữ. Để được nổi tiếng như tác giả ! Có ông còn “vô” lấy sách của thiên hạ để giấu nghiêng đề tặng một người bạn, gọi là đền ơn đáp nghĩa chi đó.

Bạn không tin ư ? Bạn chịu khó tìm đọc những dịch giả “đứng đắn” chuyên dịch những tác giả “học búa” nhất mà xem. Và bạn nghĩ gì về thái độ thiếu ngay thẳng của các ông dịch giả Việt Nam ? Như vậy các ông dối lòng khi nói “muốn giúp các bạn “yếu” sinh ngữ tìm hiểu văn nghệ ngoại quốc”. Thực ra các ông ấy chỉ muốn “kế” tí tên tuổi vào tác phẩm của thiên hạ

!.

Vân Mòng thì không thể. Nên, cầm cuốn sách dịch của Vân Mòng, chưa đọc, tôi đã dành cho dịch giả nhiều cảm tình của tôi. Có thể nói, Vân Mòng, là một dịch giả có tư cách từ mười năm trở lại đây. Thái độ ngay thẳng của Vân Mòng đáng làm các dịch giả suy nghĩ.

(VH số 56 ngày 15-3-1966)

Chân Trời Văn Học

người viết: Duyên Anh

(Văn Học số 57 ngày 1-4-66)

Sắp bị làm “rác” ở sân đình

“Số Văn học trước, nhân khen một thái độ ngay thẳng của dịch giả Vân Mòng, tôi đã bị một số các dịch-giả-không-giống- Vân-Mòng nổi giận. Cho là ... dốt. Đồng ý là dốt. Có bao giờ tôi khoe là giỏi ngoại ngữ đâu. ? Nhận xét của tôi hoàn toàn chủ quan. Nhưng tôi đang chờ, hoặc anh Trần Minh Hoàng (nghe nói vậy), hoặc anh Trần Phong Giao “dạy bảo” may ra, (...) từ này về sau tôi hết dốt. Xin hai anh một điều có chê nhau, đừng ký Mõ Làng Văn nữa. Kéo đến lúc dạy bảo nhau không “đền nơi đến chốn”, tôi chẳng hiểu phải “tìm” anh nào để “trách móc” .

● PHÒNG VĂN DƯƠNG KIẾN

Tạp chí Văn, số 56, ở mục «*Quét Sân Đình*», ông Mỗ Làng Tân Nhuê trong lúc viết bài «*Nhân một bài báo của nhà văn Duyên Anh*» đã khéo léo «*kêu*» Dương Kiến vào cuộc và mĩa mai bằng một giọng rất cay cú: «*khi dịch văn, dịch cuốn J. l'etranger của Albert Camus (Ngày Nay xuất bản, Sài Gòn, 1965) thì ta đã thấy là ông (Dương Kiến) thất bại hoàn toàn. Không cần đi sâu vào chi tiết, cứ nguyên cái việc ông Dương Kiến đem biến thiên truyện kể (récit) của Camus, bằng cách chặt câu xuống hàng lung tung, cũng đủ để cho, giả như Albert Camus có mặt được mà mà sống lại và giả như ông ta đọc được bản Việt dịch, cũng không còn tài nào nhận ra nổi tác phẩm của ông nữa rồi!* »

Kể ghi mục này tới hồi Dương Kiến :

— Cậu có trách tôi không ? Họ không «*đánh*» tôi mà lại «*cắn*» cậu đau quá !

Dương Kiến không thèm trả lời nhưng Bùi Ngọc Dung nói :

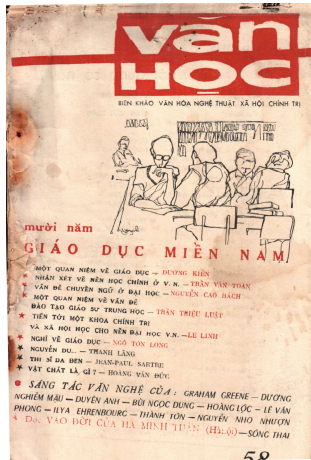
— Ghen ăn đấy mà. Cùng dịch một cuốn, chệch chân mại không vô đâm ra cay cú ! Lại còn xúi ông Khai Trí đem bản dịch của Dương Kiến đốt đi để xuất bản bản dịch của mình.

Bèn trở mặt :

— Ai đó ?

Đáp gọn :

— Đây tờ của ông Khai Trí, chứ ai !



Văn học số 58, với bài trả đũa của Duyên Anh, dẫn đến việc Văn gỡ bằng “Quét sân đình”(tư liệu của TQBT)

TRẢ LỜI ÔNG NGUYỄN MINH HOÀNG

người viết: DUYÊN ANH
(Văn học số 58 ngày 15-5-66)

Tôi có thói quen, hễ cần viết hay nói một chuyện đứng đắn thuộc phạm vi văn nghệ với một người nào mà nhắc đích danh người đó, không bao giờ tôi dùng những bút hiệu khác ngoài bút hiệu Duyên Anh, Tôi cũng có thói quen, không thích nói chuyện với một người “nổi tiếng” như ông Nguyễn Minh Hoàng mà lại phải nói với bút hiệu “tập thể” của ông Mỗ Làng Tân Nhuế. Sở dĩ, tôi biết người bảo tôi sai lầm trong bài báo của tôi đăng trong Văn Học số 56, là ông Nguyễn Minh Hoàng vì anh chủ nhiệm Văn Học tiết lộ rằng chính ông Trần Phong Giao nói nhỏ với anh mới đây tại quán Chùa.

Vậy thì hôm nay tôi được hân hạnh trả lời ông Nguyễn Minh Hoàng, một nhà văn chuyên môn dịch thuật một vài điểm:

- 1) Tôi không biết uống rượu và cũng không được cái hãnh diện quen một người cỡ ông Trần Thiện Đạo ở bên Pháp như ông Trần Phong Giao để được “nhận rượu ngon từ Pháp gửi qua” và để được. nhận “sách bìa trắng có ghi traduit de... par..”. Kể ra, quen một người .cỡ ông Trần Thiện Đạo cũng hãnh diện thật đấy. Vì người được quen ông Trần Thiện Đạo, có thể nhờ những câu chuyện xứ người của ông ta mà ba hoa với dân xứ nhà đủ kiểu chuyện vĩ đại. Thí dụ chuyện “nhận rượu ngon từ Pháp gửi qua”.

Tôi vẫn tự thú, tôi là một người “hưởng thụ” quá ít văn hóa Pháp ở học đường. Khi bắt đầu lên Trung học là tôi được hân hạnh học ngay chương trình Việt Nam. Và tôi học cũng không đến nơi đến chốn. Vậy chẳng thể có cái học uyên bác như ông Nguyễn Minh Hoàng hay ông Trần phong Giao. Với số chữ Pháp ăn đong, tôi được anh Nguyễn Mạnh Côn dạy thêm để đọc ròng rã 5, 6 năm nay và cũng chỉ “dám” đọc những cuốn viết dễ hiểu và đọc những cuốn sách có bán ở Việt Nam. Tôi thấy những loại sách Livre de poche, Marabou, J'ai lu người ta không ghi tên dịch giả ở ngoài bìa. Cái tên nhà xuất bản Livre de poche, dịch ra tiếng Việt là “sách bỏ túi” nghe nó có vẻ rẻ

rúng quá. Nhưng họ cũng dịch toàn những danh tác của các văn hào Nga, Ý, Anh, Mỹ.. Tôi đã nói ở trên, tôi không có cái hãnh diện được quen ông Trần Thiện Đạo nên chưa biết loại sách trắng, loại sách hiếm hoi ở Việt Nam, chỉ có ông Trần Phong Giao mới có vì ông ta quen ông Trần Thiện Đạo. Song tội nghĩ, những dịch giả hữu danh như các ông Trần Phong Giao, Nguyễn Minh Hoàng dễ gì đã vượt được mặt Henri Mongault, sao các ông không chịu “phục thiện” một chút mà phải nại loại sách trắng do ông Trần Thiện Đạo từ Tây gửi về để dành lễ phải cho mình. Và bảo người khác sai lầm ? Hãy nói cái gì mọi người đều thấy, đừng bắt chước những người “vẽ mà vẽ quỷ” trong Cổ Học Tinh Hoa. Chưa chắc tôi đã “sợ” loại sách trắng. Vì những anh chưa có công việc lớn với văn học Việt Nam hay Pháp hay vân vân, chưa phải là “ca líp” bằng tác giả ngoại quốc, không có quyền để tên dịch giả ra bìa. Trừ phi André Maurois dịch “*Ngồi lại bên cầu*” của Trần Phong Giao !

2) Tôi đồng ý với ông Nguyễn Minh Hoàng về điểm ông nêu trường hợp Alexandre Vialatte và chỗ đề tặng câu “A Jean Paulhan, Hommage du traducteur”) trong bản dịch *Le Procès*. Nhưng câu đề tặng của Alexandre Vialatte và chỗ đề tặng của nó khiêm tốn lắm. Nó không có cái kiểu “chơi ké” như ông Trần Phong Giao đề tặng Như Phong Lê Văn Tiến trong cuốn “*Sứ mệnh văn nghệ hiện đại*” do Giao Điểm xuất bản lần thứ nhất. Hãy dời chỗ đề tặng ấy ra mà coi. Ông Trần Phong Giao, giám đốc cơ sở xuất bản Giao Điểm đã trình bày tên ông ta với tên Albert Camus như thế nào.

Ông Nguyễn Minh Hoàng nghĩ sao ? Có “*xác lão*” không ?

3). Ông Nguyễn Minh Hoàng lo ngại vì bài báo của tôi, các dịch giả sẽ nản không muốn dịch nữa. Xin ông yên tâm, Trảng Thiên có dịch hay gấp mấy, sau này văn học chỉ viết về Võ Phiến. Người ta sẽ coi công trình dịch thuật của những Lê Huy Oanh, Mặc Đỗ, Hoàng Văn Đức, Vũ Hạnh, Thế Uyên vân vân như một thứ thuốc đánh bóng thêm sự nghiệp sáng tác văn chương nghệ thuật của họ. Vì trước hết họ là những người sang tác. Dương Kiên có dịch dở đến nỗi bị xúi đốt đi cũng chẳng sao,... Vì Dương Kiên còn gửi lại nhiều sáng tác của anh. Chỉ có những người không sang tác nổi hay sáng tác không ra cái gì mới sợ một bài báo nhỏ mọn làm lung lay sự

ngiệp dịch của mình.
Duyên Anh



MỒ LÀNG TÂN NHUẾ



• nhân một bài báo của
nhà văn duyên-anh

bài của MỒ LÀNG TÂN-NHUẾ

nhân một bài báo của nhà văn duyên-anh **(Văn số 56)**

Khi Mỡ này hỏi tại sao các anh em làm công việc dịch thuật lại không lên tiếng trả lời một “ tác phong văn nghệ ” của nhà văn Duyên Anh thì được biết là họ sẽ trả lời bằng cách đóng góp thêm nhiều dịch phẩm mới khác. Mỡ này tạm đồng ý vì nghĩ rằng đó cũng là một cách trả lời. Nhưng khi Mỡ này ngó ý muốn viết một bài gọi là “bàn góp” thì thư ký tòa soạn Văn tại bảo đừng viết. Anh nói, cậu mà chọc ông Duyên Anh nổi giận... rồi ông bảo phóng sự gia Thương-Sinh viết chửi cho mấy tháng liền trên các báo thì kể như đời cậu tàn. Mỡ này không đồng ý. Bởi vì, trước hết, nếu ông Duyên Anh đã quen chửi người thì ít nhất ông cũng đủ bản lãnh để lóng tai nghe người chửi lại (nhất là chửi bởi trong tình anh em thân hữu và xây dựng) ; thứ đến, trong bài này tôi sẽ không chửi bởi gì ông Duyên Anh cả : tôi sẽ chỉ nêu ra một vài điểm sai lầm của ông Duyên Anh mà thôi.

Vậy thì, nhà văn Duyên Anh, người giữ mực “ Nhà văn, tác phẩm, đời sống riêng tư và độc giả” của tập san Văn-học, trong bài đăng số 56, có viết một đoạn nhan *Một “ tác phong ” văn nghệ*.

Đại ý bài báo đó chê bai các dịch giả từ “ mười năm trở lại đây ” là thiếu tư cách và chỉ có, mới đây, dịch giả Vân-Mông là người có “ thái độ ngay thẳng” mà thôi. Sự “ ngay thẳng” này phát hiện ở chỗ dịch giả Vân Mông đã không ghi tên mình trên bìa cuốn

Khung cửa hẹp, dịch *La porte étroite* của *André Gide*.

Khen hay chê dịch giả Vân-Mông là quyền riêng của nhà văn Duyên Anh. Có điều đáng tiếc là nhà văn Duyên Anh đã tỏ ra quá lỗ khi vợ lấy những dịch giả khác (mà ông không nêu rõ danh tánh). Sự quá lỗ này, đáng tiếc thay, chỉ duyên do ở sự hiểu biết không mấy vững chắc của nhà văn Duyên Anh mà ra.

Chẳng hạn như khi chê trách các dịch giả Việt-nam đã “ không biết bắt chước các dịch giả Âu-Mỹ để tên mình thật nhỏ thật khiêm tốn ở mỗi trang thứ năm”, nhà văn Duyên Anh đã chỉ căn cứ vào một vài bản dịch in trong loại sách bỏ túi. Cùng trong một bài báo, ông Duyên Anh nói có giao thiệp với Trần Phong-Giao. Vậy, nếu có một buổi tối nhàn hạ nào đó, ông chịu khó ghé qua nhà hân ta, bảo y pha cho một ly rượu (y mới nhận được rượu ngon của Trần Thiện-Đạo gửi từ bên Pháp qua) rồi bảo y đưa cho ông xem loại sách bìa trắng (khác với loại sách bỏ túi) thì ông sẽ thấy là cũng những cuốn sách dịch mà ông dẫn đó, trên loại bìa trắng, tên các dịch giả có chưa ngoài bìa một cách rất cẩn thận. Tôi nói rất cẩn thận, vì, thưa ông Duyên Anh, ông sẽ thấy họ ghi : *traduit de... par... ,*

Sự ghi chú ngôn ngữ gốc của bản văn được dịch và tên người dịch ra ngoài bìa sách là một điều cần thiết. Bởi vì, tại sao ở Sài gòn chẳng hạn có bán tới ba, bốn bản Pháp-dịch những cuốn *Anna Karénine*, *Les Frères Karamazov*... mà người sành điệu lại chỉ tốn công tìm mua cho được bản dịch của Henri Mongault mà thôi. Ông Duyên Anh có nhắc đến tên Mongault đây, nhưng nếu ông mua sách dịch của Mongault chỉ do sự... tình cờ, thì đó lại là điều khác, xin được miễn bàn thêm.

Mỗ này hoàn toàn đồng ý với ông Duyên Anh trong cái sự ông công kích những dịch giả đã cho in tên mình lớn hơn tên tác giả ngoài bìa sách, bởi vì ngay cái sự in lớn bằng cũng đã là láo khoét rồi. Nhưng, chắc ông Duyên Anh cũng biết, ngoài trường hợp những dịch giả háo danh, xác láo cho in tên mình như thế, cũng còn có trường hợp dịch giả chỉ là nạn nhân mà thôi. Không nói đâu xa, ngay

trong một cuốn sách do tập san Văn-học xuất bản trước đây, cuốn *Người cân linh hồn* do Hoàng văn Đức phóng tác André Maurois, không biết người vẽ bìa hay người xuất bản đã nghĩ ra làm sao mà lại để tên người dịch lớn hơn tên tác giả. Dịch giả Hoàng văn Đức đã vô cùng khổ tâm trước sự kiện đó, nhưng... hỡi ôi ! cái sự đã rồi ! Trong trường hợp vừa kể, kính thưa ông Duyên Anh, phải chăng người đáng trách lại chính là tập san Văn-học ?

Xét như trên, việc in tên dịch giả ra ngoài bìa sách không phải là một việc đáng chê trách (với điều kiện tên dịch giả phải in bằng kiểu chữ nhỏ, nhỏ hơn kiểu chữ in tên tác giả). Vì, không kể tới sự cần thiết cho việc tăng mãi lực của cuốn sách dịch đó (trong trường hợp dịch giả là người nổi tiếng, có uy tín - như Mongault đối với văn chương Nga chẳng hạn ...); ít nhất nó cũng đảm bảo cho người mua khỏi bị lầm lẫn (trường hợp dịch giả là người cần trọng, đã được độc giả tin cậy...)

Điều sai lầm thứ hai của ông Duyên Anh nằm trong câu viết thật mỉa mai và đầy ác ý này, “ Có ông còn “vô” lấy sách của thiên hạ, để ngẫu nhiên đề tặng một người bạn, gọi là đèn on nghĩa chi đó.” Có lẽ viết như thế, nhà văn Duyên Anh cho rằng việc đề tặng một công trình (vì dịch được một cuốn sách, dầu sao đi nữa, cũng là một công trình) là một việc làm “chậm tiến” ? Không hiểu ông Duyên Anh sẽ nghĩ sao khi được biết là ở một nước có nền văn hóa cổ, ít ra thì cũng cổ hơn cái thường được gọi là bốn ngàn-năm-văn-hiến của ta, một Alexandre Vialatte chẳng hạn, người nổi tiếng về các bản Pháp-dịch tác phẩm của Franz Kafka, đã ghi trên đầu bản dịch *Le Procès*, câu đề tặng này : “ *A Jean Paulhan, Hommage du traducteur*”.

Vialatte lại không phải là người dịch văn đầu tiên, và cuối cùng để tặng bản dịch của mình, sở dĩ Mỗ này dẫn Vialatte là

để nhà văn Duyên Anh dễ kiểm chứng lại: *Le Livre de Poche*, số 841-842, *Le Procès*, bản in 1963, trang 5.

Ông Duyên Anh còn cho rằng “ *tại Việt-nam dường như dịch nổi một nghệ phẩm là một công việc vĩ đại...* ” và rằng các dịch giả ta “ *đã dối lòng khi nói « muốn giúp các bạn "yếu" sinh ngữ tìm hiểu văn nghệ ngoại quốc.» Thực ra các ông ấy chỉ muốn “ ké” tên tuổi vào tác phẩm của thiên hạ.* ”

Có một điều may mắn là ông Duyên Anh không ở trong số những người “yếu” sinh ngữ, nên ông đã được thanh thoi kết tội những người làm việc dịch văn. Tôi chưa bao giờ dịch văn nên không biết dịch được một nghệ phẩm có quả thật là một “công việc vĩ đại ” thật hay không ? (Điều ấy xin đề các dịch giả trả lời ông Duyên Anh.) Có điều là tuy vô vể đọc được ngoại ngữ, nhưng khi được đọc một bản văn dịch, tôi quả thật sung sướng lắm. Nó giúp tôi hiểu dễ dàng và hiểu sâu rộng hơn là nếu tôi đọc sách đó bằng ngoại ngữ. Tôi cũng không muốn đóng vai biện hộ cho những nhà dịch văn, nhưng, ở cương vị một người thưởng ngoạn, và lấy một ví dụ gần gũi, tôi nghĩ dịch văn cũng không phải là một việc dễ dàng gì.

Ví dụ, xin kể tới ông Dương Kiền, nguyên chủ bút tập san Văn-học, một nhà trí thức tốt nghiệp đại học. Ông Dương Kiền là một nhà văn có tài, điều đó không ai phủ nhận. Thơ *Thú Đau Thương* của ông rất hay, kịch *Sân Khấu* của ông rất khá, tiểu thuyết *Biển Trầm Lặng* của ông rất cừ. Thế nhưng, khi ông dịch văn, dịch cuốn *L'Etranger* của Albert Camus (Ngày Nay xuất bản, Sài gòn, 1965), thì ta đã thấy là ông thất bại hoàn toàn. Không cần đi sâu vào chi tiết, cứ nguyên cái việc ông Dương Kiền đem biến thể thiên truyện kể (récit) của Camus, bằng cách chặt câu xuống hàng lung tung, cũng đủ để cho, giá như Albert Camus có được đội mồ mà sống lại và giá như ông ta đọc được bản Việt-dịch, cũng không còn tài nào nhận ra nổi tác phẩm của ông nữa rồi ! (Xin lỗi nhà văn Mặc Đỗ về sự trích dẫn mà không xin phép trước này. Cũng xin lỗi luôn nhà văn Dương Kiền vì Mõnày không hề có ý phê bình bản dịch của ông, nhắc tới tên ông ở đây chỉ là việc vạ bắt đắc dĩ.)

Ông Dương Kiền trước khi dịch văn Camus đã là thi sĩ, kịch tác gia, chủ bút, tài năng đã được công nhận, mền chuộng ;

chẳng lẽ, hiểu theo ông Duyên Anh, ông Dương Kiên còn phải bám vào tên tuổi Camus để mà kiếm chút danh vọng hèn mọn của loài cây leo nữa hay sao ?

Về một mặt khác, ông Duyên Anh đã quên là các nhà văn Âu-Mỹ luôn luôn được nhắc tới trên báo chí, vô tuyến truyền thanh, truyền hình v.v... Quần chúng độc giả, do lẽ đó, biết đến tên tuổi, và đôi khi biết đến đời sống riêng tư của các nhà văn nhiều hơn là biết đến tác phẩm của họ. Ông quên nên ông mới tỏ ra thích thú khi thấy tên Sagan in gấp 4 lần lớn hơn tên sách *A Certain Smile*. Dữ kiện “câu khách” ở đây không gì khác hơn là cái tên Sagan vậy. Chẳng cứ trên bìa sách mà trên bích chương cuốn phim, quay theo tác phẩm đó, tên Sagan cũng in lớn như tên các đào kép chánh. Quảng cáo đó mà ! Chẳng lẽ ông Duyên Anh lại muốn nhìn ở đó một thứ “ đức liêm khiết ” nào nữa sao !

Tôi không dám quyết đoán việc miệt thị chung các nhà dịch văn (ngoài ông - hay cô ? - Vân Mông) là một ác ý của nhà văn Duyên Anh, bởi vì ông vốn nổi tiếng là một cây bút thích chữ bới một cách rất *gratuite*.

Tôi cũng không muốn đóng vai biện hộ cho các dịch giả, vì lẽ chính các dịch giả đã không muốn lên tiếng.

Bài báo bộc trực này chỉ nhằm trình bày một vài nhận xét nhỏ nhỏ về những sai lầm của ông Duyên Anh.

Nếu những lời nói thẳng có làm mích lòng ông Duyên Anh, thì xin ông cứ viết bài chữ bới Mõ này, chữ bao lâu vào bao nhiêu cũng được. Chỉ xin ông “ tha” cho những cây bút dịch. Không những việc làm của họ khó nhọc và bạc bẽo, mà, nếu như, cứ nghe ông chữ bới làm nhảm mãi, họ đâm buồn mà gác bút thì rồi ra việc đọc những áng danh văn ngoại quốc có lẽ chỉ còn là “ ưu quyền đặc biệt” của một số ít người thông hiểu ngoại ngữ - tôi muốn nói, những người thông hiểu ngoại ngữ thật sự và muốn chừa ra ngoài những người mua sách tây sách tàu về để trưng cho... vui nhà vui cửa.

MÕ LÀNG TÂN-NHUẾ

TRẦN PHONG-GIAO

lại trả lời ông Duyên-Anh

(Văn số 58)



Bìa Văn số 58

Trong Văn-học số 58, mục “Chân trời văn-học” ông Duyên Anh có viết hai đoạn, một đề cập tới báo Văn, một đề cập tới bài báo của Mõ làng Tân-nhuê đăng trên Văn số 56.

Để tránh điều ngộ nhận, tôi xin được lạm dụng trang báo này gọi là thừa lại cùng ông Duyên-Anh, nhân danh người trông coi tập san Văn, cũng như với tư cách cá nhân tôi.

1— Trước hết, đã hàng tháng nay tôi không ra quán Cái-chùa. Cũng đã một thời gian lâu rồi tôi không được gặp ông Phan Kim Thịnh. Phần khác, giả có gặp ông Thịnh, tôi cũng không có đủ thân tình để “nói nhỏ với ông về một điều mà tôi (cũng như ông Thịnh) bắt buộc phải giữ kín như một “bí mật thuộc về nghề nghiệp””.

2.- Nếu ông Duyên-Anh *cố tình hiểu sai lệch* câu văn của MLTN mà ông trích dẫn thì tôi xin được miễn bàn. Nhưng nếu ông đọc không kỹ, hiểu chưa thấu mà *hiểu lầm* dụng ý của câu đó thì thật là chuyện đáng buồn. Về khoản rượu, vì ông Duyên-Anh nói là ‘không biết uống rượu’ thì thôi, ta gạt nó qua một bên. Nhưng còn chuyện sách thì tôi không hiểu tại

sao, do đâu mà ông Duyên-Anh lại có được cái ý nghĩ là anh Trần Thiện Đạo gửi sách từ bên Pháp về cho tôi ? Trên thực tế, tôi chẳng điên dại gì mà gửi sách tận bên Pháp về trong khi ở Sài gòn tôi có thể mua sách Pháp rẻ hơn là mua bên Paris. Lý do: nhờ cái giá I-C, I-NF ăn có IO-đồng thôi. Lại khỏi thư từ, thuê má, cước phí, kiểm duyệt lời thôi.

Tôi cũng chẳng thể hiểu tại sao ông Duyên-Anh lại coi cái việc có loại sách bìa trắng như là một thứ đặc quyền gì ghê gớm lắm, khi dọc đường Lê Lợi, hiệu sách nào cũng có bày bán loại sách đó cả ?

Loại sách-bìa-trắng đó tuy có đắt hơn loại sách bỏ túi nhưng lại in trên giấy tốt, trình bày sáng sủa dễ đọc, sách khâu bằng chỉ dễ giữ và giữ được lâu bền, nên vẫn được nhiều người ưa chuộng lắm. Sách mới về ít hôm chậm mua bị lỡ là thường. Ông Duyên Anh dư biết tôi bị tật cận thị, lại cũng phải nhin ănh nhin mặc ghê gớm lắm, lại yêu sách như yêu tình nhân, nên mới dành dụm được ít cuốn sách thuộc loại đó. Đọc giọng văn mỉa mai cay đắng của ông tôi mới biết là mình dại. Dại vì trước lúc đọc bài của ông tôi đang nâng niu cuốn *Une âme de bois* của Jakov Lind. Cuốn sách giá 150 đồng. Đối với tôi, đó là một món tiền khi tiêu phải đắn đo, cân nhắc. Nhưng với ông, nó chỉ đáng giá ít lít xăng đủ để ông đi dạo phố một vòng (bữa nọ đọc báo thấy ông nói là ông có xe hơi, nếu tôi lắm, xin ông miễn thứ.) Bây giờ, xin thú thật với riêng ông, tôi chẳng ham nâng niu cuốn sách đó nữa, mặc dầu trên bìa của nó, dưới nhan Sách, vẫn có ba hàng chữ NOUVELLES TRADUITES DE L'ALLEMAND PAR MATHILDE CAMHI ». Tôi nghĩ đến ông và hình dung ra một cuộc vấn đáp như vậy: - Bao giờ thì cuốn *Une âme de bois* này được in trên loại sách-bỏ túi ? - Khi nào nhà xuất bản thấy sách bán chạy, đủ chạy để bảo đảm cho một ấn bản hàng trăm ngàn cuốn, thì họ sẽ in - Lúc đó tên dịch giả sẽ nằm ở đâu ? - Trang 5. - Khiêm tốn, Hoan hô ! Hoan hô ! Các dịch giả Việt-nam nên lấy đó làm gương. Hoan hô !. Tôi vừa định giơ tay lên hoan hô thì chợt nghĩ tới thằng mõ làng Tân-nhuế nên lại khựng lại. Và từ đó, mỗi lần nhìn đến cuốn sách mà tôi hằng nâng niu, sao tôi lại thấy nó vô duyên tro trên lạ lúng. Cũng vô duyên tro trên như những người “vẽ quỷ vẽ ma” nào đó trong *Cổ-học Tinh-hoa*, bỗng dưng được ông lôi cổ ra làm chứng cho một việc mà hầu hết

những người biết đọc sách (ngoại quốc) ở Sài Gòn đều biết; ngoại trừ ông - có lẽ vì giàu óc tưởng tượng, - nên cứ tưởng là nó chỉ có ở bên Tây.

3) Đương nhiên là ông có toàn quyền cho rằng : không có quyền để tên dịch giả ra bìa . Nó cũng tựa tựa như cái quyền của tôi, mỗi lúc tôi muốn, được ra ngồi lại bên cầu nhìn dòng nước chảy, hoặc, nếu cần, phóng uế xuống sông vài bãi cho nó nhẹ nhõm con người. Chắc ông cũng chẳng nổi phản đối cái quyền đó của tôi, người đầu tiên đã hưởng ứng và tôn trọng cái quyền thượng dân của ông.

4). Ông Duyên-Anh cho tôi là ... xác láo , khi “ chơi ké ” trong việc đề tặng cuốn Sứ mệnh văn-nghệ hiện-đại. Tôi thấy không cần trả lời ông, vì, trước hết, ông không biết mối dây liên hệ giữa thầy Louis Germain và nhà văn Albert Camus nó ra làm sao, để, từ đó, suy ra lý do đề tặng sách của tôi. Ông đã chỉ, tôi nghĩ như thế, suy theo kiểu chữ petit capital corps 6 mà nhà in đã dùng để in tên tác giả và tên người dịch, để buộc tội tôi. May quá, ngoài bìa, anh họa sĩ Văn-Thanh dùng kiểu chữ corps 24 kẻ tên Camus và trang đầu sách, anh chef-typo Ngọc lại dùng chữ corps 18 để xếp tên ông. Thiệt phước đức nhà tôi còn lớn lắm đó mới gặp được hai ông rành nghề như vậy. Vô phước mà gặp được nhà xuất bản như nhà Văn-học thì không chừng tên tôi lại nằm chình ình ngay chỗ của tác giả và lớn như trái núi mất thôi! Ở trường hợp đó thì giá như tôi có chui xuống đất cũng không trốn thoát khỏi lưỡi búa của ông Duyên-Anh đâu ! Tôi cũng nghĩ rằng ông Duyên-Anh dùng giọng mỉa mai gọi tôi là giám đốc nhà xuất bản Giao-điểm là việc vô bổ. Vì, hơn ai hết, ông dư biết là tới lúc ông dùng tạm nhãn hiệu Giao-điểm in lên bìa sách Hoa Thiên Lý của ông, cơ sở Giao-điểm vẫn chưa thành hình. Cuốn sách đầu tiên của tôi, ông là người hiểu rõ hơn ai hết, được in bằng tiền do một số anh em văn nghệ cho vay theo lối “ kẻ như là giúp”.

5.- Quan niệm về dịch thuật của ông Duyên-Anh có thể coi là một quan niệm tiến bộ được đó. Bởi vì trước ông đã chẳng thiếu gì người thường coi việc dịch văn như một “ hạ nghệ thuật”. Tôi lắm cảm tự hỏi không biết điều đáng bàn có phải là tìm xem thực ra có một “sự nghiệp dịch”

như ông Duyên-Anh gọi hay ông, mà là tìm hiểu xem công việc dịch thuật trong hoàn cảnh xã hội ta lúc này có cần, có giúp ích được cho ai hay không ?

6.- Khi cho tôi mượn Văn-học số 58 (lúc tôi viết bài này chiều 10-5, báo Văn học chưa có bán ngoài sạp) một anh bạn có cho biết là mới đây trong một bữa cơm thân mật tại nhà anh Phan-Kim-Thịnh anh Bùi Ngọc Dung đã phàn nàn (trước mặt anh em) là anh không hề nói những điều mà ông Duyên-Anh đã viết trong bài “ Phỏng vấn Dương Kiên” ... Tôi không có lý do gì để không tin lời anh bạn nọ. Vì vậy, tôi đành coi bài của ông Duyên-Anh như một sự bịa đặt.

Tôi không muốn trả lời sự bịa đặt đó chính vì muốn giữ nguyên những cảm tình mà tôi hằng có đối với hai anh Dương Kiên và Bùi Ngọc Dung. Không trả lời nhưng tôi xin được nhắc nhở ông bạn Duyên Anh một điều này: Ông chủ nhà sách Khai Trí còn đó, sao ông ông bạn không chịu khó hỏi lại ông cho kỹ rồi hãy viết. Lời nói bay đi, nhưng chữ ghi thì còn lại, mãi mãi mà ông bạn.

Trước đây, tôi được biết ông bạn Duyên -Anh lâu lâu, vì những lý do khó hiểu, lại lôi tôi ra mà chửi bới một cách thân mến trong các phóng sự, tiểu thuyết v.v... của ông. Sự chửi bới này có hồi kéo dài khá lâu, lâu như sự nín thở kéo dài của tôi.

Lần này tôi thấy buộc lòng phải lên tiếng vì không muốn gây phiền cho những người bạn thiết cũng như không muốn gánh chịu những hiểu nhầm. Mong bạn đọc hiểu cho điều đó và tha lỗi cho sự lạm dụng của tôi - sự lạm dụng mà tôi mong mỗi là sẽ không bao giờ tái diễn.

T.P.G

(Văn số 58)

NGUYỄN TUÂN

Gió Lào

Đoàn kịch kháng chiến chúng tôi lưu động biểu diễn qua ít vùng thôn, xã hai tỉnh Thanh, Nghệ - xuất phát rời Vinh giữa hôm duyệt binh hành lễ Lao động Quốc tế - nay lại lộn về Vinh. Lúc đi thành phố nguyên vẹn (...) Nay trở về (...) Chỉ có mở tự điển ra mà tra hai chữ tiêu thổ ta không sao thấy được hình ảnh dữ dội cụ thể. Phải đứng hẳn lên đồng vụn của vữa hồ khô ngào với ngôi gạch sắt gỗ lim ngổn ngang trên một diện tích mười mấy cây số vuông đây, mới thấu rõ được đến chỗ đáy đẻ của cái danh từ (...)

Đoàn chúng tôi đóng lại gần chùa Diệc nghỉ ít ngày lấy sức để mai mốt đi tiếp lên Nam Đàn, một phần ba đoàn viên nếu không run bắn lên vì sốt rét thì cũng là ra vì gió Lào. Tháng tư âm lịch, gió Lào đêm ngày nổi tiếp kêu gào như động vật bị cắt họng. Có lúc gió rống lên như đàn chó già sủa bóng. Bị lực địa xua rượt từ Trường Sơn thốc ra bể Đông, gió chạy một chiều rất nhanh rất bạo qua một cái tỉnh vắng rộng. Gió cứ một điệu ù ù thổi từ đất ra biển, không một phút nào ngoảnh cổ lại. Cái điều ác hại nhất là gió lại nóng hơn cả nắng lóa, bức bội hơn cả mùa hè. Đất ùn chướng lầy, uất lên với nhiệt độ gió Lào, mất dần từng chút sinh ướt mịn nhuyễn của bản thể, cho đến mực không toát lấy được một giọt mồ hôi. Trên gạch nung, rêu chết dần. Không một chút bịn rịn với hoang tàn nhón nở mãi lên. Bụi cát không tích tắc nào nghỉ bay. Trung mắt quanh mình, trời đất quấy tro nóng. Áp lực không khí đè mình xuống, cầu nghẹt cuống hô hấp. Khí trời ong ồng, khí người ráo kiệt. Chao ôi còn thứ giống đực giống cái nào dám nghĩ đến nhau lúc gió Lào đang về này! Tiếng thương nhau mà kêu lên bây giờ chỉ là một giọng khản cổ đầy ra khỏi hầu rất khó mà qua được cổ họng. Thật chỉ là một nỗi khát nước

vô cùng tận. Nói thêm về cái buồn rợn của gió đang cấp bức lên đường, đang chui bừa qua những dãy phố gạch không một cái nào còn cửa mà ngăn mà đóng, một anh bạn diễn viên kể lại rằng thường niên trong vùng Quảng Trị, xưa kia có những người mẹ hề thấy gió Lào nổi về là ôm chầm lấy con mình mà khóc, khóc như con chết, khóc như gào thét với gió độc. Gió từ nẻo lưng đèo ủa về đưa tiếng khóc đàn bà qua những cồn cát trắng, trắng đến mức ngao ngán, qua những rú truông cằn trên đó còn phát phơ cái ú ớ mê tín ma Hời. Nay ở đây, gió Lào rên ngàn (?) thêm nữa cái đau thương của chiêm đông quần quai trong hăm hiếp bắn chém. Ôi gió Lào ơi, tôi muốn đưa cả cho gió những ngày đầy hẹn ước của đời tôi, để gió đừng rên kêu trong một buổi, chỉ một buổi thôi! Tôi quăng hết quần áo, nằm đờ trên đất. Chập chờn, gió Lào thổi cả vào giấc mộng khô ướn đã mấy lần mờ hôi. Tôi chồm đứng dậy, muốn phá trùng vây của lưới lửa. Gió phả cát rang vào khắp da tôi, gió Lào lại ủa thốc cả một khối lửa lên lưng lên mặt và dội vào gáy. Tôi muốn ôm lấy đầu tôi, nhưng lớp tóc dài khô cứng chồm dựng như bàn chải lông thép đặt ngửa. Tôi tìm chỗ trốn, tôi chạy đi trốn vào những nơi có nước. Trông cái thành cổ bị phá bóc hết gạch, tường đất nứt như đê sạt, tôi thấy cái hào cạn mà đâm sợ. Lòng hào nẻ ra tựa mặt ruộng cừ hạn. Dưới ba thước ta, còn đào thấy cá rô chết khô. Ý niệm của tôi về thiên đường lúc này là một lỗ giếng đào. Tôi chạy vụt sang cái giếng láng giếng, cả người chỉ còn một mảnh khố vải tắm. Tôi chạy trong phố như là vẫn chạy trên bãi bể ngày xưa. Thông trường Quốc học cũ rên rĩ dưới gió Lào. Tôi múc nhanh gầu nước. Nhưng gầu nào cũng có kiến. Kiến trốn nắng, đào tổ tìm mát trong lòng đất, đã đi nhầm vào dòng mạch nước ngầm và lênh bênh ừa trôi ra kẽ hốc giếng đào. Chạy sang cái giếng khác thì nước vàng sặc tanh một mùi gi sắt chảy theo mép gầu, nước chát xít một vị nhựa cây. Tôi chạy về nhà, chưa chi mà khô đã ráo, tóc lại bộp như bàn chải. Một vài anh em đang trùm chần lên con cách nhật. Thấy người nằm run dưới lớp chăn đắp, tôi cũng muốn bệnh cũ trong người tái phát lại. Tôi muốn viết một bức thư gửi về Bắc. Cây bút máy mới đi xin mực, ruột ống mực đã ráo cạn. Lòng nhớ cũ muốn vợi rõ mà cái nước mắt hời kê chốc lát gió Lào đã chui ráo ngay cho rồi. Một đợt gió vấp qua nhiều hồi tường khềnh sút so le.

Tàu bay ù ù trên đầu. Trống báo động nhen thêm bầu khí nức. Trống đồ gần quá. Đây là trống của bốp Công an, bàn giấy đặt ngay trên cái toa xe lửa ngoài kia, ở một đầu toa thông xuống chiếc trống cái son son. Thì gió Lào lại cười lên tiếng trống báo động, hấp tấp lên đường. Cây lớn cây nhỏ đổ vẹo về một hướng, tiễn đưa gió Lào, chần cả ra bể. Cổ thụ lá to lá tròn, hay cây mới lớn lên lá mảnh lá dài cây nào cũng thành ra phong cầm của gió Lào, vì vu một trời dương liễu, reo như giữa cát bờ. Bên trường Quốc học chỉ còn có móng chân tường, hoa phượng đỏ rực những vụ nghỉ hè xưa đang nhỏ nhiều giọt huyết. Cái chói gắt của bầu khí lam trong nỏ làm bật nảy lên cái tươi gắt của cánh phượng tuôn chảy trong vòng lửa lựu. Lam gắt và hồng rực bỏ túc lẫn cho nhau trong chói lòa. Người ta mù quáng vì ánh sáng màu sắc mùa nghiệt đang được âm gió Lào dần mãi lên và phổ rộng mãi đi. Cánh phượng chưa lìa hẳn cành mẹ mà đã khô rồi. Gió Lào gạt những son khô quắt vào bên lối nhựa, vào góc sân bộn, tiếng ròn tan như một chập hết năm lửa vỏ hạt dẻ rang. Một đàn hươu trắng xập xòe trên cái tang chói thắm của son phượng (?). Không rõ từ đâu hiện ra cánh bướm do dự trên đầu mình, bay không mỗi và cả đàn lấp lánh bóng loáng giống hệt những mảnh đuy-ra phi cơ. Đàn bướm dò dẫm đặt chân lên lưng gió Lào. Nhưng gió tron và lấn mạnh quá, đàn bướm trắng liền nhào vào một toa xe lửa chỉ còn vền vền có khung hoa sắt nằm tênh hênh bên đồng đá trước kia thuộc đường thiết lộ. Toa xe giống hệt một cái nhà táng lớn khung nan bằng loại kim chưa phát giấy mã. Không, cái toa hồng ấy là một con cá nhà táng, ai đã khéo gỡ hết thịt, cả bộ xương còn lại không gãy lệch một cái nào. Đàn bướm trắng luồn uồn trong bụng cá nhấp nhánh mở khép như ma trôi giữa ban ngày thăm thăm gió nắng. Hội bướm đã bị gió Lào đốt chết gần hết. Cứ bay như thế mà chết khô dần. Rụng từ giữa trời xuống nền đá củ đậu đường xe lửa. Hình như ai giận dữ gì đem xé ngẫu nhiên một tấm thư giấy trắng nào mà ném vút ra bấy nhiêu mảnh nhỏ vụn rải rác. Cánh bướm bệch nằm thờ trên cánh phượng tía nẫu.

Mép những con đường chính bị xẻ sâu xuống thành giao thông hào, trong đó sót lại những đoạn ống gang dẫn nước sắc súa

mùi hóa chất thuốc lọc nước bốc mùi tanh-ki-dốt bệnh viện. Bên những giao thông hào ngẫu nhiên này, nhiều cột bê-tông gãy gục gập đầu xuống. Bãi rộng ngã ba ngã tư phố, nhiều chỗ mọc ngược lên những tà-vẹt sắt hỏa xa nó là trụ cột của hầm tác chiến nay mai. Cái máy nước vô duyên vòi đã khô gì biến thành cái giá gác xe đạp của anh em công binh đang triệt hạ những nhà to gần đây. Chuột rủ nhau từng đôi một bò qua phố, liên lạc bên này phố khênh vớ dây đôi diện lồi lõm so le. Nhiều mảnh tường chính diện bơ vơ trên gạch gỗ rời rưng, đã trở nên những hộp thư đáng nhớ đáng yêu. Thư viết bằng than đen, gạch đỏ, phấn trắng. Có nơi ghi: “Nhà này tự ý phá lấy”. Nét chữ đá thảo đã nói được lên cái hãnh diện của người tự tay mình hủy cơ nghiệp mình mà đi ra rất gọn. Cái dòng chữ này riêng tôi còn thấy cảm động hơn nhiều khẩu hiệu địch vận chỉ chít trên tường lở. Tôi đi sâu mãi vào khu phố. Tỉnh không còn có lấy một cánh cửa sổ gỗ sơn nào cho gió Lào đưa đẩy trên cái hoang dại liên tiếp cho nó đỡ buồn tay. Gió Lào làm cho nhiều bóng râm cây bên đường hóa ra thừa. Mãi đến chiều tối chuông Chùa Diệc thu không vẫn chẳng tắt nổi nắng cháy và gió lửa của một ngày. Cái bể nước hình tròn nhà ga Vinh bằng bê-tông cốt sắt chênh vênh đã lia rơi cạnh xưởng ga hoàng hôn, trông xa giống hệt một khối thực phẩm đóng hộp.

Gió Lào về chiều, về tối càng thổi thốc lửa lên những ngôi sao đúng hẹn. Tôi thêm thiếp lấy từng súc vải ka-ki bài trí làm gối kê đầu nặng. Gió Lào cứ thế này mà thổi đều thì đến nghỉ lưu động mất. Mỗi tấm cánh gà vải căng này gặp gió Lào lên một cánh buồm bị dòn ra khơi đây. Đèn lửa nào, âm nhạc nào, tiếng nói vở kịch nào chống lại được với thử thách (...)

Khu IV

Hè năm 1947

